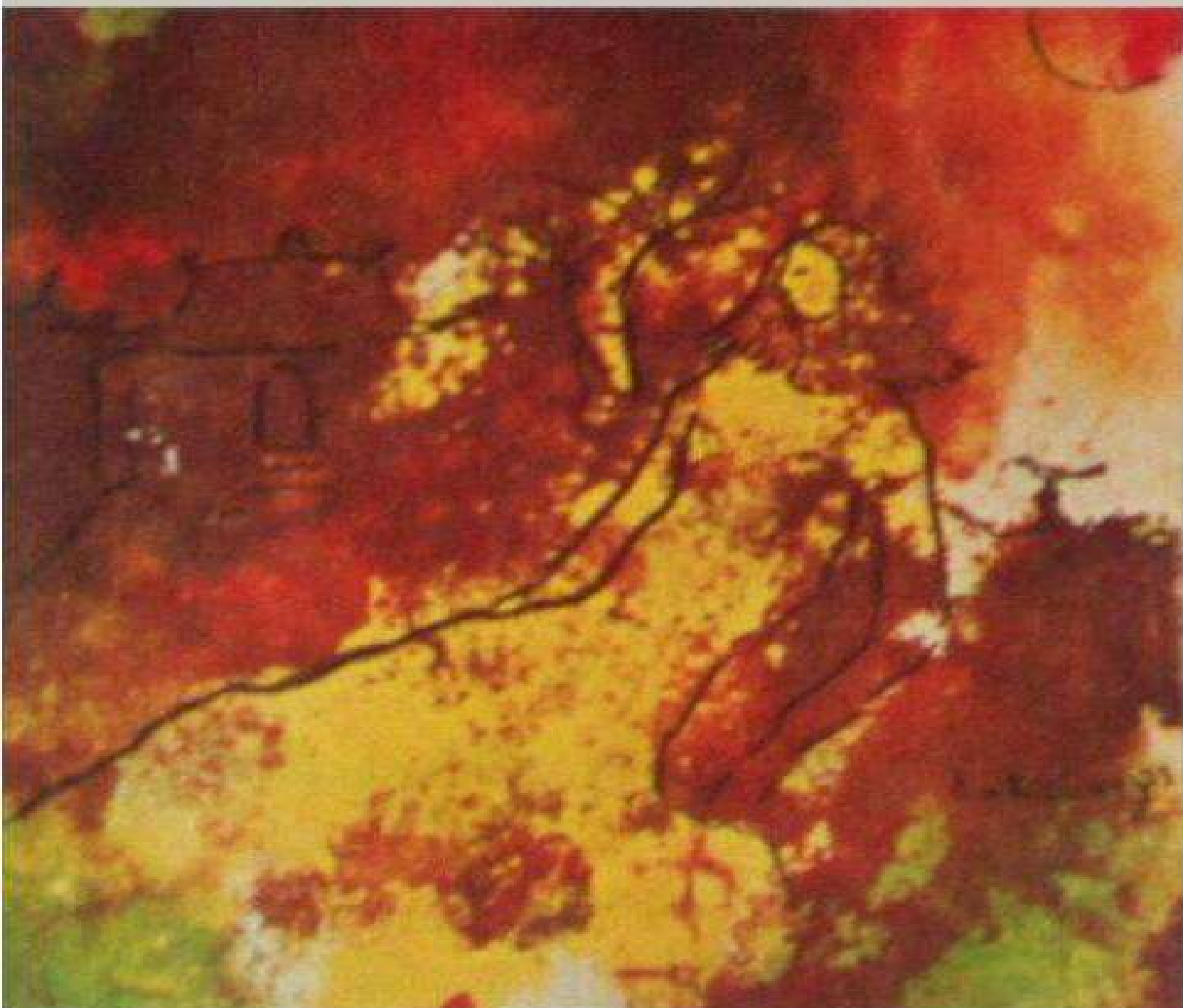


WILLIAM SOMERSET MAUGHAM

CÔ GÁI BẤT KHUẤT



Nhà xuất bản Văn Nghệ 1995

CÔ GÁI BẮT KHUẤT

★ ★ ★

Tác giả: Somerset Maugham

Dịch giả: Nguyễn Tất Thành,
Prusten, Võ Đình Cường

Nhà xuất bản Văn Nghệ 1995

Thể loại: Tập truyện ngắn

Nguồn: Sưu tầm

Biên tập: V.C

Tạo ebook: inno14

TÁC GIẢ



William Somerset Maugham (1874–1965) là nhà viết kịch, viết tiểu thuyết, viết truyện ngắn người Anh. Đây là một trong vài tác giả danh tiếng nhất trong thập niên 1930 và còn là nhà văn được trả tiền tác quyền cao nhất.

1. Cuộc Đời

W. Somerset Maugham chào đời vào ngày 25/11/1874 tại thành phố Paris, nước Pháp, và qua đời ngày 16/12/1965 tại tỉnh Nice, nước Pháp.

Cha của William là ông Robert Ormond Maugham, một luật sư lo các công việc pháp lý tại Tòa Đại Sứ Anh ở thành phố Paris. Vì luật lệ của nước Pháp quy định rằng các trẻ em sinh ra trên đất Pháp sẽ bị gọi vào quân đội, nên ông Robert Ormond đã xếp đặt để cậu bé William chào đời bên trong Tòa Đại Sứ Anh, như vậy cậu bé này được coi như sinh đẻ trên đất Anh và sẽ không bị động viên vào các cuộc chiến tranh tương lai của nước Pháp.

Ông nội của cậu William, hay Willie là tên gọi thân mật lúc còn nhỏ, cũng có tên là Robert, là một luật sư xuất sắc và cũng là người sáng lập nên Hội Luật Anh Quốc (The English Law Society). William Somerset Maugham còn có một người anh lớn tên là Frederick Herbert Maugham, cũng theo ngành luật pháp và về sau đã trở nên Thủ Tướng (Lord Chancellor) của nước Anh trong 2 năm 1938-39. Như vậy với truyền thống gia đình danh tiếng này, người ta tin rằng cậu Willie sẽ nối tiếp con đường của cha anh để lại.

Bà mẹ của cậu Willie tên là Edith Mary, đã mắc bệnh lao phổi, vào thời bấy giờ, các bác sĩ đã tin rằng việc sinh con có thể chữa được bệnh này. Vì vậy mặc dù cậu Willie đã có 3 người anh khá lớn tuổi và khi cậu Willie lên 3, bà mẹ của cậu sinh thêm một đứa con nữa. Việc sinh con này đã không chữa được bệnh phổi và bà Edith Mary Maugham đã qua đời ở tuổi 41, 6 ngày sau khi sinh đứa con trai cuối cùng và đứa bé này cũng chết ngay khi lọt lòng mẹ. Sự qua đời của bà mẹ đã khiến cho cậu Willie rất đau buồn trong suốt cuộc đời và cậu đã đặt tấm ảnh của bà mẹ bên cạnh giường ngủ của mình cho tới ngày cuối của đời mình.

Hai năm sau đó, cha của cậu Willie cũng qua đời rồi cậu bé này được gửi về nước Anh để cho ông bác chăm sóc. Ông bác Henry MacDonald Maugham là vị mục sư tại Whitestable, trong hạt Kent, là một người lạnh lùng và tàn nhẫn về mặt tình cảm. Cậu Willie được gửi theo học nội trú trong trường King (the King's School) thuộc hạt Canterbury, đây cũng là một nơi cực

khổ đối với Willie bởi vì cậu bị các bạn bè chế riễu do vóc người thấp lùn, một nét di truyền từ người cha, và do kém tiếng Anh bởi vì tiếng Pháp là ngôn ngữ đầu tiên. Cũng vào thời kỳ này, Willie bắt đầu nói cà lăm (nói lắp), khuyết tật này không thường xuyên mà tùy theo hoàn cảnh, theo trạng thái tâm hồn.

Cuộc sống của Willie trong giáo khu của ông bác đã dạy cho cậu phải kiềm chế mọi cảm xúc, không được bộc lộ sự nóng giận cũng như khi gặp gỡ các bạn bè khác phải hạn chế biểu lộ các tình cảm, trong khi đó Willie là một con người rất tò mò, nhưng đã phải giữ yên lặng, phải sống trong cảnh riêng tư. Kết quả là Willie cảm thấy rất đau khổ ở nhà cũng như ở trường, và đã khiến cho sau này, nhà văn Maugham phản ánh các vết thương tình cảm qua các nhân vật bên trong nhiều tác phẩm của mình.

Vào tuổi 16, Somerset Maugham không muốn theo học trường King nữa nên được ông bác cho phép đi du lịch qua nước Đức, tại đây William theo học tiếng Đức, học văn chương và triết học tại trường đại học Heidelberg. Vào giai đoạn này, Somerset Maugham khám phá thấy mình thuộc về loại người đồng tính luyến ái (homosexual) cho nên càng trở nên lo lắng và rồi tìm cách ẩn mình, ít tiếp xúc với xã hội chung quanh.

Khi trở về nước Anh, Somerset Maugham được ông bác kiếm cho công việc làm trong một văn phòng kế toán nhưng sau một tháng, William đã bỏ cuộc, sự việc này khiến cho ông bác rất bất bình. Ông bác này muốn Somerset Maugham theo lối đi của cha và ba người anh, họ đều là các luật sư xuất sắc trong khi đó nghề mục sư cũng không thích hợp với William bởi vì chàng nói cà lăm. Cuối cùng, một bác sĩ địa phương đã khuyên ông bác cho Somerset Maugham theo học nghề y khoa trong khi mà William thực sự muốn theo nghề viết văn. Cuối cùng William Somerset Maugham đành phải tới thành phố London để theo nghề y khoa tại trường St. Thomas trong 5 năm.

Nhiều người cho rằng theo học ngành y khoa sẽ tiêu hủy tinh thần sáng tác văn chương nhưng trái lại, Somerset Maugham đã cảm thấy vui vẻ khi sinh sống tại thành phố London sống động, khi gặp các người thuộc giai cấp thấp, khi thấy họ ở trong các hoàn cảnh lo lắng và William đã nhận thấy ý nghĩa của đời sống của họ. Somerset Maugham đã hồi tưởng khi còn là một sinh viên y khoa: "Tôi đã nhìn thấy người ta qua đời như thế nào. Tôi đã nhìn thấy họ phải chịu đau khổ ra sao. Tôi đã chứng kiến cảnh hy vọng ra sao, sợ hãi ra sao, xoa dịu ra sao".

Somerset Maugham đã ghi vào các sổ tay các suy nghĩ của mình trước các hoàn cảnh của con người trong khi đang theo học để dành lấy mảnh bằng. Kết quả là cuốn truyện đầu tiên đã ra đời: "Lisa của miền Lambeth" (Lisa of Lambeth, 1897). Đây là tác phẩm thứ hai của Somerset Maugham, viết về giới lao động khi ông là một sinh viên y khoa 22 tuổi, lo công việc đỡ đở tại khu vực Lambeth nghèo nàn của thành phố London.

Cuốn truyện này được nhiều người đón đọc, kể cả các người điếm sách rồi trong vòng vài tuần lễ, tác phẩm thuộc đợt in đầu tiên đã được bán hết. Sự việc này khiến cho Somerset Maugham yên tâm để từ bỏ ngành y khoa mà bước vào ngành viết văn, và ông đã nói khi mới bước vào nghề mới này như sau: "Tôi bước vào nghề này như một con vịt bước xuống nước".

Nghề viết văn khiến cho Somerset Maugham phải đi và sống tại nhiều nơi, như tới xứ Tây Ban Nha hay hòn đảo Capri, nhưng sau 10 tác phẩm được xuất bản, Somerset Maugham đã không đạt được thành công như cuốn truyện "Lisa của Lambeth".

Tới năm 1907, Somerset Maugham lại thành công với vở kịch "Bà Frederick" (Lady Frederick), rồi qua năm sau, ông có 4 vở kịch được trình diễn tại London và kết quả kể trên khiến cho tạp chí Punch đã phổ biến một tranh vui, vẽ hình Đại Văn Hào Shakespeare phải "cắn móng tay" khi nhìn vào các tấm bảng quảng cáo các vở kịch của Somerset Maugham.

Vào năm 1910, Somerset Maugham nổi tiếng do 10 vở kịch và 10 cuốn tiểu thuyết. Bởi vì tuổi cao hơn tuổi đồng viên nên không thể gia nhập quân đội khi Thế Chiến Thứ Nhất bùng nổ, Somerset Maugham đã qua đất Pháp, gia nhập Hồng Thập Tự Anh và phục vụ trong "Nhóm tài xế văn chương chạy xe cứu thương" (Literary Ambulance Drivers), nhóm này gồm 23 nhà văn danh tiếng như Ernest Hemingway, John Dos Passos, E.E. Cummings...

Trong thời gian phục vụ cho công tác Hồng Thập Tự này, Somerset Maugham đã gặp Frederick Gerald Haxton, một người trẻ từ thành phố San Francisco, anh này trở nên một người bạn đồng hành và một "người yêu" (lover) của Somerset Maugham cho đến khi Haxton qua đời vào năm 1944. Nói rằng Haxton là người yêu bởi vì Somerset Maugham là một con người lưỡng tính (bisexual).

Chính trong giai đoạn này và ở vào lúc không bận công tác xe cứu thương, Somerset Maugham đã viết và đọc lại bản thảo của cuốn "Về Cảnh Nô Lệ của Con Người" (Of Human Bondage, 1915) tại một địa điểm gần Dunkirk.

Các nhà phê bình văn học đã mô tả tác phẩm "Về Cảnh Nô Lệ của Con Người" là một trong các tiểu thuyết quan trọng nhất của thế kỷ 20. Cuốn truyện này giống như cuốn tự thuật của tác giả trong đó nhân vật Phillip Cary là một bác sĩ, có tật nói cà lăm, và mục sư của miền Whitestable trở thành mục sư của miền Blackstable. Sự hiện diện chặt chẽ giữa hư cấu và không hư cấu đã trở nên một nét đặc thù của Somerset Maugham, rồi về sau, vào năm 1938, ông đã viết rằng: "Sự kiện hiện thực và hư cấu đã được trộn lẫn trong các tác phẩm của tôi và khi đọc lại, tôi không còn phân biệt được thứ nọ với thứ kia".

Vào khoảng năm 1914, Somerset Maugham đã tư tình với bà Gwendoline Maud Syrie Barnado, vợ của một nhà tài phiệt về thuốc tây, là ông Henry Welcome, sinh ra đứa bé gái đặt tên là

Elizabeth Liza Mary Maugham (1915-1998). Chồng của bà Syrie vì vậy đã nộp đơn xin ly dị bà vợ này. Tới tháng 5/1916, Somerset Maugham và bà Syrie lập hôn thú với nhau. Khi Somerset Maugham đã trở về nước Anh và không thể phục vụ trong đội quân xe cứu thương, bà vợ Syrie đã dàn xếp để Somerset Maugham gặp một nhân viên tình báo cao cấp của chính quyền Anh, bí danh là "R", rồi tới tháng 9/1915, Somerset Maugham qua Thụy Sĩ, hoạt động như một nhà văn nhưng bí mật thu lượm các tin tức tình báo. Somerset Maugham là một con người yên lặng và giỏi quan sát nên có đủ đức tính của một nhân viên tình báo. Ông tin rằng mình đã thừa hưởng được các đặc tính này từ người cha, nhờ vậy, ông biết suy xét rõ ràng và không để ai lường gạt vì vẻ bên ngoài.

Năm 1916, Somerset Maugham đã du lịch trong vùng Thái Bình Dương, tìm kiếm tài liệu và khởi đầu viết cuốn tiểu thuyết "Mặt Trăng và 6 Xu" (The Moon and Sixpence) căn cứ vào cuộc đời của họa sĩ Paul Gauguin. Đây là lần đầu tiên đi thật xa, để sau này, trong thập niên 1920 và 1930, nhà văn này đã tới thăm viếng thế giới của các miền đất thuộc địa như Ấn Độ, Đông Nam Á, Trung Hoa và các hải đảo Thái Bình Dương. Trong các lần đi xa này, Somerset Maugham đều có anh chàng Haxton đi kèm, bởi vì nhà văn là một người e thẹn trong khi Haxton là con người tâm hướng ngoại (extrovert), dễ dàng thu nhận các tài liệu hay dữ kiện về con người địa phương để cho nhà văn Somerset Maugham chuyển thành các cuốn tiểu thuyết.

Vào tháng 6 năm 1917, Sir William Wiseman, người đứng đầu Cơ Quan Tình Báo Anh Quốc (The British Secret Intelligence Service, sau này được đặt tên là MI6) đã gặp Somerset Maugham và yêu cầu nhà văn sang nước Nga để lãnh một nhiệm vụ đặc biệt, đó là làm sao giúp cho các đảng viên Mensheviks nắm chính quyền và nước Nga sẽ ở trong tình trạng chiến tranh. Hai tháng rưỡi sau, nhóm Bolsheviks đã thắng thế

và công tác của Somerset Maugham coi như không thực hiện được dù cho nhà văn này đã nói rằng nếu ông qua nước Nga sớm hơn 6 tháng thì có lẽ ông đã thành công. Nhờ các kinh nghiệm về tình báo, Somerset Maugham đã không để mất cơ hội chuyển các điều hiểu biết về do thám này thành một loạt các truyện ngắn với nhân vật gián điệp là Ashenden, một người lịch sự, hoàn hảo và tháo vát. Các truyện Ashenden (Ashenden stories) của Somerset Maugham về sau trở nên căn bản cho cuốn phim hồi hộp "Nhân Viên Mật Vụ" (The Secret Agent) của Alfred Hitchcock. Cách viết truyện phản gián của Somerset Maugham cũng ảnh hưởng tới nhà văn Ian Fleming với viên gián điệp danh tiếng James Bond.

Năm 1922, Somerset Maugham đã đề tặng cuốn truyện ngắn "Về bức màn Trung Hoa" (On a Chinese Screen, 1923) cho bà Syrie nhưng rồi cặp vợ chồng này đã ly dị nhau vào năm 1927 bởi vì bà vợ Syrie đã quá ghen tức do ông chồng Somerset thường hay đi du lịch vắng nhà và liên hệ với anh chàng Haxton.

Vào năm 1928, Somerset Maugham đã mua Biệt Thự Mauresque nằm trên mảnh đất rộng 12 mẫu tại Cap Ferrat thuộc vùng biển danh tiếng Riviera của nước Pháp. Đây là tòa nhà nghỉ ngơi của nhà văn này trong các năm cuối đời và cũng là một trong các địa điểm tụ họp lớn của giới Văn Chương và Xã Hội trong các thập niên 1920 và 1930. Các vị khách được mời tới Biệt Thự Mauresque là những nhân vật như Winston Churchill, Garson Kanin, Ian Fleming, Evelyn Waugh, Cecil Beaton, Rudyard Kipling và Rebecca West... Cũng tại nơi này, sức sáng tác phong phú của Somerset Maugham tiếp tục được duy trì, ông đã viết ra các vở kịch, truyện ngắn, tiểu thuyết, các bài bình luận và các sách du lịch. Trong thập niên 1930, danh tiếng của Somerset Maugham tại châu Âu còn lớn lao hơn tại nước Anh, là quê hương của ông. Tới năm 1940 khi Thế Chiến

Thứ Hai lan tới miền Nam của nước Pháp và khi chính phủ Pháp đầu hàng quân Đức Quốc Xã, Somerset Maugham phải rời khỏi miền Riviera để đi lánh nạn qua Hoa Kỳ, ông trở thành một người tị nạn rất giàu có và cũng là người giàu nhất trong số các nhà văn danh tiếng viết tiếng Anh.

Khi Thế Chiến Thứ Hai diễn ra, Somerset Maugham ở tuổi 60, đã sống phần lớn thời gian tại Hollywood để viết nhiều kịch bản phim (scripts), nên ông cũng là một trong các tác giả kiếm được nhiều tiền nhất do công việc chuyển các cuốn tiểu thuyết danh tiếng sang các cốt truyện phim. Trong khi sinh sống tại Hoa Kỳ vào thời kỳ này, chính quyền nước Anh đã yêu cầu ông viết ra và đọc các bài diễn thuyết ái quốc để cổ động Hoa Kỳ giúp đỡ nước Anh đồng thời cũng là một nước đồng minh tham chiến.

Năm 1944, Gerald Haxton qua đời nên Somerset Maugham di chuyển về nước Anh rồi tới năm 1946, ông dọn nhà, trở về Biệt Thự Mauresque tại miền Nam của nước Pháp và sống cho tới ngày cuối đời. Sự vắng bóng anh chàng Haxton đã khiến Somerset Maugham thay thế bằng Alan Searle. Ông đã gặp anh chàng này vào năm 1928. Searle là một người trẻ tuổi, xuất thân từ khu vực nghèo khó Bermondsey của thành phố London và đã từng sinh sống với các người đồng tính luyến ái (homosexuals) lớn tuổi hơn. Searle cũng là một người tận tụy với Somerset Maugham và còn là một người bạn đồng hành khích lệ của nhà văn này.

Vào các năm cuối đời, Somerset Maugham đã phạm nhiều lỗi lầm căn bản trong cách phán xét nên đã gây ra nhiều tiếng xấu và vì vậy có người cho rằng ông đã đi dần tới tình trạng mất trí nhớ (dementia), trái hẳn với thời kỳ ông còn trai trẻ, là người quá khôn ngoan và lịch thiệp. Một trong các vụ tai tiếng là những lời chê trách bà vợ Syrie đã quá vãng, trong tác phẩm hồi ký "Nhìn Lại" (Looking Back) của ông, viết vào năm 1962. Cũng vào các năm này, Somerset Maugham chấp nhận anh chàng

Alan Searle làm con nuôi để thừa hưởng tài sản để lại, sự việc này đã bị cô con gái Liza và chồng là Lord Glendevon đưa ra tranh tụng trước công lý và khiến cho nhà văn danh tiếng Somerset Maugham bị nhiều người chê cười.

2. Vài Nhận Xét

Somerset Maugham là nhà văn rất thành công về phương diện thương mại nhờ số sách truyện bán được rất cao, nhờ viết ra các vở kịch thành công, nhờ một loạt các kịch bản phim hấp dẫn, nhờ cách đầu tư tinh khôn vào thị trường chứng khoán, tất cả đã khiến cho nhà văn này sống một cuộc đời rất tiện nghi và đầy đủ.

Khi còn nhỏ tuổi, Somerset Maugham là một người yếu đuối và không cao lớn, nhưng ông đã chịu đựng bền bỉ để viết ra rất nhiều cuốn truyện hay mà tác giả rất hãnh diện. Thế nhưng, mặc dù các thành công về thương mại, Somerset Maugham đã không được giới phê bình văn học và các nhà văn bạn kính trọng bởi vì đã có lần tác giả này thú nhận rằng trong văn chương của ông thiếu đi "phẩm chất trữ tình" (lyrical quality), số từ vựng trong các tác phẩm không dồi dào và ông không có tài khi dùng các "ẩn dụ" (metaphor).

Tuy nhiên, có vẻ như nhà văn Somerset Maugham bị đánh giá quá thấp bởi vì ông đã viết văn theo thể trực tiếp (a direct style). Khi đọc một cuốn sách, một cuốn truyện của Somerset Maugham, độc giả không cần tới các nhà phê bình (critics) cắt nghĩa về nội dung, về cách diễn tả... Somerset Maugham đã suy nghĩ minh bạch, viết ra rõ ràng, diễn tả các quan niệm hay ý tưởng đôi khi yếm thế, chua chát bằng các lời văn đẹp đẽ, văn minh. Cách duy trì cốt truyện (plot) của Somerset Maugham rất khéo léo khiến cho các nhà phê bình văn học đã so sánh ông với Guy de Maupassant, là nhà văn danh tiếng người Pháp. Ông đã viết văn vào thời kỳ mà các nhà văn thực nghiệm mới

(experimental modernists) như William Faulkner, Thomas Mann, James Joyce và Virginia Woolf đang được đại chúng chú ý và được các nhà phê bình văn học ca ngợi.

Khi viết ra các tiểu thuyết hư cấu, Somerset Maugham có khuynh hướng đồng tính luyến ái (homosexual), đã mô tả các người đàn bà hấp dẫn như các đối thủ tình dục (sexual rivals) theo một cách khác biệt với các tác giả danh tiếng đương thời. Các người đàn bà trong các tác phẩm như "Liza của Lambeth" (Liza of Lambeth), "Bánh Ngọt và Rượu Bia" (Cakes and Ale), "Cạnh sắc của dao cạo" (The Razor's Edge)... là những người thích thú tình dục mà không quan tâm tới kết quả.

Sự mô tả về thích thú tình dục (sexual appetites) của Somerset Maugham đã không được các địa phương mà ông từng đi qua du lịch chấp nhận, bởi vì ông đã không lên án các thói xấu của những nhân vật mô tả trong các vở kịch hay các tiểu thuyết hư cấu. Vào năm 1938, Somerset Maugham đã có lần thú nhận rằng "lỗi tại tôi, bởi vì tôi đã không bị xúc động bởi các tội lỗi của họ trừ khi họ ảnh hưởng tới cá nhân tôi".

Nhiều người đồng ý rằng tác phẩm chính của Somerset Maugham là cuốn "Về Cảnh Nô Lệ của Con Người" (Of Human Bondage). Đây là cuốn tiểu thuyết tự thuật (an autobiographical novel) trong đó nhân vật chính Philip Carey có đời sống giống như tác giả, đã bị mồ côi và được một ông bác nhân từ nuôi dưỡng.

Các truyện ngắn được nhiều người đọc ghi nhớ nhất là về đời sống cô đơn của các người thuộc địa phương tây (Western colonists), phần lớn là người Anh, tại vùng Viễn Đông và các truyện tiêu biểu gồm "Mưa" (Rain), "Vết Chân trong Rừng Nhiệt Đới" (Footprints in the Jungle) và "Nơi Tạm Cư" (The Outstation)...

Somerset Maugham đã nói rằng nhiều truyện ngắn của ông là do ông được nghe kể lại trong các chuyến đi du lịch, trong các

vùng ngoại vi của Đế Quốc Anh. Là một trong các nhà văn viết về du lịch quan trọng nhất trong các năm giữa hai cuộc Thế Chiến, ông đã sáng tác nhiều truyện liên quan tới các hành trình qua các xứ Miến Điện, Thái Lan, Cam Bốt, Việt Nam, Trung Hoa...

Somerset Maugham là nhịp cầu nối các nhà văn thuộc trường phái cổ điển, truyền thống, như Christopher Marlowe, Ben Johnson và Daniel Defoe, với các nhà văn hiện đại như Graham Greene, John Le Carré, John Dickson Carr, Alec Waugh và Ted Allbeury.

Vào năm 1947, Somerset lập ra Giải Thưởng Somerset Maugham (the Somerset Maugham Award) để trao tặng cho nhà văn gốc Anh nào dưới 35 tuổi có truyện xuất bản vào năm vừa qua. Các người lãnh giải danh tiếng gồm Kingsley Amis và Thom Gunn.

Trước khi qua đời vào ngày 16/12/1965 tại Nice, nước Pháp, nhà văn Somerset Maugham đã ủy tặng các tác quyền cho Quỹ Văn Học Hoàng Gia (The Royal Literary Fund).

Một số ít nhà văn sau này đã ca ngợi Somerset Maugham, gồm có Anthony Burgess, là người đã mô tả chân dung hư cấu của Somerset Maugham trong cuốn tiểu thuyết "Các Sức Mạnh Trần Thế" (Earthly Powers) và nhà văn George Orwell cũng xác nhận rằng lối hành văn của ông chịu ảnh hưởng của Somerset Maugham.

3. Tác Phẩm

- Lisa của miền Lambeth (Liza of Lambeth, 1897).
- Định Hướng (Orientations, 1899).
- Bà Craddock (Mrs. Craddock, 1902).
- Một người đàn ông danh dự (A Man of Honour, 1903).
- Áo phủ ngoài của ông Giám Mục (The Bishop's Apron, 1906).
- Người làm trò quỷ thuật (The Magician, 1908).

- Penelope, 1909.
- Bà Frederick (Lady Frederick, 1912).
- Jack Straw, 1912.
- Bà Dot (Mrs. Dot, 1912).
- Về Cảnh Nô Lệ của Con Người (Of Human Bondage, 1915), quay thành phim năm 1934: đạo diễn John Cromwell, năm 1946: đạo diễn Edmund Goldig, năm 1964: đạo diễn Henry Hathaway, Ken Hughes.
- Mặt Trăng và Sáu Xu (The Moon and Sixpence, 1919), quay thành phim năm 1943: đạo diễn Albert Lewin.
- Vòng Tròn (The Circle, 1921), quay thành phim năm 1925: đạo diễn Frank Borzage.
- Sadie Thompson, 1921, quay thành phim năm 1928: đạo diễn Raoul Walsh, tài tử Gloria Swanson, Lionel Barrymore; Sade/ Miss Sadie Thompson, 1953), đạo diễn Curtis Bernhardt, tài tử Rita Hayworth và Mel Ferrer.
- Rung rinh cành lá (The Trembling of a Leaf, 1921).
- Phía đông của Kênh Suez (East of Suez, 1922), quay thành phim năm 1925, đạo diễn Raoul Walsh.
- Trên bức màn Trung Hoa (On Chinese Screen, 1922).
- Our Better, 1923, quay thành phim năm 1933, đạo diễn George Cukor.
- Bức màn có vẽ hình (The Painted Veil, 1925), quay thành phim năm 1934, đạo diễn Richard Boleslawski.
- Người vợ không dối (The Constant Wife, 1925).
- Cây Casuarina (The Casuarina Tree, 1926).
- Bức Thư (The Letter, 1927), quay thành phim năm 1940, đạo diễn William Wyler.
- Ngọn Lửa Thiêng (The Sacred Flame, 1928), quay thành phim Quyền Sống (The Right to Live) năm 1935, đạo diễn William Keighley.

•Ashenden, 1928, quay thành phim Nhân Viên Mật Vụ (Secret Agen) năm 1936, đạo diễn Alfred Hitchcock, tài tử John Gielgud, Madeleine Carroll, Peter Lorre, Robert Young, Percy Marmont.

•Kẻ Kiếm Sống (The Breadwinner, 1930).

•Bánh Ngọt và Rượu Bia (Cakes and ale, 1930).

•Người đầu tiên số ít (First Person Singular, 1931).

•Mưa (Rain, 1932), đạo diễn Lewis Milestone, tài tử Joan Crawford, Walter Huston.

•Sưu tập các vở kịch (Collected Plays, 1931-34).

•Góc Hẹp (The Narrow Corner, 1932).

•Về Dịch Vụ Thuê (For Services Rented, 1932).

•Sưu tập các vở kịch (Collected Plays, 1933).

•Sheppey, 1933.

•Ah King, 1933.

•Thế Giới (Cosmopolitans, 1936).

•Rạp Hát (The Theatre, 1937), quay thành phim năm 2004, đạo diễn Istvan Szabo, tài tử Annette Bening, Jeremy Irons, Shaun Evans.

•Tóm Lược (The Summing Up, 1938).

•Ngày Nghỉ Giáng Sinh (Christmas Holiday, 1939), quay thành phim năm 1944, đạo diễn Robert Siodmark.

•Hợp Chất như trước kia (The Mixture as Before, 1940).

•Lên từ Biệt Thự (Up at the Villa, 1941), quay thành phim năm 2000, đạo diễn Philip Haas, tài tử Kristin Scott Thomas, Sean Penn.

•Hoàn toàn cá nhân (Strictly Personal, 1941).

•Giờ trước Rạng Đông (The Hour before the Dawn, 1942).

•Cạnh Sắc của Dao Cạo (The Razor's Edge, 1944), quay thành phim năm 1946: đạo diễn Edmund Goulding, năm 1948: đạo diễn John Byrum, tài tử Bill Murray, Theresa Russel và Denholm Elliott.

- Trước Kia và Ngày Nay (Then and Now, 1946).
- Sinh vật của hoàn cảnh (Creatures of Circumstances, 1947).
- Catalina, 1948.
- Sổ Ghi của Nhà Văn (A Writer's Notebook, 1949).
- Các Truyện Ngắn Toàn Tập (The Complete Short Stories, 1951).
- Tâm Trạng Lang Thang (The Vagrant Mood, 1952).
- Các Tiểu Thuyết Tuyển Chọn (Selected Novels, 1953).
- 10 Tiểu Thuyết và các Tác Giả (Ten Novels and Their Authors, 1954).
- Xa và Rộng (Far and Wide, 1955).
- Các Truyện Ngắn Hạng Nhất (Best Short Stories, 1957).
- Các Quan Điểm (Points of View, 1958).
- Nhìn Lại (Looking Back, 1962).
- 17 Truyện Thất Lạc (Seventeen Lost Stories, 1969).
- Người Lữ Khách (A Traveller in Romance, 1984).

★ ★ ★

CÔ GÁI BẮT KHUẤT

Thằng Hans trở vào nhà bếp. Ông già bị hấn đánh vẫn còn nằm trên nền nhà, mặt đầy máu me và đang rên siết. Bà già lưng tựa vào tường, đôi mắt kinh hãi, nhìn tròn trọc vào thằng Willi, bạn hấn. Thấy hấn trở vào, bà giật mình run cầm cập và khóc lớn, tức tưởi. Willi đang ngồi cạnh chiếc bàn, khẩu súng lục trong tay và ly rượu chát đã vơi quá nửa để bên cạnh. Thằng Hans đi thẳng đến trước chiếc bàn, rót một ly rượu đầy và nốc ực một cái hết sạch.

— Sao trông mày thiếu não thế? - Willi mỉm cười hỏi hấn.

Mặt thằng Hans dính đầy máu và người ta có thể thấy rõ những vết quào cấu của năm móng tay nhọn. Hấn đưa tay sờ nhẹ lên má, nói:

— Nó muốn quào nát mặt tao ra mày ơi! Con chó cái! Tao phải xúc tăng-ti-dót vào mới được. Nhưng bây giờ thì nó nằm yên rồi. Mày làm tiếp theo đi!

— Không biết có nên không? Chiều tối rồi chúng ta sẽ về trễ mất.

— Đừng có ngốc! Mày có phải là một thằng đàn ông không? Về trễ thì đã sao? Chúng ta đi lạc đường mà!

Trời hãy còn sáng. Ánh trời chiều xuyên qua cửa sổ nhà bếp của nông trại.

Willi do dự một lúc. Hấn, người nhỏ thó, mặt ồm và nước da ngâm đen, một họa sĩ vẽ kiểu áo trước khi vào quân đội Đức. Hấn không muốn thằng Hans cho hấn là đàn bà. Hấn đứng dậy đi ra phía cửa mà thằng Hans đã đi vào. Bà già, đoán biết ý định của hấn, thét lên và chồm dậy.

— Không được! Không được đâu! - Bà la lớn.

Hans bước một bước tới trước mặt bà già, nắm hai vai và xô mạnh ra phía sau. Bà già lão đảo và té xuống. Hấn nắm khẩu súng lục của thằng Willi, gầm gừ bằng tiếng Pháp với giọng Đức:

— Đứng yên cả hai người!

Hấn hét hàm ra phía cửa:

— Đi đi! Tao canh chừng bọn chúng cho mày.

Thằng Willi đi ra, nhưng một lát lại trở vào, nói:

— Con nhỏ bất tỉnh!

— Thì đã sao?

— Tao chịu thôi. Không tốt!

— Thật ngốc! Mày chính là vậy đó. Ein Weibeden. Đồ đàn bà!

Thằng Willi đỏ bừng mặt, nói:

— Chúng ta nên đi về cho rồi.

Thằng Hans nhún vai, vẻ khinh bỉ.

— Để tao làm nốt chai rượu chát này rồi cũng về.

Hấn nghe thư thái trong người, và nếu được thông dong ngơi nghỉ như thế này thì khoái lắm. Hấn đi công tác từ sáng sớm, và sau nhiều giờ ngồi trên chiếc xe máy dầu, chân tay hấn ê ẩm. Cũng may là hấn không còn phải đi xa nữa, chỉ đến Soissons thôi trong khoảng mười hay mười lăm cây số ngàn. Hấn tự hỏi không biết đêm nay hấn có được may mắn kiếm ra một cái giường ngủ không. Dĩ nhiên những sự việc vừa rồi sẽ không xảy ra nếu cái con thiếu nữ ấy không ngu ngốc đến thế!

Hấn và Willi, hai đứa đi lạc đường. Chúng đón một người nông phu đang làm ruộng để hỏi và lão ta đã chỉ bậy. Chúng đi vào một con đường song song ở bên cạnh, đến một nông trại, dừng lại để hỏi đường. Chúng hỏi một cách lễ phép, vì đã có lệnh là phải đối xử tử tế với dân chúng Pháp, khi họ tỏ ra đúng đắn, biết điều. Một cô gái ra mở cửa và nói cô không biết đường đến Soissons. Vì vậy, chúng đẩy cửa đi vào. Một bà già - thằng Hans đoán là mẹ cô gái - chỉ cho chúng. Ba người trong nhà, ông

già chủ nông trại, bà vợ và cô con gái, vừa ăn cơm tối xong, một chai rượu chát còn để trên bàn. Chai rượu nhắc cho thằng Hans là hẳn đang khát cháy cổ. Trời thì nóng bức, mà từ trưa đến giờ, hẳn không có đến một giọt nước nào vào miệng. Hẳn hỏi mua một chai rượu chát, Willi nói thêm là chúng nó sẽ trả tiền khá. Willi là một thằng con trai hiền lành. Dù sao chúng cũng là những kẻ thắng trận. Bộ đội Pháp ở đâu? Đã chạy dài hết cả rồi! Còn quân Anh thì bỏ lại hết mọi thứ ở sau lưng, lén lút trốn về đảo như những con thỏ đế. Những kẻ chiến thắng muốn lấy gì thì lấy, chứ sao? Thằng Willi đã làm việc hai năm cho một tiệm may ở Paris. Hẳn nói tiếng Pháp thông thạo, vì vậy hẳn được giao phó cho cái công tác đi dò đường, nhưng hẳn không thấy thích. Thực là một điều chẳng hay ho gì cho một người Đức khi phải sống chung đụng với người Pháp, một dân tộc đang xuống dốc.

Bà vợ ông chủ nông trại đặt hai chai rượu chát lên bàn. Willi lấy trong túi ra hai mươi phật-lăng đưa cho bà ta, bà không nói lấy một tiếng cảm ơn nào. Thằng Hans nói tiếng Pháp không giỏi như thằng Willi, nhưng hẳn cũng làm cho người ta hiểu được, vì hai đứa thường nói chuyện với nhau bằng tiếng Pháp. Willi sửa cho hẳn khi hẳn nói sai. Willi giúp ích cho hẳn như vậy, nên hẳn kết bạn với Willi, và hẳn cũng biết rằng Willi phục hẳn. Willi phục hẳn vì hẳn cao lớn, lưng dài vai rộng, vì hẳn có đầu tóc dợn sóng rất đẹp và hai mắt xanh. Hẳn không bao giờ bỏ lỡ cơ hội để luyện tiếng Pháp, và hiện giờ hẳn cũng đang tập nói đây, nhưng ba người Pháp trong nhà này không thích bắt chuyện với hẳn. Hẳn kể cho họ nghe hẳn cũng là con nhà nông, và khi hết giặc, hẳn sẽ trở về với đồng áng. Hẳn được gia đình gửi đến học ở Munich, vì mẹ hẳn muốn hẳn đi vào ngành kinh doanh, nhưng hẳn không thích, nên sau khi học xong bậc trung học, hẳn đi vào trường Cao đẳng Canh Nông.

— Các người đến đây để hỏi đường, và bây giờ đã biết rồi, thì hãy uống hết rượu mà đi đi chứ!

Hắn nhìn cô gái đã nói ra câu ấy, cô gái mà từ khi mới vào đến giờ, hắn chỉ nhìn sơ qua. Cô ta không đẹp nhưng có đôi mắt hạt huyền và sóng mũi thẳng, da mặt trắng xanh. Cô ta ăn mặc thô sơ, giản dị, nhưng có một vẻ gì hình như không phản ảnh đúng con người thật của cô. Một vẻ cao quý phảng phất ở nơi cô. Từ khi chiến tranh bùng nổ, hắn thường nghe bạn bè nói về thiếu nữ Pháp. Họ có một vẻ riêng biệt mà thiếu nữ Đức không có. Thằng Willi nói đó là cái “chíc”, nhưng khi hắn hỏi nó muốn nói gì khi dùng chữ ấy, thằng Willi chỉ biết trả lời: “Mày phải thấy mới hiểu được!” Dĩ nhiên hắn cũng có nghe nhiều người khác nói rằng gái Pháp ham tiền vụ lợi, và cứng như đá. Được rồi, bọn hắn sẽ được ở lại Paris trong một tuần lễ, và hắn sẽ tự khám phá ra điều ấy. Nghe nói Bộ chỉ huy đã sắp đặt nhà cửa cho bọn chúng đến ở rồi.

— Mày nốc hết ly rượu đi mà về. - Willi nói.

Nhưng thằng Hans cảm thấy khoan khoái trong người và không muốn bị hối thúc. Hắn nói với cô gái:

— Cô không có vẻ gì là con gái nhà nông cả!

— Thế thì đã sao? - Cô gái trả lời. Bà mẹ nói xen vào, như khoe:

— Nó là nữ giáo viên!

— Thế thì chắc cô có một trình độ giáo dục khá vững.

Cô gái nhún vai. Nhưng trong lúc cao hứng, hắn tiếp tục xỏ tiếng Pháp, một thứ tiếng Pháp rất tồi:

— Cô phải hiểu, những gì đã xảy ra thực là may mắn cho dân tộc Pháp. Chúng tôi không tuyên chiến. Chính các người tuyên chiến với chúng tôi. Và bây giờ chúng tôi sẽ làm cho nước Pháp thành một nước chĩnh đốn, đàng hoàng. Chúng tôi sẽ lập lại trật tự. Chúng tôi sẽ tập cho các người biết làm việc. Chúng tôi sẽ dạy cho các người sự vâng lời và kỷ luật.

Cô gái siết chặt nắm tay, nhìn hẩn, mắt đen nháy hận thù. Nhưng cô vẫn im lặng.

— Mà say rồi, Hans ơi! - Willi nói bằng tiếng Đức.

— Tao tỉnh táo như quan tòa. Tao giảng cho chúng nó biết sự thật và tốt hơn là chúng nó nên hiểu như thế.

Cô gái nói lớn, vì không thể tự chế lâu hơn nữa:

— Bạn mà nó nói đúng đó! Mà say rồi. Đi ra đi! Đi ra!

— Ủa, cô hiểu tiếng Đức sao? Được rồi, tôi sẽ đi. Nhưng cô phải cho tôi một cái hôn trước đã.

Nàng thối lui một bước để tránh nó, nhưng nó đã nắm được cổ tay nàng.

— Ba, ba! - Nàng kêu cứu.

Người cha chồm tới trước thằng Hans. Hans buông nàng ra, đâm một quả đấm như búa bổ vào mặt ông già. Ông ta ngã quy xuống nền nhà. Rồi, không để cho nàng kịp chạy trốn, hẩn ôm lấy nàng. Nàng tát một tát vào mặt hẩn. Hẩn cười gằn, hung dữ:

— À, ra mà đối xử như vậy đó mỗi khi một quân nhân Đức muốn hôn mà! Mà sẽ phải trả đắt giá!

Hẩn dùng sức mạnh khóa chặt hai cánh tay nàng và đẩy ra phía cửa. Bà mẹ nhào vào, nắm áo hẩn cố kéo hẩn ra. Một tay hẩn siết chặt lấy nàng, và tay kia, hẩn đẩy mạnh bà mẹ một cái. Bà lão đảo ngã ngửa vào tường.

— Hans! Hans! - Thằng Willi la lớn.

— Mà cầm cái mõn mà lại! Quý đánh thánh vật mà!

Hẩn lấy tay bịt miệng không cho nàng kêu cứu và mang ra khỏi phòng.

Đó là những sự việc vừa xảy ra, và bạn có thể bảo rằng nàng đã gây lấy vạ vào mình. Nếu nàng không tát tai hẩn, nếu nàng cho hẩn một cái hôn như hẩn đòi hỏi, thì hẩn đã đi rồi...

Hẩn ném một cái nhìn xuống ông già, vẫn còn nằm nguyên ở chỗ mà hẩn đã đánh ngã ông hồi nãy. Hẩn cố làm nghiêm để khỏi bật cười khi nhìn thấy cái vẻ mặt khô hài của ông ta. Rồi

hắn nhìn bà già đang ngồi co rúm người lại ở bên tường, một thoáng cười hiện ra trong đôi mắt hắn: bà ta lo sợ sẽ đến lượt bà ta chắc? Làm gì có chuyện đó!

Hắn nhớ đến một câu ngạn ngữ Pháp: “C’est le premier pas qui coûte”^[1]! Có gì đâu mà phải khóc lóc, bà già? Trước sau gì rồi cũng phải có một lần như vậy trong đời người đàn bà. Hắn rút chiếc ví tiền ở túi quần sau.

— Đây, một trăm phật-lăng để cho cô bé ấy mua một bộ áo quần mới khác. Bộ áo quần kia rách tươm hết rồi!

Hắn để tờ giấy bạc trên bàn và đội chiếc mũ sắt lên đầu:

— Đi mày!

Bọn chúng đóng sầm cửa sau lưng chúng, nhảy lên xe máy dầu. Bà mẹ đi sang phòng khách. Cô con gái bà vẫn còn nằm ở trên đi-văng. Nàng vẫn nằm như vậy, từ khi hắn rời nàng, và khóc thật bi thảm.

Ba tháng sau, thằng Hans lại có dịp trở lại Soissons.

Hắn đã vào Paris với đạo quân chiến thắng và đã cưỡi xe máy dầu đi qua Khải hoàn môn. Với bộ đội, hắn đã tiến tới đầu tiên ở Tours và sau đến Bordeaux. Hắn thấy không có đánh đấm gì bao nhiêu cả. Những người lính Pháp mà hắn gặp đều là những tù binh. Chiến trận chỉ là một đám hội lớn, một cuộc vui chơi, mà hắn chưa bao giờ tưởng tượng đến. Sau ngày đình chiến ở mặt trận Pháp, hắn được ở Paris một tháng. Hắn gửi về cho gia đình hắn ở Baviar những tấm ảnh phong cảnh và nhiều vật kỷ niệm. Willi, nhờ biết rõ thủ đô Pháp như lòng bàn tay, được ở lại đó. Còn hắn và phần còn lại của đơn vị hắn phải trở lại Soissons để nhập vào lực lượng đang chiếm đóng tại đó. Soissons là một thị trấn nhỏ đẹp, và hắn được đồn trú rất thoải mái ở đó: Đầy đủ thức ăn, và sâm banh thì một chai tính theo tiền Đức, chưa tới một đồng “mark”. Khi hắn được lệnh trở lại đó, hắn nghĩ sẽ là một sự thích thú nếu hắn đến thăm lại cô gái kia. Hắn sẵn sẵn

một đôi vợ lụa làm quà tặng để tỏ ra hẳn không có ác cảm gì với cô ta. Hẳn đã từng đi qua địa phương này rồi, nên hẳn nghĩ hẳn sẽ tìm lại được cái nông trại ấy không khó khăn lắm.

Thế rồi một buổi chiều, rảnh việc, hẳn bỏ đôi vợ vào túi và leo lên xe máy dầu. Trời về thu rất đẹp, vài gợn mây thoáng hiện trên cao. Và thực là duyên dáng, cái vùng thoai thoải đồi núi như sóng dợn mà hẳn đang lướt qua trên chiếc xe máy dầu của hẳn. Mặc dù đã vào tháng chín, cảnh vật vẫn còn khô ráo, và cho đến những cây bạch dương rì rào không biết mệt cũng không báo hiệu là mùa hè đã qua. Hẳn queo lộn một ngổ queo. Tuy thế chỉ trong khoảng nửa giờ là hẳn đã đến nơi. Một con chó lai chồm lên sủa khi hẳn tiến đến cửa. Hẳn không gõ cửa, nhưng nắm chốt vặn và bước vào. Cô gái đang ngồi gọt khoai tây ở trên bàn. Cô đứng phắt dậy khi thấy có người mặc quân phục đi vào.

— Ông muốn gì?

Nhưng khi nhận ra hẳn, cô lùi về phía tường, tay nắm chặt con dao con:

— Thì ra là mày! Cochon!

— Đừng sợ hãi. Tôi không xúc phạm đến cô đâu. Cô thấy không, tôi đến biếu cô một đôi vợ lụa đây!

— Đem nó đi, và mày cũng đi luôn!

— Đừng có dại! Bỏ con dao xuống. Nếu cô tỏ ra hung hăng thì cô chỉ làm thiệt hại cho cô thôi. Cô đừng sợ gì tôi hết!

— Tao không sợ mày đâu!

Nàng để rơi con dao xuống nên nhà. Hẳn bỏ nón sắt ra và ngồi xuống. Hẳn duỗi chân khoèo con dao về phía hẳn.

— Tôi có thể gọt khoai dùm cô không?

Nàng không trả lời. Hẳn cúi xuống lượm con dao và lấy một củ khoai trong bát ra gọt. Nàng đứng sát vào tường, nhìn hẳn, nét mặt đanh lại, đôi mắt thù hẳn. Hẳn mỉm cười với nàng, tỏ vẻ thân thiện:

— Tại sao cô có vẻ giận dữ như vậy? Tôi có làm thiệt hại gì cho cô nhiều đâu? Hôm ấy tôi bị kích động, chúng tôi đều bị kích động như vậy cả. Người ta nói nào là quân đội Pháp vô địch, nào là phòng tuyến Maginot kiên cố...

Hắn chấm câu bằng một cái cười mỉm.

— Và rượu làm choáng váng đầu óc tôi. Đáng lẽ cô còn mang tai họa nhiều hơn nữa kia... Nhiều đàn bà bảo rằng tôi không phải là một thằng xấu trai.

Nàng khinh bỉ nhìn hắn từ đầu đến chân.

— Đi ra khỏi chỗ này!

— Không, tôi chỉ ra khi nào tôi muốn!

— Nếu không đi ra, ba tao sẽ đến Soissons thưa với ông Tướng chỉ huy này!

— Ông cứ đi thưa thử xem! Có lệnh cho chúng tôi làm bạn với dân chúng. Tên cô là gì?

— Không ăn chung gì đến này!

Mặt nàng đỏ bừng, và cơn giận làm mắt nàng nẩy lửa. Hắn thấy nàng đẹp duyên dáng hơn lần đầu hắn gặp. Hắn cho hắn đã không quá vô duyên. Nàng có một vẻ trang nhã làm người ta liên tưởng đến một thị dân hơn là một người nhà quê. Hắn nhớ rằng mẹ nàng bảo nàng là một giáo viên. Nhận thấy nàng đoan trang, có học thức, hắn lại càng thích trêu chọc. Hắn cảm thấy khỏe mạnh, sung sức. Hắn đưa tay lên vuốt mái tóc quăn màu vàng nhạt của hắn và khúc khích cười khi nghĩ rằng nhiều cô gái có lẽ sẽ sung sướng chụp lấy cơ hội may mắn mà cô ta đã gặp. Da mặt sạm nắng của hắn làm đôi mắt hắn càng thêm xanh biếc.

— Ba má cô đi đâu?

— Làm ruộng ở ngoài đồng!

— Tôi đang đói. Đem cho tôi một miếng bánh mì, một lát phô-mát và một ly rượu chát. Tôi trả tiền đằng hoàng.

Nàng bật lên một tiếng cười khan:

— Chúng tao không thấy một miếng phô-mát đã ba tháng nay. Còn bánh mì thì vừa đủ để khỏi chết đói. Người Pháp cách đây một năm, bắt hết lừa ngựa của chúng tao, và bây giờ bọn Đức chúng mày vợ vét tất cả bò heo, gà vịt...

— Nhưng họ lấy thì họ trả tiền!

— Chúng tao có thể ăn được những tờ giấy vô giá trị mà bọn mày trả cho chúng tao không?

Bồng nàng ứa nước mắt.

— Gia đình cô ăn không đủ no sao?

—Ồ không đâu! Chúng tao ăn sang như vua, nào khoai tây, nào bánh mì, nào củ cải, nào xà lách. Ngày mai, ba tao sẽ đi lên Soissons để xem có thể mua được một ít thịt ngựa không đấy!

— Này cô, tôi không phải là người xấu bụng. Tôi sẽ đem biếu cô phô-mát, có thể một ít thịt dăm-bông nữa!

— Tao không thèm lấy những thứ mày cho đâu. Thà tao chết đói, chứ không bao giờ đụng đến những thức ăn mà chính bọn mày, bọn chó má, đã ăn cướp của chúng tao!

Hắn vẫn trả lời vui vẻ:

— Rồi hãy xem!

Hắn đội nón sắt lên, đứng dậy bước ra ngoài, sau khi chào bằng tiếng Pháp:

— Au revoir, mademoiselle! (Chào tạm biệt cô)

Hắn không thể tự do cưỡi xe chạy rong khắp nơi mà phải đợi dịp được sai phái đi công tác mới trở lại nông trại lần nữa. Nghĩa là mười ngày sau.

Hắn bước vào một cách không kèn không trống như lần trước, và lần này hắn gặp hai vợ chồng ông chủ trại ở nhà bếp. Lúc ấy vào khoảng đứng bóng. Bà vợ đang khuấy một nồi gì ở trên bếp. Người chồng ngồi ở bên bàn. Họ đưa mắt nhìn hắn, không có vẻ gì là ngạc nhiên hết. Cô gái chắc đã nói cho họ biết sự viếng thăm của hắn. Họ giữ im lặng. Bà vợ vẫn tiếp tục nấu

nướng, ông chồng, vẻ bực bội hiện lên mặt, ngồi nhìn xuống tấm khăn bàn bằng vải dầu. Nhưng phải cần nhiều hơn thế nữa mới có thể xua tan được cái vui tánh của thằng Hans.

— Bonjour la compagnie^[2]. Tôi đem đến biếu ông bà một ít quà đây.

Hắn mở cái gói hắn mang theo, lấy ra một miếng phô-mát “bruyère” khá lớn, một khoanh thịt heo và hai hộp cá mòi. Bà vợ xây lại, và hắn mỉm cười khi nhìn thấy một tia sáng thèm khát trong đôi mắt bà. Ông chồng nhìn các thức ăn một cách khó chịu, bực tức. Hắn nở một nụ cười tươi, nói với ông:

— Tôi rất tiếc, chúng ta đã có sự hiểu lầm, lần đầu tiên tôi đến đây. Nhưng hôm ấy đáng lẽ ông không nên can thiệp vào...

Ngay lúc ấy, cô gái đi vào.

— Mà làm gì ở đây?

Nàng hỏi một cách nghiêm khắc. Chợt nhìn thấy những vật thực mà hắn đem đến, nàng lùa lại một đống và ném trả lại cho hắn:

— Đem đi đi!

Nhưng bà mẹ chạy xông tới, rầy nàng:

— Annette, mà điên à?

— Tôi không thể nhận đồ của hắn cho.

— Đây là những vật thực của chúng ta mà bọn chúng đã cướp giựt. Mà nhìn kỹ những hộp cá mòi xem. Đó là cả mòi Bordeaux!

Bà nhặt những thức ăn lên. Thằng Hans nhìn cô gái với vẻ chế diễu trong đôi mắt xanh nhạt.

— Annette là tên cô phải không? Một cái tên đẹp. Tại sao cô không cho ba má cô lấy một chút ít vật thực? Cô bảo rằng cô không có phô-mát đã ba tháng kia mà! Tôi không thể kiếm được thịt dăm-bông. Tôi chỉ cố gắng đến thế thôi!

Bà mẹ nắm miếng thịt heo trong hai tay và giữ chặt vào lòng. Bạn có cảm tưởng như bà muốn ôm nó mà hôn. Hai hàng nước mắt chảy dài trên má Annette. Nàng rên rỉ:

— Thực quá xấu hổ!

— Ô, có gì là xấu hổ trong miếng phô-mát và miếng thịt heo!

Thằng Hans ngồi xuống ghế và đốt một điếu thuốc hút. Hắn đưa bao thuốc cho ông già. Ông ta ngáp ngừng một chốc, nhưng sự cảm dỗ quá mạnh, ông rút một điếu, rồi đưa trả bao thuốc cho hắn.

— Bác giữ lấy mà dùng. Tôi có thể mua bao khác dễ dàng!

Hắn hít một hơi dài rồi phì khói ra hai lỗ mũi. Hắn nói:

— Tại sao chúng ta lại không thể thân thiện với nhau? Sự việc đã lỡ ra rồi thì cũng không thể làm sao được nữa. Chiến tranh là chiến tranh, và bác cũng hiểu tôi muốn nói gì. Tôi biết cô Annette là người có học thức, và tôi mong cô đừng nghĩ xấu cho tôi. Có lẽ chúng tôi còn đóng tại Soissons trong một thời gian nữa, thỉnh thoảng tôi có thể đem biếu hai bác và cô Annette một ít vật dụng để gọi là giúp đỡ gia đình trong cơn ngặt nghèo. Bác biết không, chúng tôi cố gắng gây thiện cảm với dân chúng trong thị trấn, nhưng họ không muốn như vậy. Cho đến nỗi họ không thèm nhìn đến chúng tôi, mỗi khi chúng tôi gặp họ ngoài đường phố. Dù sao sự việc đã xảy ra lần trước khi tôi đến đây với thằng Willi cũng là một sự rủi ro. Hai bác và cô Annette đừng sợ tôi. Tôi trọng nề Annette như em gái tôi vậy!

— Tại sao mà bạn muốn đến đây? Tại sao mà bạn không thể để cho chúng tao yên? - Annette hỏi.

Hắn cũng không biết tại sao. Hắn không thích thổ lộ rằng hắn mong muốn một chút tình người. Sự thù hận ngấm ngấm vây quanh bọn hắn ở Soissons làm cho tinh thần căng thẳng, đến nỗi có khi hắn muốn đi thẳng đến trước mặt người dân Pháp đã nhìn hắn một cách như không đếm xỉa đến hắn, và quật ngã anh ta. Và có khi hắn lại bị kích động đến gần muốn

khóc. Nếu có một nơi nào hẳn được tiếp đón niềm nở thì quý hóa biết bao! Hẳn đã nói thật khi bảo rằng hẳn không thèm muốn Annette. Nàng không phải là hạng đàn bà mà hẳn mơ tưởng. Hẳn thích những phụ nữ có thân hình cao lớn, ngực đầy, mắt xanh và tóc vàng như hẳn; hẳn thích những người mập mạp, mạnh khỏe. Cái vẻ thanh nhã mà hẳn không thể giải thích được ấy, cái mũi thon nhỏ ấy, đôi mắt đen và khuôn mặt dài ấy - tất cả người nàng có một cái gì làm cho hẳn e dè. Vì thế, nếu hẳn không bị kích động bởi những chiến thắng của quân đội Đức và đồng thời không mỗi mệ đến thế, nếu hẳn không uống đầy một bụng rượu trong khi đang đói, thì hẳn đã không đi quá trớn đến nỗi làm cái việc hẳn đã làm đối với nàng.

Hôm đó, hẳn đã để lại những thức ăn ở nông trại, và hẳn đoán chắc hai ông bà già ấy đã ngốn ngấu hết cả rồi. Hẳn tự hỏi không biết Annette có cùng ăn không. Hẳn cũng sẽ không lấy gì làm ngạc nhiên nếu hẳn có thể khám phá ra rằng sau khi hẳn xây lưng ra về, cô ta cũng ngồi vào chia phần với mấy người kia. Bọn Pháp ấy mà! Làm sao chúng cưỡng nổi những mối lợi thâm vào mà không hao công tốn của gì hết? Bọn chúng yếu ớt và xuống dốc quá rồi. Cô ta ghét hẳn, vâng ghét lắm, nhưng thịt heo vẫn là thịt heo và phô-mát vẫn là phô-mát. Hẳn thường nghĩ đến cô ta, và sự thù ghét của cô ta trở thành một sự thách thức, một sự trêu chọc đối với hẳn. Hẳn quen được đàn bà ưa thích. Hẳn nghĩ thực hài hước biết bao, nếu một ngày nào đó, cô ta đâm ra mê hẳn. Hẳn là người đàn ông thứ nhất đến trong đời cô ta; và hẳn thường nghe bọn sinh viên ở Munich bàn tán với nhau bên cạnh những cốc bia rằng người đàn bà chỉ yêu người đàn ông mà họ đã ăn nằm lần đầu tiên. Và sau đó, tình yêu tự nhiên đến. Khi hẳn đã nhất quyết theo đuổi một cô gái nào, hẳn chưa bao giờ thất bại. Hẳn mỉm cười với hẳn, và một lóe ranh mãnh hiện lên trong mắt hẳn.

Thế rồi hơn hai tuần lễ sau hẳn mới được dịp đến nông trại lại. Hẳn đã kiếm được phô-mát và bơ, đường, và một hộp xúc xích, một ít cà phê, và hẳn chở tất cả lên xe máy dầu. Nhưng lần này hẳn không gặp Annette. Nàng và ông thân đang bận làm việc ngoài đồng. Chỉ có bà già đang đứng giữa sân. Mắt bà sáng lên khi nhìn thấy gói đồ hẳn đem theo. Bà dẫn hẳn vào nhà bếp. Tay bà rung rung khi mở giầy buộc gói đồ, và bà rớm nước mắt khi nhìn thấy các thức ăn.

— Anh thực tốt quá!

— Tôi có thể ngồi xuống đây không bà?

Hẳn hỏi một cách lễ phép.

— Dĩ nhiên! Mời anh ngồi.

Bà nhìn qua cửa sổ; thằng Hans đoán là bà muốn biết chắc Annette chưa về đến.

— Tôi mời anh một ly rượu chat nhé?

— Được vậy thì quý hóa quá!

Hẳn có đủ tinh khôn để nhận thấy rằng sự thèm khát những thức ăn đã làm cho bà ta, nếu không trở thành thân thiện với hẳn, ít ra cũng mong muốn đối xử với hẳn một cách tử tế. Cái nhìn ra ngoài cửa sổ của bà chứng tỏ rằng bà đã đồng lõa với hẳn. Hẳn hỏi:

— Bác có thích thịt heo không?

— Thịt heo thì quả tuyệt!

— Lần sau tôi cố gắng đem đến cho bác. Annette có thích không?

— Nó không hề đụng đến những gì anh đã để lại. Nó nói thà chết đói còn hơn!

— Đại thực!

— Tôi cũng nói với nó như vậy đó. Tôi nói có đồ ăn mà mà không ăn thì cũng uống.

Hai người nói chuyện có vẻ tương đặc lắm. Hẳn được biết, bà tên là bà Périer. Hẳn hỏi bà còn có con cái gì nữa không! Bà thở

dài. Không! Hai ông bà có một trai, nhưng bị động viên từ khi chiến tranh mới bùng nổ. Và hắn đã chết. Không phải bị giết, mà là bị sưng màng phổi, và chết ở bệnh viện Nancy.

— Tôi xin chia buồn với bác!

— Có lẽ như vậy mà hay cho nó hơn là nếu nó còn sống đến bây giờ. Tánh khí nó giống con Annette như đúc. Nó không thể chịu đựng được cái nhục nhã của bại trận...

Bà thở ra và tiếp:

— Anh ạ, người Pháp chúng tôi đã bị phản bội!

— Bác nói đúng đấy! Tại sao người Pháp lại đi chiến đấu cho người Ba Lan làm gì? Họ là gì đối với người Pháp mới được chứ?

— Phải rồi, nếu chúng tôi để cho ông Hitler của các anh lấy Ba Lan, có lẽ ông ta để cho chúng tôi yên rồi!

Thằng Hans đứng dậy ra về. Hắn hẹn sẽ trở lại trong một ngày rất gần.

— Tôi sẽ không quên đem thịt heo đến!

Thế rồi hắn được may mắn thay đổi công tác. Mỗi tuần hắn được sai phái đi đến một thị xã ở vùng lân cận đó hai lần. Vì vậy, hắn có nhiều cơ hội để đi đến nông trại hơn. Và mỗi lần đến, hắn không quên mang theo quà tặng. Nhưng hắn không tiến thêm được bước nào đối với Annette. Để gây cảm tình với nàng, hắn dùng những mảnh khố mà người ta thường dùng đối với đàn bà, nhưng chúng chỉ làm trò cười cho nàng. Nàng mím môi và nghiêm khắc nhìn hắn với vẻ khinh bỉ như nhìn một vật dơ bẩn. Hơn một lần nàng làm cho hắn tức giận đến nỗi muốn nắm hai vai nàng mà day cho đến chết. Một hôm hắn thấy nàng ngồi một mình. Hắn đến gần, nàng đứng dậy định đi. Hắn chặn lại.

— Cô đứng lại! Tôi muốn nói với cô một câu chuyện.

— Nói đi! Tao là một con đàn bà yếu đuối và thiếu tự vệ.

— Điều tôi muốn nói là thế này. Theo những điều tôi được biết thì có lẽ tôi còn đóng ở đây lâu. Tình thế mỗi ngày sẽ mỗi khó khăn đối với dân Pháp. Tôi có thể giúp đỡ được gia đình cô. Tại sao cô lại không tỏ ra biết điều như ba má cô đối với tôi?

Đúng là ông già Périer đã chịu hẳn. Bạn chưa thể bảo rằng ông ta đã thân thiện với hẳn, vâng ông vẫn đối xử với hẳn lạnh nhạt, nhưng lịch sự. Đã có lần ông nhờ hẳn mua thuốc lá, và khi hẳn từ chối nhận tiền ông trả, ông đã cảm ơn hẳn. Ông thích nghe hẳn cho biết tin tức ở Soissons, và ông mừng rỡ vô lấy những tờ báo hẳn đem đến cho ông. Là con nhà nông, hẳn nói chuyện về đồng áng một cách sành sỏi. Nông trại của gia đình hẳn thuộc vào loại khá tốt, không lớn cũng không nhỏ, có đầy đủ nước nhờ một con suối chảy ngang, có nhiều cây cối, có đất trồng trọt tốt và có cả đồng cỏ để nuôi gia súc. Hẳn cảm thông và chạnh lòng trắc ẩn khi nghe ông lão than thở vì không có nhân công, không có phân bón, kho dự trữ của ông mỗi ngày mỗi vơi dần, và sự nghiệp của ông sẽ đi dần đến sụp đổ.

— Mà hỏi vì sao tao không có thể tỏ ra biết điều như ba má tao hả?

Nàng hỏi lại hẳn, rồi kéo áo lên, đưa bụng cho hẳn xem. Hẳn không tin được đôi mắt hẳn! Điều hẳn vừa thấy làm cho hẳn rúng động cả tâm hồn. Máu dồn lên hai má hẳn.

— Cô có thai?

Nàng ngồi sụp xuống ghế. Úp mặt trong hai tay, nức nở khóc, khóc như tan nát cả con tim.

— Xấu hổ như thế đó! Nhục nhã như thế đó!

Hẳn chồm tới, định ôm cô gái trong hai tay hẳn.

— Em! Em yêu quý của anh!

Nhưng nàng đứng phắt dậy, đẩy hẳn ra:

— Đừng đụng vào người tao. Đi đi! Đi đi! Mà làm cho tao chưa đủ khổ rồi sao?

Nàng chạy thoát ra khỏi phòng.

Hắn đợi mấy phút cho đầu óc bớt choáng váng. Hắn chạy xe chậm chậm trở lại Soissons, đầu óc quay cuồng, và khi hắn lên giường nằm, trong suốt mấy tiếng đồng hồ hắn không sao nhắm mắt được. Hắn không thể nghĩ điều gì khác ngoài Annette và cái bụng của nàng. Thực là cảm động không chịu nổi, cái hình ảnh nàng ngồi gục đầu khóc thảm thiết bên cạnh chiếc bàn. Đúng là nàng có thai với hắn. Hắn đang mơ màng thiu thiu ngủ, bỗng giựt mình thức dậy, mắt mở thao láo một lần nữa vì một sự việc đột ngột vừa xảy đến trong hắn, đột ngột như một phát súng. Hắn yêu nàng! Đó là một sự bất ngờ, một sự chấn động mà hắn không thể đương cự nổi. Tất nhiên trước kia hắn đã nghĩ đến nàng nhiều, nhưng chưa bao giờ như cách ấy. Hắn thường nghĩ sẽ buồn cười biết bao nếu hắn làm cho nàng mê hắn, sẽ là một chiến thắng vẻ vang biết bao nếu với thời gian, nàng sẽ tự hiến dâng cho hắn những gì mà hắn đã phải chiếm đoạt bằng vũ lực. Nhưng từ trước đến nay bao giờ trong đầu óc hắn cũng cho rằng nàng đối với hắn cũng chỉ là một người đàn bà như bao nhiêu người đàn bà khác. Nàng không phải là cái “típ” đàn bà mà hắn thích. Nàng cũng không đẹp lắm. Có gì đặc biệt ở nơi nàng đâu? Thế mà sao hôm nay bỗng chốc hắn lại có một cảm giác kỳ quặc như vậy? Cảm giác ấy không phải là một khoái cảm, mà là một xót đau. Nhưng hắn hiểu rõ cái thứ tình cảm ấy lắm. Đó là tình yêu. Và tình yêu ấy làm cho hắn cảm thấy sung sướng, sung sướng hơn bao giờ cả trong đời hắn. Hắn mong muốn được ôm ấp nàng trong hai tay, nâng niu nàng, hôn hít đôi mắt sâu thương của nàng. Hắn nghĩ hắn không thèm muốn nàng như một người đàn ông thèm muốn một người đàn bà, hắn chỉ mong được an ủi, vỗ về nàng được nàng mỉm cười với hắn - Thực lạ lùng, hắn chưa bao giờ thấy nàng cười. Hắn mong được thấy đôi mắt xinh đẹp của nàng chứa đầy triu mến đối với hắn.

Đã ba ngày, hắn không thể rời Soissons. Ba ngày và ba đêm dài dằng dặc, hắn chỉ nghĩ đến nàng và đứa con nàng mang trong bụng. Rồi hắn được dịp đến nông trại. Hắn mong được gặp riêng bà Pérrier và thực may cho hắn, hắn đã gặp bà trên đường về nhà. Bà đi nhặt củi trong rừng và đang đi trở về với một bó củi lớn trên lưng. Hắn dừng xe gần máy. Hắn thừa biết cái vẻ thân mật của bà đối với hắn chỉ là do gói vật thực mà hắn mang theo, nhưng hắn cũng chẳng cần bận tâm đến. Miễn sao bà đối xử với hắn nhã nhặn là được rồi, và điều ấy bà sẵn sàng làm cho đến bao giờ bà có thể rúc rĩa đều đều ở nơi hắn những thứ cần thiết. Hắn nói hắn có câu chuyện cần nói với bà và bảo bà để bó củi xuống. Bà làm theo lời yêu cầu của hắn. Trời hôm ấy có nhiều mây xám nhưng không lạnh. Hắn nói:

— Tôi đã biết về chuyện của Annette!

Bà nhìn sững hắn.

— Làm sao anh biết được? Hắn nhất quyết không cho anh biết mà.

— Annette nói với tôi rồi!

— Cái việc anh làm tối hôm đó thực là một kỳ công. - Bà mỉa mai.

— Tôi đâu có ngờ. Tại sao bác không cho tôi biết sớm hơn?

Bà bắt đầu kể câu chuyện đã xảy ra, với một vẻ không có gì là cay đắng chua chát, cũng không có ý trách móc hắn, mà như đó là một tai bay vạ gió, như con bò cái chết trong lúc sanh đẻ, cái băng giá sắt buốt của mùa xuân làm héo khô cây trái và phá hoại mùa màng, như một tai ách mà loài người phải đón nhận một cách kiên nhẫn và khiêm cung. Sau cái đêm khủng khiếp ấy, Annette nằm liệt giường liệt chiếu mấy ngày liền với một cơn sốt cao độ. Hai ông bà tưởng nàng phát điên. Nàng đã thét la hàng giờ không dứt. Quanh vùng không có một y sĩ nào hết. Viên y sĩ trong làng đã bị động viên. Ngay ở thị trấn Soissons cũng chỉ còn lại hai bác sĩ già và dù cho có phương tiện để đi

mời, họ cũng không làm sao đến nông trại được, vì đã có lệnh cấm không cho họ đi ra khỏi thị trấn. Khi cơn sốt hạ, Annete vẫn còn ốm không sao dậy được, và khi khỏi bệnh người nàng ốm xanh xao trông thực tội nghiệp. Sự kích động thực khủng khiếp! Một tháng qua, rồi thêm một tháng qua nữa, nàng không cảm thấy có gì khác, nên không để ý. Nàng thường vẫn có kinh nguyệt không đều. Chính bà Périer là người trước tiên lo ngại có điều không ổn, nên đã gặng hỏi Annette, cả hai mẹ con đều sợ hãi, nhưng chưa thấy có gì chắc chắn, và họ cũng không cho ông Périer biết. Qua tháng thứ ba, họ không thể nghi ngờ gì nữa. Annette đã có thai!

Gia đình họ có một chiếc xe xi-trô-en cũ mà trước chiến tranh, bà Périer mỗi tuần hai lần, chở nông sản lên chợ Soissons bán, nhưng từ khi Đức chiếm đóng, họ không có gì để bán cho xứng đáng một vòng xe. Mà xăng thì gần như không thể kiếm ra. Nhưng lần này họ phải dùng đến nó để đi lên thị trấn. Những xe hơi họ gặp toàn là xe nhà binh. Lính Đức đi cà rồn lòng dòng đến chỗ này chỗ nọ. Trên các đường phố, đầy những phù hiệu Đức. Trước các công thự, những bản Tuyên ngôn, bố cáo viết bằng tiếng Pháp, và ở phía dưới là chữ ký của vị sĩ quan chỉ huy Đức. Nhiều tiệm đóng cửa. Họ đến phòng mạch của một bác sĩ già họ quen biết. Bác sĩ xác nhận những điều mà họ nghi ngờ. Nhưng ông ta là một tín đồ Công giáo thuần thành nên không thể giúp họ phá thai. Thấy họ khóc lóc van nài, ông nhún vai:

— Cảnh ngộ của các bà đâu phải là một trường hợp riêng lẻ. Il faut souffrir!^[3]

Họ cũng quen biết với vị bác sĩ thứ hai và họ đến tìm ông ta. Họ bấm chuông, nhưng hồi lâu không có ai trả lời. Cuối cùng cánh cửa mở, một người đàn bà vận đồ đen, vẻ mặt buồn bã hiện ra. Nhưng khi họ bảo muốn gặp bác sĩ thì bà ta bật lên

tiếng khóc. Bác sĩ đã bị người Đức bắt, vì là một hội viên hội Tam điểm, và hiện đang bị giữ làm con tin. Một trái bom nổ trong quán cà phê mà các sĩ quan Đức thường lui tới, làm hai người chết và nhiều người bị thương. Nếu thủ phạm không bị giao nạp cho nhà cầm quyền trước thời gian ấn định, bác sĩ sẽ bị bắn. Người đàn bà trông rất hiền hậu, và bà Périer nói cho bà biết nỗi lo buồn của họ.

“Bọn chó má!”

Bà buột miệng thốt ra như vậy. Rồi nhìn Annette với vẻ thương xót, bà tiếp:

“Thực khổ cho con gái tôi!”

Bà cho họ địa chỉ của một cô mụ ở trong thị trấn và dặn họ nói là do bà giới thiệu đến. Cô mụ cho họ một ít thuốc. Nhưng thuốc công phạt đến nỗi làm cho Annette tưởng gần chết, chứ không có hiệu quả gì hết. Annette bụng mỗi ngày một lớn.

Đó là câu chuyện bà Périer kể cho thằng Hans nghe. Hấn đứng im lìm một hồi rồi nói:

— Ngày mai là chúa nhật, tôi được nghỉ. Tôi sẽ trở lại và chúng ta bàn đến chuyện ấy. Tôi sẽ đem đến vài món quà thực tuyệt.

— Chúng tôi thiếu kim may. Anh có thể kiếm cho vài cây không?

— Tôi sẽ cố gắng!

Bà đặt bỏ củi lên lưng, ì ạch lần từng bước trên đường về nhà. Thằng Hans quay trở lại Soissons.

Hôm sau hấn không dám đi xe mô tô mà thuê xe đạp để đi. Hấn buộc gói đồ ăn phía sau xe. Gói đồ lần này lớn hơn những lần trước, vì có cả chai sâm banh ở trong nữa. Hấn đến nông trại vào khoảng gần tối, vì biết chắc giờ đó mọi người đã nghỉ việc trở về nhà rồi. Hấn bước vào. Không khí trong nhà bếp thật ấm cúng. Bà Périer đang làm bếp, chồng bà đang đọc báo Paris soir. Annette đang ngồi đan tấc.

— Bác ạ, tôi có đem biếu bác mấy cây kim may nữa đây.

Hắn nói trong khi mở gói đồ và xây lại phía Anneite.

— Tao không cần gì hết.

— Không cần? - Hắn mỉm cười với nàng và tiếp - Cần chuẩn bị cho đứa bé chứ!

— Annette, anh ấy nói đúng đó. Chúng ta thiếu đủ mọi thứ.

Trong khi bà nói, Annette vẫn không nhìn lên khỏi chiếc tắc đang đan. Đôi mắt thèm khát của bà Périer lục soát gói đồ. Bà thốt lên:

— Một chai sâm banh!

Thằng Hans tỏ ra hân hoan. Hắn nói:

— Bây giờ tôi xin giải thích vì sao tôi đem chai sâm banh. Tôi đã có dụng ý.

Hắn do dự một chốc rồi kéo ghế ngồi xuống trước mặt Annette:

— Tôi không biết bắt đầu sao đây. Annette à, tôi rất ân hận về sự việc tôi đã làm tối hôm ấy. Thực ra không phải lỗi tại tôi mà là vì hoàn cảnh thúc đẩy. Annette có thể tha thứ cho tôi không?

Nàng ném vào hắn một cái nhìn thù hận:

— Không bao giờ! Tại sao mày không để cho tao yên? Mày phá hại cả đời tao chưa đủ sao?

— Điều ấy đúng, tôi công nhận. Đáng lẽ tôi không nên đeo đuổi theo Annette nữa. Nhưng khi được biết Annette sắp có con, tôi lấy làm sung sướng lắm. Sự thể bây giờ đã thay đổi khác. Tôi thật lấy làm kiêu hãnh...

— Mày kiêu hãnh? - Nàng chồm tới trước mặt hắn, hỏi.

— Tôi muốn Annette giữ lấy đứa bé, Annette ạ! Tôi sẽ sung sướng lắm nếu Annette không ruồng bỏ nó.

— Làm sao mày dám nói như vậy?

— Annette hãy nghe tôi nói đã. Từ khi biết được tin ấy, tôi không còn nghĩ gì khác. Chiến tranh sẽ chấm dứt trong sáu tháng nữa. Chúng tôi sẽ bắt bọn Anh quỳ gối đầu hàng trong

mùa xuân. Bọn chúng hết còn bám víu vào một may mắn nào nữa. Và tôi sẽ giải ngũ, cưới Annette.

— Mà cưới tao? Vì sao?

Mặt hắn đỏ bừng dưới làn da sạm nắng. Hắn không đủ can đảm để nói lên điều ấy bằng tiếng Pháp. Vì vậy hắn nói bằng tiếng Đức, vì biết nàng có thể hiểu được:

— Ich liebe dich.

— Hắn nói gì vậy? - Bà Périer hỏi con.

— Hắn nói hắn yêu tôi!

Annette ngả đầu ra phía sau, và phát lên một tràng cười chát chúa. Tiếng cười càng lúc càng lớn, nàng không thể dừng được và nước mắt chảy ràn rụa từ hai mắt nàng. Bà Périer vả bép bép vào hai má nàng, nói với thằng Hans:

— Anh đừng để ý gì cả. Cơ động kinh! Anh đã biết tình trạng của nó mà!

Annette giật nảy mình, rồi dần dần trở lại bình tĩnh. Thằng Hans nói:

— Tôi đem chai sâm-banh để chúng ta làm lễ đính hôn.

— Cái điều chua chát nhất của chúng ta, - Nàng nói trống - là đã bị đánh bại bởi cái bọn ngu xuẩn, cái bọn ngu xuẩn như thằng này!

Thằng Hans lại tiếp tục nói tiếng Đức.

— Tôi không ngờ tôi đã yêu Annette cho đến ngày tôi khám phá ra rằng Annette đã có thai. Điều ấy nó đến với tôi đột ngột như một tiếng sét, nhưng tôi nghĩ tôi đã yêu Annette từ lâu.

— Nó nói gì vậy? - Bà Périer hỏi.

— Chẳng có gì quan trọng. Nhảm nhí cả!

Hắn trở lại nói tiếng pháp, vì muốn cho ba má Annette cùng nghe những điều hắn nói:

— Đáng lẽ tôi làm lễ cưới ngay. Nhưng ba má tôi có lẽ sẽ không chịu để cho tôi làm như vậy. Đừng tưởng tôi là con số

không né. Ba tôi làm ăn phát đạt. Gia đình tôi được làng nước trọng nể. Tôi là con trai lớn và được nuông chiều đủ mọi thứ.

— Anh có phải là Công giáo không? - Bà Périer hỏi.

— Vâng, tôi là Công giáo!

— Như vậy cũng là một điều đáng kể!

— Miền chúng tôi ở là một miền xinh đẹp, đất tốt. Từ Munich đến Innsbruck không đâu đất đai phì nhiêu bằng ruộng vườn của gia đình tôi. Ông nội tôi tạo mãi cái gia tài ấy sau trận chiến tranh 1870. Nhà chúng tôi có xe hơi, có máy thu thanh và có cả điện thoại nữa.

Annette xây lại nói với cha, vẻ đầy mai mỉa:

— Ba ạ! Cậu công tử này có lẽ là người lịch sự, tao nhã nhất thế giới đó!

Nàng nhìn chòng chọc vào hắn nói:

— Có lẽ đó là một địa vị rất tốt đẹp cho tao, một cô gái ngoại quốc đem từ cái xứ bị xâm chiếm về với một đứa con hoang không hôn thú! Nó cho tao một cơ hội quý báu để chụp lấy hạnh phúc phải không? Thực là dịp may hiếm có, ngàn năm một thử!

Ông già Périer, một người ít nói, nói với hắn:

— Không! Tôi không chối cãi là anh đã có một cử chỉ đẹp. Tôi có tham gia trận thế chiến trước, và tất cả chúng tôi đều có những hành động mà có lẽ trong thời bình không bao giờ chúng tôi làm. Nhân tính là nhân tính, không làm sao được! Nhưng bây giờ con trai tôi đã chết, chúng tôi chỉ còn có một mình con Annette. Chúng tôi không thể để cho nó đi xa được!

— Tôi có nghĩ đến điều đó, - Hắn trả lời - và tôi đã có cách giải quyết. Tôi sẽ ở lại đây.

Annette nhìn hắn một cái nhìn chớp nhoáng.

— Anh muốn nói sao? - Bà Périer hỏi.

— Tôi còn có một đứa em trai. Hắn có thể ở nhà và giúp đỡ ba tôi. Tôi yêu cái xứ sở này. Với nghị lực và sáng kiến, người ta có thể biến đổi cái nông trại này thành một nông trại tốt. Sau

chiến tranh, một số đông người Đức sẽ ở lại lập nghiệp ở đây. Điều có thể biết chắc chắn là dân Pháp sẽ không có đủ người để khai thác đất đai. Hôm vừa rồi ở Soissons có một người đã diễn thuyết nói cho chúng tôi biết như vậy. Ông ta bảo rằng một phần ba ruộng nương sẽ bị bỏ hoang vì thiếu nhân công!

Hai ông bà Périer trao đổi cho nhau những cái nhìn. Annette biết họ đã bị lung lay. Điều họ mong ước từ khi thằng con trai chết là có một thằng rể to lớn khỏe mạnh để có thể nối nghiệp họ khi họ trở về già, không còn làm được gì ngoài những việc lật vật trong nhà. Bà Périer lên tiếng trước:

— Nếu như vậy thì lại khác. Đây là một đề nghị cần xét lại.

— Má câm cái miệng má lại đi!

Nàng nói một cách cộc lốc. Rồi chồm tới trước, nàng nhìn người lính Đức với đôi mắt đỏ lửa, nói một hơi:

— Tao đã được hứa hôn với một nhà giáo dạy trường Nam ở một thị xã mà tao cùng dạy. Chúng tôi định làm lễ thành hôn sau chiến tranh. Anh ta không mạnh khỏe to lớn như mày cũng không đẹp trai. Anh nhỏ con và mảnh khảnh, vẻ đẹp độc nhất ở anh là trí thông minh, trí thông minh bùng sáng nơi mặt anh. Sức mạnh độc nhất ở anh là sự cao thượng của tâm hồn. Anh ta không phải là một thằng dã man mọi rợ. Anh là một người văn minh. Anh có một ngàn năm văn hiến ở sau anh. Tao yêu anh ta. Yêu với tất cả con tim, yêu với tất cả tâm hồn!

Vẻ mặt thằng Hans sa sầm thiếu não. Chưa bao giờ hắn nghĩ rằng Annette đã có người yêu.

— Bây giờ anh ta ở đâu?

— Mày thử đoán anh ở đâu! Ở nước Đức của mày! Bị cầm tù và đang chết đói. Đang chết đói trong khi bọn mày ăn hết mầu mỡ của đất nước tao. Bao nhiêu lần rồi, tao đã bảo là tao thù ghét mày. Mày yêu cầu tao tha thứ cho mày? Không bao giờ! Mày phải đền tội. Thằng ngốc!

Nàng ngả đầu ra phía sau, vẻ đau xót không nguôi hiện lên khuôn mặt nàng. Nàng tiếp:

— Tan nát hết cả rồi! Đã đành ảnh sẽ tha thứ cho tao. Ảnh hiền lành lắm. Nhưng tao bị dày vò vì cái ý nghĩ rằng một ngày nào đó, sự nghi ngờ sẽ len lỏi vào lòng ảnh mà cho rằng: có lẽ tao không bị cưỡng hiếp, có lẽ tao đã tự hiến cho mày vì bơ sữa, vì phô-mát, bít tắc lựa... Ừ, không lẽ chỉ có riêng tao lại khác? Và cuộc đời của chúng ta sẽ ra sao với một đứa con ở giữa, một đứa con của mày, một đứa con Đức! To lớn như mày. Trời! Vì sao tôi lại phải đau khổ đến thế này?

Nàng đứng dậy và biến khỏi nhà bếp. Ba người còn lại ngồi im lặng một phút. Thằng Hans buồn rầu nhìn chai sâm banh.

Hắn thở dài và đứng dậy. Khi hắn đi ra ngoài bà Périer đi theo hắn. Bà hỏi nhỏ hắn:

— Có phải anh muốn nói anh muốn cưới nó không?

— Vâng, đúng như vậy. Tôi yêu Anette.

— Và anh không đem nó đi xa? Anh sẽ ở lại đây và làm việc cho nông trại?

— Tôi hứa với bác như vậy.

— Dĩ nhiên ông già của Annette không sống mãi được. Ở gia đình anh, thì anh còn chia gia tài cho em anh, còn ở đây, anh không chia cho ai cả!

— Cũng có như vậy.

— Chúng tôi không bao giờ bằng lòng cho con Annette lấy ông giáo ấy, nhưng khi thằng con trai tôi còn sống, hắn nói nếu con Annette muốn lấy ông giáo, thì tại sao không cho nó làm theo ý nó. Mà con Annette thì say mê ông giáo như chết. Nhưng bây giờ con trai tôi đã qua đời, tình thế lại đổi khác. Dù cho con Annette có muốn, nó cũng không làm sao đảm đương nổi một mình cái nông trại này.

— Thực đáng tiếc, nếu phải bán cho người khác. Tôi hiểu rõ tình cảm của nhà nông đối với ruộng đất của họ làm.

Hai người đi ra đến ngoài đường. Bà già bắt tay hắn, siết mạnh một cái, nói:

— Anh trở lại sớm nhé!

Thằng Hans biết bà đã đứng về phía hắn. Ý nghĩ ấy an ủi hắn trên đường trở về Soissons. Hắn buồn phiền khi nghĩ đến Annette đã có người yêu. Nhưng cũng may, thằng cha ấy hiện đang bị tù, và cũng còn lâu lắm, hắn mới có thể được thả về. Trong khi ấy thì có thể đứa con đã ra đời, cô ả có thể sẽ thay đổi. Đối với đàn bà, bạn khó có thể nói gì trước lắm. Như ở trong làng hắn, có một bà say mê chồng đến nỗi trở thành một trò cười cho thiên hạ, nhưng từ khi có đứa con đầu, bà không làm sao chịu đựng nổi cái bóng dáng của đức lang quân. Ừ! Đã vậy, thì tại sao cái trường hợp trái ngược lại không thể xảy ra? Và bây giờ hắn đã đề nghị cưới nàng thì nàng phải thấy rõ hắn là hạng người đứng đắn chứ? Trời! Thực là cảm động chết được khi nàng nhìn với cái đầu ngả lui đằng sau! Và sao nàng nói hay thế? Lời lẽ thực tuyệt! Một nữ kịch sĩ trên sân khấu cũng không thể diễn xuất hay hơn thế, mà lại tự nhiên nữa chứ! Bạn phải công nhận điều này, là bọn Pháp nó biết nói chuyện. Chà! Cô ả thực khôn ngoan lanh lợi. Cho đến khi cô chửi hắn với cái lưỡi chua chát của cô, hắn nghe cũng vẫn thấy khoái. Trình độ giáo dục của hắn đâu phải tồi, thế mà hắn không làm sao theo cô kịp. Văn hóa! Đó chính là văn hóa mà cô ả đã hấp thụ được.

Còn mình là một con lừa! Hắn nói lớn trong khi đạp xe trên đường về. Nàng có bảo rằng hắn to lớn, mạnh khỏe và đẹp trai. Nàng có nói ra như vậy chẳng, nếu những điều ấy đối với nàng không có nghĩa lý gì cả. Và nàng cũng có nói đến đứa con sẽ có đầu tóc đẹp như hắn, đôi mắt xanh như mắt hắn. Nếu màu da hắn không gây cho nàng một ấn tượng nào đó, thì nàng nói ra làm gì chứ? Hắn mỉm cười: “Miễn là mình có đủ thời giờ. Hãy kiên nhẫn, và để cho thời gian làm việc”.

Mấy tuần trôi qua. Viên sĩ quan chỉ huy ở Soissons là một người có tuổi, dễ dãi, và với mục đích để dùng vào mùa xuân tới, ông ta không bắt bộ đội dưới quyền ông phải làm việc nhọc nhằn. Báo chí Đức cho họ biết rằng Anh quốc đang bị tê liệt, chìm đắm dưới những trận mưa bom của không quân Đức, và dân chúng đang sống trong kinh hoàng. Tàu lặn Đức đánh đắm vô số tàu Anh, và cả nước đang đói. Cách mạng thế nào cũng bùng nổ. Trước mùa hè sang năm, chiến tranh sẽ chấm dứt và người Đức sẽ làm bá chủ hoàn cầu. Thằng Hans viết thư về nhà cho cha mẹ biết hắn sắp làm lễ cưới với một thiếu nữ Pháp, và với cô ta, cả một cái nông trại xinh xắn nữa. Hắn đề nghị với em trai hắn đi vay tiền để mua lại cái phần gia tài của hắn, như vậy hắn sẽ nới rộng nông trại của hắn ở đây bằng cách mua thêm đất ruộng, sẽ rẻ như bèo nhờ chiến tranh và hối xuất cao của đồng mark so với đồng phật-lăng. Hắn đi quan sát nông trại với ông Périer. Ông già im lặng nghe hắn trình bày ý kiến của hắn: cái nông trại cần phải được tu bổ lại, và vì hắn là người Đức, hắn sẽ hưởng được nhiều ưu tiên, cái máy kéo đã quá cũ, hắn sẽ mua một cái máy mới đem từ Đức sang, và mua thêm một cái máy cày nữa. Muốn cho đất ruộng có nhiều hoa màu, bạn phải biết lợi dụng những phát minh tân kỳ. Sau đó, bà Périer kể lại cho hắn nghe rằng chồng bà khen hắn không phải là một thanh niên tồi và cũng biết được nhiều chuyện. Bây giờ bà đã rất thân thiện với hắn và bắt hắn ở lại ăn cơm trưa với gia đình bà trong những ngày chủ nhật. Bà đổi tên hắn ra tiếng Pháp là Jean. Hắn luôn luôn sẵn sàng giúp một tay trong mọi việc. Trong lúc Annette mỗi ngày mỗi bớt làm việc nặng nhọc, có được một người đàn ông đảm đang như hắn ở trong nhà, cũng là một điều quá may mắn.

Annette vẫn còn giữ nguyên ác cảm với hắn. Không bao giờ nàng nói chuyện với hắn trừ khi phải trả lời những câu hỏi thẳng của hắn, nhưng khi có dịp, nàng rút lui ngay vào phòng

riêng. Những lúc trời quá lạnh, không thể ở trong phòng được, nàng xuống nhà bếp ngồi cạnh lò lửa, đan may hay đọc sách, hoàn toàn không để ý đến hấn, làm như không thấy có hấn ở đấy. Sức khỏe của nàng bây giờ thực dồi dào. Màu hồng ửng lên đôi má nàng, và trong mắt thằng Hans, nàng trông thực đẹp. Càng gần ngày sinh nở, dáng điệu nàng lại có một vẻ đài các kỳ lạ, và mỗi khi đắm đuối nhìn nàng, lòng hấn lại rộn ràng vui sướng.

Rồi một hôm, trên đường đến nông trại hấn nhìn thấy bà Périer đứng bên đường ra hiệu cho hấn dừng lại. Hấn hãm xe thiếu điều đứt thắng.

— Tôi đợi anh suốt một giờ đồng hồ rồi đó. Tôi tưởng anh không đến. Anh nên trở về đi. Pierre chết rồi!

— Pierre là ai?

— Pierre Gavin. Ông giáo mà con Annette định lấy làm chồng ấy mà!

Tim thằng Hans nhảy vọt lên. Thực là may mắn! Từ nay hấn có hy vọng nhiều rồi.

— Annette có đau khổ lắm không?

— Nó không khóc lấy một tiếng. Nhưng khi tôi cố an ủi nó, nó lại mắng nhiết tôi. Nếu nó thấy bóng anh hôm nay, có thể nó sẽ đâm anh một dao lút cán!

— Đâu phải lỗi tại tôi nếu anh ta chết? Bác nghe nói thế nào?

— Một người bạn hấn, cũng ở tù bên ấy, thoát qua được bên Thụy Sĩ, gửi thư về cho con Annette. Chúng tôi nhận được thư hồi sáng này. Nguyên là có một cuộc nổi loạn trong nhà giam, vì tù nhân không được cho ăn đầy đủ. Những người cầm đầu đều bị bắn. Pierre là một trong những người ấy.

Thằng Hans không nói gì, nhưng hấn nghĩ sự trừng phạt ấy dạy cho người ta biết khôn ra. Bọn chúng tưởng trại giam là khách sạn Ritz chắc?

— Anh hãy đợi ít hôm cho nó trở lại bình tĩnh đã. Khi nó nguôi nguôi, tôi sẽ nói hơn thiệt với nó. Tôi sẽ viết thư tin cho anh biết ngày nào anh có thể trở lại được.

— Như thế cũng được. Bác ráng nói giúp vào cho tôi, bác nhé!

— Anh cứ tin tôi đi. Ông nhà tôi và tôi thì đã bằng lòng rồi đó. Chúng tôi thường bàn luận với nhau về chuyện ấy. Chúng tôi đi đến kết luận là: không thể làm gì khác hơn là phải chấp nhận hoàn cảnh, ông nhà tôi không phải khờ khạo đâu, ông thường nói: điều hay nhất cho nước Pháp hiện nay là sự hợp tác. Và xét cho cùng, thì tôi cũng không ghét bỏ gì anh. Tôi cũng không cần tự hỏi nếu anh làm chồng con Annette thì có tốt hơn ông giáo kia không. Với đứa bé ra đời, thế là mọi việc đều yên.

— Tôi muốn nó là con trai.

— Thì chắc chắn là con trai rồi đó. Tôi thấy rõ điều ấy trong bã cà phê và trong khi bói bài. Mỗi lần, câu trả lời đều là con trai.

— À, tôi quên mất! Đây, có mấy tờ báo gửi cho bác trai đây.

Hắn nói trong khi quay xe và sắp leo lên. Hắn rút ba tờ báo Paris-soir đưa cho bà. Tối nào ông già Périer cũng đọc báo. Báo nói rằng nước Pháp cần phải thực tế và chấp nhận trật tự mới mà Hitler đang sắp đặt cho Âu Châu. Báo nói rằng tiềm thủy đỉnh Đức đang quét sạch biển cả. Báo nói rằng Bộ tham mưu tối cao đang thảo hoạch các chi tiết cuối cùng cho cuộc đổ bộ để bắt Anh quốc phải quỳ gối đầu hàng. Báo nói rằng người Mỹ thiếu chuẩn bị, quá nhu nhược và quá chia rẽ để có thể đến cứu nước Anh. Báo nói rằng nước Pháp nên chụp lấy cơ hội trời cho mà cộng tác với Đức Quốc xã để chiếm lấy cái địa vị danh dự trong một Âu châu mới. Và đâu phải người Đức đã viết ra tất cả những điều ấy, mà chính là người Pháp. Ông Périer gục gặt đầu tán thành khi đọc thấy nói giai cấp tài phiệt và bọn Do Thái cần phải bị tiêu diệt và người dân nghèo ở Pháp, cuối cùng phải đứng lên tự nắm lấy vận mệnh của mình. Họ nói thực đúng! Những tác giả thông thái cho rằng nước Pháp là một nước cần

bản nông nghiệp, và cái xương sống của nó là những người nông dân cần cù. Thực tuyệt! Đó mới thực là biết suy nghĩ.

Mười ngày sau khi được tin Pierre Gavin chết, một hôm sau bữa cơm tối, bà Périer sắp đặt trước với chồng, nói với Aenette:

— Tao có viết thư cho thằng Jean mấy hôm rồi, bảo hẳn ngày mai đến đây!

— Cám ơn má đã báo cho biết trước. Ngày mai tôi sẽ ở lại trong phòng!

— Sao lạ vậy? Mà phải ra chứ! Đừng có điên khùng nữa. Mà phải thực tế một chút. Bây giờ thằng Pierre đâu còn nữa. Thằng Jean yêu mà, muốn cưới mà. Nó là một thằng đảm đang, lanh lợi, xinh trai, đứa con gái nào lấy nó chắc cũng sẽ kiêu hãnh lắm đó. Làm sao chúng ta có thể tạo lập nông trại lại được, nếu không có sự giúp sức của hẳn? Hẳn sắp xuất tiền ra mua một cái máy kéo và một cái máy cày đấy. Cái gì qua rồi mà nên để cho nó qua!

— Má đừng nói hao hơi vô ích. Trước kia tôi đã tự làm việc để nuôi sống, thì bây giờ tôi cũng tự nuôi sống được. Tôi thù ghét hẳn. Tôi ghét cái tánh khoe khoang và phách lối của hẳn. Tôi có thể giết hẳn được, nhưng cái chết của hẳn cũng chưa làm cho tôi thỏa dạ. Tôi muốn hành hạ hẳn như hẳn đã hành hạ tôi. Tôi nghĩ rằng, tôi sẽ chết sung sướng nếu tôi có thể tìm ra cách gì để làm tổn thương hẳn như hẳn đã làm tổn thương tôi.

— Mà điên quá rồi con ơi!

— Má mà nói đúng đó, Annette ạ, - Ông Périer nói - chúng ta đã thất trận, chúng ta phải chấp nhận hậu quả của nó. Chúng ta phải cố gắng thu xếp một cách có lợi với những kẻ chiến thắng. Dân ta khôn ngoan tài trí hơn họ, và nếu chúng ta biết xử dụng những lá bài của chúng ta một cách khôn khéo thì chúng ta lại sẽ vượt lên hàng đầu. Nước Pháp đã suy đồi quá rồi, vì sự phá hoại của bọn tài phiệt và bọn Do Thái. Mà đọc báo đi, rồi sẽ thấy rõ như vậy!

— Ba tưởng tôi tin một câu, một chữ nào trong các tờ báo ấy chắc? Ba có tự hỏi tại sao hẳn lại đem tờ báo ấy cho ba đọc, nếu tờ báo không bị bọn Đức mua? Bọn phản quốc! Cả một bọn phản quốc đã viết trong đó. Lạy Chúa cho tôi sống để nhìn thấy bọn chúng bị quốc dân xé xác ra từng mảnh. Tất cả cái bọn ấy đều bị mua, bị mua hết - bị mua bằng tiền Đức. Bọn chó má!

Bà Périer cũng nổi nóng. Bà nói:

— Tại sao mày chống đối, thù hiểm thằng ấy dữ vậy? Hẳn hiếp mày - đúng! Nhưng là vì hẳn say. Cái chuyện đàn bà bị hiếp đâu phải là lần đầu tiên, mà cũng không phải là lần cuối cùng. Hẳn đánh ba mày học máu mồm máu mũi, mà ba mày có thù hiểm gì hẳn đâu?

— Sự việc ấy thực không vui vẻ gì, nhưng ba cũng đã cho qua!
Annette phá lên cười chua chát:

— Đáng lẽ ba nên làm ông cố đạo. Ba tha thứ cho những kẻ làm hại ba với một tinh thần đúng là của Chúa Ki-tô.

— Như vậy thì có gì là bậy? - Bà Périer hỏi một cách giận dữ! - Thằng Jean đã không làm đủ mọi cách để chuộc lại lỗi lầm của hẳn đó sao? Ở đâu, ba mày có thể kiếm ra được thuốc hút trong mấy tháng nay, nếu thằng ấy không đem đến? Nếu chúng ta chưa chết đói cũng là nhờ hẳn!

— Nếu má mà còn một chút tự hào, nếu má còn có một ý niệm về liêm sỉ, thì má đã ném trả vào mặt hẳn những đồ hẳn đem đến.

— Thế mày không ăn những thứ hẳn đem đến?

— Không, không bao giờ.

— Mày đối trá, và mày biết mày đối trá. Mày từ chối không ăn phô-mát và bơ và cá mòi hộp. Nhưng trong xúp mày ăn, mày biết rằng tao có hầm thịt heo của hẳn đem đến. Và ngay món xà lách mày ăn tối hôm nay, cũng có trộn dầu của hẳn đem tới cho tao.

Annette thở ra một tiếng thực dài. Nàng sờ tay lên đôi mắt, nói một cách đau xót:

— Tôi biết! Tôi cố tránh, không ăn nhưng không thể được: tôi đói quá. Vâng, tôi biết có thịt hấn đem đến trong món xúp mà tôi vẫn ăn. Tôi biết xà lách có dầu của hấn, tôi muốn từ chối không ăn, nhưng tôi thèm quá. Thực ra không phải tôi ăn, mà chính cái con quỷ đói ghê gớm đang nằm ở trong bụng tôi nó đòi ăn!

— Đừng nguy biện vô ích, mô tê gì cũng là mày ăn!

— Ăn với nhục nhã, với tuyệt vọng, với đau lòng! Chúng bẻ gãy lực lượng chúng ta trước tiên bằng phi cơ và thiết giáp, và bây giờ, khi chúng ta thiếu tự vệ, chúng lại đang bẻ gãy tinh thần chúng ta bằng cách bỏ đói chúng ta!

— Con này nó đóng kịch được đấy, nhưng không gạt được ai đâu, con ạ! Mày có học thức, mà thực tình, mày ngu lắm. Mày hãy quên quá khứ đi, và cho con mày một thằng cha. Đó là chưa nói hấn là một nhân công đặc lực cho nông trại, có thể làm việc bằng hai công thuê. Đó là khôn ngoan. Đó là biết suy nghĩ!

Annette nhún vai, chán nản. Ba người chấm dứt cuộc cãi vã trong im lặng.

Hôm sau thằng Hans đến. Annette ném về phía hấn một cái nhìn oán ghét và vẫn ngồi không nhúc nhích. Hấn mỉm cười thân thiện với nàng:

— Cám ơn Annette đã không lánh mặt tôi.

— Ba má tao gọi mày đến, nhưng bây giờ họ đi vào trong làng có việc. Thế cũng là một dịp tốt. Vì tao cũng muốn nói với mày một câu chuyện. Ngồi xuống đó đi!

Hấn cởi áo ngoài, bỏ mũ sắt xuống và kéo ghế ngồi.

— Ba má tao muốn tao lấy mày. Mày thực khôn khéo, mày đem quà tặng, mày hứa hẹn đủ điều, mày tán tỉnh họ. Họ tin những điều họ đọc trong tờ báo mà mày đem đến. Tao muốn

nói cho mày hay là không bao giờ tao lấy mày. Tao thấy tao không thể thù ghét ai bằng thù ghét mày!

— Annette cho phép tôi nói bằng tiếng Đức. Tôi biết Annette có thể hiểu được những lời tôi nói!

— Được, tao có dạy tiếng Đức, tao đã làm cô giáo trông nom dạy dỗ hai đứa bé ở Stuttgart trong hai năm.

Hắn đổi sang nói tiếng Đức, nhưng Annette vẫn tiếp tục nói tiếng Pháp. Hắn nói:

— Không phải tôi yêu thương Annette, tôi còn ngưỡng mộ Annette nữa. Tôi ngưỡng mộ cái cao quý và thanh nhã của Annette, ở Annette có một cái gì mà tôi không làm sao thấu hiểu được. Tôi quý trọng Annette. Ồ, tôi thấy rõ Annette không muốn lấy tôi ngay bây giờ, dù cho có thể được. Nhưng Pierre nay đã mất.

— Đừng động đến anh ấy. Đó là niềm an ủi cuối cùng của tao.
- Nàng nói giọng giận dữ.

— Không, tôi chỉ muốn nói với Annette rằng tôi rất tiếc anh ta đã chết!

— Chết vì bị bọn cai ngục bắn, bắn một cách lạnh lùng thản nhiên!

— Có lẽ rồi Annette cũng sẽ khuây khỏa theo với thời gian. Khi một người thân mình mất, mình nghĩ rằng sẽ không bao giờ mình quên được. Nhưng thời gian sẽ hàn gắn tất cả. Tôi thấy không gì hơn là Annette nên cho con của Annette một người cha!

— Cho dù không có gì khác xảy ra đi nữa, mày cũng đừng tưởng tao có thể quên rằng mày là một thằng Đức, và tao một người đàn bà Pháp. Nếu mày không ngu ngốc như một thằng Đức có thể ngu ngốc, thì mày phải thấy rằng đứa con ấy sẽ là một sỉ nhục cho tao suốt đời. Mày tưởng tao không có bạn bè thân thích sao? Làm sao tao có thể nhìn thẳng vào mặt họ khi tao có một đứa con với một thằng lính Đức? Bây giờ tao chỉ yêu

cầu mây có một điều, là hãy để tao yên với nỗi ô nhục của tao. Mà hãy đi đi! Đi, và đừng bao giờ trở lại nữa!

— Nhưng nó cũng là con của tôi nữa chứ! Tôi muốn đòi con của tôi!

— Con của mà? - Nàng thét lên, vẻ ngạc nhiên - Một đứa con hoang, mà đã tạo ra trong một cơn say mọi rợ, có nghĩa gì đối với mà?

— Annette không thể hiểu được lòng tôi. Tôi rất lấy làm kiêu hãnh và sung sướng khi tôi biết được Annette sắp có con, và chính đó cũng là lúc tôi khám phá ra rằng tôi yêu Annette. Ban đầu, tôi không thể tin được điều đó, nó đối với tôi là cả một sự bất ngờ. Annette hiểu tôi muốn nói gì không? Đứa con sắp ra đời là tất cả đối với tôi trên đời này. Ô, tôi không biết phải nói thế nào. Nó đem lại trong lòng tôi những cảm giác, những xúc động mà chính tôi cũng không hiểu ra làm sao.

Nàng đắm đắm nhìn hắn, và một tia sáng kỳ dị hiện trong mắt nàng. Bạn có thể nói đó là cái nhìn của sự chiến thắng. Nàng cười gằn:

— Tao không hiểu tao thù ghét cái vũ phu của bọn Đức chúng mà nhiều hơn, hay kinh tởm cái tình cảm của chúng mà nhiều hơn!

Hắn hình như không nghe những điều nàng vừa nói.

— Tôi luôn luôn tưởng nghĩ đến thằng bé!

— Thằng bé! Mà tin chắc nó là con trai?

— Tôi biết nó sẽ là con trai. Tôi muốn được ẵm nó trong hai tay, được tập cho nó đi. Và khi nó lớn, tôi sẽ dạy cho nó những điều tôi biết. Tôi sẽ dạy nó cỡi ngựa, lái xe, bắn súng. Con suối ở đây có cá không? Tôi sẽ dạy nó đi câu, tôi sắp trở thành một người cha hãnh diện nhất trên đời!

Nàng nhìn hắn với đôi mắt nghiêm khắc. Nét mặt nàng trở thành nghiêm nghị cương quyết. Một ý nghĩ, một ý nghĩ kinh

khủng đang hình thành trong đầu óc nàng. Hấn mỉm cười thân thiện với nàng:

— Có lẽ khi Annette thấy tôi yêu thằng con chúng ta nhiều như thế nào, Annette cũng sẽ dần dần yêu tôi cho mà xem. Tôi sẽ làm một người chồng tốt của Annette, Annette ạ!

Nàng không nói gì, chỉ nhìn hấn một cách khinh ghét.

— Annette không nói cho tôi được một lời yêu thương nào chẳng?

Nàng đỏ bừng mặt. Mười ngón tay nàng đan chặt lấy nhau:

— Người ngoài có thể khinh bỉ tao. Nhưng tao sẽ không bao giờ làm một điều gì để tao tự khinh bỉ tao. Mà là kẻ thù của tao, và sẽ luôn luôn là kẻ thù của tao. Tao chỉ sống để thấy nước Pháp được giải phóng. Điều ấy sẽ đến, có thể không phải sang năm hay sang năm nữa, cũng có thể không phải ba mươi năm sau. Nhưng nó sẽ đến. Người khác muốn làm gì mặc họ, còn tao, tao không bao giờ thỏa hiệp với cái bọn xâm chiếm nước tao. Tao thù ghét mày và thù ghét đứa con mày trong bụng tao. Ừ, chúng tao đang bị đánh bại. Nhưng trước khi chung cuộc mày sẽ thấy rằng chúng tao không bị chinh phục. Bây giờ thì mày đi đi. Tao đã nhất quyết, và không có gì trên trái đất này có thể thay đổi được quyết định của tao!

Thằng Hans im lặng một vài phút. Hấn lại cất tiếng hỏi:

— Annette đã chuẩn bị việc mời bác sĩ chưa? Tôi sẽ đài thọ mọi chi phí.

— Mày tưởng rằng tao muốn loan truyền cái ô nhục này cho cả làng cả nước biết sao? Má tao có thể đảm đương mọi việc khi cần!

— Nhưng giả sử có sự trục trặc thì sao?

— Và giả sử tao yêu cầu mày đừng xía vô công chuyện của người khác, thì mày nghĩ sao?

Hấn thở ra và đứng lên. Hấn đi ra và đóng cửa sau lưng hấn. Annette nhún hấn bước trên ngõ dẫn ra phía đường cái. Nàng

tức giận nhận thấy rằng những điều hắn vừa nói làm nổi dậy trong lòng nàng một cảm xúc mà từ trước đến giờ nàng chưa bao giờ có đối với hắn.

“Lạy Chúa cho tôi có đủ nghị lực”, nàng nói thầm trong miệng.

Trong lúc hắn đang đi ra, con chó - con chó già mà gia đình nàng đã nuôi mấy năm nay - chạy theo hắn sủa một cách giận dữ. Từ mấy tháng nay hắn cố làm thân với con chó, nhưng con chó vẫn không đáp lại cảm tình của hắn. Mỗi lần hắn đưa tay ra định vuốt ve nó thì nó lùi lại, gầm gừ và nhe răng với hắn. Và bây giờ, con chó đang chạy theo hắn, giận dữ sủa như muốn trút tất cả cái ác cảm của nó. Thằng Hans đá cho nó một đá như trời giáng. Con chó té nhào vào bụi cây, chạy cà nhắc cà nhắc ra xa và kêu oăng oăng dữ dội.

“Đồ thú vật! - Nàng kêu lên - Đồ dối trá dối trá, dối trá! Thế mà đã có lúc yếu đuối, tao gần muốn thương hại mày!”

Bên cạnh cửa ra vào có treo một tấm gương soi, nàng chợt nhìn thấy bóng mình ở trong ấy. Nàng đứng thẳng người lên và cố mỉm cười với cái hình ảnh mình trong gương. Nhưng đáng lẽ là một cái mỉm cười, thì đó chỉ là một cái nhích mép dữ tợn.

Bây giờ là tháng ba. Trong đồn ở Soissons, sự hoạt động trở nên rộn rịp, náo nhiệt. Những cuộc duyệt binh và tập dượt liên miên diễn ra. Tin đồn đủ loại. Chắc sẽ có một cuộc chuyển quân. Những sĩ quan cũng như binh lính chỉ biết đoán mò. Người thì cho rằng sắp có cuộc đổ bộ lên Anh quốc người thì bảo rằng họ sẽ di chuyển sang Balkans, người thì bảo sẽ sang Ukraine. Thằng Hans bận rộn suốt ngày. Cho đến chiều chủ nhật tuần thứ hai, hắn mới có cơ hội ra ngoài để đến nông trại. Đó là một ngày trời xám lạnh, có tuyết rơi bay theo những cơn gió lớn thành linh, cảnh vật thực thê lương ảm đạm.

— Anh đó hả? - Bà Périer reo lên khi thấy hấn bước vào - Chúng tôi tưởng anh đã chết đâu rồi!

— Tôi không thể đến sớm được. Chúng tôi sẽ di chuyển nhưng không biết lúc nào.

— Nó vừa sanh sáng sớm hôm nay. Con trai!

Tim đập mạnh trong lồng ngực thẳng Hans. Hấn choàng tay ôm bà Périer hôn trên hai má.

— Sinh nhằm ngày chủ nhật, thằng bé chắc được nhiều may mắn. Chúng ta mở chai sâm banh ra đi. Annette có bình an không?

— Rất khỏe mạnh. Nó sanh rất mau mắn. Nó bắt đầu đau bụng đêm hôm qua và đến gần 5 giờ sáng nay thì sanh.

Ông già Périer ngồi hút thuốc lá bên cạnh lò lửa. Ông lặng lẽ mỉm cười, trước sự vui vẻ nhiệt thành của hấn. Ông nói:

— Đứa con đầu lòng bao giờ cũng gây nhiều xúc động.

— Tóc hấn thực nhiều và vàng như tóc anh vậy, mắt hấn xanh đúng như anh thường ao ước vậy. - Bà Périer nói - Tôi chưa bao giờ thấy một đứa bé ngộ nghĩnh như thế. Nó giống cha nó như đúc!

— Lạy Chúa! Tôi sung sướng quá. Cõi đời thực tuyệt. Tôi muốn vào thăm Annette.

— Không biết nó có muốn gặp anh không? Tôi sợ nó bị kích động mà mất sữa!

— Không, không, tôi sẽ không làm gì để Annette phải kích động đâu. Nếu Annette không muốn gặp tôi thì thôi. Nhưng cho tôi xem mặt thằng bé, chỉ một phút thôi.

— Xem thử nên tính cách nào đây. Để tôi lên ẵm nó xuống đây nhé!

Bà Périer đi ra, và hai người đàn ông nghe những bước nặng nề trên cầu thang. Nhưng một lát sau, họ nghe bà bước sầm sập trở xuống. Bà đắm sầm vào trong nhà bếp:

— Chúng nó không có ở trên ấy! Con nhỏ không có ở trong phòng, mà thằng bé cũng không!

Ông Périer và thằng Hans đều hoảng hốt kêu lên, và trong lúc bối rối chẳng biết làm gì, cả ba người đều chạy vội lên gác. Ánh sáng nhợt nhạt của buổi chiều lạnh lẽo chiếu trên các đồ đạc cũ kỹ ở trong phòng: cái giường sắt, cái tủ áo rẻ tiền, cái rương có nhiều ngăn kéo, tất cả đều nhớp nhúa, rầu buồn. Không có ai ở trong phòng hết.

— Nó ở đâu?

Bà Périer chạy dài trên hành lang, mở cửa gọi:

— Annette! Annette! Sao mà điên khùng quá thế không biết!

— Có lẽ nó xuống dưới phòng khách.

Ba người lại chạy xuống thang gác để vào phòng khách, ít khi dùng đến. Họ mở cửa phòng và một luồng khí lạnh tạt vào mặt họ. Họ lại mở kho để vật liệu.

— Nó đi đâu mất rồi! Tôi sợ có điều chẳng lành đã xảy ra.

— Làm sao Annette có thể đi ra được? Bằng ngã nào? - Thằng Hans hỏi vẻ lo âu.

— Thì đi qua cửa trước chứ còn ngã nào nữa, anh này thực ngờ ngẩn!

Ông Périer tiến đến mở cửa. Ông nói:

— Đúng rồi, cánh cửa đã rút chốt.

— Lạy Chúa! Lạy Chúa! Sao mà điên dại đến thế con ơi! - Bà Périer kêu lên - Nó sẽ chết mất!

— Chúng ta phải đi kiếm nó.

Nói xong, như có linh tính báo cho biết, thằng Hans chạy trở xuống nhà bếp bằng cái lối nó thường ra vào. Hai người kia chạy theo hắn.

— Ngã nào?

— Ngoài suốt!

Bà Périer run bắn cả người lên. Thằng Hans như hóa đá vì hãi hùng. Hắn nhìn bà già, kinh dị. Bà rên siết:

— Tôi sợ quá! Tôi sợ quá!

Thằng Hans sấn tới mở cửa, và ngay khi cửa vừa mở, Annette bước vào. Nàng chỉ mặc trên mình một bộ đồ ngủ và choàng ở ngoài một cái áo dài mỏng mảnh màu hồng điểm hoa xanh nhạt. Người nàng dầm ướt và tóc nàng rối bù dán sát vào đầu và rơi thành từng vể xuống hai vai. Da nàng trắng bạch như thủy ma. Bà Périer chồm tới ôm nàng trong hai tay.

— Mà ở đâu về đó? Thực khổ cho con tôi, ướt mèm hết cả thế này. Sao mà điên khùng quá thế!

Nhưng Annette đẩy bà ra. Nàng nhìn thằng Hans:

— Mà đến thực đúng lúc, mà ạ!

— Thằng bé ở đâu? - Bà Périer hỏi.

— Tôi sợ nếu chậm trễ sẽ không đủ can đảm, nên đã làm ngay lập tức!

— Annette, mà làm gì nó rồi?

— Đem cho người ta rồi! [4]

Thằng Hans thét lên một tiếng. Tiếng thét của một con thú bị tử thương. Hấn bưng mặt trong hai tay, lão đảo như người say rượu chạy ra ngoài cửa. Annette ngồi sụp xuống ghế, gục đầu và tựa trán trên hai nắm tay, nức nở khóc.

BỆNH VIỆN

Trong sáu tuần đầu ở bệnh viện, Ashenden không rời khỏi giường. Chàng không gặp người nào khác ngoài vị bác sĩ mỗi buổi sáng và chiều đến thăm bệnh cho chàng, các cô y tá đến săn sóc và người nữ lao công đem cơm nước vào phòng. Chàng bị lao phổi, và vì lúc đó có nhiều lý do khó khăn không tiện cho chàng sang Thụy Sĩ chữa bệnh, vị bác sĩ chuyên khoa của chàng ở Luân Đôn gửi chàng đến một bệnh viện bài lao ở phía bắc Tô Cách Lan. Cuối cùng, ngày mà chàng mong ước đã đến: ngày bác sĩ bảo chàng có thể ngồi dậy được. Chiều hôm ấy, cô y tá, sau khi phụ giúp chàng thay y phục, đưa chàng xuống hành lang, đặt gối sau lưng chàng, quấn mền quanh chàng và để cho chàng sưởi nắng dưới ánh mặt trời chiếu xuống từ một bầu trời không mây. Đây là một ngày vào giữa mùa đông. Bệnh viện nằm trên một ngọn đồi, và từ điểm cao ấy bạn có được một cái nhìn rộng rãi, bao quát của một vùng phủ đầy tuyết trắng mênh mông ở phía dưới. Dọc theo hành lang, có nhiều bệnh nhân nằm trên ghế xếp, người thì nói chuyện, kẻ xem sách, thỉnh thoảng một cơn ho nổi lên ở chỗ này chỗ nọ, và bạn để ý thấy mỗi khi ho xong, họ lo lắng nhìn vào chiếc khăn tay. Trước khi rời Ashenden, cô y tá, với một điệu bộ nhanh nhẩu nhà nghề, xoay sang phía người đàn ông nằm ở ghế bên cạnh, nói:

— Tôi xin giới thiệu với ông, đây là ông Ashenden.

Và xây lại phía Ashenden, nàng giới thiệu:

— Đây là ông Mc Leod. Ông Mc Leod và ông Campbell là hai bệnh nhân ở đây lâu nhất.

Phía bên kia Ashenden, là một cô gái rất duyên dáng, tóc màu hung và mắt xanh nhạt. Nàng không trang điểm, nhưng đôi môi rất đỏ và đôi má thực hồng làm tăng một cách kỳ lạ màu

trắng của làn da. Thực là xinh xắn, mặc dù bạn biết rằng cái sắc sảo ấy là do bệnh trạng mà có. Nàng mặc một chiếc áo lông và quần dày chần nên bạn không thể thấy được thân hình nàng, nhưng khuôn mặt thon nhỏ làm cho cái mũi nàng, thực ra không lớn, cũng trở thành hơi quá cao. Nàng nhìn Ashenden với cái nhìn thân thiện, nhưng không nói năng gì. Ashenden đâm ra rụt rè giữa cái đám người trông có vẻ mạnh khỏe ấy và mong được trao đổi chuyện trò với họ.

— Lần đầu tiên họ để cho ông ra đây phải không? - Ông Leod hỏi.

— Vâng.

— Phòng ông ở đâu?

Nghe Ashenden cho biết số phòng, ông Leod nói:

— Như vậy là phòng nhỏ. Tôi biết rõ các phòng ở đây. Tôi ở đây đã mười bảy năm. Phòng tôi là phòng tốt nhất, tôi được hưởng cái quyền ấy. Lão Campbell đã nhiều lần tìm cách đẩy tôi ra khỏi đây để hòng chiếm lấy phòng, nhưng tôi không thềm nhúc nhích. Tôi có quyền ở đó, vì tôi đến trước lão tao sáu tháng.

Nhìn ông Leod nằm đấy, bạn có ấn tượng là thân hình ông thực cao lớn; da bọc xương, hai má và thái dương lõm vào làm bạn có thể nhìn thấy hình dáng của xương sọ; khuôn mặt hốc hác với cái sống mũi quá cao biến đổi mặt ông thêm to lớn kỳ dị.

— Mười bảy năm, cũng là một thời gian dài nhỉ! - Ashenden nói cho có chuyện nói.

— Thời gian đi nhanh lắm. Tôi thích sống ở đây. Lúc đầu, cứ vài năm tôi lại đi nghỉ hè ở nơi khác, nhưng về sau, tôi không đi đâu nữa. Bây giờ đây là nhà tôi. Tôi có một thằng em trai và hai đứa em gái, nhưng bây giờ chúng đã có vợ có chồng, lập gia đình riêng cả rồi. Sau khi ở đây một thời gian, ông sẽ thấy lạc lõng khi trở về đời sống thường nhật ở ngoài. Bạn bè mỗi người đi một ngã, theo chí hướng của họ, và ông cảm thấy không còn liên hệ

gì với họ nữa. Tất cả đều trở thành vô nghĩa kinh khủng. Những chuyện không ra cái quái gì cũng làm mình bận rộn lo nghĩ. Chỉ có ồn ào và ngột ngạt. Vâng, ở đây thế mà hơn. Tôi sẽ còn nhúc nhắc ở đây cho đến lúc họ mang tôi đi, hai chân ra trước trong cái áo quan.

Bác sĩ có cho Ashenden biết nếu chàng chịu khó giữ gìn sức khỏe, thì trong một thời gian không lâu, chàng sẽ lại bình phục. Chàng tò mò nhìn Leod, hỏi:

— Ông làm gì cho hết ngày ở đây?

— Làm gì? Khi mang chứng lao phổi là cả một sự bận rộn suốt ngày, ông bạn ơi. Đo nhiệt độ và cân này, thay áo quần này. Ăn sáng, đọc báo, đi dạo, rồi nằm nghỉ này. Ăn trưa này, đánh bài bridge và lại nằm nghỉ một lần nữa này. Ăn tối, lại đánh bài và ngủ. Hết! Ở đây họ có một thư viện cũng tạm được, có cả những sách vừa mới xuất bản, nhưng thú thực tôi không có thì giờ để đọc. Tôi trò chuyện tầm phào với hết người này đến người khác. Ở đây, ông gặp đủ hạng người. Họ đến rồi họ đi. Họ đi, có khi vì tưởng là lành bệnh, nhưng một số lớn lại quay trở lại; và có khi họ đi luôn, vì đã chết. Tôi nhìn khối người ra đi khỏi đây, và tôi hy vọng sẽ còn nhìn thấy nhiều, nhiều nữa, trước khi đến phiên tôi ra đi.

Cô gái ngồi phía bên kia Ashenden bỗng cất tiếng nói với chàng:

— Tôi có thể nói với ông ít người có thể đùa cợt được với cái chết một cách nhiệt tình như ông Leod đây.

Ông Leod cười khoái trá:

— Chuyện đó thì tôi không rõ, nhưng tôi cho rằng sẽ trái với bản tánh ích kỷ của con người, nếu tôi không tự bảo với tôi: “Thực phúc cho mày! Hấn chứ không phải mày bị đưa lên xe tang”.

Ông Leod đoán chừng Ashenden chưa biết cô gái kiều diễm ấy, nên giới thiệu:

— Có lẽ hai người chưa biết nhau. Đây là ông Ashenden, và đây cô Bishop, cô Ivy Bishop là người Anh Cát Lợi, nhưng khá tốt.

Ashenden hỏi:

— Cô ở đây được bao lâu rồi?

— Chỉ mới hai năm. Mùa đông này là mùa đông cuối cùng của tôi ở đây. Bác sĩ Lennox bảo tôi sẽ khỏi hẳn trong vài tháng nữa, vì vậy không có lý do gì tôi không thể trở về nhà.

— Tôi cho như vậy là đại dột - Ông Leod nói - Theo tôi thì ở đâu mình thấy thích, thì cứ ở đó.

Trong lúc ấy một người đàn ông, chống chiếc gậy, đi chậm chậm dài theo hành lang đến.

— Kia! Thiếu tá Templeton - Cô Ivy nói, vẻ vui mừng làm sáng đôi mắt xanh. Và khi người đàn ông tiến lại gần, cô nói tiếp - Rất vui mừng được thấy anh được bình phục trở lại.

— Ô, có gì đâu! Chỉ bị cảm hàn sơ sơ thôi. Bây giờ thì khỏi hẳn rồi.

Câu nói vừa dứt thì Templeton nổi lên một cơn ho. Người chàng cong xuống trên chiếc gậy. Nhưng cơn ho chấm dứt, chàng lại mỉm cười, vui vẻ nói:

— Vẫn chưa hết ho. Hút thuốc nhiều quá. Bác sĩ Lennox bảo phải bỏ thuốc, nhưng không thể bỏ được. Bỏ thuốc thì thà chết còn hơn.

Thiếu tá Templeton người cao lớn, đẹp trai với cái vẻ hơi kịch sĩ, khuôn mặt ngăm ngăm đen, hai mắt đen nháy và bộ ria mép sắc cạnh. Chàng khoác chiếc áo choàng cao cổ bằng lông, cử chỉ chàng lạnh lẽ, hoạt bác và có vẻ hơi làm dáng nữa. Cô Ivy giới thiệu Ashenden với Templeton. Templeton nói mấy lời xã giao một cách dễ dàng thân mật rồi rủ cô bạn gái cùng đi dạo với mình. Chàng được phép bác sĩ cho đi dạo một lát trong rừng cây phía sau bệnh viện, ông Leod nhìn theo hai người trong khi họ đi thơ thẩn ra xa. Ông nói:

— Tôi tự hỏi không biết giữa hai người đã có gì chưa. Tôi nghi quá. Người ta đồn hẵn ta trước khi mắc bệnh là một anh chàng chuyên môn theo váy đàn bà.

— Tôi thấy ông ta bây giờ không có vẻ gì là đểu giả hết. - Ashenden nhận xét.

— Điều đó thì không thể nói được. Tôi đã chứng kiến bao nhiêu chuyện kỳ cục ở đây rồi. Nếu muốn, tôi có thể kể mãi không hết.

— Ông thì chắc chắn là biết nhiều chuyện lắm rồi; vậy xin cho nghe một vài chuyện nào!

Ông Leod nhe răng cười khoái trá:

— Vâng, để tôi kể cho ông bạn một chuyện nghe chơi. Ba bốn năm trước, có một thiếu phụ khá lẳng lơ đến chữa bệnh tại đây. Ông chồng bà ta mê tí tởm, cứ hai tuần lại đập máy bay từ Luân Đôn đến đây thăm bà vào chiều thứ bảy. Nhưng bác sĩ Lennox biết là bà ta có tư tình với một anh chàng tại đây, tuy không biết rõ là anh chàng nào. Vì thế một đêm, khi mọi người đều đã lên giường nằm cả rồi, bác sĩ cho quét một lớp sơn ở trước cửa phòng của bà ta; sáng hôm sau, ông ta cho khám tất cả những đôi dép của bệnh nhân. Thiệt là tài tình, phải không? Anh chàng có đôi dép dính sơn liền bị mời ra khỏi đây ngay. Ông biết không, bác sĩ Lennox thực kỹ lưỡng, chu đáo. Ông không muốn bệnh viện này mang tiếng xấu.

— Thiếu tá Templeton ở đây lâu chưa?

— Ba bốn tháng nay. Hẳn ta ít khi rời khỏi giường bệnh, vì cần phải tịnh dưỡng nhiều. Nếu cô Bishop mà dính với hẵn ta, thì thực là quá ngu ngốc. Cô ta có nhiều hy vọng khỏi hẵn. Ông bạn biết không, tôi đã tiếp xúc với nhiều bệnh nhân quá rồi, nên mỗi khi nhìn một người nào, tôi có thể cả quyết ngay là người ấy có qua khỏi hay không và nếu không, thì còn có thể sống được bao lâu nữa. Tôi rất ít khi đoán sai. Tôi cho Templeton chỉ còn sống độ vài năm nữa.

Ông Leod nhìn Ashenden một cái nhìn dò xét. Ashenden biết ông ta đang suy nghĩ về chuyện gì, mặc dù ông làm ra vẻ đùa bỡn.

Chàng đâm ra lo ngại. Một tia sáng ló ra trong mắt ông Leod. Biết rõ cái ý nghĩ đang hiện lên trong đầu Ashenden, ông nói:

— Ông bạn rồi sẽ qua khỏi. Tôi không nói ra điều ấy, nếu tôi không chắc chắn như vậy. Đối với những bệnh nhân thập tử nhất sinh tôi không bao giờ cho họ biết những sự phỏng đoán của tôi, vì tôi sợ bác sĩ Lennox sẽ đá địch tôi ra khỏi chỗ này.

Cô y tá đến đem Ashenden về phòng. Mặc dù chỉ mới ra ngoài ngồi có một giờ, chàng đã thấy mệt, nên bây giờ được trở về nằm trong chăn đệm êm ấm, chàng cảm nghe dễ chịu trong người. Bác sĩ Lennox đến thăm chàng vào buổi tối. Ông nhìn vào bảng ghi nhiệt độ, nói:

— Không đến nổi tệ nhỉ!

Bác sĩ Lennox người nhỏ thó, lanh lẹ và vui tánh. Ông là một bác sĩ tương đối giỏi, một nhà kinh doanh có tài, và say mê câu cá. Khi mùa câu đến, ông thường giao phó việc săn sóc bệnh nhân cho các người phú tá, bệnh nhân không khỏi cầu nhau đôi chút, nhưng họ cũng thấy khoái khi được ăn những con cá hồi ông câu được, đem về để đổi món ăn. Ông thích nói chuyện, và giờ đây, đứng ở phía chân giường Ashenden, ông hỏi chàng đã trò chuyện với bệnh nhân nào trong buổi chiều hôm ấy chưa. Chàng cho biết cô y tá có giới thiệu chàng với ông Leod. Bác sĩ Lennox cười:

— Bệnh nhân ở đây lâu nhất đấy! Ông ta biết rõ bệnh viện và bệnh nhân ở đây hơn cả tôi nữa. Tôi không hiểu ông ta đã thu lượm tin tức bằng cách nào, nhưng không có một chuyện gì về đời tư của một người nào ở dưới mái nhà này mà ông không biết. Không có một cô gái già nào có được một cái mũi thính, bắt hơi những chuyện lục đục ở đây tài bằng ông ta. Thực là kỳ, ông và ông Campbell là hai bệnh nhân đã sống với nhau mười bảy,

mười tám năm ở đây, thế mà hễ động đến là lên tiếng to, gây gổ sần sặc cả ngày vì những chuyện không đâu. Họ ghét thấy mặt nhau. Tôi phải từ chối không nghe những lời họ kiện tụng nhau. Căn phòng của ông Campbell ở ngay phía dưới phòng của ông Leod, và mỗi khi ông Campbell chơi vĩ cầm thì ông Leod phát điên lên. Ông này bảo rằng ông đã phải nghe mãi một điệu nhạc trong suốt mười lăm năm trời rồi, còn ông kia thì bảo ông này không thể phân biệt nổi một điệu nhạc này với một điệu nhạc khác, ông Leod muốn tôi cấm ông Campbell kéo đàn, nhưng tôi đâu có làm vậy được, ông Campbell có quyền chơi đàn tùy thích, miễn là đừng kéo trong những giờ cần giữ yên lặng. Tôi đề nghị đổi phòng khác cho ông Leod, nhưng ông không chịu. Ông ta bảo rằng ông Campbell kéo đàn chỉ với dụng ý đuổi ông ra khỏi phòng này, nhưng ông nói còn lâu ông Campbell mới chiếm được. Ông nghĩ có kỳ dị không, hai người đều có tuổi cả rồi, đâu phải còn nhỏ dại gì, thế mà lại lấy cái việc gây khổ cho nhau làm thú. Người này không thể để cho người kia yên. Họ cùng ăn chung một bàn, cùng đánh bài với nhau, thế mà không ngày nào là không kiếm chuyện để gây gổ nhau. Nhiều lúc tôi phải dọa mời họ đi ra khỏi đây nếu họ không đối xử với nhau như những người có lương tri. Sự hăm dọa ấy làm họ yên được một lúc. Họ không muốn rời khỏi nơi này; họ ở đây lâu quá rồi, không còn một người thân thích nào đoái hoài đến họ nữa, và họ cũng không thể thích nghi với cuộc sống bên ngoài. Mấy năm về trước, ông Campbell thỉnh thoảng còn đi ra ngoài, với ý định nghỉ mát vài tháng. Nhưng chỉ một tuần lễ sau ông lại xách va ly trở về. Ông bảo ông không thể chịu đựng được sự huyền ảo, và sự đông đảo ở ngoài đường phố làm ông sợ hãi.

Khi bệnh tình dần dần thuyên giảm, Ashenden được sống chung đụng với những bệnh nhân khác. Chàng nhận thấy mình rơi vào một thế giới thực lạ lùng. Một buổi sáng, bác sĩ Lennox

bảo chàng từ đây có thể ăn trưa tại phòng ăn công cộng. Đây là một phòng rộng và thấp, với những khung cửa sổ lớn luôn luôn rộng mở. Những ngày tốt trời, ánh sáng mặt trời chiếu thẳng vào bên trong. Bệnh nhân thực đông đảo, Ashenden phải mất một thời gian mới xếp họ thành loại được. Có đủ hạng tuổi, thanh niên, đứng tuổi và già nua; có hạng người, như ông Leod và Campbell, đã sống tại đây nhiều năm và cũng đợi chết tại đây; có hạng chỉ mới đến có vài tháng. Có một cô gái độc thân vào trạc trung niên, cô Atkin, cứ mỗi mùa đông lại đến đây và sang mùa hè lại đi nơi khác ở với bà con bạn bè. Cô ta đã khỏi hẳn bệnh, có thể ở luôn bên ngoài, nhưng cô thích đời sống tại đây. Sự cư trú lâu năm tại bệnh viện này đã tạo cho cô một địa vị: cô là quản thủ danh dự của thư viện và rất tâm đầu ý hiệp với bà quản lý bệnh viện. Cô luôn luôn sẵn sàng để nghe bạn thổ lộ tâm tình, nhưng chẳng mấy chốc bạn nhận ra rằng những điều bạn vừa thổ lộ đã lan tràn mau lẹ. Điều đó rất ích lợi cho bác sĩ Lennox để biết được bệnh nhân của ông đối xử với nhau có tử tế và có được hài lòng không, họ có làm điều gì bất cần và có theo đúng những lời chỉ bảo của ông không. Ít có chuyện gì lọt ra ngoài đôi mắt sắc sảo của cô Atkin, và từ cô ta, câu chuyện đi qua bà quản lý để cuối cùng đến tai bác sĩ Lennox. Vì ở đây lâu năm, cô được ngồi ăn chung bàn với các ông Leod, Campbell và một vị tướng già mà sự đặt ngồi ở đấy không phải vì lâu năm mà vì chức tước của ông. Cái bàn ấy không khác chút nào với các bàn khác, và cũng không được đặt ở một vị trí đặc biệt hơn, nhưng vì những người ngồi ở đó là những người thâm niên cư trú ở đây, nên nó trở thành một nơi mà mọi người ao ước được ngồi. Nhiều bà cao niên cảm thấy uất ức cay đắng, vì cô Atkin, mỗi năm vào mùa hè đi ở nơi khác hết bốn, năm tháng, lại được đặt ngồi ở đó, trong khi họ ở suốt năm tại đây, lại phải ngồi ở những bàn khác. Có một ông già trước kia làm công chức bên Ấn Độ cũng ở lâu nhất tại đây, sau hai ông Leod và Campbell.

Ông này lúc còn trẻ đã có lần làm Tỉnh trưởng, và hiện giờ, đang sốt ruột đợi một trong hai ông Leod và ông Campbell chết để điền vào cái ghế trống trong bàn danh dự ấy.

Ashenden đến làm quen với ông Campbell. Ông này cao người, xương hóc lớn, đầu hói, ốm nhom ốm nhách, tay chân dài lòng không. Khi ông ngồi sụm xuống trong cái ghế bành, ông làm người ta liên tưởng đến một hình nộm trong trò múa rối. Tính khí ông không tốt, cộc cằn, dễ nóng giận.

Câu đầu tiên ông hỏi Ashenden là:

— Ông có thích âm nhạc không?

— Thích lắm.

— Ở đây chẳng có ma nào quan tâm đến nó hết. Tôi chơi vĩ cầm. Khi nào ông muốn nghe mời ông đến phòng tôi đàn cho ông nghe.

— Không nên đến, - Ông Leod nói xen vào - nếu ông không muốn bị hành hạ.

Cơ Akin kêu lên:

— Sao cái ông này lại bất nhã quá vậy! Ông Campbell chơi đàn hay lắm đấy chứ.

— Chả có một thằng cha nào ở cái chỗ chó má này biết phân biệt một nốt nhạc này với một nốt nhạc khác cả.

Trong khi ông Campbell cúi kính trả lời thì ông Leod nở một nụ cười khoái trá và đi tản lờ ra xa. Cô Atkin cố gắng gây lại hòa khí, nói với ông Campbell:

— Ông đừng để ý tới những lời ông Leod nói làm gì.

— Ồi, tôi đâu thèm để ý. Tôi sẽ có cách chơi lại hẳn.

Suốt cả buổi chiều hôm ấy, ông Campbell kéo lui kéo tới mãi một điệu nhạc. Ông Leod viết một mảnh giấy nhờ chị lao công đưa cho ông Campbell bảo rằng ông đang nhức đầu và yêu cầu ông Campbell làm ơn đừng có đàn nữa. Ông này trả lời mình có trọn quyền để chơi, và nếu ông Leod không thích thì mặc xác ông.

Ngày hôm sau gặp nhau, họ lại to tiếng cãi vã nhau om sòm. Ashenden được xếp ngồi cùng bàn với cô Bishop, với Templeton và một kế toán viên ở Luân Đôn, tên là Henry Chester. Ông này thấp người, vai rộng lực lưỡng, một người mà bạn không bao giờ ngờ là có thể bị lao phổi. Bệnh lao đã bộc phát ở ông như một cú đấm chớp nhoáng và bất ngờ. Ông là một người bình thường, vào trạc tuổi giữa ba mươi và bốn mươi, có vợ và hai con, cư trú ở vùng ngoại ô Luân Đôn. Buổi sáng ông đi vào thủ đô làm việc và đọc báo xuất bản buổi sáng, buổi chiều ông trở về nhà và đọc báo buổi chiều, ông không quan tâm đến việc gì khác ngoài công việc làm ăn và gia đình. Ông thích công việc của mình, kiếm ra khá tiền để sống một cuộc sống đầy đủ tiện nghi, và mỗi năm để dành được một số tiền kha khá. Ông đánh golf vào chiều thứ bảy và ngày chủ nhật; mỗi năm cứ vào tháng tám là đi nghỉ mát ba tuần lễ tại một nơi nhất định ở bờ bể phía đông. Hai đứa con ông sẽ lớn khôn và có gia đình riêng. Ông sẽ truyền nghề lại cho thằng con trai, rồi sẽ cùng vợ rút lui về sống dưới một mái nhà nho nhỏ trong một miền nào đó để vui hưởng tuổi già cho đến khi thần chết đến gõ cửa. Ông không đòi hỏi gì nhiều ở cuộc đời hơn nữa và đó là cuộc đời mà hàng vạn hàng triệu những người đồng loại của ông đang sống, ông là một người dân trung bình, sống một cuộc sống trung bình. Thế rồi bỗng sự việc ấy xảy đến: ông bị cảm lạnh trong khi chơi golf, lạnh thấm vào lồng ngực, rồi ông bị ho, ho mãi - Ông là một người luôn luôn khỏe mạnh, nên không có chuyện phải cần đến bác sĩ. Nhưng cuối cùng, theo lời khuyên của vợ, ông thuận đi khám bác sĩ. Thực là một tiếng sét hãi hùng khi ông được bác sĩ cho biết cả hai lá phổi ông đều bị thủng, và hy vọng độc nhất để khỏi chết là đi ngay vào một bệnh viện bài lao. Bác sĩ chuyên trị lao phổi bảo rằng ông có thể trở lại làm việc sau hai năm, nhưng hai năm đã qua mà bác sĩ Lennox giờ đây lại khuyên ông đừng nghĩ gì đến chuyện đó, ít nhất là trong một năm nữa. Bác sĩ chỉ

cho ông thấy vi trùng lao trong đờm của ông, và những điểm đen lấm tẩm trong bức ảnh chụp hai lá phổi của ông bằng quang tuyến X. Ông mất tinh thần, thấy hình như số mệnh đã chơi ông một đòn quá bất công và tàn nhẫn.

Ông có thể hiểu được, nếu ông say sưa rượu chè, đánh bạc, theo gái, đi sớm về khuya. Nếu có vậy, thì bây giờ ông bị trừng phạt là đáng. Nhưng nào ông có làm một điều gì bậy bạ đâu? Thế mới tàn nhẫn chứ! Là người thiếu tài ba, và cũng không thích đọc sách, giờ đây ông không làm gì khác hơn là suốt ngày lo nghĩ về bệnh tình của mình. Nó là một ám ảnh đối với ông. Ông lo âu theo dõi những triệu chứng của nó. Mỗi ngày ông tự lấy nhiệt độ ít ra là mười lần, đến nỗi người ta phải cất giấu ống mạch không cho ông đo nữa. Ông có thành kiến rằng các bác sĩ không tận tình chữa trị cho ông, xem thường bệnh trạng của ông, và để bắt họ phải chú ý đến mình nhiều hơn, ông đã tìm cách làm cho ống mạch tăng cao nhiệt độ, hầu gây sự khẩn trương, lo ngại. Khi mưu mẹo của ông bị bại lộ, ông giả làm giận làm hờn, gây gổ lung tung. Nhưng ông là người vui tính, hiền hòa, và khi quên được bệnh trạng của mình thì ông nói cười thực vui nhộn. Nhưng khi nhớ đến nó, nỗi lo sợ chết chóc bỗng hiện ra trong đôi mắt ông.

Mỗi cuối tháng, vợ ông đến thăm ông, ở lại một đôi ngày trong căn nhà trọ gần đấy. Bác sĩ Lennox không thích những cuộc viếng thăm của thân nhân, vì sẽ gây xúc động và xáo trộn đời sống của bệnh nhân. Thực là cảm động, cái vẻ nôn nao mà Henry Chester để lộ ra trong sự chờ mong ngày vợ đến thăm. Nhưng cũng thực lạ lùng, khi bà vợ đến, ông ta lại không mừng rỡ như chúng ta tưởng. Bà Chester là một thiếu phụ vui vẻ dễ thương không đẹp nhưng gọn gàng, tiêm tăt, và cũng không có gì đặc sắc, như chồng vậy. Bạn chỉ cần nhìn sơ qua là nhận thấy ngay bà ta là một người vợ giỏi, một bà mẹ hiền, một người nội trợ đảm đang, một thiếu phụ trầm lặng dễ thương luôn luôn

làm tròn nhiệm vụ của mình và không xen vào công chuyện của người khác. Trong bao năm qua, bà cảm thấy đầy đủ hạnh phúc trong cuộc sống thường nhật của gia đình bà; thú giải trí độc nhất của bà là được đi xem triển lãm tranh ảnh, nỗi xúc động lớn lao của bà là được đi mua sắm trong những gian hàng đồ sộ ở Luân Đôn. Chưa lần nào bà cảm thấy buồn chán với cuộc sống ấy, trái lại, bà rất thỏa mãn với nó.

Ashenden mếu bà ta. Chàng lắng nghe một cách vui thích bà líu lo kể chuyện con cái, nhà cửa, chuyện hàng xóm láng giềng và những công chuyện thường nhật của mình. Một hôm chàng gặp bà ở ngoài đường. Giờ ấy ông Chester, chồng bà đang ở lại chữa bệnh trong phòng, nên bà đi một mình. Ashenden đề nghị hai người cùng đi dạo một vòng. Họ nói những chuyện không đâu một hồi, rồi bỗng bà đột ngột hỏi Ashenden nghĩ thế nào về chồng bà.

— Tôi thấy ông nhà mỗi ngày mỗi đỡ nhiều.

— Tôi lo quá sức!

— Bà đừng quên rằng chữa bệnh lao là một công việc lâu dài chậm chạp, cần nhiều kiên nhẫn.

Hai người tiếp tục đi một đoạn nữa, bỗng Ashenden nhận thấy bà khỏe.

— Bà chị không nên quá đau khổ vì bệnh tình của ông nhà.

— Ông không thể hiểu được tôi đã phải đối phó như thế nào mỗi khi tôi đến đây. Tôi biết tôi không nên nói ra câu chuyện này, nhưng tôi không thể im lặng được. Tôi có thể tin cậy ở ông không?

— Xin bà chị cứ nói.

— Tôi yêu nhà tôi. Tôi chân thành tận tụy với nhà tôi. Tôi làm tất cả những gì tôi có thể làm được trên cõi đời này cho nhà tôi. Từ bao năm nay chúng tôi chưa hề cãi vã nhau, chưa hề bất đồng ý kiến về một chuyện nhỏ nhặt nào. Thế mà ngày nay nhà tôi bắt đầu ghét tôi và điều ấy làm tôi đau như cắt.

— Ô, không có đâu. Tôi không thể tin được điều đó. Làm sao có thể như vậy được trong khi vắng bà, ông nhắc nhở đến bà luôn, nhắc nhở một cách trìu mến thương yêu không ai bằng, ông thực chân thành với bà chị.

— Vâng, khi không có tôi đây thì vậy đó. Nhưng khi tôi ở đây, khi nhà tôi thấy tôi bình yên khỏe mạnh, thì sự ghét giận lại xâm chiếm nhà tôi. Ông biết không, nhà tôi tức giận tôi vì tôi sẽ còn sống sau ông. Tôi phải luôn luôn đề phòng, giữ gìn ý tứ; hầu như tất cả những gì tôi nói ra, chẳng hạn như chuyện con cái, chuyện tương lai, đều làm cho nhà tôi nổi giận và nói ra những điều chua chát nghe thực đau lòng. Khi tôi kể những chuyện tôi đã làm ở nhà, chẳng hạn về người giúp việc mà tôi đã thay đổi, nhà tôi cũng nổi giận không thể chịu nổi. Ông khiển trách tôi đã tự ý hành động một mình, coi ông như không có. Chúng tôi đã quen sống hòa thuận tin yêu, thế mà bây giờ, tôi cảm thấy như có một bức tường xung đột ngăn cách chúng tôi. Tôi hiểu rằng tôi không nên trách móc nhà tôi, tôi biết nhà tôi vì bệnh tật mà sinh chứng. Nhà tôi là một người chồng rất tốt, thường nhật ông là người dễ thỏa thuận nhất trên đời. Thế mà bây giờ, mỗi lần đến đây là tôi lo sợ, và mỗi khi ra về, tôi thấy như trút được gánh nặng. Nếu tôi bị lao phổi chắc nhà tôi cũng cho là một điều đáng tiếc, nhưng tôi biết trong thâm tâm ông, trong đáy lòng ông, có lẽ ông cũng cảm thấy nhẹ nhõm. Nhà tôi có thể tha thứ cho tôi, tha thứ cho số kiếp nếu ông nghĩ rằng tôi cũng sắp chết như ông. Nhiều lúc nhà tôi hành hạ tôi bằng cách tra hỏi tôi sẽ làm gì sau khi ông chết. Tôi nổi khùng thét bảo ông im đi, ông nói tôi nên cho phép ông được vui đùa một tí, vì ông sẽ phải chết nay mai, còn tôi thì còn sống nhiều, nhiều năm nữa để hưởng hạnh phúc lâu dài. Chao ôi! Thực là khủng khiếp khi nghĩ đến tình yêu của chúng tôi trong bao năm nay sẽ phải chết dần, chết dần một cách ghê tởm, khốn nạn như thế.

Bà Chester ngồi xuống một tảng đá bên đường, nức nở khóc. Ashenden ái ngại nhìn bà, nhưng không tìm được câu nói gì có thể an ủi được bà ta, vì những gì bà vừa nói không phải là những điều lạ lùng để chàng phải ngạc nhiên.

— Cho tôi một liều thuốc - Bà nói một lát sau - Tôi không nên để cho đôi mắt đỏ và húp lên, không thì nhà tôi lại biết là tôi đã khóc, rồi tưởng tôi có tin buồn về tình trạng của nhà tôi. Cái chết ghê gớm đến thế sao ông? Tất cả chúng ta đều sợ chết như vậy cả sao?

— Tôi cũng không biết rõ.

— Khi mẹ tôi sắp mất, tôi thấy bà có vẻ bình tĩnh lắm. Bà biết cái chết đã gần kề và bà đùa giỡn với nó nữa. Nhưng dù sao trường hợp bà lại cũng khác, bà đã già rồi.

Bà Chester bình tĩnh trở lại, và hai người lại tiếp tục đi trong im lặng. Một lát sau bà nói:

— Qua những lời tôi vừa nói, ông đừng nghĩ rằng tôi là một người không tốt.

— Dĩ nhiên tôi không bao giờ nghĩ như vậy.

— Nhà tôi là một người chồng tốt, một người cha hiền. Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ thấy một người đàn ông nào tốt như vậy. Cho đến ngày mắc bệnh, chưa bao giờ một ý nghĩ xấu xa ti tiện nảy sinh trong đầu óc nhà tôi.

Câu chuyện trên gây cho Ashenden nhiều tư lự. Bạn bè thường bảo rằng chàng đánh giá thấp cái bản chất con người, vì chàng không phê phán người đời theo những tiêu chuẩn thông thường. Chàng chấp nhận, với một nụ cười tha thứ, một giọt nước mắt hay một cái nhún vai, những điều mà người khác cho là rất khủng khiếp, kinh hoàng.

Chắc bạn không bao giờ có thể ngờ được rằng anh chàng tầm thường vui tính đó lại có những ý nghĩ chua cay, đố kỵ như vậy; nhưng ai dám ước lượng được cái mức độ sâu thẳm mà con người có thể tuột xuống, hay cái đỉnh cao siêu mà hẳn có thể

vươn lên? Cái lỗi của Henry Chester là ở sự thiếu lý tưởng. Chàng được sinh ra và khôn lớn để bước vào một cuộc đời tầm thường với những biến chuyển nho nhỏ, thông thường của cuộc sống, nên khi một tai biến bất ngờ đổ sụp xuống đầu, chàng không có phương tiện để đối phó với nó. Chàng như là một viên gạch làm ra để chiếm một chỗ đứng trong số hàng triệu viên gạch khác của một xưởng đồ sộ, nhưng rủi vì có tí vết, một cọng rơm lẫn vào chẳng hạn, nó trở thành vô dụng. Và viên gạch, nếu nó cũng biết suy nghĩ, sẽ kêu than: tôi đã làm gì để phải bị gạt ra khỏi cái nhiệm vụ tầm thường của tôi, để phải bị tách rời ra khỏi hàng ngũ của bao nhiêu viên gạch khác và bị liệng vào đống rác? Nhưng nghĩ cho cùng, thì cũng không phải là một cái lỗi, nếu Henry Chester không thể có được những tư tưởng, những ý niệm giúp chàng chịu đựng được cái tai họa của mình một cách nhẫn nhục. Đâu có phải ai cũng tìm được sự an ủi trong nghệ thuật hay tư tưởng? Thực là một thảm kịch trong thời đại chúng ta là bao nhiêu tâm hồn tầm thường, hèn mọn đã mất niềm tin ở Chúa, niềm tin ở sự phục sinh có thể ban cho họ cái hạnh phúc mà cõi đời này đã từ chối cho họ trong khi họ không tìm được một điều gì khác để thay thế vào đó.

Có người bảo rằng đau khổ nâng cao tâm hồn. Điều ấy chưa hẳn đúng. Thông thường thì đau khổ làm cho con người trở thành nhỏ nhen, hay gây gỗ và ích kỷ. Nhưng cũng may, trong bệnh viện bại lao này, thực ra sự đau khổ không nhiều lắm. Trong nhiều giai đoạn của chứng lao phổi, cơn sốt nhẹ nhẹ kích thích bệnh nhân nhiều hơn là gây chán nản; nhờ vậy bệnh nhân cảm thấy nhanh nhẹn và, nhờ hy vọng nâng đỡ, họ đối diện với tương lai một cách vui vẻ. Nhưng đằng sau tất cả, ý chết vẫn lảng vảng trong tiềm thức họ. Đó là một điệu hát bi thương chưa xót thoảng qua, xen vào một màn ca vũ vui nhộn: điệu nhạc đang du dương, vui tươi, thoải mái, chốc chốc lại láy một cách kỳ dị sang những tiết điệu réo rắt, chơi với làm các dây

thần kinh căng thẳng như sắp đứt. Những lúc ý chết vươn lên, thì những quyền lợi nhỏ nhặt hàng ngày, những ghen ghét ti tiện, những buồn lo vụn vặt trở thành vô nghĩa; lòng thương kính và sự sợ hãi làm cho con tim bỗng chốc như ngừng đập, và sự khùng khiếp về cái chết ngự trị trên tất cả, như sự im lặng bất thường bao trùm cả một khu rừng nhiệt đới trước cơn bão tố.

Ít lâu sau khi Ashenden đến bệnh viện này, một thanh niên khoảng 20 tuổi cũng đến đây điều trị. Hẳn ta là một thiếu úy Hải quân, và mắc cái chứng bệnh thường được gọi là “bệnh lao phi nước đại”. Hẳn cao lớn, đẹp trai, tóc quăn màu nâu, hai mắt xanh biếc và nụ cười rất hiền lành. Ashenden gặp hẳn vài ba lần nằm sưởi nắng ở trên sân thượng và bầu bạn với hẳn suốt ngày. Hẳn là một chàng trai vui tính, thích nói chuyện về trình diễn ca nhạc, về tài tử chiếu bóng, tìm đọc trong báo những kết quả của các trận túc cầu và tin tức về quyền thuật. Thế rồi ít lâu sau, hẳn không rời khỏi giường bệnh và Ashenden không gặp hẳn lại lần nào nữa. Thế rồi thân nhân được mời đến, và khoảng hai tháng sau, hẳn chết. Chết không một lời kêu than. Như một con thú, hẳn hiểu biết một cách mơ hồ những gì xảy đến cho hẳn. Một không khí ngột ngạt bao trùm bệnh viện, một sự ngột ngạt khó chịu như ở nhà lao khi có một phạm nhân bị hành quyết. Nhưng vài hôm sau, như tuân theo mệnh lệnh của trực giác bảo tồn sự sống, và với sự đồng tình ngấm ngấm của mọi người, thằng nhỏ bị bỏ rơi vào quên lãng. Và cuộc sống, với ba bữa ăn mỗi ngày, với những trận đánh golf trên sân thâu hẹp, với những môn thể dục, những giờ nghỉ ngơi, với những cuộc cãi vã và ganh tị, những hờn dỗi vì sự ngồi lê đôi mách, cuộc sống với bao nhiêu thứ ấy lại tiếp diễn như cũ. Ông Camphell tiếp tục kéo bản nhạc thời trang và bài “Annie Laurie”, và làm ông Leod điên đầu. Ông Leod tiếp tục khoác lác về tài đánh bài bridge của mình và tán nhảm về tình trạng sức khỏe và tinh thần của bệnh

nhân, cô Atkin tiếp tục nói xấu. Henry Chester tiếp tục than phiền các bác sĩ không tận tình săn sóc và oán than định mệnh chơi xấu mình, mặc dù mình đã sống một đời sống kiểu mẫu. Ashenden tiếp tục đọc sách và quan sát thói hư tật xấu của những nhân vật quanh mình với một thái độ khoáng dung, thích thú.

Ashenden trở thành thân mật với thiếu tá Templeton. Templeton có lẽ đã quá tứ tuần, trước kia ở trong quân đội nhưng đã giải ngũ sau thế chiến thứ hai. Nhờ có nhiều phương tiện tài chánh, nên từ khi rời khỏi quân ngũ, chàng không làm gì khác ngoài những thú ăn chơi. Chàng đua ngựa trong mùa đua ngựa, săn bắn trong mùa săn bắn, và khi không còn mùa gì nữa, chàng đến Monte Carlo đánh bạc. Chàng đã ăn và thua những số tiền thực lớn. Chàng rất khoái đàn bà, và nếu những chuyện chàng kể có thể tin được, thì đàn bà cũng rất mê chàng. Chàng thích ăn ngon, thích uống say. Chàng biết tên tất cả những viên quản lý của các tiệm ăn ngon có tiếng ở Luân Đôn. Chàng có chun trong hơn nửa tá câu lạc bộ. Trong bao năm chàng đã sống một cuộc sống vô dụng, ích kỷ, vô giá trị, một cuộc sống không ngày mai, nhưng chàng đã hưởng thụ một cách thích thú, không băn khoăn, không thắc mắc. Có lần Ashenden hỏi chàng sẽ làm gì nếu cho chàng thời gian sống lại, chàng trả lời sẽ làm lại đúng y những gì chàng đã làm. Chàng là một người nói chuyện có duyên, châm biếm một cách vui vẻ, có tài dàn xếp êm xuôi, khéo léo, những vấn đề lặt vặt, hời hợt bên ngoài. Chàng luôn luôn có những lời hỏi han nhã nhặn đối với các cô gái già cục mịch, có sẵn một câu nói khôi hài đối với các ông già bộ vệ nghiêm trang, chàng dung hòa một cách tài tình lễ độ và tình thương. Chàng biết cách hòa mình vào cuộc sống bề mặt của những hạng người quá nhiều tiền nên không biết

làm gì với số tiền của họ, như biết rõ lối ra vào khu phố Mayfair^[5].

Chàng thuộc vào hạng người sẵn sàng chấp nhận một cuộc thách thức, giúp đỡ một người bạn gặp cảnh khó khăn, và rộng rãi với những kẻ khôn cùng. Nếu chàng không làm được gì tốt đẹp trên đời này, thì chàng cũng chẳng làm điều gì tai hại cho lắm. Chàng không làm được trò trống gì cả, nhưng đó là một người bạn đồng hành thích thú đối với chúng ta, hơn những người đứ đống tối cao. Nhưng hiện giờ thì chàng đang ốm nặng. Chàng biết mình sắp chết và chấp nhận điều ấy với một thái độ thờ ơ, một cái mỉm cười lãnh đạm, như chấp nhận bao nhiêu sự việc khác trên đời. Chàng đã có một giai đoạn vàng son, nên cũng chẳng còn tiếc nuối gì nữa. Cũng thực đau như hoạn khi nhuộm phải bệnh lao, nhưng nghĩ cho cùng, có ai lột da sống mãi ở đời. Nếu chàng không chết vì bệnh lao, thì cũng có thể chàng đã chết trong chiến trận, hay trong một cuộc ẩu đả nào đó rồi. Nguyên tắc của chàng trong cuộc sống là: Khi thua cuộc thì phải chung tiền, và sau đó quên đi. Trong ván bài đời, đã có hồi vận đỏ, chàng hốt bạc thật nhiều, thì chàng cũng sẵn sàng phát ra khi gặp hồi xui xẻo. Nếu hội hè tiếp diễn mãi thì cũng vui lắm đấy, nhưng đám hội nào rồi cũng có hồi kết thúc, và dù bạn có ở lại chơi cho đến sáng hôm sau, hay bỏ ra về trong lúc cuộc vui chưa dứt, thì cũng thế thôi. Trong số những bệnh nhân ở bệnh viện này, chàng có lẽ là người về phương diện đạo đức, ít được bảo đảm nhất, nhưng chàng cũng là người duy nhất thành thực chấp nhận cái nghiệp dĩ một cách坦然 nhiên, lãnh đạm. Chàng chế diễu vào mặt thần chết, và bạn có thể, hoặc cho rằng cái thái độ hời hợt bất cần đó là thiếu đứng đắn, hay cho rằng đó là thái độ vô tư, thực dũng cảm, rất hào hoa.

Điều tệ hại nhất chưa bao giờ xảy đến cho chàng từ trước, là hiện chàng đang mang thêm một chứng bệnh: chứng si tình,

một thứ tình si mà chàng chưa bao giờ vướng phải. Chúng đã có không biết bao nhiêu mối tình từ trước, nhưng đó là những thứ tình yêu hơi hợt, thứ tình yêu trao đổi bằng tiền tài trong đám ca nhi vũ nữ, những cuộc ngẫu hợp phù du với những hạng đàn bà dễ dãi, thiếu đạo đức mà chàng đã gặp trong các cuộc truy hoan. Luôn luôn chàng cố tránh những sự ràng buộc tình cảm để khỏi mất tự do. Tiêu chuẩn duy nhất của chàng trong cuộc sống là càng hưởng thụ bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu, và trong phương diện ái tình, hay nói cho đúng là tình dục, chàng phải tìm cho được nhiều lợi điểm và không bị khuấy rầy ở bất cứ một khía cạnh nào. Nhưng chàng mến đàn bà. Dù với một bà già, trong khi trò chuyện, chàng cũng vẫn có một cái nhìn ve vuốt trong đôi mắt và cái giọng trêu mến trong lời nói. Chàng luôn luôn sẵn sàng làm mọi việc để họ được vui lòng. Và họ cũng nhận thức được sự chú trọng của chàng đối với họ, cho nên rất lấy làm hãnh diện vui thích và có cảm tưởng sai lầm rằng họ có thể tin là chàng sẽ không bao giờ bỏ rơi họ. Có một lần chàng đã phát biểu một ý kiến mà Ashenden cho là chàng đã phơi bày nội tâm của mình:

— Người đàn ông nào cũng có thể chiếm được trái tim người đàn bà họ ưa muốn, miễn là họ cố gắng hết mình; điều ấy không có gì khó, nhưng một khi đã chiếm được trái tim họ rồi, chỉ có người đàn ông nào hiểu rõ nữ giới mới có thể rời người mình đã yêu mà không làm cho người ấy tủi nhục.

Tình yêu của chàng đối với cô Ivy Bishop bắt đầu chỉ do thói quen tán tỉnh của chàng. Ivy là cô gái trẻ đẹp nhất trong bệnh viện này. Nàng thực ra không trẻ như Ashenden tưởng lúc mới gặp. Nàng đã 29 tuổi, nhưng vì trong tám năm qua nàng đã lang thang hết bệnh viện này đến bệnh viện khác ở Thụy Sĩ, Anh Cát Lợi và Tô Cách Lan và vì đời sống kín cổng cao tường của các bệnh viện giữ gìn cho nàng cái dáng dấp trẻ trung nên bạn có thể phỏng đoán nàng chỉ mới độ 20. Những sự hiểu biết của

nàng về cuộc đời đều là những gì nàng đã học hỏi ở các bệnh viên, nên nàng là hiện thân kỳ diệu của sự hòa hợp giữa cái ngay thơ cùng tốt và cái sành sỏi cũng cùng tốt. Trong đời nàng, nàng đã để cho bao nhiêu cuộc tình duyên trôi qua mà không bị vướng mắc. Một số đông đàn ông, thuộc đủ quốc tịch, đã tỏ tình với nàng. Nàng đón nhận cảm tình của họ một cách tự chủ và nghịch ngợm, nhưng nếu họ đi quá xa, nàng cũng có đủ cương quyết để đối phó với họ. Tánh tình nàng thực cứng cỏi, ít khi người ta có thể ngờ được ở một người con gái mảnh khảnh như hoa ấy. Khi cần cự tuyệt, nàng biết diễn đạt ý muốn của mình một cách rõ ràng, bình thản và dứt khoát. Nàng sẵn sàng đáp ứng với nhiều thiện cảm sự ve vãn của Thiếu tá Templeton. Đó là một trò chơi mà nàng đã lịch duyệt. Và mặc dù luôn luôn đối xử với chàng một cách tình tứ, nàng vẫn biểu lộ cái vẻ trêu chọc đùa bỡn tế nhị để gián tiếp cho chàng hiểu rằng nàng xem chàng cũng chẳng khác gì bao nhiêu người đàn ông khác. Nàng ngầm cho chàng biết rằng, cũng như chàng, nàng không xem là quan trọng, không hy vọng tiến xa hơn cái cảm tình họ đang trao đổi với nhau.

Cũng như Ashenden, Thiếu tá Templeton trở vào nghỉ ở phòng riêng của mình mỗi ngày từ lúc sáu giờ chiều, và ăn cơm luôn trong đó, nên chàng chỉ gặp cô Bishop vào lúc ban ngày thôi. Ngoài những lúc đi dạo với nhau, họ ít có cơ hội gặp riêng nhau. Trong bữa ăn trưa, câu chuyện giữa bốn người (Ivy Bishop, Templeton, Henry Chester và Ashenden) là những câu chuyện chung, nhưng điều rõ ràng là Templeton có vẻ khó khăn khi bắt chuyện với hai người đàn ông. Và theo sự quan sát của Ashenden thì Templeton không còn tận tụy cô Ivy để giết thì giờ nữa, mà cảm tình của chàng đối với nàng mỗi ngày mỗi đậm đà, chân thật hơn. Điều đó, không biết nàng có nhận thấy không, và nó có ý nghĩa như thế nào đối với nàng. Khi Templeton tỏ vẻ đi xa trong tình thân mà hoàn cảnh không cho

phép, nàng trả đũa lại ngay bằng những lời chế riễu làm mọi người cười rộ. Nhưng cái cười của Templeton trông thực thảm thương. Chàng không muốn nàng tiếp tục xem mình chỉ như một gã đàn ông thanh lịch mà thôi. Càng quen thân với cô Bishop, Ashenden lại càng mến nàng. Có một vẻ thực cảm động trong cái vẻ đẹp đau ốm của nàng, với nước da trắng xanh, với khuôn mặt thon nhỏ làm cho đôi mắt càng thêm lớn và xanh biếc một cách kỳ lạ. Và cũng thực cảm động, cái tình cảnh của nàng, tình cảnh mà đa số bệnh nhân trong bệnh viện này đều gặp phải, đó là sự cô quạnh, đơn chiếc của nàng trong cuộc đời. Mẹ nàng thì luôn luôn bận rộn với cuộc sống bên ngoài; chị em nàng thì đã đi lấy chồng cả rồi. Trong tám năm xa cách, họ đối với nàng không thiết tha lắm. Họ trao đổi thư từ với nàng và thỉnh thoảng mới đến thăm nàng, nhưng mỗi ngày sự liên lạc mỗi thưa thớt, phai nhạt dần. Nàng chấp nhận sự thể ấy, không đắng cay chua xót. Nàng thân thiện với mọi người và luôn luôn sẵn sàng lắng nghe một cách cảm thông những lời thở than phiền muộn của họ. Nàng đối xử với Henry Chester tử tế đặc biệt và làm những gì có thể làm được để cho chàng được vui.

— Anh Chester này, - Nàng nói với chàng một hôm trong bữa ăn trưa - cuối tháng rồi, chắc chị sẽ đến vào ngày mai. Trong ngóng thực dài cả anh nhỉ!

— Không, tháng này nhà tôi không đến. - Chàng trả lời một cách bình tĩnh, hai mắt nhìn xuống chiếc đĩa của mình.

— Vậy xin có lời chia buồn với anh! Sao chị lại không đến? Các cháu vẫn mạnh khỏe cả đấy chứ?

— Bác sĩ Lennox cho rằng nhà tôi không đến có lẽ tốt cho tôi hơn.

Sự im lặng bao trùm mọi người. Nàng nhìn Chester với đôi mắt lo ngại Templeton nói với cái vẻ thân mật, bộc trực thường nhật của chàng:

— Như vậy thì thực quả khắc nghiệt. Sao anh không rửa cho bác sĩ Lennox xuống địa ngục cho rồi!

— Ông ta dĩ nhiên biết nhiều hơn chúng ta. - Chester trả lời.

Cô Bishop nhìn chàng một lần nữa rồi nói sang chuyện khác.

Sau này nhớ lại, Ashenden nhận ra rằng nàng đã nghi ngờ sự thật của câu chuyện ngay từ lúc đầu.

Ngày hôm sau, Ashenden được dịp đi dạo cùng Chester. Chàng nói:

— Tôi rất buồn vì chị không đến được. Chắc anh thấy thiếu thốn kinh khủng.

— Vâng, kinh khủng...

Chàng liếc nhìn Ashenden. Ashenden đoán Chester muốn nói gì với mình, nhưng hình như khó nói nên lời. Chàng nhún vai, vẻ bực tức.

— Nhà tôi không đến là tại tôi. Tôi yêu cầu bác sĩ Lennox viết thư bảo bà đừng đến. Tôi hết chịu được sự hiện diện của nhà tôi. Suốt cả tháng tôi mong đợi bà đến, nhưng khi bà đến tôi lại thấy ghét. Anh biết không, tôi thù ghét kinh khủng cái chứng bệnh bản thủ này. Bà ta thì khỏe mạnh, nhanh nhẹn... và tôi phát khùng lên mỗi khi thấy cái vẻ đau khổ trong mắt bà. Thực tình bà đâu có đau khổ gì. Ai thèm đếm xỉa đến mình khi mình đau ốm. Họ làm ra vẻ sẵn sàng, lo lắng cho mình, nhưng họ lấy làm bằng lòng, mừng rỡ là chính mình, chứ không phải họ, mắc bệnh. Tôi ti tiện lắm phải không anh?

Ashenden hồi tưởng cái hình ảnh bà Chester ngồi khóc trên tảng đá ở vệ đường. Chàng nói:

— Anh có nghĩ rằng anh làm chị khổ sở khi không để cho chị đến thăm không?

— Bà ta phải chịu đựng lấy chứ! Nỗi đau khổ của tôi, tôi còn chưa kham nổi, hơi đâu gánh vác thêm nỗi đau khổ của bà.

Ashenden không biết nói gì thêm. Hai người bước đi trong im lặng. Bỗng Ashenden nói lớn, giọng bực tức:

— Đối với anh thì lòng vị tha, vô vụ lợi dễ dàng quá! Anh còn sống lâu dài. Còn tôi, tôi sắp chết. Và quý thần ơi! Tôi đâu có muốn chết. Mà sao lại là tôi? Thực bất công, phi lý hết sức!

Thời gian tuần tự trôi qua. Ở một nơi mà người ta không có công việc gì nhiều để bận rộn tâm trí như ở bệnh viện bài lao này, sự say mê của Templeton đối với cô Bishop là một điều không thể che giấu được ai lâu. Nhưng khó mà biết được cảm tình của nàng đối với Templeton như thế nào. Điều có thể thấy rõ ràng là mặc dù không cố ý tìm kiếm, nàng thích được gần gũi Templeton, và có vẻ khổ sở khi không được trò chuyện riêng tư với chàng. Vài ba bà trọng tuổi cố tìm cách lừa nàng vào bẫy để bắt nàng phải thú nhận một vài sự việc, nhưng một cô gái khôn khéo ranh mãnh như nàng, có bao giờ lại mắc bẫy họ được. Nàng giả vờ không hiểu những lời bóng gió của họ, và đối đầu với những câu hỏi thẳng của họ bằng cái cười chế giễu. Nàng đã thành công trong sự chọc tức họ.

— Con nhỏ không thể khờ khạo đến cái độ không nhận thấy được cái si tình của gã.

— Cô ta không có quyền đùa bỡn với y ta như vậy.

— Tôi chắc con bé cũng mê gã như gã mê hẳn vậy.

Nhưng không ai tỏ vẻ tức giận bằng ông Leod:

— Thực quá dị hợm! Dù sao, rồi cũng chẳng đi đến đâu. Thằng chả thì phổi lũng như tổ ong, mà con nhỏ thì cũng chẳng khá hơn gì!

Còn ông Camphell thì lại chua chát, tục tũ:

— Tôi thì tôi tán đồng cho chúng cứ việc tự do thụ hưởng khi còn có thể thụ hưởng. Tôi cá với mấy người thế nào cũng có lương lẽ gì ở trong, chứ không không, nhưng tôi chả lên án chúng đâu.

— Lão già dê. - Ông Leod mắng.

— Ôi, bỏ cái lối ngâm thơ cụ ấy đi. Thằng chả đâu phải là cái hạng con nít ngồi hầu bài vớ vẩn suốt ngày với con nhỏ ấy, ngoại trừ hẳn được thưởng công lao bằng cái gì đó. Mà con nhỏ cũng khả quý quyết, đâu phải tay mơ. Các người cá gì, tôi cá ngay.

Ashenden thường có dịp gặp hai người ấy, nên hiểu họ nhiều hơn ai hết. Một hôm Templeton tâm sự với chàng:

— Thực kỳ cục! Trong giai đoạn đau ốm này mà lại đi say mê một cô gái con nhà lành. Một điều tôi không bao giờ ngờ có thể có ở nơi tôi. Tôi không chối cãi là đã đi vào sâu, ngập quá cổ rồi. Nếu tôi là một thằng đứng đắn, tôi phải yêu cầu cô ta cho tôi được làm lễ cưới ngay. Tôi chưa bao giờ ngờ một cô gái có thể đáng yêu đến thế. Tôi thường cho rằng các cô gái, tôi muốn nói các cô gái con nhà nề nếp, chỉ gây cho mình phiền lụy, nhưng tôi lầm, Ivy không phải là một sự phiền lụy, nàng vừa thông minh khéo léo, mà vừa ướt át, dịu dàng. Và lại đẹp nữa chứ! Trời, cái làn da ấy! Cái mái tóc ấy! Sao mà có thể đẹp được như vậy? Nhưng không phải những cái ấy làm cho cuộc đời tôi đảo lộn lòng tung phèo đầu nhé! Anh biết vì cái gì không? - Vì cái đức hạnh! Cái mà trong đời tôi, tôi ghét nhất ở người đàn bà. Một thằng ăn chơi phóng đảng như tôi lại say mê một người đàn bà vì đức hạnh! Thực buồn cười đến vỡ bụng. Nhưng đúng là như vậy đó! Và nàng càng dịu dàng, hiền hậu bao nhiêu thì tôi lại cảm thấy mình càng tồi tàn, hèn hạ bấy nhiêu. Anh ngạc nhiên lắm phải không!

— Không ngạc nhiên tí nào cả. Anh không phải là anh chàng phóng đảng đầu tiên bắt đầu cảm cái trong trắng ngây thơ của đàn bà. Đó chỉ là cái đa tình, đa cảm khi đến tuổi trung niên.

— Thực quả bết!

— Cô ta trả lời thế nào với anh?

— Trời, anh tưởng tôi thố lộ với cô ta sao? Tôi không nói với cô ta một lời nào khác ngoài những gì tôi đã nói với cô trước

mặt mọi người. Tôi sẽ chết trong sáu tháng; vả lại tôi có gì đâu để hiến dâng cho một thiếu nữ như vậy!

Nhưng ít lâu sau, Ashenden có nhiều dịp để đoán biết chắc chắn rằng Ivy cũng say mê Templeton như chàng say mê nàng vậy. Ashenden nhìn thấy đôi má nàng ửng đỏ mỗi lần Templeton đi vào phòng ăn, bất chợt được cái nhìn âu yếm mà thỉnh thoảng nàng nhìn trộm Templeton, khi chàng nhìn nơi khác, và cái vẻ trêu mến đặc biệt trong cái mỉm cười của nàng mỗi khi nàng lắng nghe chàng kể những chuyện quá khứ trong đời chàng. Ashenden có cảm tưởng nàng đang trọn vẹn sưởi ấm trong tình yêu của Templeton một cách yên ổn, thoải mái, như những bệnh nhân đang sưởi nắng trên sân thượng, trong lúc nằm đối diện với làn tuyết trắng mênh mông dàn trải ở bên ngoài. Nhưng có lẽ nàng chỉ thích được sống trong trạng huống mập mờ ấy mà không muốn đi xa hơn nữa. Dù sao, Ashenden cũng nhận thấy không phải là phận sự của mình để nói cho Templeton biết những điều mà có lẽ nàng cũng không muốn cho người mình yêu biết.

Thế rồi một sự việc không may xảy đến đã làm đảo lộn cuộc sống bình thường của bệnh viện. Hai ông Leod và Campbell, mặc dầu luôn luôn to tiếng cãi lầy, vẫn thường đánh bridge với nhau, bởi vì ngoài Templeton ra, họ là hai người đánh bridge cao nhất ở bệnh viện. Họ không ngớt gây gổ nhau, trù yểm cho nhau chết, nhưng sau bao năm đánh bài với nhau, họ biết rõ cái lối chơi của nhau, nên lấy làm vô cùng thú vị khi đè bẹp được đối thủ của mình. Templeton tự đặt cho mình cái nguyên tắc là không bao giờ đánh bridge với họ. Dù là một tay chơi lão luyện, chàng chỉ thích đánh với Ivy Bishop, trong khi hai ông Leod và Campbell lại đồng ý với nhau ở một điểm là nàng chỉ biết phá bài. Nàng là hạng tay chơi bài dễ tính, hễ khi đánh một con bài hớ, là chỉ biết cười trừ và tự bảo: “Đánh bậy thua là phải”.

Nhưng một buổi chiều, vì nàng nhúc đầu không ra khỏi phòng, Templeton đành phải chấp nhận ngồi vào sòng bài của Camphell cho đủ bốn tay. Mặc dù đã cuối tháng ba, tuyết vẫn còn rơi nặng hạt trong mấy ngày liền. Họ ngồi quanh bàn trên hành lang trống trải, bao bọc trong những chiếc áo lông dày, những chiếc mũ trùm kín tận man tai và những chiếc bao tay. Số tiền ăn thua quá nhỏ nên không làm cho Templeton, một tay chơi thường quen đánh lớn, để cả tâm trí vào sòng bài, tuy vậy, vì chàng đánh bridge rất cao, nên mặc dù không thấy hứng thú lắm, chàng vẫn làm tròn bổn phận đối với đồng đội của mình, không lần nào chàng đánh hớ. Nhưng sòng bài thực sôi động vì hai phe đều có bài tốt để đương cự với nhau và phe nào cũng nuôi nhiều hy vọng là thắng lớn sẽ về mình. Hai ông Leod và Camphell đương đầu nhau quyết liệt với những lời tuyên bố đốp chất nảy lửa. Đã năm giờ rưỡi chiều rồi. Ván bài cuối cùng bắt đầu, vì đến sáu giờ thì chuông reo báo hiệu cho tất cả bệnh nhân phải về phòng nghỉ. Cho đến giờ phút này hai phe đều bất phân thắng bại. Camphell cũng như Leod đều quyết tâm không để cho đối phương thâm hoạch chiến thắng cuối cùng. Còn mười phút nữa là hết giờ, nhưng hai phe đều có điểm ngang nhau. Những con bài cuối cùng được chia ra. Templeton cùng một phe với Leod, và Ashenden một phe với Camphell. Leod bắt đầu kêu: “Hai lần chuông”! Ashenden im lặng cho qua; Templeton tỏ cho Leod biết mình có thể phụ lực được, và cuối cùng, Leod tuyên bố mình sẽ chiếm được “Grand slam”^[6]. Camphell tuyên bố chống lại, và Leod cho biết là mình sẽ vượt qua tất cả để toàn thắng. Những tay chơi bài ở các bàn khác nghe vậy đều bỏ cuộc chơi, đến vây quanh bàn này. Ván bài diễn tiến trong sự im lặng nặng nề giữa đám khán giả đang hồi hộp theo dõi. Mặt Leod tái mét vì xúc động, hai chân mày lấm tấm mồ hôi, hai tay rung lẩy bẩy. Camphell thì trông thực hắc ám. Leod vượt qua được hai lá bài

khó khăn và thắng luôn lá bài thứ 13 cuối cùng. Tất cả khán giả đều reo lên tán thưởng. Leod, ngạo nghễ trong chiến thắng, nhẩy cứng lên và đưa nắm tay siết chặt ra trước mặt Campbell la lớn:

— Kéo cái đàn vĩ cầm trời đánh thánh vật mà rửa nhục đi! Ông đã bảo thế nào cũng giành được “grand slam” kia mà! Suốt đời, ông chỉ mong thắng được một ván bài như thế này, nay mới được. Lạy Chúa, xin tạ ơn Chúa!

Ông ta rùng mình một cái, đảo người về phía trước và té sấp trên mặt bàn. Máu trào ra có vòi từ miệng ông. Người ta vội vã đi tìm bác sĩ. Khi y tá chạy đến thì Leod đã chết.

Lễ an táng được cử hành lặng lẽ hai ngày sau, vào lúc tản sáng để các bệnh nhân khỏi bị kích động vì hình ảnh chết chóc. Chỉ một người thân thuộc mặc đồ đen từ Glasgow đến dự đám tang. Không một ai thương mến ông ta. Không một ai tiếc nuối ông ta. Sau một tuần lễ, không ai còn nhắc nhở đến ông nữa. Người cựu công chức Ấn Độ được điền vào chỗ ngồi của ông Leod ở cái bàn ăn danh dự ấy; và ông Campbell dọn lên ở cái phòng của người quá cố mà ông mong ước từ mười mấy năm nay. Bác sĩ Lennox nói với Ashenden:

— Từ nay chúng ta được yên ổn, ông hãy tưởng tượng tôi đã phải chịu đựng như thế nào trong bao năm nay những cuộc cãi vã và kiện cáo của hai người ấy. Tôi không nói sai đâu: phải cần có nhiều kiên nhẫn lắm mới làm được cái nghề khai thác bệnh viện này được. Và ông thử nghĩ có ngán không: sau khi gây ra không biết bao nhiêu rắc rối, phiền lụy cho tôi, ông ta chết một cách như vậy đó, chết mà để lại cho bệnh nhân một sự khùng khiếp có thể phát điên lên được!

— Vâng, không sao tránh khỏi xúc động mạnh do cái chết của ông ta gây ra.

— Ông ta là một người không tốt, cái chết của ông ta làm cho nhiều nữ bệnh nhân lo sợ đến phát bệnh lại. Tội nghiệp cho cô

Bishop khóc đến sưng cả mắt.

— Tôi thấy cô ấy là người độc nhất đã khóc cho ông ta, chứ không phải khóc cho mình.

Nhưng hiện tại có một người không thể quên được ông ta. Đó là ông Campbell, ông này đi lang thang suốt ngày như một con chó hoang. Ông ta không thể chơi bridge cũng không thể chuyện trò với ai. Không còn nghi ngờ gì nữa, ông rầu vì nhớ ông Leod. Mấy hôm liền, ông không ra khỏi phòng và ăn cơm luôn tại đó. Mấy hôm sau ông đến gặp bác sĩ Lennox và nói với bác sĩ ông không thích cái phòng mới bằng cái phòng cũ của ông ta và muốn dọn trở về cái phòng cũ lại. Bác sĩ Lennox nổi nóng - một điều ít khi xảy ra ở bác sĩ - nói với ông ta rằng ông đã quấy rầy bác sĩ trong bao nhiêu năm trời để đòi cho được cái phòng ấy, và bây giờ hoặc là ông phải ở yên đó, hoặc ông ra khỏi bệnh viện này. Ông ta trở về phòng ngồi vẻ buồn bã tư lự. Bà quản lý, sau đó, hỏi ông:

— Nửa tháng nay, tôi không hề nghe ông kéo vĩ cầm. Vì sao vậy?

— Tôi không muốn kéo nữa. Tôi thấy không còn thích thú gì cả. Trước kia, tôi thường dùng nó để tán công ông Leod, vì tôi biết tiếng đàn của tôi làm cho ông ta điên đầu. Nhưng bây giờ có kéo hay không, cũng chẳng ai để ý đến. Tôi sẽ không bao giờ đàn nữa.

Mà đúng như vậy. Trong thời gian Ashenden còn ở tại bệnh viện, không một lần nào chàng thấy ông đàn. Cũng thực lạ lùng: Bây giờ ông Leod đã qua đời, cuộc sống đối với ông Campbell mất hết cả hương vị, không còn ai để gây gổ, không còn ai để chọc giận, cuộc đời của ông thiếu kích thích tố, và chắc chắn không còn bao lâu nữa ông sẽ đi theo địch thủ của ông xuống mồ.

Nhưng đối với thiếu tá Thiếu tá Templeton, cái chết của ông Leod lại có một ảnh hưởng khác, và hậu quả của nó thực quả bất

ngờ. Với vẻ trầm tĩnh điềm đạm, chàng nói với Ashenden về cái chết của ông Leod:

— Ngoạn mục! Thực ngoạn mục được lìa đời giữa lòng chiến thắng như vậy! Tôi không hiểu nổi tại sao mọi người lại xông xáo vì cái chết của ông ta quá thế. Ông ta ở đây đã quá lâu rồi phải không?

— Hình như đã 17, 18 năm gì đó.

— Tôi tự hỏi kéo lê mãi cuộc đời như vậy có ích gì? Thà mình chơi ngông đi một cái cho đã, rồi chấp nhận cái hậu quả của nó có hơn không?

— Tôi nghĩ cái ấy còn tùy ở cái giá trị mà mình đặt vào cuộc sống.

— Nhưng cuộc sống của chúng ta ở đây có phải là cuộc sống không?

Ashenden không trả lời câu hỏi đó. Chàng lạc quan tin rằng trong vài tháng nữa chàng sẽ bình phục và rời khỏi nơi này. Trong khi ấy, nếu bạn chỉ nhìn sơ qua Templeton, bạn cũng đoán biết chàng sẽ không qua khỏi. Bóng dáng Thần Chết phảng phất trên nét mặt chàng.

— Anh có biết tôi vừa làm gì đấy không? - Templeton hỏi - Tôi xin Vy cho tôi làm lễ cưới.

Ashenden giựt mình kinh hãi:

— Cô ta trả lời thế nào?

— Cô ta bảo đó là một ý nghĩ ngộ nghĩnh nhất, chưa bao giờ cô từng nghe trong đời, và chỉ có tôi là khùng mới nghĩ đến một chuyện như vậy.

— Tôi phải công nhận là cô ta nói đúng.

— Hoàn toàn đúng. Nhưng cô ta vẫn bằng lòng làm lễ cưới với tôi.

— Thực quá điên khùng!

— Tôi cũng cho như vậy. Nhưng dù sao chẳng nữa, chúng tôi cũng sẽ đến gặp bác sĩ Lennox để hỏi ông ta nghĩ thế nào về vấn

đề này.

Mùa đông đã hết. Tuyết còn đóng trên các ngọn đồi, nhưng đã tan dần trong các thung lũng, và ở các sườn đồi dưới thấp, mầm non của cây rừng đã trở lá. Vẻ quyến rũ của mùa xuân bàng bạc trong không gian, trong nắng ấm. Mọi người đều cảm thấy nhanh nhẹn vui tươi. Những bệnh nhân già cả, thường chỉ đến đây dưỡng bệnh trong mùa đông, đang bàn tính chuyện đi xuống miền Nam. Templeton và Ivy Bishop cùng nhau đi đến văn phòng gặp bác sĩ Lennox để cho bác sĩ biết ý định của họ. Bác sĩ khám bệnh họ, rọi kiếng bằng quang tuyến X và làm các loại trắc nghiệm khác. Bác sĩ hẹn sẽ cho biết kết quả cuộc trắc nghiệm trong vài hôm sau và sẽ dựa vào kết quả ấy để thảo luận về ý định của họ.

Ashenden được gặp đôi tình nhân trước khi họ đi vào phòng bác sĩ như đã hẹn trước. Họ lo lắng, nhưng cố làm ra vẻ đùa bỡn. Bác sĩ đưa cho họ xem những kết quả của cuộc khám nghiệm và giải thích rành mạch về bệnh trạng của họ.

— Như vậy là quá đầy đủ, cảm ơn bác sĩ - Templeton nói - Nhưng điều chúng tôi muốn biết là chúng tôi có thể cưới nhau không?

— Tôi e là quá liều lĩnh.

— Chúng tôi biết, nhưng điều ấy có quan hệ gì?

— Thực là một trọng tội, nếu các người có con.

— Chúng tôi không dự định có con. - Ivy nói.

— Được rồi, tôi sẽ tóm lược sự việc trong vài câu. Sau đó các người tự quyết định lấy.

Templeton mỉm cười với Ivy và nắm tay nàng. Bác sĩ Lennox nói tiếp:

— Tôi không nghĩ rằng cô Bishop sẽ có đủ sức khỏe để sống một cuộc sống bình thường như mọi người, nhưng nếu cô tiếp tục sống một cuộc sống như trong tám năm nay...

— Một cuộc sống trong các bệnh viện bại lao?

— Đúng! Một cuộc sống như vậy thì không có lý do gì cô không sống một cách yên ổn, nếu không đến đầu bạc răng long, thì cũng lâu dài như một người thường khác. Chứng bệnh của cô đang ở trong một thể tịnh. Nhưng nếu cô lập gia đình, sống một cuộc sống như người bình thường, bệnh sẽ tái phát, và hậu quả khó lường trước được. Còn về trường hợp ông Templeton, tôi có thể nói vắn tắt là không được khả quan lắm. Ông đã xem các bức ảnh chụp bằng quang tuyến rồi. Hai lá phổi ông như hai tổ ong, Nếu ông lập gia đình thì ông sẽ chết trong sáu tháng.

— Còn nếu không lập gia đình thì sống được bao lâu?

Bác sĩ do dự.

— Bác sĩ đừng ngại gì cả, cứ nói thực cho tôi biết.

— Hai, ba năm.

— Cám ơn bác sĩ, đó là tất cả những gì chúng tôi muốn biết.

Họ đi trở ra, tay trong tay như khi đi vào. Cô Bishop sụt sùi lau mước mắt, không ai biết họ đã nói gì với nhau, nhưng khi vào phòng ăn trưa, vẻ mặt họ thực rạng rỡ. Họ báo tin cho Ashenden và Chester biết sẽ làm lễ thành hôn ngay sau khi được giấy phép. Bishop xây qua nói với Chester:

— Tôi mong ước làm sao chị có thể đến kịp vào dịp đám cưới của chúng tôi. Anh thấy có thể được không?

— Anh chị định làm lễ cưới ở đây sao?

— Vâng. Bà con thân thích của cả hai gia đình chúng tôi chắc chắn sẽ không tán thành sự thành hôn của chúng tôi, cho nên chúng tôi chỉ báo tin cho họ hay sau khi mọi sự đã xong xuôi. Chúng tôi sẽ yêu cầu bác sĩ Lennox đừng tiết lộ cho ai biết.

Nàng dịu dàng nhìn Chester, chờ đợi chàng trả lời câu hỏi của mình. Hai người đàn ông, Templeton và Ashenden, cũng chăm chú nhìn chàng. Chàng trả lời, giọng run run:

— Cám ơn anh chị đã có nhã ý mời nhà tôi. Tôi sẽ viết thư bảo nhà tôi đến.

Khi cái tin ấy lan ra trong đám bệnh nhân, mặc dù trước mặt cặp tình nhân, mọi người đều chúc mừng tán tụng, hầu hết đều bàn tán sau lưng họ rằng đó là điều hết sức đại đột. Nhưng khi được biết (những gì xảy ra ở bệnh viện này, sớm hay muộn, người ta cũng biết) khi được biết bác sĩ Lennox đã nói với Templeton nếu chàng lập gia đình thì sẽ chết trong sáu tháng, họ đều kinh ngạc đến lạnh người. Ngay đến cả những người ít nhạy cảm nhất cũng xúc động bởi cái ý nghĩ: hai người đã yêu nhan tha thiết đến nỗi sẵn sàng hy sinh cả cuộc sống của họ. Một bầu không khí hòa thuận tin yêu bỗng bao trùm bệnh viện: có những người từ lâu nay không thêm tiếp xúc với nhau, bây giờ cũng trở lại trò chuyện, có những người trong một thời gian ngắn đã quên được những lo âu phiền muộn của chính mình. Mọi người như đều chia sẻ nỗi niềm vui sướng của đôi tình nhân may mắn ấy. Mùa xuân gieo vào hai trái tim bệnh hoạn ấy một nguồn hy vọng mới, và cùng một lúc mối tình lớn lao đã bùng sáng trong tâm hồn cặp tình nhân ấy cũng phản chiếu rực rỡ sang cả những ai đến gần họ. Ivy cảm thấy hoàn toàn sung sướng, vô cùng phấn khởi, và xem có phần trẻ lại, đẹp thêm. Còn Templeton thì hình như đang đi dạo giữa thình không. Chàng vui vẻ cười đùa như không vướng bận một mảy may lo âu nào cả. Bạn có thể cho rằng chàng đang hy vọng diễm phúc của mình sẽ tiếp tục tồn tại trong nhiều năm nên mới vui vẻ như vậy. Bạn đã lầm. Một hôm, chàng tâm sự với Ashenden:

— Anh biết không, chỗ này thế mà khá đấy. Ivy hứa với tôi rằng khi tôi đã mồ yên mã đẹp rồi, sẽ trở về sống ở đây lại. Cô ta quen biết nhiều ở đây và tin chắc sẽ không bị lẻ loi.

— Các bác sĩ đâu phải là thần thánh gì, họ cũng có thể đoán sai. Nếu anh sống một cuộc sống điều độ, chừng mực, tôi thấy không có lý do gì anh không thể sống lâu.

— Tôi chỉ cầu mong được sống trong ba tháng thôi. Chừng ấy cũng quý hóa cho tôi lắm rồi.

Bà vợ Chester đến bệnh viện hai ngày trước lễ thành hôn. Nàng không gặp chồng mấy tháng nay, nên khi gặp nhau, họ có vẻ ngỡ ngàng, bẽn lẽn. Chúng ta có thể đoán không sai là khi không có mặt mọi người, chắc họ cảm thấy ngượng nghịu lúng túng lắm. Nhưng Chester cố gắng trút bỏ nỗi thất vọng chán chường đã từ lâu trở thành thường trực đối với chàng; và trong các bữa ăn, chàng cũng đã trở lại vui vẻ ân cần đối với mọi người như trước khi chàng mắc bệnh.

Buổi tối trước ngày cử hành hôn lễ, tất cả mọi người đều dùng cơm tối với nhau; Templeton và Ashenden đều ngồi nán lại. Mọi người uống sâm banh, trò chuyện, đùa giỡn cho đến 10 giờ đêm. Hôn lễ cử hành tại nhà nguyện sáng hôm sau. Ashenden làm phụ rể. Mọi người trong bệnh viện, trừ những bệnh nhân không thể đứng dậy được, đều đến dự lễ.

Đôi vợ chồng mới cưới rời bệnh viện bằng xe hơi ngay sau bữa ăn trưa. Bệnh nhân, bác sĩ và nữ y tá đều có mặt để tiễn họ lên đường. Một vài người buộc chiếc giày cũ ở đằng sau xe, và khi Templeton và vợ ra đến cửa chính của bệnh viện, những nắm gạo được tung lên người họ. Những tiếng hoan hô cổ vũ vui nhộn vang lên khi chiếc xe quay bánh đưa họ đi, đưa họ đi vào Tình yêu và cõi Chết.

Đám đông tản mác dần dần. Chester và vợ im lặng đi chậm chậm bên nhau. Sau khi đi vào một lối nhỏ, Chester rút rờ nắm tay vợ. Tim nàng như ngừng đập. Nàng liếc nhìn chồng và thấy đôi mắt chàng rướm lệ.

— Em tha lỗi cho anh, em nhé! - Chàng nói - Anh đã đổi xử tệ với em.

Nàng nói giọng run run:

— Em biết anh không cố ý làm như vậy.

— Không, anh đã cố ý làm cho em đau khổ, làm cho em đau khổ như anh. Nhưng bây giờ thì hết rồi, nhờ cái sự việc vừa xảy ra giữa Templeton và Ivy Bishop. Anh không biết nói thế nào

cho đúng, tình yêu của họ làm cho anh có một cái nhìn hoàn toàn đổi mới về mọi sự việc ở đời. Anh không lo sợ chết nữa. Anh nghĩ rằng cái chết không quan trọng đến thế, không quan trọng bằng tình yêu. Bây giờ anh mong muốn em sống lâu dài và được hạnh phúc. Anh không ganh ghét, giận hờn em về bất luận một điều gì nữa. Anh lấy làm bằng lòng là chính anh, chính anh chứ không phải em phải chết. Anh cầu nguyện cho em được mọi sự may mắn trên đời. Anh yêu em.

THỰC VÀ GIÁ

Tôi không bảo đảm câu chuyện này có thật. Nhưng đây là câu chuyện mà vị giáo sư văn chương người Pháp tại Đại học đường Anh quốc đã kể cho tôi. Ông ta là một nhân vật có tiếng tăm lớn nên tôi nghĩ nếu không có thực, ông không kể cho tôi nghe làm gì. Phương pháp thông thường của ông là làm cho sinh viên phải chú ý đặc biệt đến ba văn hào Pháp mà, theo ông, đã gồm thâm đầy đủ tánh tình căn bản của người Pháp. Đọc ba nhà văn ấy, ông nói, bạn có thể hiểu biết rất nhiều về dân tộc Pháp; và nếu ông có quyền hành thì ông sẽ không tín nhiệm và giao phó cho những viên chức cái nhiệm vụ giao dịch với nước Pháp trước khi hạch hỏi họ về những tác phẩm của ba văn hào Pháp đó. Văn hào thứ nhất là Rabelais, với cái “gauloiserie” của ông, mà chúng ta có thể dịch là cái lối ăn thô nói tục, chẳng hạn như gọi cái xẻng bằng một danh từ còn tục hơn là cái mu rùa. Văn hào thứ hai là La Fontaine, với cái “bon sens” của ông ta, hay cái lương tri giống như năng khiếu tìm đường chẳng bao giờ lầm lẫn của giống ngựa. Văn hào thứ ba là Corneille với cái “panache”. Panache nghĩa đen theo tự điển, là cái lông vũ, loại lông dài mà các hiệp sĩ thường cắm trên mũ, nghĩa bóng là phẩm cách và can đảm, dũng lực và hùng khí, hư danh và kiêu hãnh. Chính cái panache đã làm cho những dũng sĩ Pháp ở trận Fontenoy nói với tướng lãnh của vua Geoge đệ nhị: “Mời quý vi hãy bắn trước đi”; chính cái panache đã khiến cho Cambronne thốt ra từ đôi môi đầy dục tính câu nói bất hủ ở trận Waterloo: “Vệ quốc quân chết chứ không đầu hàng”. Và cũng chính cái panache đã thúc đẩy một thi sĩ nghèo Pháp làm một cử chỉ rất ngoạn mục là không thèm nhận giải thưởng Nobel. Vị giáo sư của tôi không phải là người nông nổi, và theo quan niệm của

ông, thì câu chuyện, tôi sắp kể cho bạn sau đây, mang đầy đủ tánh chất căn bản của người Pháp nên có một giá trị giáo dục rất cao.

Tôi đặt cho câu chuyện ấy cái nhan đề là “Thực và giả”. Đó là nhan đề tôi mượn ở một tác phẩm triết học tôi xem như là một tác phẩm quan trọng bậc nhất mà nước tôi - đúng hay sai - đã sản xuất trong thế kỷ thứ XIX. Đó là một tập luận thuyết chắc nịch nhưng đầy khích lệ, viết với một thứ Anh văn điêu luyện, nhuộm đầy màu sắc châm biếm điều cợt; và dù một độc giả không chuyên về triết lý có thể không nhận ra được những lý luận quá tế nhị của tác phẩm cũng vẫn có cảm giác rộn ngợp như đang đi trên dây tư tưởng qua một vực thẳm siêu hình, và khi đọc xong xếp sách lại, ông ta có cảm tưởng yên lành vô sự rằng đi dây cũng chả ghê gớm cóc khô gì cả. Mượn nhan đề của một tác phẩm tiếng tăm như vậy, tôi không viện dẫn lý do gì để tự bào chữa, ngoài lý do là nhan đề ấy thích hợp lạ lùng cho câu chuyện của tôi.

Tuy bạn chỉ có thể liệt cô Lisette vào hạng triết gia trong cái nghĩa thông thường là tất cả mỗi chúng ta đều là triết gia, nhưng cô đã xử dụng tư tưởng trong những vấn đề sinh sống hàng ngày một cách lão luyện; trực giác của cô về thực tại quá mạnh mẽ và sự yêu chuộng của cô về hiện tượng, hay nói một cách nôm na, về hình thức, quá thuần thực đến nỗi cô có thể tự hào đã thiết lập được sự dung hòa giữa những điều không thể dung hòa mà các triết gia từ bao thế kỷ nay đều làm mục tiêu hướng tiến. Lisette là một cô gái Pháp. Mỗi ngày cô bỏ ra nhiều thì giờ để làm cái việc mặc vào, cởi ra những bộ y phục kiểu mẫu ở một tiệm may sang trọng nhất Paris, một công việc thích thú đối với một thiếu nữ ý thức rõ ràng mình có một hình dáng yêu kiều đẹp đẽ. Nói một cách vắn tắt hơn, nàng là một cô gái làm kiểu mẫu ở tiệm may. Thân hình nàng cao lớn đủ để có thể

mặc áo lễ có vạt sau dài phết đất một cách thanh thoát, và cái eo ếch nàng thon nhỏ đến nỗi khi mặc y phục thể thao người ta có cảm tưởng như đang ngủi thấy hoa đồng cỏ nội. Hai đùi nàng dài, nên khi mặc đồ ngủ trông rất quý phái; và ngực nàng gọn, hông nàng nhỏ, nên bộ áo tắm tầm thường nhất khi được nàng mặc vào cũng trở thành kỳ ảo. Nghĩa là nàng mặc gì cũng đẹp. Nàng có cách khoác lên mình cái áo choàng bằng lông sóc Nam Mỹ khiến cho những kẻ sành ăn mặc nhất cũng phải công nhận rằng áo lông sóc Nam Mỹ thực xứng tiền. Các bà mập, các bà vai u thịt bắp, các bà lùn, các bà ốm dơ xương, các bà không có “co”, các bà già, các bà ăn mặc xuề xòa, ngồi trong những chiếc ghế bành đồ sộ để xem nàng biểu diễn, và sau đó, hỏi mua những bộ y phục mà nàng đã mặc một cách vừa vặn xinh xắn quá sức tưởng tượng. Nàng có đôi mắt lớn màu nâu, đôi môi mọng đỏ và làn da trắng mịn với những nốt ruồi hồng lặn tẩn. Nàng giữ cái dáng điệu cao cả, xa vời và thần nhiên lạnh lùng mà người mẫu cần phải có, khi nàng lượn qua trước mặt khán giả với những bước đi thông thả nhẹ nhàng, quay tròn, quay tròn chậm chậm, rồi với cái vẻ khinh thường luôn cả trời đất mà chỉ có con lạc đà mới sánh kịp, nàng lượn vào, biến mất. Đôi mắt màu nâu tuyệt đẹp và mở rộng, có những cái chớp nhanh, nửa quyến rũ, nửa lạnh lùng, đôi môi đỏ mấp máy rung động nửa như sắp mỉm cười, nửa như muốn làm nghiêm. Chính cái chớp mắt ấy đã khiến cho ông Raymond le Sueur để ý đến nàng.

Ông ngồi trong chiếc ghế bành đóng theo kiểu đời vua Louis XVI, bên cạnh bà vợ. Bà rủ ông đến đây với bà để xem trình diễn những bộ áo thời trang mùa xuân. Đó là bằng chứng cụ thể về thiện chí của ông đối với vợ, vì ông là người rất bận rộn với bao nhiêu công việc quan trọng phải làm, hơn là ngồi hàng giờ để nhìn ngắm một tá các thiếu phụ xinh đẹp phô trương những bộ y phục đủ kiểu. Ông không tin rằng một thiếu phụ nào trong số các cô kiểu mẫu ấy có thể thay hình đổi dạng được bà vợ ông,

một người đàn bà cao lớn, dềnh dàng vào khoảng ngũ tuần, với khuôn mặt quá rộng rãi to lớn hơn kích thước người thường. Tất nhiên ông cười bà không phải vì hình dáng của bà. Và bà, dù trong những ngày thơ mộng nhất của tuần trăng mật, cũng không tưởng làm như vậy. Ông cưới bà vì mục đích muốn tổng hợp những xưởng luyện thép đang hồi thịnh vượng mà bà là người thừa kế, với những hãng chế tạo đầu máy xe lửa cũng đang hồi phồn thịnh của ông. Cuộc hôn phối ấy đã thành công. Bà đã cho ông một cậu con trai có thể chơi quần vợt giỏi bằng những tay nhà nghề, khiêu vũ hay không thua gì vũ sư, và đánh bridge ngang ngửa với những tay chơi lão luyện. Bà cũng cho ông thêm một cô tiểu thư mà ông dự định sẽ cấp cho một số hồi môn đủ để cưới một ông hoàng chính cống. Đúng là ông có đủ lý do để tự hào về hai cô cậu con ông. Nhờ tánh cần mẫn và liêm khiết vừa phải, sự kinh doanh của ông mỗi ngày mỗi phát đạt và đặt ông vào địa vị then chốt của một hãng lọc đường, một công ty điện ảnh, một xưởng ráp xe hơi và một nhật báo. Cuối cùng, khi có thừa phương tiện tài chánh, ông đã xuất tiền ra thuyết phục những cử tri độc lập, không thuộc đảng phái nào ở một quận để bầu ông vào Thượng viện, ông là người có diện mạo uy nghi, có hình thù béo tốt, có nước da hồng hào, với bộ râu hoa râm cắt rất vuông vắn, cái đầu hói và một khoanh mỡ ở phía sau cổ. Bạn không cần phải nhìn cái chấm đỏ chưng diện ở ngực áo “vét” đen của ông cũng có thể đoán biết ông là một nhân vật có thể lực.

Là người nhanh trí, nên khi bà vợ ông rời tiệm may để đi đánh bridge, ông từ già bà, viện cớ ông muốn đi bộ cho giãn gân cốt đến Thượng viện, nơi nhiệm vụ nặng nề đối với dân với nước đang chờ đợi ông. Nhưng thực ra, ông thấy không cần phải đi xa đến thế để được giãn gân giãn cốt mà chỉ đi tới đi lui trên con đường nhỏ mà ông đoán chắc các thiếu phụ trẻ đẹp ở tiệm may có thể đi ra sau giờ bãi sở. Ông chỉ đợi trong khoảng 15

phút thì những người đàn bà xuất hiện từng nhóm nhỏ có người trẻ đẹp, có người chẳng trẻ cũng chẳng đẹp, báo hiệu cho ông biết giây phút chờ đợi đã đến. Vài phút sau, cô Lisette bước xuống đường. Vị thượng nghị sĩ ý thức rõ ràng rằng hình dáng và tuổi các của ông có thể không quyến rũ được các thiếu phụ trẻ đẹp lúc mới nhìn lần đầu tiên, nhưng sự giàu có và địa vị của ông bù lại những điểm bất lợi nói trên, cô Lisette đi với một cô bạn; điều ấy có thể làm bối rối một người kém bản lĩnh, nhưng đối với ông thì ông chẳng e dè một chút nào. Ông tiến thẳng đến trước mặt cô, lễ phép cất nón, nhưng không quá cao để khỏi lộ cái đầu hói, và chào cô với một nụ cười duyên:

— Bonsoir, Mademoiselle.

Cô liếc nhanh một cái về phía ông, đôi mắt đỏ mấp máy một nụ cười, nhưng nụ cười vừa thoáng hiện đã biến mất. Cô xoay mặt về phía khác, trò chuyện lại với cô bạn và tiếp tục bước đi với vẻ hoàn toàn thản nhiên lãnh đạm được nghiên cứu rất kỹ. Không một chút bối rối, vị nghị sĩ quay trở lại và đi theo hai cô gái cách mấy bước ở phía sau. Hai cô đi dọc theo con đường nhỏ, queo ra đại lộ và khi đến công trường Madeleine, leo lên xe buýt.

Vị nghị sĩ rất lấy làm hài lòng. Ông đã rút ra được một số kết luận khá đúng: Cô đi về nhà với một bạn gái chứng tỏ cô ta chưa có ý trung nhân; cô ta xây mặt phía khác liền sau khi chào ông chứng tỏ cô ta người kin đáo, nhu mì và đứng đắn, một đức tính ông rất ưa chuộng ở người đàn bà, nhứt là người đàn bà đẹp; và cái áo ngoài và sơ-mi tầm thường, cái nón màu đen đơn giản và đôi vớ sọc, nói lên sự nghèo nàn, và từ đó mà suy ra đức hạnh của cô. Trong bộ y phục đơn sơ ấy, cô cũng vẫn không kém phần hấp dẫn như trong những bộ y phục lộng lẫy mà ông đã thấy cô mặc hồi nãy. Một cảm tưởng kỳ lạ dấy lên trong tim ông. Từ bao năm nay ông không có cảm giác đặc biệt đó, một cảm giác vừa thích thú, vừa xót xa, nhưng ông nhận ra nó ngay.

— Đó là tình yêu, tình yêu thơ mộng. - Ông lẩm bẩm.

Ông không bao giờ chờ đợi một thứ tình cảm như vậy trở lại trong lòng ông. Nhưng ông vươn vai, ưỡn ngực, tiếp tục bước chắc chắn, đầy tự tin. Ông đi thẳng lên phòng làm việc của một thám tử tư và đưa những chỉ dẫn để yêu cầu điều tra về một thiếu nữ có tên là Lisette, làm kiểu mẫu cho một tiệm may, số mấy, đường nào v.v... và v.v... Rồi sự nhớt ở Thượng viện đang có cuộc thảo luận về vay tiền Mỹ quốc, ông gọi tắc xi đến tòa nhà đồ sộ ấy, đi thẳng vào thư viện, đánh một giấc trong chiếc ghế bành êm dịu mà thường ngày ông rất thích ngồi.

Ba ngày sau, cuộc điều tra hoàn tất và được gửi đến cho ông, với một giá thù lao quá rẻ. Cô Lisette Larion hiện ở với một bà cô góa chồng trong một căn phố hai phòng tại một quận ở Paris, thường được gọi là Batignolles. Ông thân cô, một thương phế binh trong trận thế chiến vừa qua hiện có sạp bán thuốc lá tại một thị trấn nhỏ ở Tây nam nước Pháp. Tiền thuê căn phố là hai ngàn quan một năm. Cô sống một cuộc sống lương thiện, thích đi xem triển lãm tranh ảnh, được biết là chưa có tình nhân và chỉ mới 19 tuổi. Cô được người gác đàn của dãy phố cô ở khen là người tốt và được bạn bè trong tiệm may yêu mến. Như vậy chắc chắn cô là một thiếu nữ rất đàng hoàng. Vị nghị sĩ của chúng ta giờ đây không còn nghĩ gì khác hơn là cô ta rất thích hợp để, trong những giờ nhàn rỗi, an ủi và săn sóc ông ta, một người luôn luôn mong muốn được nghỉ ngơi sau những giờ lo nghĩ về quốc kế dân sinh và bị thúc bách bận bịu bởi một cuộc kinh doanh vĩ đại.

Tưởng không cần phải kể dài dòng từng chi tiết những bước tiến của ông Le Suear để đạt mục tiêu mong muốn, ông là nhân vật quá quan trọng và bận bịu vì nhiều công chuyện nên không thể tự mình đứng ra lo liệu sắp xếp câu chuyện này, nhưng ông có một viên bí thư rất thành thạo trong việc vận động và hướng dẫn các cử tri về vấn đề bầu bán, và chắc chắn với tài nghệ đó, anh ta có thể trình bày cho cô gái lương thiện nhưng nghèo nàn

ấy thấy những lợi lộc mà cô có thể hưởng thụ, nếu cô được may mắn làm quen với một nhân vật có thế lực như ông chủ của mình. Anh ta đến thăm bà quả phụ Saladin, cô của Lisette và cho bà biết rằng ông Le Sueur một người luôn luôn nhìn xa thấy rộng và gần đây đang đặc biệt quan tâm đến phim ảnh và dự định bỏ vốn để sản xuất một cuốn phim. (Điều này chứng tỏ cho thấy là một đầu óc khôn ngoan lạnh lợi có thể xử dụng hữu ích đến thế nào một sự việc mà người thường cho là vô nghĩa). Anh ta bảo rằng ông Le Sueur rất thán phục dung nhan của cô Lisette và điệu bộ đặc biệt của cô trong lúc trình bày mẫu áo ở tiệm may và do đó, ông nảy ra sáng kiến là cô có thể rất thích hợp cho một vai trò trong cuốn phim của ông. (Như bao nhiêu người thông minh lạnh lợi khác, nghị sĩ của chúng ta luôn luôn cố gắng xích lại gần sự thật).

Viên bí thư, vì vậy, mời bà Saladin và cô Lisette dùng cơm với ông Le Sueur để hai bên làm quen với nhau, và để ông có cơ hội xét lại xem cô Lisette thật có năng khiếu về màn ảnh như ông mong đợi không. Bà Saladin trả lời là bà sẽ hỏi ý kiến của cháu bà; về phần bà thì bà nhận thấy đề nghị ấy rất hợp lý.

Khi bà Saladin trình bày đề nghị ấy với cô Lisette và giải thích cho cô rõ địa vị, danh giá và tầm quan trọng của người đứng mời, cô nhún đôi vai xinh xắn một cách khinh bỉ, nói:

— Cette vieille carpe!

Câu này có thể phiên dịch sang nghĩa đen là: “Cái con cá chép già ấy”.

— Con cá chép già thì đã sao, nếu ông ta thuận cho mày đóng một vai trò? - Bà Saladin hỏi vặn lại.

— Et ta sueur. - Cô Lisette trả lời.

Câu này dịch nôm là “Và chị Bà” nghe thì không có gì là xúc phạm và vô nghĩa nữa, nhưng thực ra là hơi tục và tôi nghĩ, chỉ những cô gái không đứng đắn mới dùng đến khi muốn đả kích ai. Nó diễn tả cái nghi ngờ cùng tột, và sự phiên dịch chính xác

ra tiếng bình dân thực quả tục tũ đối với ngòi bút trong trắng của tôi.

— Dù sao chúng ta cũng sẽ được một bữa ăn thịnh soạn - Bà Saladin nói - Vả lại mày đâu phải là con nít nữa?

— Hẳn ta bảo ăn ở tiệm nào?

— Ở Château de Madrid. Ai cũng thừa biết đó làm tiệm ăn sang nhất thế giới.

Vậy thì không có lý do gì lại từ chối. Món ăn ngon, phòng sang trọng, địa điểm ngồi ăn vào những đêm hè tốt trời thật lý tưởng. Một núm đồng tiền hiện lên đôi má cô Lisette và đôi môi mọng đỏ nở một nụ cười để lộ hai hàm răng thật đều đặn.

— Tôi có thể mượn được một bộ y phục ở tiệm. - Nàng thì thầm với mình.

Mấy ngày sau viên bí thư của ông nghị đến rước bà Saladin và cô cháu duyên dáng của bà trên chiếc taxi và đưa họ đến vườn Boulogne.

Cô Lisette trông thực quyến rũ trong bộ y phục mẫu thành công nhất của tiệm may, còn bà Saladin thực đoan trang trong bộ áo xa tanh đen và chiếc mũ mà cô Lisette vừa mới chế biến cho cái dịp này. Viên bí thư giới thiệu hai người phụ nữ với ông Le Soeur; ông này chào hỏi họ với cái cung cách vừa thân mật vừa trang trọng của một chính trị gia đối với bà vợ và cô cháu một cử tri danh giá của mình. Và đó chính là xảo thuật mà ông hy vọng những người quen biết ở những bàn ăn lân cận tưởng lầm như vậy về hai người khách của ông.

Bữa cơm đã thành công mỹ mãn, và chưa đầy một tháng sau, cô Lisette dọn về một căn phố xinh xắn ở một địa điểm thuận tiện cả cho sự đi về của cô ở tiệm may và của ông nghị ở thượng viện. Căn phố được trang trí theo kiểu tân thời bởi một trang trí gia chuyên về thời trang. Ông Le Sueur muốn để cho cô Lisette tiếp tục đi làm. Ông thích cô có việc để làm trong những giờ ông phải vùi đầu trong công việc đa đoan, vì điều đó có thể giữ gìn

cho cô khỏi rơi vào lầm lỗi, và ông cũng hiểu rõ rằng một người đàn bà nhàn rỗi tiêu tiền nhiều hơn người có công việc. Người đàn ông thông minh bao giờ cũng nghĩ đến điều đó.

Nhưng sự phung phí tiền bạc là một tánh xấu mà cô Lisette không hề biết đến. Ông nghị là người tốt bụng và rộng rãi. Ông rất hài lòng về tánh tiện tặn của cô. Cô ăn tiêu cẩn kiệm và may sắm cũng rất vừa phải, và mỗi tháng cô gửi về nhà một số tiền cho ông thân sinh để tạo mãi một ít đất ruộng. Ông nghị rất bằng lòng được biết từ miệng bà gác dan (bà này có cậu con trai mà bà đang mong ước được xin vào làm việc nhà nước) rằng: Cô Lisette chỉ có mấy người khách thường đến thăm, là bà Saladin và vài cô bạn gái ở tiệm may.

Ông nghị chưa bao giờ có được hạnh phúc như bây giờ. Ông rất hài lòng nghĩ rằng, ngay trong cõi đời này một việc thiện vẫn được đền bù xứng đáng. Phải chăng không vì lòng tốt, hoàn toàn bất vụ lợi mà ông nghị đã bỏ buổi họp bàn cãi về vấn đề cho vay của Mỹ quốc ở thượng viện để đi với bà vợ ông đến tiệm may chiều hôm ấy, nên mới được may mắn gặp cô Lisette lần đầu tiên đó sao? Càng hiểu rõ cô bao nhiêu, ông lại càng say mê cô bấy nhiêu, cô thực là một người bạn đường tuyệt diệu. Luôn luôn vui vẻ và dễ dãi, nàng có trí thông minh đáng nể và có thể nghe kịp những điều ông bàn cãi về việc nước hay việc kinh doanh. Nàng sẵn sóc nâng niu ông khi ông mệt mỏi, an ủi vỗ về ông khi ông chán nản. Nàng mừng rỡ khi thấy ông đến - ông đến rất thường vào lúc năm giờ đến bảy giờ chiều, và buồn rầu khi tiễn ông đi. Nàng cho ông cái cảm tưởng ông không chỉ là người tình mà còn là người bạn của nàng. Thỉnh thoảng họ dùng cơm với nhau tại căn phố nàng ở; và bữa ăn với bát đĩa sạch sẽ thơm tắp, với tiện nghi linh động, cho ông hưởng thụ trọn vẹn thú sống gia đình. Bạn bè bảo ông trẻ lại đến hai mươi tuổi, ông cũng cảm thấy như vậy và ý thức được diễm phúc của mình. Nhưng ông cho đó chỉ là phần thưởng mà ông có quyền

được hưởng sau một cuộc sống lương thiện, nhọc nhằn trong công việc kinh danh và chính trị của ông.

Nhưng, sau gần hai năm mọi sự đều tiến triển êm xuôi và tốt đẹp, bỗng một hôm ông phải chạm trán với một sự việc quả bất ngờ làm ông choáng váng như bị đụng đầu vào tường. Hôm ấy là sáng sớm chủ nhật, sau khi đi về tỉnh thăm cử tri đoàn và định ở lại cho đến hết cuối tuần, ông đã bất thần trở về Paris, đến căn phố của Lisette ở, lấy chìa khóa riêng, mở cửa phòng với ý nghĩ sẽ gặp nàng còn ở trong giường ngủ vì là ngày nghỉ việc, ông đã bắt gặp quả tang nàng đang ngồi ăn sáng với một thanh niên mặc bộ đồ ngủ mới toanh của ông, một thanh niên ông chưa hề quen biết bao giờ. Lisette rất đỗi ngạc nhiên khi thấy ông đi vào. Nhưng nàng vẫn hỏi ông, vẻ tỉnh bơ:

— Kìa! Anh ở đâu hiện về đó? Em tưởng ít ra ngày mai anh mới trở về.

— Nội các đó, - Ông trả lời như cái máy - tôi được mời về gấp để nhận chức Tổng trưởng Nội Vụ.

Nhưng đó không phải là điều ông muốn nói lúc này. Ông ném một cái nhìn giận dữ vào gã thanh niên đang mặc bộ đồ ngủ của ông, thét hỏi:

— Thằng cha nào vậy?

Đôi môi đỏ của Lisette nở một nụ cười vô cùng quyến rũ.

— Tình nhân của em.

Vị nghị sĩ thét lớn:

— Cô cho tôi là một thằng ngốc không biết hẳn là tình nhân của cô sao?

— Vậy sao còn hỏi?

Ông Le Sueur là người hoạt động, ông tiến thẳng đến trước mặt cô Lisette, tát cho cô một cái tát nảy đom đóm vào má phải với bàn tay trái của ông, tát thêm một tát nảy đom đóm vào má trái của cô với bàn tay phải của ông. Cô Lisette khóc và thét:

— Đồ vũ phu!

Ông nghị xây qua phía anh chàng thanh niên trong khi hắn đang bối rối nhìn cảnh trình diễn phũ phàng ấy, rồi ông đứng vững thẳng người, phóng cánh tay dài và ngón tay trở ra phía cửa một cách rất là kịch sĩ, truyền lệnh:

— Cút ngay lập tức!

Trước dáng điệu nặng phần chỉ huy của một nhân vật đã quen điều khiển một đám quần chúng nổi giận vì sưu cao thuế nặng, đã từng áp đảo với vẻ mặt nghiêm nghị của mình một đại hội thường niên của những hội viên bất mãn vì chia lời ít, người ta tưởng rằng anh chàng thanh niên kia sẽ chuồn ngay ra cửa nhưng không, hắn vẫn giữ yên thế đứng - mặc dù có đôi chút lưỡng lự, nhưng vẫn giữ nguyên thế đứng - Hắn phóng về phía cô Lisette một cái nhìn cầu cứu, và hơi nhún đôi vai. Ông nghị quát:

— Mà còn đợi gì nữa? Muốn tao dùng vũ lực hay sao!

— Ảnh không thể đi về trong bộ đồ ngủ của ảnh. - Cô Lisette giải thích.

— Đâu phải bộ đồ ngủ của hắn? Bộ đồ ngủ của tôi!

Ông nghị nhìn quanh và thấy trên chiếc ghế sau lưng ông, vắt bừa bãi bộ quần áo đàn ông. Ông giận dữ nhìn chàng thanh niên, nói vẻ khinh bỉ:

— Đến lấy đi!

Người thanh niên lấy bộ áo quần vắt lên cánh tay, xách đôi giày lên, lẹ làng ra khỏi phòng. Ông Le Sueur là người có tài diễn thuyết. Chưa bao giờ ông sử dụng cái tài ấy đặc sắc như hôm nay. Ông nói cho cô Lisette biết những ý nghĩ của ông về cô. Dĩ nhiên những ý nghĩ ấy không đẹp đẽ gì. Ông tô đi tô lại cái vô ân bạc nghĩa của cô với những màu sắc thực đen tối. Ông moi móc trong mớ từ ngữ dồi dào của ông những danh từ thực tồi tệ để nhiếc mắng cô. Ông kêu gọi trời đất thánh thần chứng giám cho lòng tốt và sự tin cậy của ông đối với cô, thế mà bây giờ bị cô đối xử phũ phàng tệ bạc như thế đó. Tóm lại, ông nói lên những

điều mà sự giận dữ, nỗi thất vọng và lòng kiêu mạn bị tổn thương đã gợi lên cho ông. Cô Lisette không tìm cách tự bào chữa. Cô im lặng ngồi nghe, mắt nhìn xuống và mồm tiếp tục nhai một cách máy móc miếng bánh mì croissant mà cô bỏ dở từ lúc ông nghị bước vào phòng. Ông tức tối phóng một cái liếc xuống chiếc đĩa của cô.

— Thế mà tôi lại muốn cho cô là người đầu tiên được biết cái tin trọng đại ấy, nên đã đi thẳng từ nhà ga về đây. Tôi định bụng sẽ dùng “petit déjeuner” với cô ở đầu giường...

— Kìa, khổ chưa! Anh chưa dùng sáng sao? Em gọi đem ngay cho anh nhé!

— Thôi đừng!

— Vô lý! Với nhiệm vụ nặng nề anh sắp gánh vác, anh phải ăn để có đủ sức khỏe để mà làm việc chứ!

Nàng bấm chuông. Khi chị làm công vào, nàng bảo đem cà phê nóng vào. Cà phê được đem lên, nàng rót ra chiếc tách. Nhưng chắc ông nghị sẽ không đụng đến đâu. Nàng quệt bơ lên hai miếng bánh croissant, ông nghị nhún vai, rồi bắt đầu ăn. Trong khi ăn, ông vẫn còn «tiểu ri» về cái lòng dạ phản trắc của đàn bà. Nàng vẫn im lặng ngồi nghe. Ông nói:

— Dù sao cô cũng không thể trôn tráo tìm cách chống chế cho cô được, cô nên biết rằng tôi không phải là người để cho ai muốn lợi dụng gì cũng được. Tôi là hiện thân của lòng quảng đại đối với những ai xử sự tốt đẹp với tôi, nhưng cũng rất nhỏ nhen đối với những kẻ có tâm địa xấu xa. Ngay sau khi tôi uống xong tách cà phê này, tôi sẽ vĩnh viễn rời khỏi căn nhà này.

Lisette thở dài.

— Cô biết không, tôi đã định bụng dành cho cô một sự bất ngờ lý thú: Tôi dự định trong lễ kỷ niệm năm thứ hai ngày chúng ta sum họp, sẽ tặng cho cô một số vốn đủ để cô sống tự lập nếu lỡ tôi có bề nào...

— Bao nhiêu? - Nàng hỏi một cách buồn bã.

— Một triệu quan.

Nàng lại thở dài. Bỗng một vật gì mềm mềm đập vào phía sau cái đầu hói của ông nghị làm ông giật mình.

— Cái gì vậy?

— Ảnh trả lại bộ đồ ngủ.

Chàng thanh niên, sau khi mở cửa phòng, liệng bộ đồ ngủ lên đầu ông nghị, lẹ làng đóng cửa lại. Ông nghị loay hoay tháo gỡ bộ đồ lụa đang quấn quanh cổ ông.

— Một cách trả áo quần thật lạ lùng! Rõ ràng thằng tình nhân của cô là đồ mất dạy, là đồ...

— Dĩ nhiên ảnh không có đủ cái lỗi lạc xuất chúng như anh. - Nàng nói nhỏ nhẹ.

— Thế hẳn có được thông minh như tôi không?

— Còn không!

— Hẳn có tiền không?

— Không có lấy một đồng xu nhỏ!

— Trời ơi, vậy thì cô thấy có gì hấp dẫn ở nơi hẳn?

— Anh ta trẻ. - Nàng nhoẻn miệng cười.

Ông nghị nhìn xuống chiếc đĩa của ông, rồi một giọt nước mắt đọng trên mí mắt ông, lăn tròn trên má ông và rơi vào tách cà phê, Lisette nhìn ông, thương hại. Nàng an ủi:

— Anh ơi, không ai có thể hoàn toàn trên đời này cả.

— Tôi biết tôi không còn trẻ. Nhưng địa vị tôi, tài sản tôi, sức sống của tôi, tôi nghĩ cũng có thể bù đắp vào đó. Có nhiều người đàn bà chỉ thích những người đàn ông lớn tuổi... Có nhiều cô đào hát cho là một vinh dự được làm bé một ông bộ trưởng. Tôi là một người quá lễ độ, quá nhã nhặn, nên không muốn nhắc cho cô nhớ cái gốc gác của cô, nhưng điều hiển nhiên không thể chối cãi được là cô, một cô gái làm mẫu cho một tiệm may mà tôi đã đưa ra khỏi căn phố tồi tàn với tiền thuê hàng năm chỉ có hai ngàn quan. Đó là một bước tiến dài đối với cô.

— Tôi là con gái nhà nghèo, nhưng lương thiện! Không có lý do gì tôi phải xấu hổ về gốc gác của tôi, và không phải vì tôi làm ăn sinh sống trong một hoàn cảnh hèn mọn mà anh có quyền nhục mạ tôi.

— Cô yêu thằng đó thực sao?

— Thực!

— Còn tôi?

— Cũng yêu anh nữa! Yêu cả hai anh. Nhưng mỗi người một cách. Em yêu anh vì anh là một người tài ba xuất chúng ăn nói hay ho và rất bổ ích cho người nghe. Em yêu anh vì anh tốt bụng và rộng rãi. Còn anh kia, vì anh có đôi mắt đẹp, có đầu tóc gọn sóng và khiêu vũ đẹp một cây. Điều ấy không có gì là lạ lùng.

— Cô cũng nên hiểu rằng với địa vị của tôi, tôi không thể đưa cô đi nhảy chỗ này chỗ nọ như người ta được, và tôi dám nói rằng khi thằng cha mắc dịch ấy già bằng tuổi tôi bây giờ, chưa chắc hẳn có đủ tóc như tôi.

— Cũng có thể như vậy. - Nàng công nhận nhưng cũng không cho đó là điều quan trọng.

— Bà Saladin, cô của cô, sẽ nghĩ thế nào, sẽ ăn nói ra sao, khi bà biết được việc này?

— Việc này cũng chẳng lạ lùng gì với bà.

— Cô nói sao? Bà cô đứng đắn ấy cũng đồng lõa trong hành động tội bại của cô sao? O tempora! O mores!^[7] Việc này xảy ra từ bao lâu rồi?

— Từ khi em mới vào làm ở tiệm may. Anh ấy đem hàng đi làm quảng cáo cho một hãng dệt lụa ở Lyon. Anh đem hàng mẫu đến tiệm may của em rồi... hai bên bắt đầu mến nhau.

— Đáng lẽ bà Saladin phải ngăn ngừa những cám dỗ mà một thiếu nữ có thể rơi vào ở giữa một đô thị như Paris này chứ? Đáng lẽ bà không nên cho phép cô giao du với hắn ta mới phải.

— Em không xin phép bà.

— Cô có biết việc làm của cô có thể khiến cho ông già cô rầu rĩ đến chết được không? Cô có biết chính phủ cấp cho ông cái môn bài bán thuốc diều là để đền đáp công lao của một chiến sĩ đối với tổ quốc không? Và cô cũng đừng quên rằng, với quyền hạn của một ông Tổng trưởng Nội vụ, tôi có thể thu hồi cái môn bài ấy lại, vì hành động vô luân của cô đấy.

— Em biết anh là người lớn, là người quân tử, nên không bao giờ anh có thể làm một việc đê tiện như vậy.

Ông nghị hoa tay làm một cử chỉ thực cảm động, mặc dù hơi nặng phần trình diễn:

— Cô đừng lo. Tôi sẽ không bao giờ tự hạ mình để trả thù một chiến sĩ đã phục vụ đắc lực cho tổ quốc, vì những hành động bất chính của cô con gái mà bản chất cao quý của tôi bắt buộc tôi phải kính trọng.

Ông lại tiếp tục bữa ăn sáng còn bỏ dở. Cô Lisette lặng lẽ ngồi nhìn ông ăn. Bầu không khí im lặng bao trùm lấy họ. Nhưng sau khi ăn uống no nê, tánh khí ông bắt đầu thay đổi. Ông cảm thấy buồn thương cho mình nhiều hơn là giận hờn cô nhân tình trẻ. Vì hoàn toàn xa lạ với tâm lý đàn bà, ông hy vọng sẽ làm cho cô hối hận bằng cách tự than thân trách phận và trình bày cho cô thấy mình là một nạn nhân thực tội nghiệp, thực đáng thương hại.

— Thực là khó khăn khi phải từ bỏ một tập quán quen thuộc. Đối với tôi, đây là nơi yên nghỉ, là nguồn an ủi quý báu sau những giờ làm việc lao khổ nhọc nhằn.

— Cô có tiếc thương tôi chút nào không, Lisetste?

— Không làm sao được, anh?

Ông nghị thở ra một tiếng thực dài:

— Tôi không bao giờ ngờ cô có thể làm cho tôi thất vọng đến thế này.

Nàng phát biểu một ý nghĩ rất có vẻ triết lý:

— Em thấy anh đang bị sự thất vọng đầu độc đấy. Bọn đàn ông các anh đều kỳ cục như vậy cả. Họ không thể tha thứ cho những ai đối gặt họ; và như vậy là vì họ quá tự phụ và không thực tế. Họ chú trọng vào những cái không có gì là quan trọng.

— Cô cho là không quan trọng cái việc tôi bắt gặp cô đang ngồi ăn sáng trong phòng với một thằng cha mặc bộ đồ ngủ của tôi?

— Nếu hắn là chồng em và anh là tình nhân của em, có lẽ anh sẽ cho đó là một điều rất tự nhiên.

— Dĩ nhiên là vậy! Bởi vì khi ấy tôi là người cho hắn cặp sừng, và danh dự của tôi sẽ không bị tổn thương.

— Vậy thì dễ quá! Em chỉ cần làm lễ cưới với hắn để hợp thức hóa tình trạng này.

Lúc mới nghe, ông nghị không hiểu nàng muốn nói gì. Nhưng rồi cái ý nghĩa của câu nói bừng sáng trong đầu óc thông minh của ông. Ông nhìn nàng một cái nhìn chớp nhoáng. Trên đôi mắt đẹp của nàng, khóe thu ba vẫn gợn sóng khuynh thành, và trên đôi môi mọng đỏ vẫn còn thoáng hiện nụ cười tình tứ của mọi ngày.

— Cô quên rằng với tư cách thượng nghị sĩ, với truyền thống của nền cộng hòa Pháp quốc, tôi đường đường là một trụ cột trong việc gìn giữ luân thường đạo lý, trong sự bảo vệ thuần phong mỹ tục hay sao?

Ông nghị vừa nói vừa vuốt bộ râu quai nón của ông với một dáng điệu oai nghi chững chạc.

— Có thực anh xem trọng những thứ ấy đến thế không?

Biết mình bị lật tẩy ông thú nhận:

— Không bằng một cọng rau!

Câu trả lời ngắn ngủi có mấy chữ, nhưng từ ngữ ông dùng, cũng như cách diễn tả của ông, có một tác dụng mạnh mẽ có thể làm cho những cử tri bảo thủ thường ủng hộ ông, nếu nghe được, sẽ cảm thấy như bị một cái tát vào mặt.

— Hẳn có muốn cưới cô không? - Ông hỏi.

— Anh mê em như chết. Chắc thế nào anh cũng cưới em. Nếu em cho anh hay là em sẽ có một triệu quan làm của hồi môn, thì anh không còn đòi hỏi gì hơn nữa.

Ông nghị lại tư lự nhìn nàng. Hồi nãy, trong cơn nóng giận ông có nói là ông dự định cho nàng một triệu quan làm của riêng, ông đã phóng đại số tiền ông định cho với cái dụng ý để cho nàng phải tiếc rẻ là đã mất một số tiền lớn vì sự phản bội của mình. Nhưng ông không phải là hạng người rút lui dễ dàng lời hứa, khi danh dự có thể bị tổn thương. Ông nói:

— Với hoàn cảnh sinh sống của hẳn ta, được như vậy là quá mức rồi, còn mong ước gì hơn nữa. Nhưng khi hẳn đã mê say cô như vậy, thì chắc chắn sẽ luôn luôn đi theo bên đít cô.

— Em chưa nói với anh là anh ta phải đi các tỉnh để giới thiệu hàng mẫu sao? Anh chỉ trở về Paris mỗi cuối tuần thôi.

— Như vậy thì cũng dễ tính. Chắc hẳn sẽ vui mừng lắm khi được biết những lúc hẳn đi vắng, anh sẽ đến đây săn sóc cô dùm hẳn.

— Vâng, chắc anh sẽ mừng lắm.

Để cuộc thảo luận tiến triển dễ dàng hơn, nàng rời chiếc ghế của nàng đến ngồi gọn trong lòng ông nghị. Ông âu yếm siết tay nàng, nói:

— Anh yêu thương em lắm, Lisette ạ. Anh không muốn Lisette làm một điều nhầm lẫn. Em có chắc là hẳn ta sẽ đem lại hạnh phúc cho em không?

— Chắc lắm.

— Dù sao anh cũng phải cho điều tra thật kỹ. Anh không cho em lấy một thằng chồng không có tánh tình mẫu mực, đạo đức hoàn toàn. Vì hạnh phúc của chúng ta, chúng ta cần biết rõ về hẳn trước khi cho hẳn nhập vào cuộc sống của chúng ta.

Lisette không nêu lên một ý kiến nào khác. Nàng biết rõ tánh ông nghị thường làm việc gì cũng có thứ lớp và phương pháp...

Ông sắp rời nàng để báo tin quan trọng cho bà nghị biết, và để tiếp xúc với những nhân vật quan trọng của đảng ông trong nghị trường. Ông nói, trước khi từ giã nàng:

— Còn một chuyện này, anh cần nói cho em biết, là sau khi làm lễ thành hôn, anh sẽ bắt em nghỉ việc. Địa vị của người vợ là ở trong nhà. Và cái nguyên tắc bất di bất dịch của anh là: người đàn bà có chồng phải để cho chồng nuôi.

Nàng không muốn cãi lại cái nguyên tắc của ông; nhưng nàng không khỏi thấy là kỳ cục một thanh niên khỏe mạnh, bô trai, hằng ngày lại cứ đi lòng vòng hết tiệm này đến tiệm khác, uốn éo cái đít để ca tụng những mẫu hàng mới ra. Nàng nói, trong khi đưa ông ra cửa:

— Em sẽ chịu theo ý cục cưng của em.

Ông nghị rất vừa ý về kết quả cuộc điều tra, và lễ cưới cử hành vào sáng chủ nhật ngay sau khi các giấy tờ hợp lệ đã đầy đủ. Ông Le Sueur, Tổng trưởng bộ Nội vụ và bà Saladin là hai nhân chứng, chú rể là một thanh niên có thân hình cao thon, cái mũi thẳng, hai mắt xinh và đầu tóc dợn sóng chải vuốt ra phía sau. Chàng có dáng dấp một nhà quân vọt hơn là một quảng cáo viên hàng lụa. Ông thị trưởng, kích thích bởi sự hiện diện trọng thể của ông Tổng trưởng Nội vụ, và đúng theo thủ tục nước Pháp, đã đọc một bài diễn văn thực hùng hồn. Ông mở đầu bằng cách nói với cặp tân hôn những điều mà họ đã biết quá rõ. Ông cho chú rể biết chú là con một gia đình lương thiện và có nghề nghiệp đứng đắn. Ông khen chú đã biết lo lập gia đình vào cái tuổi mà những thanh niên khác chỉ nghĩ đến ăn chơi.

Ông nhắc cho cô dâu nhớ cô là con gái của một vị anh hùng chiến sĩ của trận đại chiến, mà những vết thương hiển hách đã được đền bù xứng đáng bằng việc cấp cho ông khai thác một sạp bán thuốc hút, ông cũng nói cho cô biết cô có nghề nghiệp đứng đắn từ khi cô mới bước chân đến Paris, làm ở một tiệm

may nổi tiếng sang trọng và có thẩm mỹ nhất nước Pháp. Ông Thị trưởng là người sành văn chương, nên đem những cặp tình nhân nổi tiếng trong các tiểu thuyết ra dẫn chứng. Roméo và Juliet, mà cuộc tình duyên ngắn ngủi đã bị tan vỡ vì một sự hiểu lầm đáng tiếc. Paul và Virginie, người thiếu nữ này đã cam chịu chết chìm dưới biển hơn là hy sinh cái nét na thùy mị của mình bằng cách cởi bỏ áo quần khi người ta đến cứu trong cuộc đắm thuyền. Và cuối cùng, Daphnis và Chloe chỉ chung chăn gối sau khi đã hoàn thành hôn lễ một cách chính thức, ông nói với một vẻ cảm động làm cho cô dâu không cầm được mấy giọt nước mắt. Ông không quên ca tụng bà Saladin mà đời sống gương mẫu và những lời giáo huấn khôn ngoan đã ngăn ngừa cô cháu trẻ đẹp của bà khỏi rơi vào những cạm bẫy nguy hiểm ở giữa một đô thị lớn như Paris. Cuối cùng ông khen ngợi cặp tân hôn đã có điềm phúc và vinh dự được ông Tổng trưởng Nội vụ vui lòng quang lâm đến dự buổi lễ thành hôn. Đây là một bằng chứng hùng hồn về bản chất ngay thật hiền lương của hai người nên mới được vị đại kỹ nghệ gia, đại chính trị gia bỏ thì giờ vàng ngọc để chiếu cố đến họ là những người sống trong hoàn cảnh tối tăm, hèn mọn. Và điều ấy, không những chứng tỏ lòng ưu ái của ông Tổng trưởng đối với đôi tân hôn, mà còn nói lên cái tinh thần trách nhiệm rất cao của ông nữa. Cử chỉ đẹp đẽ của ông chứng minh một cách cụ thể rằng ông đề cao tầm quan trọng của vấn đề hôn nhân của từng lớp trẻ, củng cố nền móng gia đình và khuyến khích sự gia tăng sinh sản để bành trướng thế lực, ảnh hưởng và tầm quan trọng của đất tổ Pháp-lăng-sa. Thực là một bài diễn văn xuất sắc!

Tiệc cưới được tổ chức vào buổi trưa tại khách sạn Château de Madrid, nơi ông Le Sueur đã có nhiều kỷ niệm tình cảm như bạn đã biết. Ông Tổng trưởng, (bây giờ chúng ta phải gọi ông như vậy), ông Tổng trưởng có nhiều cổ phần trong các công ty kỹ nghệ, trong số đó có công ty sản xuất xe hơi. Quà đám cưới

má ông tặng chú rể là một chiếc xe hơi hai chỗ ngồi rất xinh xắn, do hãng ông chế tạo. Sau tiệc cưới, cặp tân hôn dự định đi hưởng tuần trăng mật trên chiếc xe hơi mới tặng ấy. Cuộc du lịch của họ chỉ ngắn ngủi cho đến hết ngày chủ nhật, vì ngày thứ hai chú rể phải trở về đi công tác tại Marseilles, Toulon và Nice. Cô dâu ôm hôn bà Saladin và ông Le Sueur khi từ giã họ.

— Em sẽ đợi anh, năm giờ chiều ngày thứ hai. - Nàng nói nhỏ bên tai ông Tổng trưởng.

— Anh sẽ có mặt ở đây.

Cặp tân hôn lên xe ra đi. Ông Tổng trưởng và bà Saladin đứng nhìn một lúc theo chiếc xe màu vàng bóng nhoáng, Bà Saladin không quen uống sâm banh trong bữa ăn trưa, cảm thấy buồn buồn vô cớ. Bà nói sau tiếng thở dài:

— Mong sao thằng ấy đem lại hạnh phúc lâu dài cho con nhỏ.

— Nếu hắn không gây được hạnh phúc lâu dài cho cô ta, hắn sẽ biết tay tôi. - Ông Le Sueur nói giọng cảm động.

Chiếc xe hơi của ông dừng lại trước thềm đón ông.

— Xin cáo từ bà! Bà đến Avenue de Neuilly đón xe buýt mà về nhé!

Ông bước vào xe, trở về Bộ, nơi những quốc tế dân sinh đang chờ đợi sự quyết định của ông. Ông thở ra khoan khoái. Từ giờ phút này cô tình nhân của ông không phải là một cô gái làm mẫu trong tiệm may nữa, mà là một thiếu phụ đứng đắn, có chồng đang hoàng. Ông rất bằng lòng, vì đó là điều rất thích hợp với địa vị mới của ông.

BỮA ĂN TRƯA

Tôi gặp lại bà ta trong một buổi đi xem diễn kịch. Bà đưa tay ngoắc tôi và tôi đến ngồi bên cạnh bà trong giờ nghỉ diễn xuất giữa hai màn. Đã lâu lắm, tôi mới gặp lại bà, và nếu không ai nhắc cho tôi nhớ tên, chắc tôi không nhận ra bà ta. Bà nói với tôi thật lưu loát:

— Đã bao năm rồi chúng ta mới lại gặp nhau. Thời gian vun vút như tên bay. Chẳng mấy chốc mà cả hai chúng ta đều chẳng ai còn trẻ nữa. Ông bạn còn nhớ lần đầu tiên chúng ta gặp nhau không? Lần ông mời tôi ăn trưa ấy mà.

Làm sao tôi quên được nhỉ? Cách đây hai mươi năm, hồi ấy tôi còn ở Paris. Tôi có một căn gác xép ở xóm Latin, nhìn xuống một nghĩa trang, và lương tháng của tôi chỉ vừa đủ để sống qua ngày. Bà ta đọc một quyển sách của tôi mới vừa xuất bản, và viết thư cho tôi nói về quyển sách ấy. Tôi trả lời để cảm ơn bà, và lại nhận của bà một cái thư nữa, báo tin hiện bà đang ghé lại Paris và mong muốn được gặp tôi để trao đổi một vài ý kiến, nhưng thì giờ của bà không được rộng rãi, nên bà chỉ rảnh vào ngày thứ năm; buổi sáng ngày ấy bà dự định đi viếng Luxembourg và hy vọng sau đó tôi sẽ mời bà ăn một bữa cơm đạm bạc tại khách sạn Foyot. Foyot là một khách sạn mà các Thượng nghị sĩ Pháp thường đến ăn, và quá sang trọng đối với túi tiền của tôi, nên chưa bao giờ tôi dám nghĩ đến chuyện ăn tại đó. Nhưng tôi đang được bốc thơm và còn quá trẻ để biết nói tiếng “không” với một người đàn bà. (Tôi có thể thêm: ít người đàn ông biết nói tiếng ấy, trừ khi họ đã quá già, nhưng khi ấy thì dù có nói gì với đàn bà cũng chẳng còn quan hệ gì nữa). Tôi còn được tám mươi phật-lăng (tiền vàng) để chi tiêu cho đến hết tháng, và một bữa ăn trưa sơ sài có lẽ không quá mười lăm

phật-lãng. Nên tôi cúp bớt món cà phê trong hai tuần, tôi có thể điều chỉnh được các món chi tiêu khác cho đến cuối tháng.

Tôi biên thư cho bà biết là tôi có thể gặp bà tại khách sạn Foyot vào lúc 12 giờ rưỡi ngày thứ năm. Bà ta không trẻ trung như tôi hy vọng và có cái hình dáng đồ sộ hơn là quyến rũ. Bà vào trạc tứ tuần (một cái tuổi đẹp, nhưng không gây được sự đam mê đột ngột và tai hại khi mới gặp lần đầu tiên), bà cho tôi cái ấn tượng là bà có nhiều răng hơn người thường (những chiếc răng thực trắng, lớn và đều đặn). Bà nói chuyện như sanh như sứa, nhưng bởi vì bà đem tôi ra làm đề tài nên tôi sẵn lòng nghe bà nói một cách chăm chỉ.

Tôi hoảng hồn khi đọc thấy giá tiền các món ăn trên tấm thực đơn, vì nó quá cao, so với dự tính của tôi. Nhưng bà ta làm cho tôi vững tâm với câu nói:

— Tôi chẳng bao giờ ăn gì nhiều trong bữa ăn trưa.

— Ô, bà đừng nói thế! - Tôi trả lời, tỏ ra rất hào phóng.

— Tôi không bao giờ ăn quá một món ăn. Tôi thấy ngày nay người ta ăn uống quá nhiều. Cho tôi một con cá nhỏ thôi. Không biết ở đây họ có cá hồi không.

Tốt! Mùa cá hồi chưa đến và món ấy không thấy có ghi trong bản thực đơn. Nhưng tôi cũng cứ hỏi người bồi bàn xem sao. Trời! Có. Người ta mới đem đến một con rất béo. Đây là con cá hồi đầu mùa mới câu được. Tôi bảo nhà hàng làm cá dọn ngay cho bà khách của tôi. Người bồi hỏi bà muốn dùng gì trong khi đợi món cá.

— Không! - Bà trả lời - Tôi không bao giờ dùng quá một món ăn. Nhưng nếu có ca-vi-a^[8] anh lấy cho tôi một lọ nhỏ. Có thì tốt, không thì thôi, không quan trọng.

Tim tôi như muốn rụng. Tôi biết món ca-vi-a đặc lắm, tôi không kham nổi, nhưng tôi không thể nói như thế với bà ta. Tôi

bảo người bồi phải tìm cho có cho bà. Ve phan tôi, tôi lựa trên tấm thực đơn một món rẻ tiền nhất, đó là món sườn trầu.

— Tôi cho ăn thịt là không khôn ngoan tí nào cả - Bà nói - Tôi không hiểu làm sao ông có thể làm việc được sau khi ăn những thức ăn nặng nề như thịt trầu. Tôi không tin ăn thực no là tốt.

Bây giờ đến vấn đề uống. Bà nói:

— Tôi không bao giờ uống rượu trong bữa ăn trưa.

Tôi chụp lấy cơ hội, nói ngay:

— Tôi cũng vậy.

—... trầu rượu chát trắng - Bà ta nói tiếp như không nghe câu nói của tôi - Rượu chát trắng của Pháp thực tuyệt cho sự tiêu hóa.

— Bà thích dùng loại nào? - Tôi hỏi, vẫn với vẻ hiếu khách, nhưng không vốn vã lắm.

Bà nhe răng trắng cười thân thiện với tôi:

— Bác sĩ của tôi không cho uống gì khác ngoài sâm banh.

Tôi chắc mặt tôi lúc ấy hơi tái, nhưng tôi vẫn gọi bồi đem ra nữa chai sâm banh. Tôi cho bà biết bác sĩ cấm tuyệt tôi uống sâm banh.

— Vậy ông uống gì nào?

— Nước trắng thôi.

Bà ta ăn ca-vi-a; rồi lại ăn cá hồi. Bà vui vẻ bàn về nghệ thuật, về văn chương và âm nhạc. Trong khi ấy, đầu óc tôi cứ loay hoay tự hỏi không biết cái hóa đơn lên đến bao nhiêu tiền rồi. Khi món sườn trầu đem lên cho tôi, bà ta bảo một cách tỉnh bơ đưa cho bà nếm thử với.

— Tôi thấy ông có thói quen ăn no bữa trưa. Tôi cho như vậy là không hợp vệ sinh. Tại sao ông không theo gương tôi, chỉ ăn một món thôi? Tôi cam đoan là ông sẽ cảm thấy khỏe khoắn lắm.

— Tôi đang bắt đầu tập ăn một món đây. - Tôi trả lời trong khi người bồi bàn lại đem tấm thực đơn đến.

Với cái cử chỉ rất kiểu cách, bà xua tay bảo anh ta đứng xê ra một bên, nói:

— Thôi! Thôi! Tôi ăn trưa ít ỏi lắm. Tôi không bao giờ ăn nhiều hơn thế này. Vả lại, tôi ăn để có dịp nói chuyện mà thôi. Tôi không thể ăn gì thêm được nữa, ngoại trừ nếu ở đây có loại măng tây thú lớn. Sẽ đáng tiếc lắm, nếu tôi rời Paris mà không được nếm thú măng ấy.

Tim tôi rụng mất rồi! Tôi có thấy loại măng ấy trong các tiệm bán thực phẩm và tôi biết nó đắt kinh khủng. Cho nên đã bao lần, tôi đành nhìn nó mà nuốt nước bọt thôi.

— Bà bạn tôi muốn biết ở đây có măng tây thú bự không?

Tôi hỏi người bồi bàn và cầu nguyện thánh thần cho anh ta nói không có. Anh ta nở một nụ cười toét ra tận man tai, vẻ mặt hoan hỉ như một vị tu hành đắc đạo, bảo đảm với tôi là nhà hàng có thú măng tây thức bự, thực mềm, thực ngon lành không đâu bằng. Bà bạn tôi thở ra, như buộc lòng phải nhân nhượng:

— Tôi thấy đủ lắm rồi, nhưng nếu ông nài ép tôi, tôi cũng chịu ông mà ăn thêm mấy cọng.

Tôi bảo anh bồi đem măng cho bà.

— Ông cũng dùng với tôi chứ?

— Xin lỗi bà, tôi không bao giờ ăn măng tây.

— Tôi biết nhiều người không thích nó. Sự thực là vì họ quen ăn nhiều thịt, nên làm hư hết vị giác.

Trong khi ngồi đợi món ăn dọn lên, sự kinh hãi chiếm lấy tôi. Bây giờ không còn là vấn đề tôi sẽ còn lại được bao nhiêu sau bữa ăn này để chi tiêu trong tháng, nhưng là vấn đề tôi có đủ tiền để trả bữa ăn không. Tôi sẽ độn thổ, nếu tôi thiếu mất độ mười quan chẳng hạn, buộc lòng phải mượn bà khách quý của tôi. Nhưng tôi sẽ không hạ mình làm như thế đâu. Tôi biết rõ số tiền tôi có trong túi, nên tôi định bụng nếu thấy số tiền trong hóa đơn lớn hơn, tôi sẽ giả vờ thọc tay vào túi và giật mình kêu

lên một tiếng bi thảm, bảo là bị cắp mất ví tiền. Tất nhiên sự bố trí như vậy cũng có phần nguy hiểm trong trường hợp là bà khách cũng không có đủ tiền để trả. Lúc ấy thì chỉ còn có một nước là tôi sẽ gửi tạm chiếc đồng hồ đeo tay lại và về lấy tiền đem đến trả sau.

Món mĂNG tây được mang lên. Những đọt mĂNG thực bụ bẫm, thực ngon lành! Mùi bơ chiên bốc lên, kích thích hai lỗ mũi tôi, như mũi của Jehovah được kích thích bởi mùi cháy khét của da thịt những nữ đồng trinh trong lễ hy sinh tế thần. Tôi nhìn người đàn bà tham ăn tham uống ấy bỏ những miếng mĂNG thực bụ vào mồm và nuốt ừng ực một cách khoái trá, còn tôi, với cái điệu bộ rất là nhã nhặn, thanh tao, đang ngồi thuyết trình về vấn đề kịch nghệ ở xứ Balkans.

Rồi! Bà ta đã ăn xong.

— Cà phê nhé? - Tôi đề nghị.

— Vâng, một ly kem và cà phê.

Bây giờ tôi không thềm lo lắng nữa vì đã quá sức rồi. Tôi bảo bồi đem cà phê cho tôi, và kem và cà phê cho bà.

— Ông biết không, có một điều mà tôi cho là rất đúng, - Bà ta nói trong khi ăn kem - là đừng ăn quá no. Làm sao cho mình khi rời khỏi bàn ăn, vẫn có cảm tưởng là mình còn có thể ăn thêm một ít nữa.

— Ủa! Bà còn đói sao? - Tôi vờ hỏi.

— Ô không, tôi không đói đâu! Ông thấy đấy, tôi đâu có ăn trưa. Buổi sáng, tôi uống một tách cà phê, cho đến tối tôi mới ăn cơm. Bữa trưa tôi không bao giờ ăn quá một món. Tôi nói là nói cho ông đấy chứ!

— Vâng, tôi thấy rõ lắm.

Rồi một sự kinh khủng hiện ra. Trong khi chúng tôi đang đợi cà phê, thì người quản lý, với một nụ cười nịnh trên bộ mặt đóng kịch của anh ta, tiến về phía chúng tôi, tay xách một giỏ những quả lê thực lớn. Chúng có cái màu ửng hồng như gò má

cô gái trong trắng ngây thơ, chúng có cái màu sắc đậm đà, giàu có như một bức tranh phong cảnh Ý Đại Lợi. Nhưng mùa lê đâu đã đến kia? Và giá nó đắt đến bao nhiêu, chỉ có trời mới biết được. Nhưng một lát sau đó, tôi cũng biết được, vì bà khách quý của tôi, trong khi đang say sưa trò chuyện, đã vô tình nắm lên một trái.

— Ông bạn thấy chưa. Ông chất đầy bụng những thịt và thịt - Bà muốn nói đến món sườn khốn khổ của tôi - và bây giờ ông không thể ăn gì thêm được nữa. Tôi thì chỉ ăn qua loa, nên bây giờ tôi có thể nếm thêm mùi vị một quả lê nữa.

Hóa đơn đưa đến. Khi trả tiền xong xuôi, tôi nhận thấy không còn đủ tiền để trả một vòng xe. Đôi mắt bà khách nhìn xuống ba phật-lăng tôi để lại cho người bồi bàn, và tôi chắc bà ta tưởng tôi keo kiệt lắm. Bà đâu có ngờ khi tôi bước ra khỏi tiệm ăn, trong túi tôi không còn lấy một cắc với cái viền ảnh còn gần cả một tháng phải chi tiêu.

— Ông bạn nên theo gương tôi, - Bà nói trong khi bắt tay từ giã - đừng bao giờ ăn trưa quá một món.

— Tôi sẽ làm hơn thế nữa kia - Tôi trả lời đốp chát - Tối nay tôi sẽ nhịn ăn luôn.

— Hài hước! Ông bạn thật đúng là con người hài hước!

Bà ta vui vẻ nói lớn trong khi bước lên tắc xi.

Nhưng ít ra tôi cũng đã được trả thù. Tôi không phải là con người hay thù oán, nhưng không lẽ bạn không cho phép tôi được sung sướng mãn nguyện khi nhìn thấy rõ cái hậu quả mà trời đất thánh thần đã trừng phạt bà ta dùm tôi sao? Bà ta bây giờ cân nặng ít ra là 130 kí.

HUÂN TƯỚNG MOUNTDRAGO

Bác sĩ Audlin xem giờ trên chiếc đồng hồ để ở bàn giấy. Sáu giờ kém hai mươi! Ông ngạc nhiên vì sự sai hẹn của Huân tước Mountdrago một bệnh nhân thường đến chữa tại phòng mạch của ông. Mountdrago rất tự hào về sự đúng giờ của mình. Với thói quen phát biểu những nhận xét không có gì là đặc sắc với cái vẻ tự phụ như đó là những phương ngôn tục ngữ, ông thường bảo rằng sự đúng giờ là một cách tán thưởng người thông minh và trừng trị kẻ ngu đần. Thế mà ông đã trễ trên mười phút rồi: bác sĩ Audlin hẹn gặp ông vào lúc 5 giờ rưỡi chiều.

Bác sĩ Audlin không gây được sự chú ý với hình dáng của ông. Người ông cao lớn khô khan, hai vai hẹp và lưng hơi gù, tóc màu xám và mảnh. Nhiều đường nhăn khắc sâu trên khuôn mặt dài màu vàng tái. Mặc dù chưa quá năm mươi, ông có vẻ già trước tuổi. Đôi mắt lớn màu xanh thiếc mệt mỏi và chậm chạp khi nhìn vào mặt bạn, không làm bạn cảm thấy khó chịu, vì chúng hoàn toàn không để lộ một phản ứng gì cả. Chúng ít khi bừng sáng, không báo hiệu chiều hướng của tư tưởng, cũng chẳng thay đổi theo với lời lẽ ông nói ra. Nếu bạn là người hay quan sát bạn sẽ không khỏi ngạc nhiên về sự nhấp nháy rất ít của đôi mắt ông so với mắt hầu hết của chúng ta. Hai bàn tay lớn với những ngón thon dài, mềm nhưng không nhão, mát nhưng không rịn mồ hôi. Không bao giờ bạn có thể nói được ông ăn mặc những gì trừ khi bạn chú ý quan sát. Y phục ông thường là màu sẫm và cà-vạt màu đen. Áo quần ông làm cho khuôn mặt nhăn nheo càng thêm tái nhợt và đôi mắt thêm trắng đục. Ông gọi cho bạn cái ấn tượng một người ốm nặng.

Bác sĩ Audlin chuyên trị về bệnh thần kinh. Ông đã chọn nghề này một cách tình cờ và hành nghề mà không tin tưởng ở hậu quả của nó. Khi thế chiến bùng nổ, ông mới ra trường được ít lâu và đang đi tập sự ở các bệnh viện, ông tình nguyện gia nhập quân đội và sau một thời gian, được đưa sang Pháp. Chính bắt đầu từ đó, ông khám phá ra thiên năng đặc biệt của mình. Ông có thể làm êm dịu cơn đau bằng cách sờ mỗ bệnh nhân với hai bàn tay mát mẻ chắc chắn của ông, đưa giấc ngủ vào những bệnh nhân mắc bệnh mất ngủ bằng thôi miên. Ông nói từ tốn và chậm chậm với họ. Tiếng nói của ông đều đều giọng nói không biến đổi theo những lời ông nói, nhưng nó dịu dàng, du dương, êm ái như ru. Ông nói với bệnh nhân là họ cần được yên nghỉ, đừng lo âu, họ cần phải ngủ. Và giấc ngủ len lỏi vào những đốt xương đau nhức của họ, thanh tịnh lẩn dần, đẩy dần những lo âu khắc khoải ra xa, như một người len lỏi giữa những hàng ghế đầy người để tìm chỗ ngồi của mình; rồi giấc ngủ thiu thiu rơi xuống, rơi xuống đê triu mí mắt bệnh nhân như mưa xuân thấm vào những luống đất mới trở.

Bác sĩ Audlin nhận thấy, với giọng nói trầm trầm, đều đều, với cái nhìn của đôi mắt tái bạc, trầm lặng, với cái thoa nhẹ nhàng lên vùng trán mệt mỏi của bệnh nhân với đôi tay vững chắc, ông có thể làm với dần những băn khoăn, điều hòa những xung đột nội tâm xua đuổi những lo sợ đang hành hạ, giày vò cuộc sống của họ. Đôi khi ông chữa được nhiều bệnh thực tài tình như một phép lạ. Một người bị chôn vùi dưới đất vì một quả bom và bị câm, đã nhờ ông chữa mà nói được, một người khác hai chân bại vì một tai nạn phi cơ đã nhờ ông mà đi được, ông không thể hiểu nổi năng lực của ông do đâu mà có.

Ông là người có khuynh hướng hoài nghi, và mặc dầu người ta thường bảo rằng trong phương pháp chữa trị về loại này, điều quan trọng là sự tin tưởng ở chính mình, chưa bao giờ ông tin được ở chính ông. Chỉ khi biết kết quả của phương pháp trị bệnh

đã hiển nhiên, không còn nghi ngờ gì nữa, ngay cả đối những người khó tin, chỉ khi ấy, ông mới thừa nhận rằng ông có được cái khả năng không biết từ đâu đến, đã giúp ông thực hiện những điều lạ lùng mà chính ông cũng không thể giải thích được. Khi chiến tranh kết thúc ông sang Vienne để nghiên cứu, và sau đó, sang Zurich. Cuối cùng, ông trở về Luân Đôn mở phòng mạch để hành nghề, một nghề hay nói đúng hơn là một nghệ thuật chữa bệnh mà ông đã đạt được rất lạ kỳ. Ông hành nghề đến nay đã 15 năm và tạo cho mình một tiếng tăm đặc biệt trong ngành y học ấy. Do người này đồn sang người khác về những điều kỳ diệu mà ông đã làm, ông muốn có bao nhiêu khách hàng cũng được nếu có thì giờ, mặc dù giá biểu thù lao cao.

Bác sĩ Audlin nhận thấy ông đã đạt được những thành quả thực dị thường; ông đã cứu thoát nhiều người khỏi tự sát, đưa họ ra khỏi nhà thương điên, làm lắng dịu những nỗi đau buồn đã ung độc bao cuộc đời hữu ích, đem hạnh phúc đến cho những cặp vợ chồng thiếu hạnh phúc, diệt trừ những bản năng thấp hèn, và do đó, giải thoát nhiều bệnh nhân ra khỏi xiềng xích của chúng, đem sức khỏe lại cho những người mắc bệnh tinh thần. Những điều ấy, ông đã làm được, nhưng trong thâm tâm, ông vẫn không sao xóa bỏ được nỗi ngờ vực rằng mình cũng chỉ là một thứ lang băm. Thực là miễn cưỡng khi ông phải sử dụng một năng lực mà ông không thể hiểu nổi. Lòng ngay thực của ông bị tổn thương vì ông đã lợi dụng lòng tin tưởng của bệnh nhân, trong khi chính ông lại không tin tưởng ở mình. Bây giờ ông đã giàu có, có thể sống một cuộc sống nhàn rỗi; công việc của ông làm ông mất sức khỏe và gây mòn, nên đã nhiều lần ông định bỏ nghề. Ông đọc tất cả những tác phẩm của Freud, của Jung và những môn đồ của họ. Nhưng ông không hài lòng và cho rằng học thuyết của họ cũng chỉ là những lừa bịp, mặc dầu đã có nhiều thành quả, tuy khó hiểu, nhưng hiển

nhiên. Và trong suốt 15 năm hành nghề, ông thấy được những gì về bản chất con người, qua những bệnh nhân đến chữa trị tại phòng mạch tồi tàn của ông ở đường Wimpole? Những phát giác họ nói ra, có khi với vẻ cương quyết, có khi then thúng, có khi dè dặt, có khi bực tức, từ lâu không còn gây cho ông ngạc nhiên nữa. Giờ đây, không có gì có thể làm ông giật mình kinh hãi.

Ông biết người đời dối trá, ông biết tánh kiêu căng, tự cao tự đại có thể kỳ cục đến mức nào, ông biết ở họ còn có bao nhiêu điều xấu xa bỉ ổi hơn nữa, nhưng ông cũng biết ông không có nhiệm vụ xét xử hay lên án họ. Và hết năm này đến năm khác, những tâm sự thâm kín của họ truyền sang ông, làm cho khuôn mặt ông mỗi ngày mỗi thêm xanh xám, những nét nhăn càng thêm sâu đậm, đôi mắt bạc thiếc càng thêm mệt mỏi. Ông ít khi cười, nhưng thỉnh thoảng để giải trí, ông lấy một cuốn tiểu thuyết ra đọc, và ông mỉm cười. Ông mỉm cười tự hỏi không biết các tác giả thực tình có tin những nhân vật mình viết ra là đúng như thật không, không biết họ có hiểu tâm lý con người còn phức tạp hơn, còn bất ngờ hơn nhiều lắm không? Và có biết bao trạng thái trái ngược cùng chung sống trong một tâm hồn, có biết bao mâu thuẫn, biết bao xung đột đen tối, xấu xa đang dày vò kiếp sống không?

Đã sáu giờ kém mười lăm!

Trong tất cả các trường hợp bất thường mà bác sĩ Audlin đã chữa, ông không nhớ có một trường hợp nào lạ lùng như trường hợp của Huân tước Mountdrago. Và trường hợp lạ lùng ấy là do ở cá tính đặc biệt của bệnh nhân này. Huân tước Mountdrago là người có nhiều khả năng và là nhân vật tên tuổi. Được cử giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao từ lúc chưa đến 40, bây giờ, sau ba năm tại chức, ông đã gây được cho đường lối ngoại giao một tư thế vững vàng, ông được xem là một chính trị gia tài ba lỗi lạc của đảng Bảo thủ. Nhưng vì thuộc giòng quý tộc và

chẳng còn bao lâu nữa, khi thân sinh ông qua đời ông sẽ vào thượng viện, nên không thể nhắm cái ghế Thủ tướng được (chắc bạn cũng biết, trong thời buổi dân chủ này, người ta không muốn Thủ tướng Anh là người thuộc quý tộc) Nhưng không có gì ngăn cản ông tiếp tục giữ chức Bộ trưởng Ngoại giao trong thời gian đảng Bảo thủ đang nắm chính quyền, và vì vậy chắc chắn ông sẽ còn hưởng dẫn chính sách ngoại giao của nước ông trong một thời gian dài nữa.

Huân tước Mountdrago có nhiều đức tính. Ông thông minh và cần mẫn. Ông đi nhiều và nói thông thạo được nhiều ngoại ngữ. Từ lúc còn thiếu thời, ông đã chuyên về các vấn đề ngoại giao và biết rõ nhiều về hoàn cảnh chính trị và kinh tế của các nước. Ông là người can đảm, sáng suốt và cương quyết. Trong nghị trường cũng như trước quần chúng, ông có biệt tài ăn nói rõ ràng, chính xác và nhiều lúc hóm hỉnh tế nhị nữa. Ông là nhà hùng biện xuất sắc, tài đối đáp của ông rất được nhiều người ca tụng. Hình dáng ông cao lớn đẹp đẽ, đầu ông hói và thân hình gầy như nặng nề to lớn quá, nhưng điều đó không làm thiệt thòi, mà trái lại giúp cho ông thêm vẻ chắc chắn, vững vàng và chín chắn.

Lúc thiếu thời ông là một lực sĩ, một tay đua thuyền của đội thuyền trường đại học Oxford, và được xem là một trong những tay thiện xạ của Anh quốc. Ông lập gia đình lúc 24 tuổi với một thiếu nữ 18 tuổi mà thân sinh là một Quận công và thân mẫu là người thừa kế của một tỷ phú Mỹ, nghĩa là nàng là người đàn bà vừa có địa vị vừa giàu có. Sau khi ăn ở với nhau được hai con, hai người đã sống ly thân nhưng đối với bên ngoài, vẫn được xem như còn đoàn tụ, và mỗi người vẫn không bị mang tai tiếng về vấn đề tình cảm lang chạ. Huân tước Mountdrago là người có nhiều tham vọng, siêng năng, cần mẫn, và có thể nói rất yêu nước, nên không dễ bị cám dỗ bởi những thú vui vật chất có thể làm liên lụy đến sự nghiệp của ông. Nói tóm lại, ông

có rất nhiều khả năng và phương tiện để trở thành một nhân vật trọng yếu, tiếng tăm và lỗi lạc.

Nhưng rất tiếc ông cũng có nhiều khuyết điểm lớn. Ông có tánh coi trọng quá mức chức tước và sự giàu sang. Bạn có thể không lấy làm ngạc nhiên về điều ấy, nếu thân sinh ông là người đầu tiên trong giòng họ ông được ban tước lộc. Vâng, nếu là con của một luật gia, một kỹ nghệ gia hay ông chủ công ty lọc dầu mới được phong tước thì sự xem trọng quá mức địa vị mới của mình còn thể hiểu được. Nhưng trường hợp của Huân tước Mountdrago không phải như vậy. Chức bá tước mà thân sinh ông thừa hưởng đã được đặt ra từ đời vua Charles đệ nhị, và tước Nam phong cho người đầu tiên của giòng họ ông đã có từ thời chiến tranh với người Roses. Trong ba trăm năm trời, giòng họ ông được xem như dính liền với Hoàng tộc Anh quốc. Nhưng Huân tước Mountdrago đã tự hào quá mức về tông môn của ông, như người giàu mới tự hào về sự giàu có của họ. Ông không bỏ lỡ một dịp nào để khoe khoang dòng dõi quý phái của mình, ông có nhiều cách để lòn nó, nhưng chỉ đối với những người ông xem là ngang hàng hay trên ông thôi. Còn đối với người dưới địa vị ông, ông ngạo nghễ một cách kinh khủng, ông khắc nghiệt với tôi tớ và khinh miệt thư ký của ông. Nhân viên chính phủ thuộc dưới quyền đều sợ và ghét ông. Sự ngạo mạn của ông không ai chịu nổi. Ông hiểu rõ mình thông minh tài giỏi hơn những người cộng sự với ông, và điều đó ông không do dự chút nào để tỏ cho họ thấy. Ông không chịu đựng được những sở đoản, những nhược điểm của người khác. Ông có cảm tưởng mình sinh ra để chỉ huy, nên ông nổi giận khi thấy ai hy vọng ông lắng nghe những lý lẽ của họ, hay mong ước ông sửa đổi những quyết định của ông theo ý kiến họ.

Tánh ích kỷ của ông cũng thực quá mức tưởng tượng. Những điều người ta giúp đỡ cho ông, ông xem như mình có quyền được hưởng vì địa vị và tài trí của mình, và do đó, ông thấy

không mang ơn ai hết. Không bao giờ trong đầu óc ông nảy ra cái ý nghĩ là ông cần làm một điều gì để giúp người khác. Ông có rất nhiều kẻ thù do sự khinh bỉ của ông đối với họ mà ra. Ông thấy không có ai xứng đáng với sự giúp đỡ, với cảm tình hay lòng thương yêu của ông. Ông không có bạn. Những người lãnh đạo ở trên ông không tin ông vì họ nghi ngờ sự trung thành của ông. Đảng ông không tin nhiệm ông vì sự độc tài và thiếu nhã nhặn, nhưng vì khả năng quá nhiều, lòng ái quốc quả hiển nhiên, sự hiểu biết quá vững chải và tài xếp đặt công việc của ông quá xuất sắc, nên họ buộc lòng phải chịu đựng ông. Và lại thỉnh thoảng gặp dịp, ông cũng tỏ ra rất bản lĩnh, đó là lúc ông tiếp xúc với những nhân vật ngang hàng với ông, những người mà ông cần chinh phục, những quốc khách hay mệnh phụ. Những lúc ấy ông có thể làm ra vẻ rất vui tươi, tế nhị hiền lành và dễ dãi. Ông gợi cho bạn nhớ dòng máu đang chảy trong huyết quản ông cũng chẳng khác gì dòng máu đã chảy trong huyết quản Huân tước Chesterfield thuở trước. Ông có thể kể chuyện một cách sắc sảo, tỏ ra tự nhiên, đa cảm và sâu sắc nữa. Bạn không khỏi ngạc nhiên về sự hiểu biết sâu rộng và sự bén nhạy trong khiếu thẩm mỹ của ông. Những lúc ấy bạn cho ông ta là người bạn tốt nhất trên đời mà quên mất hôm qua ông đã nhục mạ bạn và không ngờ rằng ngày mai ông có thể bỏ rơi bạn dễ dàng như không.

Sự việc ông là khách hàng đến chữa tại phòng mạch của bác sĩ Audlin là một điều hi hữu, tưởng không thể thành tựu được ngay từ đầu. Hôm ấy một nhân viên gọi điện thoại đến bác sĩ, báo cho biết rằng Huân tước Mountdrago muốn được bác sĩ khám bệnh và rất lấy làm mãn nguyện nếu bác sĩ vui lòng đến biệt thự ông vào lúc 10 giờ sáng hôm sau. Bác sĩ trả lời ông không thể đến nhà Huân tước được và xin mời ông quá bộ đến phòng mạch của bác sĩ vào lúc 5 giờ chiều ngày hôm sau. Người thư ký ghi lại những lời của bác sĩ, nhưng một lát sau lại điện

thoại cho bác sĩ nói rằng Huân tước Mountdrago khẩn khoản muốn được gặp bác sĩ tại nhà mình và để tùy ý bác sĩ định số tiền thù lao. Bác sĩ Audlin trả lời ông chỉ khám bệnh tại phòng mạch của mình và rất tiếc không thể làm gì được cho Huân tước, trừ phi ông này thân hành đến gặp bác sĩ. Trong khoảng 15 phút sau bác sĩ được điện thoại cho biết là Huân tước Mountdrago sẽ đến, không phải là ngày kia, mà ngày mai, vào lúc 5 giờ chiều.

Ngày hôm sau, khi đến phòng mạch của bác sĩ Audlin, mặc dù được mời vào bên trong, Huân tước Mountdrago vẫn đứng dừng tại cửa phòng và ngạo nghễ nhìn bác sĩ từ đầu đến chân. Bác sĩ nhận thấy Huân tước có vẻ giận dữ nhưng vẫn phớt tỉnh nhìn lại ông với đôi mắt bất động của mình. Huân tước Mountdrago người mập mạp béo tốt, đầu tóc hoa râm, hói ở phía trước, làm tăng thêm vẻ uy nghi cho vầng trán rộng; khuôn mặt đầy đặn với những nét rõ ràng trông thật hách dịch, ông có dáng dấp giống các vị vua giòng Bourbons của thế kỷ XVIII.

— Bác sĩ Audlin ạ, hình như gặp được bác sĩ cũng khó khăn như gặp Thủ tướng. Ông cũng biết tôi là người ít khi được rảnh rỗi.

— Xin mời ông ngồi. - Bác sĩ nói.

Vẻ mặt bác sĩ không mấy may thay đổi trước lời trách móc của Huân tước Mountdrago. Bác sĩ ngồi sau bàn giấy trong khi Huân tước vẫn đứng nhìn với vẻ mặt giận dữ đầy ám khí. Ông nói giọng chua chát:

— Tôi tưởng tôi cần phải nói với bác sĩ rằng tôi là Bộ trưởng Ngoại giao của Hoàng gia.

— Xin mời ông ngồi chứ ạ! - Bác sĩ lặp lại.

Huân tước Mountdrago làm cử chỉ như muốn quay gót đi ra khỏi phòng, nhưng có lẽ ông nghĩ tốt hơn là nên ở lại, nên ông

ngồi xuống ghế. Bác sĩ Audlin giở một cuốn sổ lớn và nắm bút lên, cúi xuống viết:

— Ông bao nhiêu tuổi?

— Bốn mươi hai.

— Ông lập gia đình chưa?

— Rồi.

— Từ bao lâu?

— Mười tám năm.

— Ông được mấy người con?

— Hai.

Bác sĩ ghi vào sổ những câu trả lời nhát gừng của Huân tước Mountdrago, rồi ngồi dựa ngửa vào lưng ghế, nhìn ông. Bác sĩ không nói một lời nào, chỉ chăm chú nhìn với đôi mắt bất động của mình. Một lát sau bác sĩ hỏi:

— Vì sao ông muốn gặp tôi?

— Tôi nghe người ta nói nhiều về bác sĩ. Nếu tôi không lầm thì bà Canute cũng là một bệnh nhân của bác sĩ. Bà ta cho tôi biết bác sĩ đã chữa cho bà khỏi rất nhiều!

Bác sĩ Audlin không trả lời câu nói của ông. Hai mắt bác sĩ vẫn đăm đăm nhìn vào mặt bệnh nhân, hai mắt lơ đãng, hoàn toàn xa vắng làm bạn có cảm tưởng như ông không nhìn thấy ngay cả người đang ngồi trước mặt mình. Hồi lâu với một nụ cười - với hình bóng của một nụ cười phảng phất trong đôi mắt thì đúng hơn. Ông nói:

— Tôi không thể làm được những phép lạ. Viện y học hoàng gia chắc sẽ không tán thành những điều tôi làm.

Huân tước Mountrago phát ra một tiếng cười ngắn. Tiếng cười làm giảm bớt sự hằn học của ông. Ông nói giọng hòa dịu hơn:

— Bác sĩ được tiếng tăm nhiều lắm, hình như mọi người đều tin ở bác sĩ.

— Vì sao ông lại muốn gặp tôi? - Bác sĩ lặp lại câu hỏi của mình.

Bây giờ lại đến lượt Huân tước im lặng. Hình như ông thấy khó khăn khi phải trả lời. Bác sĩ Audlin vẫn ngồi đợi. Cuối cùng với sự cố gắng thấy rõ, Huân tước Mountdrago cất tiếng nói:

— Tôi vẫn có đầy đủ sức khỏe. Thường thường như một thông lệ, tôi được bác sĩ riêng của tôi, bác sĩ Augustus Fitzherbert, chắc ông cũng có nghe tiếng, khám bệnh và săn sóc cho tôi, ông ta bảo tôi có sức khỏe của người mới 30 tuổi. Tôi làm việc nhiều, nhưng không bao giờ biết mệt. Và tôi thích công việc của tôi. Tôi hút thuốc ít và uống rượu rất có chừng mực. Tôi tập thể dục hàng ngày và sống một cuộc sống điều độ. Nói vắn tắt, tôi là người bình thường, tráng kiện, có đầy đủ sức khỏe. Tôi chắc ông sẽ nghĩ rằng tôi ngớ ngẩn và con nít lắm khi đến khám bệnh với ông...

Bác sĩ Audlin thấy cần giúp Huân tước thổ lộ tâm tình, nói:

— Tôi không biết có thể làm được gì giúp cho ông không. Tôi sẽ thử xem. Ông có điều gì lo nghĩ buồn phiền chăng?

Huân tước Mountdrago cau mày nói:

— Tôi đang đảm đương một trọng trách. Những quyết định của tôi có ảnh hưởng đến an ninh quốc gia và cả đến nền hòa bình thế giới. Tôi cần có sự thẳng băng trong xét đoán và minh mẫn trong đầu óc. Vì vậy tôi thấy có bốn phạm loại trừ những nguyên nhân của sự lo lắng, có thể có ảnh hưởng không tốt đến khả năng của tôi.

Bác sĩ vẫn không rời đôi mắt khỏi Huân tước. Bác sĩ thấy được rất nhiều, thấy được đằng sau điệu bộ oai vệ và tự cao tự đại của con bệnh, một sự lo lắng, băn khoăn mà bệnh nhân không thể xua đuổi được. Bác sĩ nói:

— Hôm qua tôi yêu cầu ông vui lòng quá bộ đến đây là vì qua bao nhiêu kinh nghiệm tôi biết rằng bệnh nhân dễ bộc lộ lòng

mình ở trong căn phòng đơn sơ trống trải này hơn khung cảnh quen thuộc thường ngày của họ.

— Thực quả là đơn sơ trống trải.

Huân tước Mountdrago nói giọng chua cay, rồi dừng lại. Điều hiển nhiên là mặc dù ông là người có nhiều tự tin, quyết đoán lạnh lẽo, không bao giờ bối rối mất bình tĩnh, thế mà lúc này ông đang lúng túng. Ông mỉm cười để tỏ cho bác sĩ thấy ông vẫn tự nhiên, nhưng đôi mắt ông biểu lộ sự băn khoăn lo ngại.

Khi ông tiếp tục nói lại, người ta thấy rõ cái thành thật giả tạo của ông:

— Một sự việc quá tầm thường, không có gì là quan trọng cả, nên tôi do dự không biết có nên làm phiền bác sĩ không. Tôi chỉ sợ bác sĩ cho tôi là ngớ ngẩn và làm mất thì giờ của bác sĩ.

— Những sự việc dù tầm thường bao nhiêu vẫn có tầm quan trọng của chúng. Chúng có thể là triệu chứng của sự thác loạn nằm sâu bên trong chúng ta.

Và thì giờ của tôi đều hoàn toàn để phục vụ ông.

Giọng nói của bác sĩ nghiêm trang trầm trầm. Âm điệu đều đều trong lời nói của ông có một mãnh lực kỳ lạ làm khuây nguôi rất nhiều. Huân tước Mountdrago cuối cùng đã bằng lòng thổ lộ tâm sự mình.

— Sự thực, trong mấy lúc sau này, tôi thường có những giấc mộng thực bực dọc. Để ý đến chúng là điên rồ, tôi biết, nhưng thực tình mà nói, tôi sợ chúng sẽ có ảnh hưởng không tốt đến thần kinh.

— Ông có thể kể lại cho tôi một trong những giấc mộng ấy không?

Huân tước Mountdrago mỉm cười, trông thực héo úa thảm thương.

— Những giấc mộng thực quá ngây ngô buồn cười, tôi thấy không biết có nên nói ra hay không?

— Xin ông cứ tự nhiên.

— Vâng, tôi xin kể. Giấc mộng đầu tiên xảy ra cách nay một tháng. Tôi mộng thấy tôi đến dự dạ hội tại biệt thự của ông bà Connemara. Đây là một dạ hội chính thức có sự ngự lãm của Hoàng thượng và Hoàng hậu, vì vậy tôi cũng như những người đến tham dự khác đều phải mặc lễ phục, và mang huy chương. Tôi đến và đi vào phòng gửi áo mũ. Ở đây, tôi gặp một anh chàng tên là Owen Griffiths, một dân biểu Hạ viện. Tôi thú thật, tôi rất ngạc nhiên về sự có mặt của hắn tại đây. Hắn là một người rất tầm thường, nên tôi tự bảo: “Quả thật mẹ Lydia Connemara đi quá xa. Không biết rồi mẹ ta sẽ còn mời những ai nữa”. Tôi thấy hắn ta nhìn tôi một cách kỳ cục, nhưng tôi không thèm để ý đến hắn và tiến đến cầu thang. Tôi chắc chưa bao giờ bác sĩ đến đây?

— Vâng, chưa.

— Phải, đấy không phải là nơi bác sĩ thích đến. Biệt thự không có gì đặc biệt, nhưng có cái cầu thang bằng cẩm thạch rất đẹp. Ông bà Connemara đứng ở phía dưới cầu thang tiếp khách. Bà Connemara nhìn tôi ngạc nhiên khi tôi bắt tay chào bà, rồi cười khúc khích. Tôi không để ý đến bà ta lắm, bà là người đàn bà ngu ngốc, mắt dạy và cử chỉ đáng điện cũng quê kệch chẳng khác gì bà cố của bà lúc vua Charles đệ nhị lần đầu tiên phong tước cho bà. Nhưng tôi phải công nhận là những phòng tiếp khách ở biệt thự Connemara thực trang nghiêm, nghi vệ. Tôi đi qua các phòng, gật đầu chào người này, bắt tay người khác. Bỗng tôi thấy ông đại sứ Đức đang trò chuyện với một Huân tước người Áo. Tôi có câu chuyện riêng muốn nói với ông đại sứ, nên tôi tiến đến phía họ và đưa tay ra bắt. Khi thấy tôi, lão Huân tước phá lên cười như nắc nẻ. Tôi rất khó chịu, tôi nghiêm nghị nhìn lão ta từ đầu đến chân, nhưng hắn càng cười lớn. Tôi định cự hắn một trận nên thân nhưng bỗng mọi người đều im lặng, Hoàng thượng và Hoàng hậu đến. Tôi xây lưng cho lão Huân tước, tiến tới trước và bỗng tôi trật nhìn xuống, thấy mình không mặc quần dài. Tôi chỉ mặc có cái quần đùi lụa và mang

dây nịt treo màu đỏ tươi. Hèn gì mụ Connemara đã cười khúc khích, hèn gì lão Huân tước phá lên cười! Tôi không thể nói với bác sĩ thế nào về lúc đó. Xấu hổ chết đi được! Tôi vùng thức dậy mồ hôi mồ kê ra như tắm. Chắc bác sĩ không thể tưởng tượng được nỗi khoan khoái của tôi khi tôi nhận ra đó chỉ là một giấc chiêm bao.

— Loại chiêm bao đó không có gì là đặc biệt lắm. - Bác sĩ Audlin nói.

— Vâng, tôi cũng cho không có gì đặc biệt lắm. Nhưng một sự việc kỳ dị đã xảy ra ngày hôm sau: Tôi đang đi trên hành lang Hạ viện, thì thằng cha dân biểu Griffiths đi chậm chậm qua mặt tôi. Hắn trân tráo nhìn xuống hai chân tôi rồi nhìn vào mặt tôi, và tôi chắc là hắn nheo mắt với tôi nữa. Một ý nghĩ buồn cười đến trong tôi: Đêm hôm qua hắn có mặt trong dạ hội, hắn thấy tôi biểu diễn cái màn kính khủng ấy, và chắc là thích thú lắm. Dĩ nhiên tôi biết điều ấy không thể xảy ra được vì đó là một giấc chiêm bao. Tôi phóng vào hắn một cái nhìn lạnh lùng và tiếp tục bước đi. Nhưng hắn lại nhe răng cười toét ra tận man tai.

Huân tước Mountdrago rút khăn tay trong túi ra lau hai lòng bàn tay. Bây giờ ông không tìm cách giấu diếm sự lo lắng nữa. Đôi mắt bác sĩ Audtin vẫn không rời ông ta.

— Ông kể cho tôi nghe một giấc mộng khác.

— Đêm hôm sau giấc mộng lại phi lý hơn cả đêm hôm trước nữa. Tôi mộng thấy tôi ở Hạ Viện, ở đấy đang có cuộc tranh luận về vấn đề ngoại giao mà cả quốc nội lẫn thế giới đang hồi hộp theo dõi. Chính phủ đang dự tính thay đổi đường lối ngoại giao mà hậu quả sẽ ảnh hưởng sâu xa đến tương lai của Đế quốc Anh. Một khúc quanh lịch sử. Dĩ nhiên là Hạ viện đông đặc người đến dự thính. Tất cả đại sứ các nước đều có mặt. Các hàng ghế dành cho quần chúng chật cứng như nêm. Buổi tối hôm ấy tôi phải đọc một bài diễn văn quan trọng. Tất nhiên là tôi đã chuẩn bị chu đáo. Một người như tôi chắc chắn là có nhiều kẻ

thù, trong ấy có một số ghét tôi vì tôi đã có được một địa vị ở cái tuổi rất trẻ mà những người thông minh tài trí nhất cũng không thể có được, vả lại tôi đã quyết định rằng bài diễn văn của tôi không phải chỉ có giá trị trong giai đoạn mà còn là một cơ hội để tôi vả vào mồm cái bọn thường hay dèm pha, nói xấu tôi. Tôi được kích thích bởi cái ý nghĩ cả thế giới sẽ chăm chú theo dõi từng câu, từng chữ tôi nói ra. Tôi đứng lên. Nếu bác sĩ có dịp đến Hạ viện, bác sĩ sẽ thấy trong lúc diễn giả đang phát biểu ý kiến trên diễn đàn thì các dân biểu ở dưới vẫn to nhỏ chuyện trò, lật giấy sột soạt và trăn qua trở lại các tập tài liệu. Nhưng khi tôi bắt đầu nói, bốn bề im lặng như tờ. Bỗng tôi sực nhìn thấy thằng cha Griffiths, thằng cha khoác lác khả ố, dân biểu miền Welsh ấy, ngồi hàng ghế trước mặt tôi. Hắn lè lưỡi trêu tôi. Không biết ông đã có nghe bài hát thô bỉ người ta thường hát ở các hộp đêm “A bicycle made for two” chưa? Bài hát ấy đã có một dạo rất được thịnh hành. Để tỏ cho thằng Griffiths thấy tôi khinh bỉ nó đến mức độ nào, tôi cất giọng hát bài hát ấy. Tôi hát đoạn đầu rất đúng điệu. Sự ngạc nhiên bao trùm tất cả và khi tôi hát xong đoạn đầu, ở những hàng ghế đối lập, những tiếng thét: “Hay, thật hay!” vang lên. Tôi đưa tay ra hiệu bảo họ im lặng và hát tiếp đoạn hai. Tất cả nghị trường đều im lặng lắng nghe trong một bầu không khí nặng nề. Tôi cảm thấy bài hát không được hoan nghênh lắm. Lòng tự ái của tôi bị tổn thương, vì thường ngày tôi có giọng “ba ra tông” hay lắm. Tôi định hát cho họ thấy tài của tôi. Nhưng khi tôi bắt đầu hát đoạn ba, thì các dân biểu cất tiếng cười vang, trong giây lát tiếng cười vang dậy cả nghị trường. Các ông Đại sứ, các khách ngoại quốc, các bà mệnh phụ các phóng viên báo chí, tất cả đều cười thét lên, cười sặc sụa, cười lăn cười lóc, trừ các ông Bộ trưởng trong chính phủ ngồi trên hàng ghế đầu, sau lưng tôi. Giữa tiếng cười vang dội như sấm sét, không tiền khoảng hậu ấy, các ông Bộ trưởng ngồi như hóa đá. Tôi liếc nhìn họ và bỗng

tôi hãi hùng nhận thấy cái lỗi lầm to lớn mà tôi đã làm đang đổ sụp xuống đầu tôi: tôi vừa làm trò cười cho cả thế giới. Tôi đau khổ thấy là tôi phải xin từ chức. Tôi vùng thức dậy và biết tôi vừa nằm chiêm bao.

Trong lúc Huân tước Mountdrago thuật chuyện, dáng điệu oai vệ của ông mất dần, và bây giờ sau khi chấm dứt câu chuyện, mặt ông tái mét và tay chân run rẩy. Nhưng ông cố gắng trấn tĩnh, đôi môi run run phát ra một tiếng cười gượng.

— Sự việc nó quá kỳ cục cho nên tôi không thể không buồn cười. Tôi không để ý gì đến nó nữa, và chiều hôm sau, khi đi đến Hạ viện tôi cảm thấy trong người rất khỏe khoắn. Cuộc thảo luận thật buồn tẻ, nhưng tôi phải có mặt tại đó. Trong lúc tôi đang cúi xuống đọc những tài liệu đệ trình tôi duyệt xét, không hiểu vì lý do gì đó, tôi nhìn lên và chợt thấy thằng cha Griffiths đang đứng thuyết trình. Hắn có cái giọng nói quê mùa của xứ Welsh và cái dáng dấp thực xấu xí. Tôi biết hắn không thể nói được điều gì ra hồn, xứng đáng cho tôi phải lắng nghe, tôi định cúi xuống tiếp tục đọc, thì bỗng nghe hắn nhắc đến hai câu trong bài hát “A bicycle made for two”. Tôi liếc nhìn hắn và thấy đôi mắt hắn chòng chọc nhìn tôi với một nụ cười chế riễu. Tôi nhún vai, tỏ vẻ khó chịu. Thực buồn cười, một thằng cha dân biểu chó chết ở miền Welsh lại có thể nhìn tôi một cách ngạo mạn như vậy. Thực là một ngẫu nhiên kỳ dị, khi hắn đọc lại hai câu trong bài hát mà tôi đã hát trong giấc mộng hôm trước. Tôi cúi xuống đọc tiếp tài liệu, nhưng tôi thú thật với ông là tôi không thể tập trung được tư tưởng, và hơi bối rối. Thực là lạ lùng! Griffiths hiện ra trong giấc mộng đầu tiên của tôi tại biệt thự Connemara, và ngày hôm sau, tôi có cảm tưởng rõ ràng rằng hắn ta đã thấy tôi làm trò khỉ tối hôm đó. Và có phải ngẫu nhiên không khi hắn đọc lại hai câu trong bài hát tôi đã hát trong giấc mộng? Tôi tự hỏi phải chăng hắn đã nằm mộng thấy

những giấc mộng giống tôi? Nhưng dĩ nhiên, đó là một ý nghĩ phi lý và tôi định bụng không thêm nghĩ đến chúng nữa.

Im lặng vây bọc hai người. Bác sĩ Audlin nhìn Huân tước Mountdrago và Huân tước nhìn bác sĩ Audlin.

— Những giấc mộng của người khác kể lại chỉ làm buồn tai. Vợ tôi thường có cái tật bắt tôi nghe những giấc mộng của bà ta kể với đầy đủ chi tiết, tôi thấy có thể phát điên lên được.

Bác sĩ Audlin gượng cười:

— Không, ông không làm phiền tôi gì cả với những giấc mộng của ông.

— Tôi sẽ kể cho bác sĩ nghe một giấc mộng khác nữa, xảy ra sau đó mấy hôm. Tôi mộng thấy tôi đi vào một tửu điểm ở Limehouse. Tôi chưa bao giờ đến Limehouse, và tôi nhớ từ thời còn đi học ở Oxford cho đến nay chưa bao giờ tôi đi vào một tửu điểm, thế mà tôi thấy đường sá và nhà cửa ở đây quen thuộc giống như là nhà của tôi vậy. Tôi đi vào một căn phòng, tôi không biết họ gọi đó là cái “xa lông bar” hay là “bar” riêng. Ở đó có một lò sưởi và mỗi bên có một cái ghế bành bằng da, đối diện với lò sưởi là một chiếc ghế sofa nhỏ, quây rượu chạy dài theo chiều dài căn phòng, ngồi ở đấy có thể thấy được bên trong cái bar công cộng. Gần cửa đi vào có một chiếc bàn bằng đá cẩm thạch và hai cái ghế bành. Hôm đó là tối thứ bảy, khách đến rất đông. Đèn đuốc sáng trưng, nhưng khói thuốc dày đặc làm cay cả mắt. Tôi ăn mặc như một thằng du đãng, chiếc mũ lưỡi trai trên đầu và cái khăn quàng quanh cổ. Tôi thấy hình như hầu hết những người ở đó đều say, nhưng tôi vẫn vui thích. Trong phòng có tiếng nhạc phát ra từ máy hát hay radio gì đó, tôi không rõ, và trước lò sưởi hai người đàn bà đang biểu diễn một điệu vũ dâm dăng. Một đám người vây quanh họ, cười giỡn, reo hò. Tôi tiến tới trước để nhìn, một người đàn ông nói với tôi: “Uống rượu không, Bill?” Trên bàn có hai ly rượu đầy một thứ nước màu sẫm, tôi đoán là bia đen. Hắn đưa cho tôi một ly, tôi

đưa lên miệng uống ngay để khỏi gây chú ý. Một trong hai người đàn bà khiêu vũ rời người bạn mình, đến giành ly rượu tôi đang uống: “Sao kỳ vậy? Sao lấy ly rượu của người ta đang uống?” Tôi trả lời: “Thế sao? Xin lỗi cô! Ông bạn kia mời tôi, nên tôi tưởng là của ông ta” - “Thôi được, không hề gì đâu cưng! Đến đây nhảy với em đi!” Tôi chưa kịp trả lời thì cô ta ôm lấy tôi và chúng tôi cùng nhảy với nhau. Rồi tôi thấy mình ngồi trong một chiếc ghế bành và cô ta ngồi trên đùi tôi. Chúng tôi uống chung một ly bia. Tôi cần nói với bác sĩ rằng vấn đề luyến ái không chiếm một địa vị quan trọng nào cả trong đời tôi. Tôi lập gia đình sớm, một phần vì địa vị bắt buộc, một phần để giải quyết dứt khoát vấn đề tình dục. Tôi có hai đứa con, đúng như dự định của tôi, và từ đó, vấn đề con cái đối với tôi như đã được giải quyết. Tôi luôn luôn bận rộn với quá nhiều công việc nên không để tâm nhiều đến vấn đề tình dục, vả lại đối với một cuộc sống luôn luôn có hàng trăm ngàn con mắt dòm ngó như cuộc sống của tôi, chỉ có điên mới làm những điều bậy bạ để cho dư luận đàm tiếu. Mỗi lợi lớn nhất mà một chính trị gia có thể thụ hưởng là đời sống không bị tai tiếng về vấn đề đàn bà. Tôi coi thường những hạng người đã đạp đổ sự nghiệp của họ vì đàn bà. Những người như vậy, tôi chỉ dành cho họ sự khinh bỉ. Người đàn bà ngồi trên vế tôi đã say mèm, hấn không đẹp mà cũng chẳng còn trẻ, sự thực hấn là một cô gái ăn sương lớn tuổi và sồ sề. Hấn thực tởm, hơi thở nồng nặc mùi bia, hai hàm răng cái mả sâu thối, thế mà lạ thay, khi hấn đặt miệng lên môi tôi hôn, mặc dù tự thấy khinh ghét mình, tôi vẫn ham muốn hấn - ham muốn với tất cả tâm hồn. Bỗng tôi nghe một giọng nói: - “Phải đó, chơi đi cho đã thắng mảnh!” Tôi nhìn lên và thấy đó là thằng cha Griffiths. Tôi cố đứng dậy, nhưng con mẹ đàn bà kia không để tôi đứng dậy và nói: “Đừng để ý đến thằng cha hay thò mũi vào chuyện người khác”. Griffiths nói với tôi: “Vào làm đi! Tao biết con Moll đáng tiền lắm đấy ạ”. Bác sĩ biết không, tôi bực mình vì sợ hấn bắt

gặp tôi trong tình trạng bê bối ấy thì ít, mà tức giận vì hắn gọi tôi bằng “thằng mảnh” thì quá sức. Tôi đẩy con mẹ đàn bà ra một bên, đứng dậy đối diện với hắn và nói: “Tao không quen biết mày và không muốn quen biết với mày”. Hắn trả lời “Nhưng tao biết mày rõ lắm”, và nói với cô gái: “Molly, tôi khuyên em điều này, là phải bắt hắn trả tiền cho đảng hoàng, đừng để hắn chơi quyt đấy”. Tôi nắm chai bia và không nói năng gì hết, choảng vào đầu hắn với tất cả sức mạnh của tôi. Tôi đánh mạnh đến nỗi tôi vùng tỉnh dậy.

Bác sĩ Audlin nói:

— Một giấc chiêm bao như loại đó không phải là điều không thể hiểu được nổi. Đó là sự trả thù của tiềm thức đối với hạng người có đời sống mẫu mực.

— Thực kỳ cục! Tôi kể bác sĩ nghe giấc mộng ấy không phải vì nó, mà vì sự việc đã xảy ra ngày hôm sau. Hôm ấy tôi cần tra cứu gấp một vấn đề quan trọng, nên tôi đi vào thư viện của Hạ viện. Tôi tìm được quyển sách và bắt đầu đọc. Khi ngồi xuống ghế tôi không để ý là thằng cha Griffiths đang ngồi ở bên cạnh. Một dân biểu thuộc Công đảng đi vào, tiến đến phía hắn: “Hê-lô Owen? Sao hôm nay trông anh có vẻ kém tươi thế?” Hắn trả lời: “Tôi bị nhức đầu kinh khủng, có cảm giác như bị đánh một cái chai vào đầu”.

Nét mặt của Huân tước Mountdrago sa sầm vì sợ. Ông nói tiếp:

— Bây giờ tôi thấy là đúng cái ý nghĩ trước kia tôi cho là phi lý, không thể chấp nhận được. Tôi thấy rằng thằng cha Griffiths cũng có những giấc chiêm bao giống như của tôi và cũng nhớ lại rõ ràng như tôi vậy.

— Cũng có thể đó là sự trùng hợp ngẫu nhiên.

— Khi hắn nói, rõ ràng không phải để cho bạn hắn nghe mà để cho tôi nghe. Hắn nhìn tôi với vẻ thù hận tức giận.

— Ông có thể gợi cho tôi một lý do vì sao con người ấy lại cứ hiện ra trong những giấc chiêm bao của ông không?

— Không thể tìm được một lý do nào cả!

Đôi mắt bác sĩ Audlin vẫn dăm dăm nhìn vào mặt của Huân tước Mountdrago và thấy ông ta nói dối. Bác sĩ gạch những đường ngang nét dọc trên tấm giấy thấm với cây bút chì đang nắm trên tay. Thường thường, phải cần một thời gian mới khiến được bệnh nhân nói thật, nghĩa là sau khi bệnh nhân nhận thấy nếu họ không nói thật, thì bác sĩ Audlin không thể làm gì được cho họ.

— Giấc chiêm bao mà ông vừa kể cho tôi sau cùng, cách đây ba tuần lễ. Từ ngày đó, ông còn chiêm bao nữa không?

— Không đêm nào là không có.

— Và mỗi lần, đều có cái gã Griffiths hiện ra?

— Đúng như vậy!

Bác sĩ tiếp tục vẽ những đường ngang nét dọc trên tấm giấy thấm, ông ta muốn sự yên tĩnh, vẻ âm u và ánh sáng nhờ nhờ của căn phòng nhỏ sẽ ảnh hưởng đến cảm giác của Huân tước Mountdrago. Ông này ngồi dựa ngửa vào lưng ghế, xây mặt đi nơi khác để khỏi nhìn thấy hai mắt nghiêm trọng của bác sĩ.

— Bác sĩ Audlin ạ! Bác sĩ hãy làm gì cho tôi với. Tôi đã kiệt lực. Tôi sẽ điên mất nếu tình trạng này kéo dài. Tôi lo sợ mỗi khi đi ngủ. Đã hai ba đêm nay tôi không nhắm mắt. Tôi ngồi đọc sách mãi và mỗi khi tôi sắp sửa thiêu thiêu ngủ, tôi choàng áo tơi vào và đi lui đi tới cho đến khi mệt đừ người. Nhưng tôi cần phải ngủ. Với nhiệm vụ của tôi, tôi cần phải có sự thăng bằng, sự điều hòa tốt độ, tôi cần kiểm soát được những năng khiếu của tôi. Tôi cần nghỉ ngơi, nhưng giấc ngủ không đem lại nghỉ ngơi. Hễ tôi vừa thiêu thiêu ngủ thì chiêm bao lại đến, và thằng cha khốn nạn khả ố, mắt dạy ấy lại hiện ra, mỉm cười trêu chọc tôi, nhạo báng tôi, khinh bỉ tôi. Thực là một cực hình khủng khiếp. Tôi nói thực với bác sĩ, tôi không phải là người của giấc, mộng

áy. Nếu bằng vào chúng để xét đoán tôi thì sai bét. Bác sĩ hãy hỏi dò xem bất cứ người nào bác sĩ muốn. Tôi là một người lương thiện, ngay thẳng, đứng đắn. Không ai có thể trách cứ tôi điều gì về phương diện đạo đức trong đời sống gia đình cũng như ngoài xã hội. Tham vọng độc nhất của tôi là phục vụ xứ sở và bảo tồn vinh quang của tổ quốc. Tôi có tiền, tôi có địa vị. Tôi Không phải là người dễ bị cám dỗ như những người tầm thường khác. Bởi vậy, tôi không cho là vinh dự khi sống một cuộc sống mầu mịch. Nhưng tôi chỉ yêu cầu mọi người biết cho tôi điều này: không một danh vọng một quyền lợi cá nhân, không một ý nghĩ vị kỷ có thể đưa đẩy tôi ra khỏi nhiệm vụ của tôi, dù chỉ trong đường tơ kẽ tóc. Tôi đã hy sinh tất cả để tạo dựng cho tôi con người như ngày nay. Vinh quang là mục đích của tôi. Vinh quang đang ở trong tầm tay tôi, thế mà tôi lại bị mất hết khí lực, mất hết thăng bằng. Tôi không phải là con người hèn hạ, đáng khinh, hèn nhát, dâm dăng như thằng cha chó chết ấy đã thấy. Tôi đã kể cho bác sĩ ba giấc mộng. Chúng hoàn toàn không có nghĩa lý gì cả. Thế mà qua nhãn quan của thằng cha ấy, thì tôi đã làm những điều thực xấu xa, ghê tởm, nhục nhã, nói ra thực ngượng miệng. Và hắn lại còn nhắc lại nữa chớ! Tôi không thể chịu đựng sự chế diễu và khinh bỉ trong mắt hắn, mỗi khi hắn nhìn tôi, và khổ hơn nữa là tôi lại rụt rè, e ngại, không dám cãi chính với hắn, vì tôi biết hắn không tin tôi, sẽ cho là tôi dối trá. Hắn đã mộng thấy tôi làm những việc mà người có chút tự trọng không bao giờ làm, những việc có thể làm cho bạn bè xa lánh, pháp luật trừng trị nghiêm khắc, hắn đã nghe những lời ngu xuẩn trong bài diễn văn của tôi, đã thấy tôi không những buồn cười mà lại còn đáng tởm nữa. Hắn khinh ghét tôi, hắn lại còn dọa sẽ tố cáo tôi nữa. Tôi nói thực với bác sĩ nếu bác sĩ không làm cách gì để cứu tôi, tôi sẽ tự tử hay sẽ giết hắn.

— Tôi sẽ không giết hắn, nếu tôi là ông. - Bác sĩ nói với giọng dịu dàng ấm áp - Ở cái xứ này, những hậu quả của tội giết người

nguy hiểm khó lường được.

— Bác sĩ muốn nói tôi sẽ bị treo cổ vì tội ấy chẳng? Không đâu! Làm sao người ta có thể biết được là tôi sẽ giết hẳn ta? Giấc mộng của tôi lần trước đã gợi ý cho tôi phải làm thế nào. Như tôi đã thuật cho bác sĩ nghe, sau đêm tôi mộng thấy tôi đánh một chai búa vào đầu hẳn, hẳn đã đau đầu như búa bổ. Chính miệng hẳn đã nói ra như thế. Điều đó chứng tỏ thân thể hẳn trong khi thức có thể cảm xúc những gì đã xảy ra trong hẳn khi ngủ, lần sau tôi sẽ không đánh hẳn với một cái chai. Trong mộng tôi sẽ nắm một con dao hay thủ trong túi một khẩu súng lục. Tôi chắc sẽ mộng thấy như vậy, vì tôi mong muốn một cách dữ dội điều ấy. Và tôi sẽ chụp lấy cơ hội. Tôi sẽ đâm hẳn như đâm một con heo. Tôi sẽ bắn hẳn như bắn một con chó, ngay giữa tim. Và sau đó tôi sẽ được giải thoát khỏi sự hành hạ quý quái này.

Chắc có người nghĩ rằng Huân tước Mountdrago điên. Sau bao năm trong nghề chữa trị những tâm hồn điên loạn, bác sĩ Audlin thấy thực là mỏng manh, cái đường ranh giới giữa những người mà chúng ta cho là bình thường với những người chúng ta gọi là điên. Ông đã thấy biết bao người bề ngoài có vẻ rất bình thường và đầy đủ sức khỏe, hoàn toàn không có những ảo tưởng viễn vông và làm tròn nhiệm vụ hàng ngày một cách chắc chắn đối với mình và lơ lạc đối với người, nhưng một khi bạn đã gây được sự tín nhiệm của họ, đi vào đời sống riêng tư của họ, một khi bạn cắt được cái mặt nạ họ đã mang đối với thế giới bên ngoài, khi ấy bạn sẽ tìm thấy ở họ không phải chỉ có những điều trái thường nghịch lý, mà còn những ý muốn thực ngông cuồng, những mơ ước thật kỳ cục, đến nỗi bạn không còn có thể gọi họ bằng một danh từ gì khác hơn là điên. Nếu đưa họ vào nhà thương điên, thì tất cả nhà thương điên trên giới cũng không đủ chỗ để chứa họ.

Dù sao, bạn cũng không thể liệt vào hạng ấy một người có những giấc chiêm bao kỳ dị và đang bị giao động tinh thần. Trường hợp Huân tước Mountdrago đặc biệt hơn những trường hợp mà bác sĩ Audlin đã chữa trị nhưng không phải là hoàn toàn xa lạ đối với ông. Dù vậy bác sĩ vẫn nghi ngờ những phương pháp chữa trị, đã nhiều lần thành công trong những trường hợp trước, có thể có hiệu quả trong trường hợp này. Bác sĩ hỏi:

— Ông đã có lần nào đi khám với một đồng nghiệp của ông chưa?

— Chỉ với bác sĩ Augustus. Tôi chỉ nói với ông ta tôi hay bị mộng mị. Ông ta bảo là vì tôi làm việc quá sức và khuyên tôi nên đi du lịch. Thực phi lý hết sức. Tôi làm sao rời Bộ Ngoại giao trong lúc này được, lúc mà tình hình thế giới đang cần được đặc biệt theo dõi? Tôi là người rất thiết yếu, tôi biết như vậy. Tương lai của đời tôi tùy thuộc vào thái độ của tôi trong giai đoạn gây căng hiện tại. Ông Augustus cho tôi thuốc an thần. Không hiệu nghiệm gì hết! Ông ta cho thuốc bổ. Lại càng tệ hơn khi chưa dùng! Thực là một ông già lắm cảm.

— Ông có thể cho tôi biết vì lý do gì con người đặc biệt ấy lại cứ luôn luôn xuất hiện trong những giấc mộng của ông không?

— Bác sĩ lại hỏi tôi câu ấy, và tôi cũng đã trả lời rồi.

Đúng như vậy. Nhưng bác sĩ Audlin chưa hài lòng vì câu trả lời.

— Vừa rồi ông có nói đến hai chữ hành hạ. Vì sao ông Owen Griffiths lại muốn hành hạ ông?

— Tôi đâu biết được!

Đôi mắt của Huân tước Mountdrago hơi giao động trong khi trả lời. Bác sĩ biết chắc ông ta nói không thật.

— Ông có làm điều gì thiệt hại cho ông ấy không?

Huân tước Mountdrago ngồi bất động, nhưng bác sĩ Audlin có cảm tưởng kỳ lạ như ông ta đang co rúm người lại. Bác sĩ cảm

thấy trước mắt mình một con người to lớn kiêu hãnh đang bực tức vì câu hỏi mà ông cho là xác láo, nhưng đằng sau cái mặt tiền oai vệ ấy là cả một sự hốt hoảng, làm bạn liên tưởng đến một con thú mắc bẫy. Bác sĩ Audlin chồm tới phía trước và với nhãn lực của mình, buộc Huân tước phải nhìn vào hai mắt mình.

— Ông có chắc như vậy không?

— Chắc như đinh đóng. Bác sĩ có vẻ như không hiểu rằng tôi và thằng cha ấy không cùng đi chung một đường. Điều này, tôi không muốn nói đi nói lại nhiều lần, nhưng tôi cần nhắc để bác sĩ nhớ rằng tôi là Bộ trưởng của Hoàng gia và thằng cha Griffiths chỉ là đảng viên tầm thường của Công đảng. Tất nhiên giữa tôi và hắn không có liên hệ gì, hắn ta xuất thân từ một gia đình rất tối tăm, hắn không phải là hạng người tôi thích gặp bất cứ trong một gia đình nào tôi đến. Còn trên bình diện chính trị thì địa vị tôi và địa vị của hắn cách nhau quá xa, nên không thể gặp nhau ở một điểm chung nào cả.

— Tôi không thể làm gì được cho ông, trừ phi ông nói tất cả sự thật cho tôi nghe.

Huân tước Mountdrago dương cao cặp lông mày, tỏ ra mất bình tĩnh, ông nói giọng bực tức:

— Bác sĩ Audlin ạ, tôi không quen bị nghi ngờ trong lời nói của tôi. Nếu ông làm như vậy thì tôi nghĩ rằng chúng ta chỉ làm mất thì giờ của nhau thôi. Thư ký của tôi sẽ gửi ngân phiếu đến cho bác sĩ sau khi bác sĩ vui lòng cho biết số tiền thù lao.

Nhìn về mặt bác sĩ Audlin lúc này, bạn có thể nghĩ rằng ông ta hoàn toàn không nghe thấy những lời Huân tước Mountdrago vừa nói, ông tiếp tục nhìn thẳng vào trong đôi mắt của bệnh nhân và nói giọng trầm trầm:

— Ông có làm điều gì hắn ta có thể xem như là một sự thiệt thòi, tổn hại cho hắn không?

Huân tước Mountdrago do dự, ông nhìn đi nơi khác, rồi hình như không thể đương cự nổi với cái nhìn lực của bác sĩ Audlin, ông nhìn lui và trả lời một cách hờn dỗi:

— Chỉ có thể có, trong trường hợp hãn là đồ vô lại, thói tha, hèn mạt.

— Thì đúng là nãy giờ ông đã trình bày hãn ta như vậy đó.

Huân tước Mountdrago thở ra. Ông đã chịu thua. Bác sĩ Audlin biết cái thở ra đó có nghĩa là ông sẽ nói ra những gì ông đã che giấu bên trong, bác sĩ thấy không cần phải khẩn khoản thêm nữa. Ông nhìn xuống và bắt đầu vẽ lại những đường ngang dọc trên giấy thắm. Sự im lặng kéo dài trong vài ba phút.

— Tôi cố gắng nói tất cả những điều cần thiết cho ông rõ. Nếu từ nãy giờ tôi không nói ra vì tôi nghĩ nó không quan trọng gì cả, không dính dáng gì đến cái vụ này hết. Thằng cha Griffiths mới được trúng cử trong kỳ bầu cử dân biểu Hạ viện vừa rồi và liền ngay sau đó là hãn làm rộn, khuấy rầy không chịu nổi. Thân sinh hãn là một thợ mỏ, và hãn cũng làm việc trong hầm mỏ, lúc còn là một thằng bé con. Sau đó hãn làm giáo viên các trường tiểu học và viết báo. Hãn là cái hạng tri thức nửa mùa tự phụ, tự mãn, biết một mà không biết mười, tư tưởng thì thiếu chín chắn, kế hoạch thì thiếu thực tế, cái hạng lao động mà nền giáo dục cưỡng bách nâng lên khỏi giai cấp mình ấy mà! Người hãn gầy như cây sậy, da bọc xương, mặt bủng da chì, luôn luôn có vẻ như sắp chết đói, và có cái bề ngoài thực dơ bẩn. Ngày nay các ông Dân biểu thường có cái lối không quan tâm đến sự ăn mặc của họ, chỉ có Trời mới hiểu nổi vì sao, nhưng y phục của thằng cha này thì rõ ràng là cả một sự phỉ báng đối với thể thống của nghị viện. Áo quần hãn vừa tồi tàn vừa cũ kỹ, khăn quàng thì không bao giờ giặt, cà-vạt thì không thắt được cho đàng hoàng. Hãn có vẻ như hàng tháng không tắm, và hai bàn tay thì thật bẩn thỉu dơ dáy. Công đảng thì có vài ba dân biểu

ngồi ở hàng ghế đầu có đôi chút khả năng, nhưng cái bọn còn lại chẳng có một ai ra hồn.

Trong xứ người mù, kẻ chột mắt là vua: thằng cha Griffiths nhờ có cái mồm mép ba hoa thiên địa và một mớ hiểu biết nông cạn về một số vấn đề nên đã được đảng hấn đưa ra để thuyết trình khi có cơ hội. Hình như hấn tưởng hấn thông thạo về các vấn đề đối ngoại lắm, nên thường đứng lên chất vấn tôi với những câu hỏi thực ngu ngốc, rắc rối. Tôi không ngại nói thực với bác sĩ tôi đã có ý định trừng trị cho hấn một trận nên thân. Ngay từ lúc đầu tôi đã ghét cay ghét đắng cái lối nói của hấn, cái tiếng the thé như ngựa hí và cái giọng quê mùa của hấn. Hấn có cái kiểu cách cầu kỳ trong lối nói, trong dáng điệu làm tôi phát khùng lên được. Khi nói, hấn làm ra vẻ rụt rè, ngập ngừng khó khăn như nói đối với hấn là một cực hình, nhưng vì lý tưởng sâu xa, vì sự thực mà hấn không thể ngậm miệng được, rồi hấn nói ra toàn những điều rối rắm bực mình như cốt để phá đám người khác. Tôi phải công nhận thỉnh thoảng hấn cũng tỏ ra hùng hồn, cái hùng hồn của những thùng thiếc rỗng. Tuy vậy, hấn cũng gây được ảnh hưởng một phần nào đối với những đầu óc lệch lạc của những đảng viên đảng hấn. Họ bị hấn bịp với cái vẻ quan trọng của hấn, và không cảm thấy buồn nôn như tôi vì cái tình cảm của hấn. Tình cảm thường được xài trong các cuộc tranh luận chính trị như một loại tiền có giá. Mọi quốc gia trên thế giới đều hành động theo tiêu chuẩn bảo vệ quyền lợi vị kỷ của mình, nhưng luôn luôn muốn được tin tưởng rằng mình nhắm những tiêu chuẩn vị tha, vì vậy chính trị gia nào, với những danh từ hoa mỹ, những câu văn tráng lệ, có thể làm cho cử tri tin rằng nhiệm vụ nặng nề mà mình đang gánh vác vừa bảo đảm được quyền lợi cho quốc gia, vừa hướng đến sự lợi ích cho cả nhân loại, chính trị gia ấy sẽ được hoan hô. Cái lầm lẫn mà những người như thằng cha Griffiths thường làm là tưởng rằng những danh từ hoa mỹ, những câu văn tráng lệ ấy có giá trị

thực. Hắn là người lập dị, kỳ quái và nguy hiểm nữa. Nhưng hắn lại cho hắn là con người của lý tưởng. Hắn có sẵn ở đầu môi chót lưỡi những danh từ, những khẩu hiệu chán như cơm nếp mà giới trí thức thường làm rườm tai chúng ta trong mấy năm nay: Bất bạo động, bất đề kháng, bác ái, tình nhân loại! Bác sĩ lạ gì với những thứ rác rưởi bậy bạ ấy.

Điều tệ hại hơn cả là không những chúng đã gây xúc động trong đảng hắn ta, mà còn làm lung lay một số những đảng viên ngu xuẩn, những đầu óc ghê lở trong đảng chúng tôi nữa. Tôi nghe đồn, nếu Công đảng lên nắm chánh quyền thì hắn sẽ được giao phó cho một bộ, có lẽ là Bộ Ngoại giao. Thực là thô bỉ, nhưng không phải là không thể xảy ra. Một hôm, tôi có dịp kết thúc cuộc tranh luận về vấn đề đối ngoại mà thằng cha Griffiths đã nêu lên. Hắn ta nói trong suốt một tiếng đồng hồ. Tôi tự bảo đây là cơ hội tốt để tôi làm thọt hắn, và trời ơi, bác sĩ biết không? Tôi đã thành công như ý muốn. Tôi bằm nát bài diễn văn của hắn. Tôi nêu rõ những lỗi lầm trong lý luận hắn. Tôi nhấn mạnh cho mọi người thấy cái dốt nát của hắn. Trong nghị trường cái khí giới tai hại nhất là sự chế giễu. Tôi đã châm biếm hắn, nhạo báng hắn, giễu cợt hắn. Hôm ấy tôi thực bảnh và làm cho cả nghị trường cười thét lên. Tiếng cười càng kích thích, tôi lại càng thêm hùng hồn hăng say. Phía đối lập ngồi im lặng và buồn xo, nhưng thỉnh thoảng cũng có một số không sao nín cười được. Bác sĩ cũng biết thực là một điều không thể tha thứ được, khi một người bạn đồng viện, một địch thủ thì đúng hơn, làm cho mình trở thành ngu si, đần độn. Nếu có người nào đã thành công trong việc đó, người ấy là tôi đối với thằng cha Griffiths.

Hắn ta ngồi thu hình trong chiếc ghế của hắn, mặt tái mét, và sau cùng úp mặt trong hai tay. Khi nói xong ngồi xuống, tôi đã hoàn toàn chôn sống hắn. Hắn không còn hy vọng được vào trong chính phủ khi đảng hắn lên nắm chính quyền, nếu có thì

may ra là một loại nhân viên giống như một cảnh sát gác cửa. Sau đó tôi nghe nói ông thân hấn, lão thợ mỏ già ấy, và bà mẹ hấn đã từ Wales đến cùng một số ủng hộ viên trong cử tri đoàn của hấn để dự kiến sự chiến thắng mà họ hy vọng hấn sẽ thu hoạch được trong cuộc tranh luận. Tất nhiên họ chỉ chứng kiến sự nhục nhã cay chua của hấn mà thôi. Trong cuộc bầu cử vừa qua hấn chỉ thắng phiếu sát nút, một tai họa như loại tôi vừa kể có thể dễ dàng làm cho hấn mất chiếc ghế dân biểu trong kỳ bầu cử tới lắm. Nhưng đó là việc riêng của hấn, tôi không cần biết tới.

— Nếu tôi bảo rằng ông đã phá hủy sự nghiệp của hấn, ông có cho là quá đáng không?

— Tôi thấy không có gì là quá đáng!

— Đó chính là một thiệt hại lớn lao mà ông đã làm đối với hấn.

— Hấn đã mang sẵn cái mầm phá hoại ấy ở trong hấn.

— Có khi nào ông cảm thấy áy náy về việc ấy không?

— Tôi nghĩ nếu tôi biết có cha mẹ hấn đến dự, có lẽ tôi sẽ hạ hấn một cách nhẹ nhàng hơn.

Bác sĩ Audlin không hỏi gì thêm nữa, ông đang tìm cho bệnh nhân một phương pháp chữa trị nào mà ông cho là có thể có hiệu quả. Ông dự tính bằng phương pháp thôi miên sẽ làm cho bệnh nhân quên hết những giấc mộng sau khi thức dậy, ông dự tính sẽ làm cho bệnh nhân ngủ thật say để không nằm mộng được nữa. Nhưng ông nhận thấy với sức đề kháng mạnh mẽ của Huân tước Mountdrago, khó có thể thành công với những phương pháp ấy. Sau một tiếng đồng hồ, ông để cho bệnh nhân ra về.

Từ ngày đó, ông đã chữa cho Huân tước Mountdrago năm, sáu lần nữa, nhưng chưa thành công. Những giấc mộng hãi hùng hằng đêm vẫn đến khuấy rối người bệnh khôn nạn và tình trạng sức khỏe của ông ta sa sút quá mau lẹ. Ông suy nhược

thấy rõ. Tánh nóng nảy của ông không thể kiểm soát nổi. Nhưng ông buộc lòng phải tiếp tục đến chữa, vì không những đó là nguồn hy vọng độc nhất của ông mà còn là một niềm an ủi, khi được có người để thổ lộ tâm sự mình. Bác sĩ Audlin, cuối cùng đi đến kết luận là chỉ có một cách chữa trị may ra có thể hiệu quả, nhưng bác sĩ biết rất rõ tánh tình của Huân tước nên chắc chắn Huân tước sẽ không bao giờ chấp nhận cách chữa trị như vậy. Nghĩa là, nếu Huân tước Mountdrago muốn được cứu thoát khỏi tình trạng suy nhược đang hăm dọa đời sống ông, ông cần phải gác sang một bên tánh tự hào về giòng họ và tánh tự phụ tự mãn của ông. Bác sĩ thấy không thể trì hoãn được nữa. Hiện ông đang dùng phương pháp gợi ý để thử chữa cho Huân tước, và sau mấy kỳ như vậy ông nhận thấy ông này có thể thích hợp với phương pháp ấy. Cuối cùng ông đã đưa bệnh nhân vào một trạng thái nửa mê nửa tỉnh. Với giọng trầm buồn êm ái, ông làm dịu bớt những dây thần kinh căng thẳng đang hành hạ bệnh nhân, ông lặp đi lặp lại mấy tiếng quen thuộc trong khi Huân tước Mountdrago nằm yên, mắt nhắm, hơi thở đều đặn, và chân tay buông xuôi rất thoải mái. Rồi, với cái giọng trầm trầm đều đều ấy, ông bắt đầu nói câu nói ông đã sắp sẵn từ lâu.

— Ông sẽ đến gặp Owen Griffiths và nói cho ông ấy biết ông rất tiếc đã gây cho ông ta một sự thiệt hại lớn lao. Ông nói rằng ông sẽ cố gắng làm mọi cách trong quyền hạn của mình để đền bù lại sự thiệt hại mà ông đã làm cho ông ta.

Câu nói đó tác động ở Huân tước Mountdrago như một làn roi quất vào mặt ông ta. Ông giật mình thức dậy và vụt đứng lên như cái lò so. Đôi mắt đỏ bừng lửa giận, ông phun lên đầu bác sĩ Audlin những lời nguyên rủa thậm tệ chưa bao giờ bác sĩ nghe thấy. Ông mắng, ông nhiếc, ông chửi, ông dùng những tiếng thực thô tục, thực bản thủ, đến nỗi bác sĩ là người đã từng nghe đủ loại tiếng tục tĩu, đôi khi ở ngay những làn môi xinh đẹp của

những phụ nữ trong trắng và quý phái, cũng không khỏi ngạc nhiên về sự giàu có tiếng tục tũ của ông này.

— Xin lỗi thằng côn đồ bản thổ xứ Welsh ấy à? Thà chết còn hơn!

— Tôi tin rằng đó là cách duy nhất để ông lấy tại sự thẳng băng cho tâm trí.

Bác sĩ Audlin ít khi thấy ở một người bình thường, một sự giận dữ hung tợn như thế.

Mặt ông đỏ như gấc, hai mắt trợn trừng như sắp văng ra khỏi tròng, bọt miếng phì ra hai bên mép. Bác sĩ thản nhiên ngồi nhìn ông ta, đợi cho cơn giận giảm xuống. Huân tước Mountdrago, sau mấy tuần suy nhược vì tinh thần căng thẳng bây giờ trông đã kiệt sức.

— Ngồi xuống! - Bác sĩ nói với giọng gãy gọn như truyền lệnh. Huân tước Mountdrago ngồi sụm xuống ghế.

— Trời, tôi mệt quá sức! Tôi cần nghỉ ngơi một lát rồi về!

Trong khoảng 5 phút, hai người ngồi trong im lặng. Huân tước Monntdrago mặc dù thô tục và nóng như lửa, nhưng là người có phong độ kẻ cả, sau một hồi im lặng, ông lấy lại được tự chủ và nói:

— Tôi thấy tôi đã quá hung hăng với bác sĩ. Tôi lấy làm xấu hổ vì những lời tôi đã nói với bác sĩ, và nếu bác sĩ từ chối tiếp tục chữa cho tôi, tôi thấy thực đáng kiếp cho tôi. Nhưng tôi hy vọng bác sĩ sẽ không làm như vậy. Tôi cảm thấy đỡ nhiều mỗi lần tôi đến đây. Bác sĩ là niềm hy vọng cuối cùng của tôi.

— Ông đừng nghĩ gì đến những lời ông vừa nói nữa. Không có gì quan trọng cả!

Đó là những lời cuối cùng của Huân tước Mountdrago, trước khi rời phòng mạch của bác sĩ Audlin trong kỳ chữa trước.

Bác sĩ Audlin trong khi ngồi đợi Huân tước Mountdrago, đọc lại những điều ghi chú trong sổ tay và tự hỏi không biết mình nên tìm phương pháp gì để chữa cho bệnh nhân sau khi bao

nhiều phương pháp thường dùng đã không đem lại kết quả gì cho ông ta. Ông nhìn vào chiếc đồng hồ. Sáu giờ đúng. Nếu Huân tước không đến thì thực lạ lùng. Người thư ký của ông ta sáng hôm nay đã điện thoại cho biết là ông sẽ đến vào giờ thường lệ. Chắc ông bị giữ lại vì một công việc gì khẩn cấp lắm. Điều dự đoán ấy đã đưa bác sĩ đến một ý nghĩ khác: Huân tước Mountdrago không còn sức khỏe để làm việc nữa, nhất là những công việc hệ trọng của quốc gia. Bác sĩ tự hỏi không biết mình nên làm thế nào để tiếp xúc với một nhân vật trong chính phủ, như Thủ tướng hay ông Thứ trưởng Ngoại giao chẳng hạn, để nói cho họ biết cái ý nghĩ của ông là không nên giao phó việc quốc gia đại sự cho Huân tước Mountdrago trong lúc này vì tinh thần ông đang bị giao động mạnh và mất thăng bằng quá mức. Bác sĩ thấy đây là một điều khó khăn tế nhị: ông sẽ gây lo ngại mà chưa chắc đã có kết quả gì và còn có thể bị mắng cho nữa là khác. Ông nhún vai tự bảo:

— Dù sao thì các ông chính trị gia cũng đã gây ra không biết bao sự hỗn độn trên thế giới trong suốt một phần tư thế kỷ này rồi, bây giờ họ có điên hay không, thiết tưởng cũng chẳng quan hệ cóc khô gì cả.

Ông nhấn chuông:

— Nếu Huân tước Mountdrago có đến, anh thưa với Huân tước tôi có hẹn vào 6 giờ 15 vì vậy tôi sợ không thể tiếp ông được.

— Dạ.

— Báo buổi tối đã đến chưa?

— Dạ để tôi ra xem.

Một lát sau người giúp việc đem báo vào. Một hàng tít lớn chạy dài trên trang đầu:

“Cái chết thảm thương của ông Bộ trưởng Ngoại giao”.

— Trời! - Bác sĩ Audlin kêu lên.

Lần đầu tiên trong đời, bác sĩ đã mất bình tĩnh, ông bị xúc động kinh khủng, mặc dù ông không ngạc nhiên chút nào. Trường hợp Huân tước Mountdrago có thể tự sát. - Vâng, theo bác sĩ thì đây chỉ là một sự tự sát - Trường hợp ấy, không phải bác sĩ đã không nhiều lần nghĩ đến. Theo báo thuật lại thì Huân tước Mountdrago đứng đợi ở sân ga xe điện, mé sát đường và khi xe đến, người ta thấy ông té vào đường rầy. Người ta phỏng đoán là ông Bộ trưởng đã thành linh bị ngắt xiu. Tờ báo viết tiếp: trong mấy tuần nay, ông cảm thấy trong người khó ở vì hậu quả công việc quá nặng nhọc, nhưng ông không thể nghỉ được vì tình hình ngoại giao cực kỳ nghiêm trọng đòi hỏi sự có mặt thường trực của ông. Lại một nạn nhân nữa của sự căng thẳng thần kinh, gây ra bởi đường lối đối ngoại mới mà những nhân vật quan trọng như ông đang phải đảm đương. Bài báo cũng nói đến tài năng và sự cần mẫn, lòng ái quốc và sự trông xa thấy rộng của người quá cố, và cuối cùng là sự phỏng đoán người kế vị ông mà Thủ tướng đang lựa chọn. Bác sĩ Audlin đọc xong bài báo từ đầu đến cuối.

Ông không ưa gì Huân tước Mountdrago, nên cái chết của ông ta không gây được sự thương cảm ở ông, nó chỉ gây cho ông sự bất mãn ở chính mình vì đã bất lực trong việc chữa trị cho bệnh nhân, có lẽ ông có lỗi vì không tìm ra cách tiếp xúc với vị bác sĩ riêng của ông Bộ trưởng. Cũng như bao lần khác mà sự tận tâm tận lực của ông không mang lại kết quả gì cả, bác sĩ Audlin cảm thấy chán nản và chán ghét luôn cả cái mô lý thuyết và thực hành của nghề nghiệp đã nuôi sống ông. Ông đã vận dụng những năng lực đen tối và bí mật mà lý trí con người không thể hiểu nổi. Ông giống như một người bị bịt mắt đang cố tìm đường. Ông uể oải lật trang báo. Bỗng ông giật mình và bất giác thốt lên một tiếng kêu: “Trời!” nữa. Mắt ông dán vào mục tin nhỏ ở phía cuối cùng trang báo: “Cái chết đột ngột của một dân biểu”. Mục tin cho biết ông Owen Griffiths, dân biểu Hạ

viện, đảng viên... vân vân và vân vân, thành linh bị cảm nặng tại Fleet street và đã tắt thở khi chở đến bệnh viện. Cái chết ấy được xem như không có gì bất thường, dù vậy, cuộc điều tra vẫn tiến hành. Bác sĩ Andlin không thể tin ở đôi mắt mình, có thể tin được chẳng? Đêm hôm qua trong giấc chiêm bao, Huân tước Mountdrago mộng thấy mình thủ một con dao hay một khẩu súng lục như mình mong muốn và giết chết kẻ đã làm khổ mình? Và cũng như kiểu đánh cái chai vào đầu Griffiths trong giấc mộng đã gây sự nhức đầu cho ông ta ngày hôm sau, vụ mưu sát ma quái này đã có kết quả sau đó mấy giờ đối với nạn nhân trong khi thức chẳng? Hay là, bí mật rùng rợn hơn nữa, Huân tước Mountdrago, kẻ thù không đội trời chung của ông Griffiths, sau khi chết vẫn không nguôi được hận thù, nên đã từ cõi chết tìm cách trở về báo thù cho kỳ được? Thực là lạ lùng, không thể hiểu nổi! Thôi thì chỉ nên xem đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên ly kỳ cho khỏe trí.

Bác sĩ nhấn chuông:

— Anh nói với bà Milton rằng tôi lấy làm tiếc là không thể tiếp bà được chiều nay. Người tôi không được khỏe.

Đúng như vậy. Ông ta rùng mình cảm thấy ớn lạnh như đang lên cơn rét. Với một thứ thần thông mặc cảm, ông thấy như mình đang đối diện với một khoảng chân không lạnh lùng ghê rợn. Đêm tối dày đặc của tâm hồn đang nhận chìm ông, và ông cảm thấy một nỗi sợ hãi về một điều gì không thể hiểu được.

BA BÀ MẬP Ở ANTIBES

Một bà góa chồng tên Richman. Bà thứ hai người Mỹ và đã hai lần để chồng, tên là Sutcliffe. Bà thứ ba chưa chồng, gọi là cô thì đúng hơn, cô Hickson, cả ba đều quá tứ tuần lâu rồi và đều giàu có. Bà Sutcliffe có cái nhũ danh thực kỳ lạ, là Arrow (mũi tên). Khi bà còn trẻ và mảnh khảnh, bà rất ưa cái tên ấy, vì nó thích hợp với bà. Những lời đùa cợt, do cái tên ấy gợi ra, mặc dù được lặp đi lặp lại quá nhiều, vẫn làm cho bà nghe khoái tai. Bà cũng không từ chối tin rằng cái tên ấy còn thích hợp với tánh tình bà nữa: Nó gợi cái ý nghĩ về hướng tiến, về tốc lực và mục tiêu. Nhưng bây giờ nét mặt bà đã phụng phịu vì mỡ, hai cánh tay và hai bắp vai quá bự, hai bờ hông quá đầy, bà ít thích được gọi bằng cái tên ấy. Bà thấy mỗi ngày mỗi khó khăn dần trong sự lựa chọn y phục có thể làm cho hình dáng bà trông giống như ý bà muốn. Những lời đùa cợt do cái tên bà gợi ra, bây giờ người ta chỉ nói với nhau sau lưng bà vì đó là những lời thực khiếm nhã đối với bà. Nhưng bằng mọi giá bà quyết không chấp nhận cái tuổi tứ tuần của mình. Bà mặc màu xanh để làm nổi bật màu của đôi mắt, và với sự hợp tác của kỹ thuật, bà vẫn giữ được cái đầu tóc láng mượt rất đẹp của mình. Điều làm cho bà ưa thích nhất ở hai bà bạn, (Beatrice Richman và Frances Hickson) là họ đều mập hơn bà nhiều, đứng bên cạnh họ, bà trông nhỏ thó hơn; họ đều lớn tuổi hơn bà và thường đối xử với bà như là một cô em gái cứng. Họ là những người có bản chất tốt và thường trêu ghẹo bà về các nhân tình nhận ngãi của bà. Thực ra thì họ đùa nghịch cho vui vậy thôi chứ chẳng ai quan tâm đến vấn đề đó, nhất là cô Hickson. Nhưng họ vẫn có thiện cảm với cái cách làm duyên làm dáng của bà, và mong ước

trong một ngày gần đây, Arrow sẽ đem lại hạnh phúc cho một người đàn ông thứ ba nữa.

— Chỉ cần một điều là bỏ đừng cân nặng thêm nữa thôi, bỏ nhé! - Bà Rickinan nói.

Cô Hickson tiếp thêm:

— Và điều quan trọng nữa là bỏ phải biết chắc tài nghệ đánh bridge của chàng ta ra sao đã.

Họ tưởng tượng cho bà một người đàn ông vào trạc năm mươi, nhưng thân thể được giữ gìn trẻ trung và đánh côn cầu giỏi; hay một người góa vợ nhưng không bận bịu con cái và nhất là phải có lợi tức lớn. Arrow nghe họ bàn tán một cách vui vẻ, nhưng vẫn không muốn cải chính rằng đó không phải là ý nguyện của mình, vẫn biết rằng bà thích tái giá một lần nữa, nhưng bà tưởng tượng người chồng tương lai của mình sẽ là người Ý Đại Lợi có đầu tóc đen và thân hình cao thon có đôi mắt sáng trưng như điện chớp và một chút tước thực kê, hay một chàng trai quý tộc người Ý Pha Nho, nhưng không được quá cái tuổi ba mươi, dù chỉ một ngày. Nhiều lúc đứng ngắm mình trong tấm kiếng bà nhận thấy dáng dấp của mình trông cũng chẳng quá cái tuổi ấy bao nhiêu.

Hickson, Riehman và Arrow là ba bà bạn rất thân nhau. Chính cái mập đã đưa đẩy họ lại gần nhau và bài bridge đã thắt chặt tình bạn giữa họ. Lần đầu tiên họ gặp nhau là ở Carlsbad, nơi họ đến nghỉ mát, trong cùng một khách sạn, và chữa trị bệnh mập cùng với một bác sĩ mà sự đối xử với họ thực quả nghiêm khắc. Béatrice Rickson to lớn đồ sộ, nhưng khuôn mặt đẹp, đôi mắt xinh, đôi má hồng và đôi môi đỏ. Bà mãn nguyện sống một đời sống của người quả phụ với một gia tài kết sù. Bà rất khoái ăn, khoái nhất là bánh mì quét bơ, kem, khoai tây chiên và bánh ngọt làm với rất nhiều mỡ. Mỗi năm bà ăn thả dàn mười một tháng, còn một tháng đến Carlsbad để nhịn bớt ăn. Dù vậy, mỗi năm bà mỗi mập thêm. Bà than phiền với bác sĩ

điều đó, và bác sĩ cũng chẳng có cảm tình gì với bà, nên đã trình bày rõ ràng và cụ thể cho bà thấy những lý do vì sao bà không bớt mập. Bà cự lại:

— Nhưng nếu tôi không bao giờ được ăn những thứ tôi thích, cuộc sống còn có nghĩa gì nữa đâu?

Bác sĩ nhún đôi vai, tỏ vẻ không tán thành. Sau đó bà nói với cô Hickson rằng bà bắt đầu nghi ngờ tài năng của ông ta. Cô Hickson phát lên một tràng cười lớn.

Cô Hickson là người như vậy đó. Cô có giọng nói trầm trầm, khuôn mặt lớn đầy mỡ, màu vàng tái, đôi mắt nhỏ nhưng sáng quắc. Cô đi một cách nặng nề, hai tay thọc vào túi, nhưng nếu làm như vậy mà vẫn không gây được sự chú ý, cô ngậm thêm một miếng thuốc xì gà dài. Cô cố ăn mặc cho thực giống đàn ông. Cô thường nói:

— Ô, tôi sẽ trông giống quý dạ xoa, nếu tôi cũng làm duyên làm dáng và mang vòng vàng chuỗi hạt lòn lòn như các bà khác. Khi chị mập như tôi, tốt hơn là chị nên ăn mặc sao cho thiệt là thoải mái.

Vì vậy cô la mặc các loại nỉ ca-rô, mang boots cao cổ và đi đầu trần nếu có cơ hội. Cô mạnh mẽ như một con bò đực và thường khoác lác rằng ít người đàn ông có thể lừa bịp hay như cô. Cô ăn nói tự nhiên, bộc trực và có thể chửi thề giỏi hơn cả các chú cai thầu bến tàu. Mặc dù tên thánh của cô là Frances, cô chỉ thích được gọi là Frank (ngay thật). Cô có tánh thích chỉ huy người khác, nhưng tế nhị, và chính tánh tình vui vẻ cương trực của cô đã là mối dây ràng buộc họ với nhau.

Họ cùng uống nước lã như nhau, cùng tắm một giờ, cùng đi bộ với nhau, cùng tập đánh quần vợt với một nhà nghề, mà mục đích là để chạy cho bớt mỡ, và cùng ngồi một bàn ăn những bữa cơm thanh đạm và hạn chế như nhau. Không có gì làm giảm tánh khí vui vẻ của họ, ngoại trừ những chiếc cân. Vâng, khi một trong ba bà thấy mình hơi lên cân hơn ngày hôm trước, thì

dù những lời giễu cợt tục tằng của cô Frank, dù tánh tình dễ dãi của bà Beatrice hay những điệu bộ duyên dáng tươi vui của bà Arrow cũng không sao đánh tan được sự rầu rĩ. Thế là những biện pháp gắt gao lại được áp dụng: phạm nhân phải lên giường nằm trong 24 giờ và không một thức ăn gì lọt qua môi họ, ngoài món xúp rau của bác sĩ cho mà mùi vị chẳng khác gì nước luộc bắp cải.

Chưa bao giờ có một bộ ba các bà bạn thân thiết nhau đến thế. Nếu họ không cần đến một người thứ tư để có đủ bốn tay đánh bridge, họ sẽ là những người hoàn toàn độc lập. Họ mê đánh bridge kinh khủng, nên ngoài thời gian chữa trị hằng ngày, công việc chính của họ là ngồi vào bàn bridge. Arrow mặc dù là phái yếu, nhưng chơi bridge rất cao, cao nhất trong ba người, bà ta có lối đánh thực xuất sắc và quyết liệt, không bao giờ nường tay và luôn luôn lợi dụng sự sơ hở của đối phương để giành thắng lợi về mình. Beatrice thì có lối đánh vững vàng, chắc chắn. Còn Frank thì lại nhanh nhẹn, bạt mạng, hăng say trong lối đánh của mình. Cô này là một đại lý thuyết gia về phương pháp đánh bridge và luôn luôn có sẵn ở đầu lưỡi các thể thức luật lệ. Họ biện luận dài dòng các lối đánh khác nhau, họ tấn công nhau với những lý thuyết của Culbertson và Sims. Tất nhiên mỗi người khi đánh ra một cây bài, đều có ít ra là mười lăm lý do để biện minh vì sao mình đánh như vậy, nhưng sau đó đối thủ của họ cũng có ít ra là mười lăm lý do khác để biện minh vì sao không nên đánh con bài ấy. Cho dù bị ám ảnh trong 24 giờ ăn súp rau nhạt như nước cải luộc, vì cái cân của bác sĩ chỉ cho họ thấy họ không giảm được một gơ-ram nào trong hai ngày liền, cuộc sống của họ có thể coi như là hoàn hảo, nếu họ không luôn luôn gặp khó khăn trong việc tìm kiếm một tay chơi bridge cao, ngang hàng với họ.

Đó là lý do vì sao Frank Hickson đã mời Lena Fink đến Antibes ở chơi với họ, và đó cũng là câu chuyện chính mà tôi sẽ

thuật cho bạn nghe sau đây.

Lúc ấy họ đang nghỉ mát ở Antibes do sáng kiến của cô Frank. Theo lý luận của cô này thì thực là phi lý, liền sau khi đến chữa trị bệnh mập ở Carlsbad (thường thường bớt được gần mười ký) Beatrice trở lại ăn thả cửa và lên cân lại như cũ. Beatrice là người tánh tình yếu ớt, phải cần có người có nghị lực để kiểm soát sự ăn uống của bà. Vì vậy cô Frank đề nghị sau khi rời Carlsbad, họ sẽ thuê một biệt thự tại Antibes. Ở đây, họ sẽ tập thể dục theo ý muốn, họ sẽ bơi lội, vì bơi lội là một môn thể thao làm gầy người công hiệu nhất, và tiếp tục chữa trị bệnh mập của họ càng lâu càng tốt. Họ sẽ đem theo một người làm bếp riêng để tránh những thức ăn có thể làm mập thêm. Và như vậy, không có lý do gì họ không thể bớt nặng được thêm mấy cân nữa. Ý kiến của cô Frank nghe thực hấp dẫn. Bà Beatrice là người có đủ thông minh để nhận biết được những gì lợi ích cho mình, và có thể chống đối được với sự cám dỗ, nếu sự cám dỗ ấy không nằm ngay trước mũi bà. Ngoài ra, với cái máu thích đồ bát của bà, mỗi tuần bà có thể đi đến Casino vài lần để mua những cảm giác hồi hộp trong các bàn ru-lét. Một cuộc sống như vậy không phải là không thích thú. Arrow rất thích Antibes, và trông trẻ đẹp hơn sau một tháng ở Carlsbad. Bà sẽ tha hồ chọn lựa ý trung nhân của mình trong đám người Ý Đại Lợi trẻ trung, người Y Pha Nho nông nản, người Pháp trang nhã, và người Anh dài giò, suốt ngày đi thơ thẩn hết chỗ này đến chỗ nọ với chiếc quần tằm và cái áo choàng sặc sỡ.

Chương trình nghỉ ngơi và chữa bệnh của họ hoàn toàn tốt đẹp. Họ sống những ngày thực huy hoàng. Mỗi tuần hai ngày họ không ăn gì cả ngoài trứng luộc và cà chua sống, và mỗi buổi sáng, với một tâm hồn thư thái, họ bước lên chiếc cân. Arrow sụt xuống dưới mức 70 ký và có cảm giác như mình là một thiếu nữ. Còn Beatrice và Frank, với cách đứng me mé thế nào đó, tránh sót nút được con số 80.

Nhưng sự khó khăn vẫn chưa thể khắc phục được trong vấn đề tìm một tay đánh bridge thứ tư. Đối với họ, người này thì chơi một cách ngu ngốc, người kia thì quá chậm chạp làm bạn có thể phát điên lên được; có người thì hay gây gỗ, có người khi thua thì phát cáu, có người tìm cách gian lận. Không hiểu vì sao tìm cho được một người đáng vừa ý, khó khăn đến thế!

Một buổi sáng trong lúc họ mặc đồ ngủ ngồi trên sân thượng nhìn ra biển, uống trà (không sữa hay đường) và ăn bánh mì nướng do bác sĩ Hudebert chế tạo và cam đoan không làm mập thêm, bỗng cô Frank rời bức thư nhìn lên, nói:

— Lena Fink đang trên đường sang Riviera.

— Hẳn là ai thế? - Arrow hỏi.

— Hẳn lấy anh họ tôi. Anh này mới mất độ hai tháng nay, và bà ta vừa bình phục sau một cơn khủng hoảng tinh thần. Hai chị nghĩ sao nếu mình mời chị ấy đến đây chơi độ vài tuần?

— Hẳn có biết đánh bridge không? - Beatrice hỏi.

— Biết là cái chắc! Mà còn đánh rất hay nữa là khác! Nếu mời chị ấy đến đây thì chúng mình hoàn toàn độc lập, không cần chi đến ai nữa.

— Hẳn ta độ bao nhiêu tuổi? - Arrow hỏi.

— Bằng tuổi tôi.

— Vậy thì chắc được.

Thế là họ đồng ý mời. Với cái tánh dứt khoát thường ngày, Frank sau khi ăn sáng xong liền rảo bộ đến nhà bưu chính, điện tín cho Lena Fink. Ba ngày sau cô ra đón bà này tại nhà ga. Bà mặc đồ đại tang nhưng không đến nỗi khó coi lắm. Hai chị em gặp nhau sau hai năm xa cách. Frank ôm hôn người chị dâu, rồi mỉm cười nhìn bà ta, nói:

— Trông chị hơi gầy nhỉ!

Lena mỉm cười, vẻ can đảm:

— Dồn dập bao nhiêu tai biến đã xảy ra cho tôi trong mấy tháng vừa qua. Tôi sút mất nhiều ký quá.

Cô Frank thở dài, không biết là do nỗi đau buồn vì cái chết của người anh họ, hay do sự thèm thuồng trước sự sụt cân dễ dàng của người chị dâu.

Lena, dù sao cũng không đến nỗi xuống tinh thần lắm, và sau khi tắm rửa vội vàng, đã sẵn sàng cùng Frank đi đến Eden Roc. Frank giới thiệu người chị dâu cho hai bà bạn mình rồi cùng ngồi ở cái tiệm thường gọi là “chuồng khỉ”. Đây là một căn nhà bọc kính nhìn xuống biển, phía bên trong có quầy rượu; đông đảo khách khứa trong những chiếc áo tắm, những bộ pyjama hay những chiếc áo choàng, ngồi rì rào trò chuyện quanh bàn, cạnh những ly nước giải khát. Với tánh dễ xúc cảm, Beatrice mến thương người quả phụ bơ vơ! Còn Arrow, trước làn da xanh xao và cái trạc tuổi đoán chừng không dưới bốn mươi tám của bà ta, cảm thấy vững tâm để bắt bớ với người bạn mới ấy. Một người bồi bàn đến. Frank hỏi Lena:

— Chị uống gì nào?

— Ô, gì cũng được, các chị uống gì tôi uống nấy! Một Martini nguyên chất hay một White Lady cũng được.

Arrow và Beatrice liếc nhanh về phía Lena. Ai cũng biết rằng “cốc-tai” rất dễ làm lên cân. Frank nói về âu yếm:

— Tôi chắc chị mệt lắm, sau chuyến đi.

Nói xong cô bảo bồi bàn đem Martini cho Lena, cam tươi và soda cho mình và hai bà bạn. Cô giải thích:

— Với khí hậu nóng bức này, chúng tôi thấy uống rượu không tốt.

— Ô, đối với tôi thì chả ăn thua gì cả. - Lena vui vẻ trả lời - Tôi thích cốc-tai lắm.

Arrow cảm thấy hơi tái mặt dưới làn son phấn (bà ta cũng như Beatrice khi tắm không bao giờ để cho ướt mặt, và họ cho là phi lý một người có hình thù như Frank lại cứ bô bô tuyên bố là mình thích nhẩy “lông rông”), nhưng bà ta không nói gì cả. Câu

chuyện giữa họ vui vẻ và dễ dàng. Họ nói những chuyện vợ vẫn một cách thích thú, và sau đó rảo bộ trở về biệt thự ăn trưa.

Trên mỗi chiếc khăn ăn, có để sẵn hai viên thuốc trừ mạt. Lenna mỉm cười rạng rỡ khi để hai viên thuốc ra bên cạnh chiếc đĩa của mình.

— Có thể cho tôi xin một mẩu bánh mì không? - Lena hỏi.

Đối với ba bà bạn, một lời nói thô bỉ nhất cũng không nghe chối tai bằng. Không một ai trong ba người đã ăn một mẩu bánh mì trong mười năm nay. Cho đến Beatrice là người thèm ăn nhất cũng không thể vi phạm cái ranh giới ấy. Frank người chủ nhân bật thiệp, lấy lại được bình tĩnh trước tiên, nói:

— Được chứ chị! - Rồi xây lại phía người đầu bếp cô bảo đem bánh mì lên.

— Anh cho tôi một ít bơ luôn nhé. - Lena nói với điệu bộ tự nhiên và vui vẻ.

Một phút im lặng ngạt thở tiếp theo.

— Không biết có còn không - Frank nói - Nhưng tôi sẽ hỏi xem. Ở dưới bếp chắc còn một ít.

Lena xây lại phía Beatrice, nói:

— Em thích bánh mì và bơ lắm. Chị không thích sao?

Beatrice mỉm cười gượng gạo và trả lời mơ hồ, không đầu vào đâu. Người bếp đem một khoanh bánh mì Pháp. Lena lấy dao xẻ đôi ra quẹt bơ vào. Món cá nướng được dọn lên. Frank nói với Lena:

— Ở đây chúng tôi ăn uống sơ sài lắm. Xin chị cứ tự nhiên, đừng để ý đến chúng tôi.

— Tôi chỉ thích ăn những thứ nhiều chất béo. - Lena vừa nói vừa quẹt bơ lên miếng cá của mình - Nếu có bánh mì, có bơ, có khoai tây, có kem là tôi thấy mãn nguyện rồi.

Ba người bạn đưa mắt nhìn nhau. Khuôn mặt vàng nhạt của Frank sa sầm xuống. Cô ngao ngán nhìn món cá nướng khô

khan vô vị trong đĩa của mình. Beatrice tìm cách chống chế cho bạn:

— Thực phiền! Ở đây chúng tôi tìm không đâu ra kem. Đành chịu không biết làm sao hơn, ở cái xứ khí hậu này!

— Thực đáng thương. - Lena nói.

Các món ăn gồm có sườn trườn lạng hết thịt mỡ làm cho Beatrice thấy hết thèm, rau dền luộc và cuối cùng quả lê hầm. Lena ném một miếng lê rồi đưa mắt nhìn anh bếp, vẻ thăm dò. Anh bếp này là người nhanh trí hiểu ngay, và mặc dù từ trước đến nay chưa bao giờ món đường cát được dọn lên bàn, anh bung một chén đường ra không một phút do dự. Lena than nhiên trộn đường vào những quả lê trong chén mình. Bà bạn giả vờ không thấy. Khi cà phê được đem ra, Lena lấy ba viên đường bỏ vào tách của mình. Arrow nói với một giọng cố gắng hết sức hòa hoãn:

— Chị thích ăn ngọt quá nhỉ?

— Tôi cho rằng đường hóa học còn ngọt hơn. - Cô Frank vừa nói vừa lấy một viên đường hóa học mỏng lét bỏ vào tách cà phê.

— Ôi, cái thứ đó không thể ngủi nổi. - Lena nói.

Miệng Beatrice thụng xuống ở hai bên mép; bà ta nhìn viên đường với cái nhìn thèm khát.

— Beatrice! - Frank gọi giật giọng người bạn yếu đuối, vẻ trách móc.

Beatrice nén một tiếng thở dài và lấy một viên đường hóa học bỏ vào tách.

Frank cảm thấy như thoát nợ, khi mọi người bắt đầu ngồi vào bàn bridge. Cô thấy rõ sự bối rối của hai người bạn mình trong bữa ăn. Cô vừa mong muốn họ mến thương Lena, vừa lo lắng không biết Lena có được vui thích trong nửa tháng chung sống với họ không. Trong khi cúp bài cho Lena chia ván bài đầu, Arrow hỏi người bạn mới:

— Chị chơi theo lối nào, Vanderbilt hay Culbertson?

— Chẳng theo lối nào cả - Lena trả lời vui vẻ - tôi chơi theo ánh sáng của đầu óc.

— Tôi thì tuyệt đối theo đúng Culbertson. - Arrow chua chát trả lời.

Ba người bạn lại mở cuộc tranh luận sôi nổi. Cuối cùng họ đồng ý không theo tiêu chuẩn nào cũng được. Họ sẽ chỉ cho bà bạn mới biết sau. Khi ngồi vào bàn bridge, thì dù là tình gia đình Frank cũng quên mất và sẵn sàng, cũng như hai người bạn kia, áp đảo và hạ sát ván người bạn mới. Nhưng ánh sáng của đầu óc đã giúp Lena một cách đặc lực. Bà ta rất có khiếu về bridge và có nhiều kinh nghiệm. Bà chơi một cách thông minh, lanh lẹ, bạo dạn và chắc chắn. Ba bà kia là những tay chơi bridge ở hạng quá cao nên ban đầu có vẻ khinh thường bà bạn mới, nhưng khi nhận thấy bà này không phải tay vừa, họ dần dần đuối dụi. Và sòng bài trở nên thật hào hứng. Mọi người đều cảm thấy thích thú. Arrow và Beatrice bắt đầu có cảm tình với Lena; Frank nhận thấy điều ấy, khoan khoái thở một hơi dài như trút được gánh nặng. Mọi sự đang trên đà đi đến thành công.

Hai giờ sau họ giải tán, để Frank và Beatrice đi đánh côn cầu, và Arrow đi dạo với một ông hoàng trẻ đẹp Roccamare mà bà ta vừa mới làm quen. Còn Lena thì bảo rằng mình cần đi nghỉ.

Trước bữa ăn tối họ lại gặp nhau. Cô Frank nói:

— Chị vẫn bình yên chứ, chị Lena? Tôi cứ áy náy là đã để chị ở nhà một mình không có gì làm.

—Ồ, không có gì phải áy náy cả. Tôi đánh một giấc thực đã, rồi đi xuống tiệm Juan làm một cốc-tai. Và đó các chị tôi đã khám phá được cái gì nào? Chắc các chị khoái lắm! Tôi tìm thấy trong một tiệm trà nhỏ một loại kem tươi thực ngon. Tôi có dặn họ mỗi ngày cung cấp cho tôi nửa ký. Tôi mong ước được đóng góp tí ti trong các bữa ăn.

Đôi mắt Lena sáng ngời; nàng tin chắc mọi người sẽ thích thú lắm.

— Như vậy thì tốt quá - Frank vừa nói vừa nhìn hai người bạn kia như để trấn át sự tức giận mà cô nhận thấy hiện lên trên nét mặt họ - Nhưng chúng tôi không bao giờ ăn kem tươi. Với khí hậu này, ăn kem không tốt.

Lena vui vẻ hỏi lại.

— Như vậy thì tôi phải ăn hết một mình sao?

— Chị không lo cho da mặt của chị sao?

Arrow hỏi với vẻ mực thước lạnh lùng.

— Bác sĩ bảo tôi cần phải ăn nhiều kem.

— Ông ta có bảo chị ăn bánh mì bơ, và khoai tây và kem không?

— Vâng, ông ta bảo như vậy đó. Khi mấy chị bảo mấy chị ăn uống đạm bạc, tôi lại cứ tưởng là các chị muốn nói đến các món đạm bạc đó.

— Tôi chỉ sợ chị sẽ mập ù ra. - Beatrice nói xen vào.

— Không đâu chị ơi! Chị biết không, không một thứ gì làm cho tôi mập được hết. Tôi muốn ăn gì tùy thích, mà chẳng thấy có ảnh hưởng gì cả.

Không khí im lặng nặng nề sau câu nói của Lena chỉ được đánh tan khi người đầu bếp báo tin bữa ăn đã dọn xong.

Tối hôm ấy sau khi Lena đi nghỉ, ba bà bạn đã thảo luận rất khuya trong phòng ngủ của Frank. Trước đó với sự hiện của Lena, họ đã trò chuyện đùa giỡn một cách vui vẻ quá sức tưởng tượng. Nhưng giờ đây, họ đánh rơi mặt nạ. Beatrice thì hờn dỗi, Arrow thì tức bực, còn Frank thì chán ngán.

Beatrice than phiền:

— Thực khổ cho tôi quá khi phải ngồi chứng kiến hẳn ta ăn những thức ăn mà tôi rất thích.

— Đâu phải một mình chị? Chúng ta đều khổ tâm như nhau cả. - Arrow gay gắt trả lời.

— Đáng lẽ chị không nên mời hắn đến đây. - Arrow nói như trách.

— Làm sao tôi biết được? - Frank la lớn.

— Tôi cho rằng nếu thực tình hắn còn nghĩ đến chồng hắn, thì không làm sao có thể ăn tợn đến thế - Beatrice bình luận - Chồng hắn chỉ mới chết có hai tháng thôi mà! Chị nghĩ có đúng không, ít ra cũng phải trọng nê người quá cố một chút chứ?

— Tại sao hắn lại không thể ăn những thức ăn như chúng ta? - Arrow hỏi Frank một cách gay gắt - Hắn là khách mà!

— Chị không nghe hắn nói đó sao? Bác sĩ bảo hắn phải ăn như vậy.

— Thế sao hắn không vào dưỡng đường mà ở?

Beatrice nói như van lơn với Frank:

— Thực là quá mức chịu đựng của thân xác, chị Frank ạ!

— Nếu tôi chịu đựng được thì các chị cũng chịu đựng được.

— Hắn là bà con của chị, không phải bà con của chúng tôi - Arrow cãi lại - Tôi không thể ngồi ở đây hai tuần lễ để nhìn con mẹ ấy ăn như heo ăn.

— Để ý vào miếng ăn miếng uống như vậy thực quá tầm thường - Frank giận dữ nói với giọng trầm hơn bao giờ hết - Dù sao, cũng chỉ có tinh thần là đáng kể.

Arrow trợn trừng đôi mắt hỏi Frank:

— Chị Frank, chị bảo tôi tầm thường phải không?

Beatrice giảng hòa:

— Không có đâu, chị ấy không nói vậy đâu.

Nhưng Arrow vẫn hàm hồ:

— Tôi tầm thường nhưng tôi không chờ mọi người đi ngủ để mò xuống bếp ăn vụng đủ thứ.

Frank đứng phất dậy:

— Arrow! Chị dám nói dưng dưng như vậy sao? Tôi không bao giờ đòi hỏi người khác làm những gì mà tôi không sẵn sàng

làm. Bao nhiêu năm nay chị không hiểu tôi sao mà chị cho tôi có thể làm những điều đê tiện như vậy?

— Thế sao chị không giẫm bớt được gờ-ram nào cả?

Frank thở phì một cái như cái lốp xẹp và òa ra khóc như mưa gió:

— Sao có thể ăn nói ác độc như vậy được! Tôi mất được từng ký, từng ký lận mà!

Cô khóc như trẻ con, toàn thân cô lay động và những giọt nước mắt lớn rơi tung tóe trên ngực sồ sồ của cô.

— Chị ơi, thực tình em không có ý nói như vậy đâu! - Arrow nói lớn và chạy đến quỳ xuống choàng hai tay bụ bẫm ôm lấy cô Frank, cùng khóc! Những giòng nước mắt ràn rụa trên má Arrow.

— Có phải chị muốn nói tôi không gây bớt được tí nào không? - Frank hỏi, trong tiếng khóc lớn - Tôi có gây nhiều đấy, chứ sao không?

— Vâng, vâng! Chị có gây nhiều lắm. Mọi người đều nhận thấy như vậy.

Arrow trả lời giọng đầy nước mắt. Beatrice mặc dù tánh tình can đảm hơn, cũng không sao cầm được nước mắt. Thực là cảm động! Dù cho ai là người sắt đá cũng không sao tránh khỏi xúc động khi nhìn thấy cảnh tượng cô Frank, một người đàn bà hùng dũng như sư tử, đang ngồi khóc thảm thiết như vậy. Nhưng cuối cùng họ cũng lau ráo được lệ và sau khi uống một ly cô-nhác hòa với nước - (cô-nhác là thứ rượu mà bác sĩ cho phép họ uống vì không làm mập thêm) họ cảm thấy trong người dễ chịu. Họ đồng thanh quyết định rằng Lena sẽ được tiếp tục ăn những thức ăn bổ dưỡng như bác sĩ dặn, còn họ thì cũng quyết định không để cho sự ăn uống có thể khuấy rầy sự bình thản của tâm hồn họ. Lena là một tay chơi bridge thượng hạng, đâu phải dễ kiếm, và dù sao thì cũng chỉ hai tuần lễ thôi. Họ phải cố gắng bằng mọi giá, làm cho những ngày bà ta ở lại đây vui vẻ.

Họ hôn nhau, hôn nồng nàn và cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm trong khi chia tay nhau đi nghỉ. Từ đây, không gì có thể làm sức mẽ được tình bạn kỳ diệu đã đem lại cho cuộc đời họ biết bao hạnh phúc.

Nhưng bản chất con người vốn yếu ớt. Bạn không nên đòi hỏi quá nhiều ở nó. Họ ăn cá nướng trong khi Lena ăn ma-ca-rô-ni xào bơ và phô-mát, họ ăn cốt-lết nướng và rau dền luộc trong khi Lena ăn “pâté foie”, mỗi tuần hai lần họ ăn trứng luộc chín và cà chua sống, trong khi Lena ăn đậu Hòa Lan nấu với kem tươi, và khoai tây chiên xào đủ thứ, thực quá ngon lành. Anh đầu bếp quả xứng đáng là đầu bếp, anh ta chụp lấy mọi cơ hội để trở tài và dọn hết món này đến món khác, mà món nào cũng thơm tho, béo bở hơn món kia!

— Tội nghiệp anh Jim! - Lena thở dài, khi nghĩ đến người chồng lúc sinh tiền rất thích những món ăn Pháp.

Anh bếp còn tiết lộ rằng anh ta có thể pha chế được sáu thứ “cốc tai”, và Lena lại còn cho họ biết rằng bác sĩ khuyên mình nên uống rượu chát trong bữa ăn trưa và sâm banh trong bữa ăn tối. Ba bà bạn vẫn tiếp tục giữ vững lập trường. Họ vui vẻ nói cười và đùa cợt nữa (đấy là năng khiếu của một số đàn bà trong khi thất vọng), nhưng tánh tình của Béatrice trở thành yếu đuối và thảm hại, đôi mắt dịu dàng của Arrow có những tia sáng lạnh lùng và sắt thép, và giọng trầm trầm của Frank không còn êm ái nữa. Sự căng thẳng tinh thần biểu lộ rõ ràng trong lúc họ chơi bridge. Thường thường họ cảm thấy thích thú trong khi vừa đánh vừa trò chuyện và cuộc bàn cãi của họ thường đượm vẻ thân thiện. Nhưng bây giờ một nỗi chua chát len vào trong lời nói của họ, và thỉnh thoảng người này vạch trần lỗi lầm của người kia với sự thành thật quá sỗ sàng. Cuộc bàn cãi trở thành tranh biện và cuộc tranh biện trở thành cãi lầy. Nhiều lúc sòng bài kết thúc trong sự im lặng giận hờn. Một lần Frank, trách Arrow đã cố tình bỏ rơi mình. Hai ba lần Beatrice, người bạn

yếu đuối nhất trong ba người, đã phải trào nước mắt. Và có một lần, Arrow đã liệng bài đứng dậy đi ra khỏi phòng trong sự im lặng giận dữ. Tánh họ trở thành cau có, thích gây gổ. Lena bây giờ là người trung gian hòa giải. Nàng nói:

— Tôi thấy thực là bi thảm nếu chúng ta vì bridge mà mất hòa khí. Dù sao đây cũng chỉ là một cuộc giải trí.

Đối với Lena thì mọi sự tiến triển quá tốt đẹp. Mỗi ngày bà có những bữa ăn ngon lành béo bổ và nửa chai sâm banh. Ngoài ra thời vận của bà đổ một cách lạ lùng. Bà đánh đâu ăn đó, trong khi cả ba bà kia đều thua sát ván. Những điểm thắng bài của họ, sau mỗi kỳ đánh đều được ghi vào sổ, và số điểm của Lena mỗi ngày cứ tuần tự lên cao. Mặc dù ba bà bạn đều hận Lena, họ không thể cưỡng được ý muốn thổ lộ tâm tình với bà ta. Mỗi bà mập đến gặp riêng rẽ Lena và nói cho bà này biết những điều đáng ghét của hai bà kia. Arrow nói bà thấy rõ sự bất lợi đối với bà khi phải chung đụng với quá nhiều người đàn bà quá lớn tuổi hơn bà. Bà rất sẵn sàng để hy sinh số tiền đã bỏ ra thuê nhà cửa ở đây để sang Venise tiếp tục nghỉ mát cho hết mùa hè. Frank lại thổ lộ với Lena rằng với cái đầu óc chín chắn vững vàng như nam nhi của mình, bà thấy khó có thể mãn nguyện được khi phải sống bên cạnh những người hời hợt như Arrow và ngu ngốc như Beatrice.

— Tôi cần có những cuộc thảo luận trí thức hơn - Bà cất cao giọng nói - Khi chị có một đầu óc như tôi, chị cần phải giao thiệp lui tới với những người trí thức ngang hàng với mình.

Còn Beatrice thì chỉ mong muốn được sống hòa bình và yên tĩnh.

— Quả thực tôi ghét đàn bà - Bà ta nói - Họ thực dối trá, thực nham hiểm.

Trong những ngày cuối cùng của hai tuần lễ ba bà bạn chỉ tiếp xúc với nhau bằng những lời nói xã giao. Trước mặt Lena thì họ còn giữ gìn cái bề ngoài, nhưng khi vắng bà này, họ

không cần giữ gìn gì nữa. Họ đã đi qua giai đoạn cãi lầy, bây giờ họ xem nhau như không có, và khi không thể làm như vậy được, họ đối xử với nhau với cái lễ độ lạnh lùng. Đã đến ngày Lena từ giã họ để đi thăm những bạn bè ở Riviera thuộc Ý. Frank ra ga tiễn người chị dâu lên chiếc xe lửa mà 15 ngày trước đã đưa bà đến. Bà ta ra đi, mang theo một số tiền lớn ăn được của họ. Trước khi chiếc xe lửa chuyển bánh, bà đứng trên toa xe nói xuống với người em chồng:

— Tôi không biết nói thế nào để cảm ơn cô, tôi đã sống những ngày thực thích thú.

Nếu có một điều làm cho Frank Hickson tự hào và dám thách thức luôn cả với nam giới, đó là tác phong quân tử của cô ta trong câu trả lời cho người chị dâu, một câu trả lời vừa trang trọng, vừa nhân hậu:

— Chị Lena ạ, ba chị em chúng tôi cũng rất sung sướng trong những ngày có chị ở đây. Thực vui như những ngày hội.

Nhưng liền sau khi quay gót rời chiếc xe lửa, Frank trút ra một tiếng thở dài khoan khoái làm rung chuyển cả sân ga dưới chân mình. Cô ưỡn ngực, cuộc bộ trở về biệt thự. Cô thở lớn từng hồi: “Ouf! Ouf!”

Cô trở về thay áo tắm, mang dép và khoác chiếc áo choàng đàn ông vào rồi đi lên Eden Roc. Bây giờ còn đủ thì giờ để tắm một phát trước khi dùng cơm trưa. Cô đi ngang tiệm “Monkey House”, nhìn ngó quanh mình, chào hỏi những người quen biết, vì bỗng nhiên cô cảm thấy muốn cầu hòa với tất cả loài người. Nhưng rồi cô dừng lại và đứng sững như trời trồng. Cô không thể tin được đôi mắt mình: Beatrice đang ngồi ăn ở một chiếc bàn gần sát chỗ cô đứng. Bà ta mặc bộ pyjama mới mua vài ngày trước, mang ở cổ một xâu chuỗi ngọc, đầu tóc bà ta vừa mới uốn lại, mắt, má và môi đều thoa son. Dù mập, dù đồ sộ đi nữa bà vẫn là một người đàn bà đẹp; điều đó không ai có thể chối cãi được. Nhưng bà ta đang làm gì ở đây kìa? Với bước đi vững chãi

nặng nề như đàn ông, cô Frank tiến thẳng đến trước Beatrice. Trong bộ áo tằm màu đen, Frank trông giống như một con kinh ngư lớn mà người Nhật bắt được ở eo biển Torres, hay nói theo danh từ không được nhả nhặn lắm, trông giống con bò biển.

— Beatrice, chị đang làm gì vậy? - Cô hỏi lớn với cái giọng trầm trầm nghe giống như tiếng sấm dội xa xa ở trong núi.

Beatrice lạnh lùng nhìn Frank, trả lời:

— Đang ăn.

— Quỷ đánh thánh vật! Ai lại không biết chị đang ăn.

Trước mặt Beatrice là một đĩa bánh croissant và một đĩa bơ, một lọ mứt nho, một lọ kem và một tách cà phê. Beatrice quẹt một lớp bơ dày lên miếng bánh mì nóng, trải lên một lớp mứt và cuối cùng, phủ lên trên tất cả một lớp kem dày.

— Chị muốn tự tử hay sao? - Frank nói.

Miệng đầy thức ăn, Beatrice ngồm ngoàm trả lời:

— Tôi cóc cần!

— Chị sẽ lên cân nhiều cho xem!

— Mặc kệ cha tôi.

Beatrice cười vào mặt Frank. Trời ơi, mùi bánh croissant bốc lên thơm làm sao!

— Tôi thất vọng cho chị quá, Beatrice ạ. Tôi tưởng chị can đảm hơn.

— Đó là lỗi tại chị. Tại con mẹ trời đánh ấy. Đáng lẽ chị phải quật ngã hẳn. Trong hai tuần lễ nay, tôi phải khổ sở ngồi nhìn hẳn ăn uống hùng hục như heo. Thực là quá sức chịu đựng của thân xác. Dù có bể bụng đi nữa tôi cũng ăn một bữa cho thực linh đình.

Nước mắt trào lên mắt Frank. Bỗng nhiên cô cảm thấy yếu đuối và đàn bà. Cô ước ao làm sao có được một người đàn ông khỏe mạnh đặt cô ngồi ở trên đùi và ôm cô vào lòng và gọi cô bằng những cái tên của thời thơ ấu. Cô lặng lẽ ngồi sụp xuống chiếc ghế bên cạnh Beatrice. Một người bồi chạy đến. Với dáng

điệu bi thương, bà chỉ tay vào tách cà phê và đĩa bánh croissant nói:

— Đem cho tôi các thứ ấy.

Cô uể oải duỗi tay định lấy một chiếc bánh, nhưng Beatrice kéo đĩa bánh lui, nói:

— Không được! Hãy đợi họ đem phần của chị đến.

Cô Frank thốt lên một tiếng mà những bà đứng gần ít khi dùng để tặng nhau trong khi thương yêu. Một lát sau người bồi bàn bưng bánh croissant, bơ, mứt và cà phê ra.

— Còn kem đâu, thằng ngốc?

Cô găm gù hỏi như sư tử cái rống.

Cô bắt đầu ăn. Ăn một cách ngon lành vội vã, thèm thuồng.

Nhà hàng bắt đầu đông khách. Đây là những người đến uống một vài ly “cốc tai” sau khi đã làm xong nhiệm vụ tắm biển và tắm nắng. Hiện giờ Arrow cũng đang rảo bước đi dài dài với một ông hoàng Roccamare. Nàng khoác lên chiếc khăn quàng bằng lụa và nắm túm hai chéo khăn cho nó thực sát vào người để thân hình trông nhỏ bớt lại: đầu ngược cao để ông hoàng đi bên cạnh không trông thấy cái cằm đôi của mình. Nàng vui vẻ nói cười, cảm thấy mình là một thiếu nữ. Ông hoàng vừa bảo cho nàng biết (bằng tiếng Ý) rằng đôi mắt nàng làm cho màn xanh của Địa Trung Hải trông giống như một nỗi xúp đậu. Ông ta rời nàng đi vào phòng rửa mặt đàn ông để chải lại đầu tóc đen mượt của mình và hẹn sẽ gặp lại nàng sau năm phút để cùng đi uống giải khát. Nàng cũng đi vào phòng rửa mặt đàn bà để thoa thêm một chút phấn hồng lên má và một chút son lên môi. Trong khi đi ngang qua, Arrow bỗng trông thấy Frank và Beatrice. Nàng dừng lại. Nàng không thể tin được đôi mắt mình. Nàng la lên:

— Trời ơi! Đồ quý! Đồ yêu, đồ...

Nàng kéo một chiếc ghế, gọi lớn: “Bồi”!

Sự hẹn hò gặp lại ông hoàng Ý bay mất khỏi trí nhớ nàng từ bao giờ không hay. Trong nháy mắt, người bồi chạy đến bên cạnh nàng. Nàng truyền lệnh:

— Đem cho tôi tất cả những thứ như hai bà này.

Cô Frank ngẩng cái đầu đồ sộ lên khỏi chiếc đĩa, nói giọng ô ô:

— Đem cho tôi “pâté foie”.

— Frank! - Beatrice gọi về trách móc.

— Câm cái mồm chị lại đi!

— Thôi được, cũng cho tôi “pâté foie” luôn nhé!

Cà phê được đem lên, rồi những chiếc bánh nóng và kem và pâté foie. Họ bắt đầu làm việc. Họ rưới kem lên “pâté” và ngồi ăn. Họ nuốt ừng ực từng muỗng mút. Họ nhai rùm rụp những miếng bánh mì nóng dòn tan. Nhưng còn mối tình Arrow thì sao đây? Thôi thì mặc kệ ông hoàng với biệt điện của ông ta ở La Mã và lâu đài ở núi Alpes. Ba người không nói năng gì hết. Công việc họ đang làm thực quá quan trọng. Họ đang ăn uống với tất cả sự say sưa.

— Từ 25 năm nay, tôi chưa hề được ăn khoai tây. - Frank nói giọng mơ ước thèm thuồng.

— Bồi! - Beatrice gọi lớn - Đem khoai tây chiên cho ba người.

— Thừa vâng!

Khoai tây được đem lên. Mùi thơm phưng phức xông lên mũi họ. Ba người thi nhau bốc ăn. Arrow nói với anh bồi:

— Đem cho tôi một ly Martini nguyên chất.

— Chị không thể uống Martini giữa bữa ăn, chị Arrow ạ! - Frank nói.

— Không thể? Chị hãy chờ xem sẽ biết.

— Thôi được! Đem cho tôi một ly Martini đôi. - Frank nói.

Beatrice cất giọng trầm truyền lệnh:

— Đem cho chúng tôi ba ly Martini đôi.

Rượu được đem lên và họ uống một ngụm hết sạch. Ba bà nhìn nhau và thở ra. Sự hiểu lầm của họ trong hai tuần nay tan

biến dần và tình yêu chân thành trào lên trong lòng họ. Họ khó có thể ngờ rằng đã có lúc họ nghĩ đến chuyện chia lìa nhau, chia lìa một mối tình đã đem lại cho họ sự mãn nguyện lớn lao. Họ ăn xong món khoai tây rán. Beatrice hỏi:

— Không biết ở đây họ có bánh “éclair-chocolat” không nhỉ?

— Chắc chắn có.

Họ có thực. Frank phóng một cái một vào mồm và nuốt trứng rồi lấy cái khác. Nhưng trước khi ăn cô ta nhìn hai người bạn, và thấy cần đâm một nhát gươm rửa hận vào tim Lena, người chị dâu quý quái, bằng một câu nói:

— Các chị muốn nói gì thì nói, nhưng thực sự là bà ta đánh bridge rất tồi.

— Ừ, quá tệ. - Arrow tán đồng.

Nhưng Beatrice bỗng cảm thấy mình thèm ăn một chiếc bánh ga-tô thực ngọt, thực béo, thực bự.

ÔNG BIẾT TUỐT

Tôi vốn không ưa gì Max Kelada ngay cả khi tôi chưa quen biết ông ta. Chiến tranh vừa chấm dứt và lượng hành khách trên các chuyến tàu biển thì luôn đông đúc. Phải tìm chỗ con mắt mới có được một phòng nên bạn phải chấp nhận bất cứ thứ gì người ta đưa cho. Bạn đừng mong một mình một phòng riêng, tôi may mắn lắm mới được người ta cấp cho một cái chỉ có hai giường kê bên trong. Nhưng khi tôi nghe họ nói đến cái tên của cái gã cùng phòng với mình thì tôi thấy thất vọng vô cùng. Nếu đóng kín mít các cửa sổ ở mạn tàu thì không khí ban đêm thế nào cũng ngột ngạt kinh khủng. Ở chung phòng trong suốt 14 ngày với bất kỳ ai đã là điều tồi tệ lắm rồi (tôi đang trên đường từ San Francisco đến Yokohama), nhưng có lẽ xem ra tôi sẽ bớt rầu hơn giá mà tên của vị khách cùng phòng là Smith hay Brown gì gì đó.

Khi tôi lên tàu thì thấy hành lý của cái Ông Kelada kia đã chất đầy bên dưới. Tôi không thích nhìn thấy cảnh tượng ấy chút nào; cả một mớ nhãn mác trên đồng quần áo, và cái rương đựng cũng to tổ bố. Ông ta lại không gói ghém cho gọn gàng những thứ vệ sinh cá nhân nữa, tôi để ý thấy rằng ông này đúng là khách hàng ruột của hãng Monsieur Coty tiếng tăm, vì ở chỗ đứng rửa tay tôi nhìn thấy nước hoa, dầu gội, và gel làm mượt tóc của ông ta bày la liệt cả ra. Những chiếc bàn chải của Ông Kelada, gỗ mun có chữ viết lồng nhau mạ vàng, đem xài được rồi đấy. Tôi chẳng ưa cái Ông Kelada này chút nào. Tôi kiếm phòng dành cho người hút thuốc. Tôi gọi một cỗ bài rồi ngồi chơi một mình. Tôi vừa bắt đầu chơi thì một gã lại gần bắt chuyện, rằng có phải tôi là ...

“Tôi là Quý Ông Kelada”, ông ta nói thêm, với một nụ cười để lộ hàm răng trắng loá cả mắt, và ngồi xuống.

“À, vâng, tôi nghĩ chúng ta chung một phòng.”

“May là tôi yêu cầu như vậy. Ông chẳng thể biết được mình sẽ bị buộc phải ở chung với ai nữa. Tôi rất mừng khi nghe nói ông là người Anh. Tôi khéo léo sắp xếp để người Anh chúng ta ở chung phòng trên tàu, ông hiểu ý tôi chứ!”

Tôi chớp chớp mắt.

“Ông là người Anh?” tôi hỏi, có lẽ không mấy lịch sự cho lắm.

“Dĩ nhiên. Ông thấy tôi không giống người Mỹ, đúng không? Tôi là người Anh chính cống đấy ạ.”

Để chứng minh điều mình vừa nói là đúng, Quý Ông Kelada ấy lôi từ trong ví ra tấm hộ chiếu và phe phẩy nó một cách khiếm nhã trước mặt tôi.

Đức Vua George có lắm thần dân đến là kỳ quặc. Quý Ông Kelada người lùn tịt, vóc dáng chắc nịch, mặt láng o và nước da đen thui, có cái mũi khoằm nung núc thịt và đôi mắt rất to, sáng ngời ngời. Mái tóc đen dài của Ngài thì quăn và bóng lộn. Ngài nói tí lia tiếng Anh mà chẳng có chút Anh ngữ nào và cử chỉ điệu bộ thì cởi mở hết cỡ. Tôi trộm nghĩ rằng nếu kiểm tra kỹ lưỡng tấm hộ chiếu Anh quốc ấy thì có lẽ sẽ lộ tẩy chuyện Quý Ông Kelada trước đây ra đời dưới một bầu trời xanh hơn cái bầu trời u ám thường thấy ở nước Anh.

“Ông dùng gì ạ?” Ông Kelada hỏi tôi.

Tôi nhìn Ngài hồ nghi. Lệnh cấm rượu còn hiệu lực và trên tàu chỉ được phép mang đồ ép khô. Khi không khát thì nước ướp gừng hay nước chanh xô-đa, tôi chẳng biết mình không thiết gì hơn nữa. Nhưng Quý Ông Kelada ấy lại toét miệng cười với tôi một nụ cười phương Đông bí hiểm.

“Whisky, xô-đa, hay martini không pha, ông chỉ cần nói một tiếng là có.”

Ông ta lôi từ những cái túi tân thời của mình ra chai rượu bỏ túi rồi đặt nó lên bàn trước mặt tôi. Tôi chọn martini và bảo người phục vụ lấy cho một cốc đá cùng hai cái ly.

“Cốc-tai ngon tuyệt”, tôi nói.

“Ồ, còn nhiều lắm, à, nếu ông quen bất kỳ người bạn nào trên tàu, hãy nói với họ ông có một vị bằng hữu, ông ta có đủ loại rượu mạnh trên thế gian này.

Cái Ông Kelada đến là khoẻ miệng. Liền thoảng nói đủ chuyện về New York rồi tới San Francisco . Bàn cãi về kịch, điện ảnh, thậm chí cả chính trị nữa. Ông ta lại là một nhà ái quốc. Ngọn quốc kỳ Anh quốc đẹp đẽ là vậy, nhưng khi nó được một quý ông nào đó tận Alexandria hay mãi tít Beirut xa xôi nâng niu, thì tôi không thể không cảm thấy nó bị mất mát đi phần nào giá trị vốn có. Quý Ông Kelada cũng cá mè một lứa quá cơ. Tôi không muốn làm ra vẻ, nhưng không thể chịu nổi khi một gã hoàn toàn xa lạ xưng hô với mình lại bỏ quên hai tiếng “Quý Ông” lên trước tên của mình. Hửn Quý Ông Kelada cư xử không đúng lối như vậy để được thân mật với tôi. Tôi không thích Quý Ông Kelada chút nào. Tôi đã gạt bỏ đồng lá bài sang một bên khi ông ta ngồi xuống, nhưng bây giờ, nghĩ đến lần gặp gỡ đầu tiên này, cuộc chuyện trò đã kéo dài quá lâu rồi, tôi lại tiếp tục chơi bài.

“Con ba trên con bốn”, Ông Kelada chen vào.

Thật không có gì tức hơn là khi bạn đang chơi bài paxiên (lối đánh bài một người – TYPN) mà bị kẻ đứng ngoài chỗ mồm vào mách lẻo cho biết vị trí cần đặt quân bài bạn đã rút lên trước lúc bạn có điểm phúc tự làm điều đó.

“Lộ rồi, lộ rồi”, ông ta gào lên, “con 10 trên con bồi”.

Tôi ngừng ván bài, lòng đầy tức giận và căm ghét.

Rồi ông ta chộp lấy bộ bài.

“Ngài có thích thuật đánh bài không ạ?”

“Không, tôi ghét ba cái trò đó”, tôi đáp.

“Ồ, tôi sẽ cho ngài xem cái này”

Ông ta biểu diễn cho tôi xem tới ba trò. Một lát, tôi nói tôi sắp xuống phòng ăn tối đặt bàn ăn.

“Ồ, khỏi lo”, ông ta nói. “Tôi đã đặt chỗ cho ngài rồi. Tôi nghĩ chúng ta cùng chung phòng thì cũng có thể ngồi chung bàn ăn.”

Tôi căm ghét cái Ông Kelada.

Không chỉ ở chung phòng mà ba bữa ăn mỗi ngày tôi cũng phải ngồi cùng bàn với ông ta, thậm chí tôi không thể đi dạo một mình quanh boong tàu mà không bị ông ta bám dính theo. Thật khó có thể làm ông ta mất mặt. Ông ta chẳng bao giờ nghĩ mình bị từ chối. Mà cứ nghĩ là bạn vui mừng lắm vì gặp ông ta giống như ông ta vậy. Ở nhà mình, có lẽ bạn đã đá văng ông ta rớt xuống cầu thang rồi đóng sầm cánh cửa vào mặt ông ta cho ông ta biết ông ta không phải là người khách được đón chào. Ông ta quả là người giỏi bắt chuyện, chỉ nội ba ngày mà đã quen hết mọi người trên tàu. Ông ta rành mọi thứ. Quản lý đánh cá ngựa, tổ chức bán đấu giá, quyên góp tiền cho các giải thưởng thể thao, mở các trận đấu gôn và trò ném vòng, sắp xếp các buổi hoà nhạc và chuẩn bị cho vũ hội hoá trang. Ông ta xuất hiện mọi lúc mọi nơi. Chắc chắn ông ta là kẻ bị mọi người trên tàu ghét nhất. Chúng tôi gọi ông ta là Ông Biết Tuốt, thậm chí gọi ngay trước mặt ông ta. Ông ta lấy đó là niềm vinh hạnh. Nhưng đến bữa ăn thì ông ta mới làm phiền mọi người nhất. Chúng tôi phải khổ sở chịu đựng ông ta suốt một tiếng đồng hồ ấy. Ông ta ồn ào, cợt nhảm, khoác lác, và lý này lý nọ. Cái gì ông ta cũng rành hơn bất kỳ ai, và bạn không đồng ý với ông ta thì chẳng khác gì khắc nhổ vào tính kiêu căng tự phụ của ông ta. Ông ta sẽ không bỏ qua một chủ đề nào, dù chẳng quan trọng gì, cho đến khi nào ép được bạn theo lối suy nghĩ của ông ta mới thôi. Cái khả năng ông ta có thể mắc lỗi chẳng bao giờ xảy ra. Ông ta là cái loại biết tuốt kia mà.

Chúng tôi ngồi ở bàn của bác sĩ. Ông Kelada thì dĩ nhiên có cơ hội thể hiện mình, vì ông bác sĩ lười nhác, trong khi tôi đứng đưng lạnh nhạt, ngoại trừ một ông cũng ngồi ở đó tên là Ramsay. Ông này cũng thuộc loại giáo điều mà ba hoa như Ông Kelada, cũng đang rất bực mình trước thói kiêu căng của gã đến từ miền đông Địa Trung Hải. Họ tranh luận vô cùng gay gắt và không tìm ra được điểm dừng.

Ông Ramsay công tác cho Lãnh sự quán Hoa Kỳ ở Kobe . Ông ta quê ở vùng Trung tâm phía bắc Hoa Kỳ, là một kẻ to xác, mập chầy mỡ, nứt da, chật ních cả bộ đồ may sẵn. Ông ta trên đường quay trở lại tiếp tục công tác, sau khi bay về New York thăm rồi đưa mụ vợ phải ở nhà cả năm trời nay cùng đi. Bà Ramsay người nhỏ thó, cư xử thân mật và vui tính. Lãnh sự quán trả lương khá bèo, bà thường ăn vận rất đơn giản, nhưng biết cách. Bà ấy tạo được ấn tượng về sự nhã nhặn, giản dị. Tôi không nên dành cho người đàn bà này sự quan tâm đặc biệt, tuy nhiên bà ta sở hữu một phẩm chất mà có lẽ rất phổ biến trong giới phụ nữ, dù ngày nay không còn dễ dàng bắt gặp ở lối đối nhân xử thế của họ nữa. Bạn không thể nhìn bà ta mà không bị cái đức khiêm nhường của bà ta lôi cuốn. Đức tính ấy chiếu rọi vào bà ta như bông hoa trên tấm áo choàng vậy.

Vào một buổi tối, cuộc trò chuyện trong bữa ăn ngẫu nhiên trôi về chủ đề những viên ngọc trai. Có nhiều bài báo viết về ngọc trai nuôi do người Nhật khéo léo làm, và ông bác sĩ bình luận rằng chắc hẳn họ sẽ làm giảm bớt giá trị của ngọc trai tự nhiên. Chúng vốn rất đẹp, chẳng mấy mà trở nên hoàn mỹ. Ông Kelada, như thường lệ, lao ngay vào chủ đề mới. Ông ta khoe với chúng tôi tất cả những hiểu biết về ngọc trai của mình. Tôi không tin ông Ramsay rành rẽ ngọc trai, nhưng ông này không thể kiềm chế nổi ý định có cơ hội là làm cho cái gã đến từ miền đông Địa Trung Hải bẽ mặt, và trong 5 phút, chúng tôi ngồi giữa trận chiến ngôn từ nóng rát. Trước đây tôi từng thấy Ông

Kelada gay gắt, mồm miệng tía lia nhưng chưa bao giờ thấy ông ta bức xúc, lồng lộn lên như lúc này. Sau cùng ông Ramsay nói gì xúc phạm đến ông Kelada khiến ông ta đập mạnh xuống bàn và quát tháo âm ỉ:

“Hừ, tôi phải rõ những gì tôi nói chứ. Tôi đi Nhật chuyến này là để nghiên cứu vấn đề ngọc trai Nhật Bản. Tôi là người trong nghề và không có kẻ nào trong nghề mà không nói cho ông biết những gì tôi đã trình bày về ngọc trai. Tôi biết tất cả những loại ngọc trai quý nhất trên trần gian, và những gì tôi chưa biết về ngọc trai thì không cần phải biết”.

Đây là một tin thú vị cho chúng tôi, vì ông Kelada, luôn mồm luôn miệng, nhưng chưa bao giờ tiết lộ cho ai biết ông ta kinh doanh cái gì. Chúng tôi chỉ nghe phong thanh rằng ông ta đi Nhật cho vài mối làm ăn liên quan đến thương mại thì phải. Ông ta nhìn quanh bàn vẻ đắc thắng.

“Họ chẳng bao giờ có được ngọc trai nuôi mà một chuyên gia như tôi đây lại không thể phát biểu liền hay sao”. Ông ta chỉ vào chuỗi ngọc trai bà Ramsay đang đeo. “Thưa bà Ramsay, nhớ lời tôi nha, chuỗi ngọc bà đang đeo sẽ không bao giờ mất giá đến một xu so với hiện tại đâu.”

Một nụ cười thoáng qua khuôn mặt bà.

Bà Ramsay trong phong thái giản dị đỏ mặt lên một chút và lén giấu chuỗi ngọc vào trong áo.

Ông Ramsay ưỡn người về phía trước. Ông ta quăng cái nhìn vào chúng tôi và kèm theo một cái cười nhạt.

“Chuỗi ngọc của bà Ramsay nhà tôi đẹp chứ?”

“Tôi nói rồi” Ông Kelada trả lời. “Chu choa, tôi từng tự nhủ, những viên ngọc trai ấy đúng là chất lượng trên cả tuyệt vời”.

“Tôi không tự mua nó. Tôi muốn ông nói cho biết nó giá khoảng bao nhiêu?”

“Úi trời, trên thị trường đâu đó thì khoảng độ 15 ngàn đô la. Nhưng nếu mà mua ở Đại lộ 5 thì cỡ 30 ngàn đô cũng không lấy

gì làm ngạc nhiên đâu”.

Ông Ramsay cười đáng sợ.

“Ông sẽ ngạc nhiên lắm đấy khi nghe rằng bà Ramsay nhà tôi mua nó ở một cửa hàng trước hôm chúng tôi rời New-York một ngày với giá 18 đô la.

Ông Kelada đỏ mặt bừng bừng lên.

“Tầm bậy tầm bạ. Không những nó là hàng thật, mà còn là hàng “độc” xưa nay tôi chưa từng thấy”.

“Ông muốn cá không? Tôi cược 100 đô la với ông rằng nó là đồ rởm”

“Chơi thì chơi”

“Ôi, Elmer, anh không thể đánh cá về một cái mình biết chắc chắn thế được.” Bà Ramsay nhỏ nhẹ.

Trên môi bà nở một nụ cười và giọng bà nài nỉ nhẹ nhàng.

“Sao lại không? Nếu có cơ may kiếm tiền dễ dàng như vậy, anh là thằng ngu mới từ chối nó.”

“Nhưng làm sao xác minh được?” Bà ấy hỏi tiếp. “Đó chỉ là lời nói một phía chống lại những lời của ông Kelada”

“Cho phép tôi kiểm tra chuỗi ngọc, và nếu là đồ rởm thì tôi sẽ nói cho mọi người rõ ngay lập tức. Tôi có thể chấp nhận mất 100 đô la kia mà”. Ông Kelada quả quyết.

“Cởi nó ra, em yêu. Cho quý ông này xem thoải mái nếu ông ta muốn.”

Bà Ramsay thoáng chút do dự. Bà ta đặt tay lên cái móc.

“Tôi không tài nào cởi ra được”, bà ta nói. “Ông Kelala phải nghe những gì tôi nói chứ.”

Thoáng chốc, tôi ngờ ngợ có điều gì đó không hay sẽ xảy ra, nhưng tôi không rõ phải diễn đạt ra sao nữa.

Ông Ramsay đứng bật dậy.

“Để anh cởi nó cho.”

Ông ta cầm sợi dây đưa cho Ông Kelala. Người đàn ông đến từ miền đông Địa Trung Hải lấy cái kính lúp trong túi ra và sẫm soi

tỉ mỉ kỹ càng. Một nụ cười đắc thắng lan đều trên khuôn mặt đen bóng của ông ta. Ông ta trả lại sợi dây. Chuẩn bị lên tiếng. Bất ngờ ông nhìn thấy nét mặt của bà Ramsay. Vẻ mặt ấy càng ngày càng trắng bệch đi như thể bà ta sắp ngất xỉu vậy. Bà ấy nhìn trừng trừng ông ta bằng đôi mắt hoảng loạn và mở rất to. Đôi mắt ấy chan chứa sự van nài mà tuyệt vọng; điều ấy quá lộ liễu, tôi không rõ tại sao ông chồng bà ta không thấy.

Ông Kelala chết lặng, miệng ngoác ra. Mặt đỏ tía tai. Bạn dường như có thể cảm nhận được nỗ lực mà ông ta đang gắng thực hiện là kiểm chế bản thân mình.

“Tôi lầm rồi”, ông ta nói. “Quả là hàng giả mà làm như thật vậy, nhưng tất nhiên, ngay khi tôi dùng cái kính của mình, tôi phát hiện ra ngay nó không phải là đồ thật. Tôi cho rằng cái giá 18 đô la là quá đắt cho cái thứ chết tiệt này.”

Ông ta móc túi lấy tờ bạc 100 đô la. Đưa cho ông Ramsay mà không thốt ra lời nào.

“Có lẽ vụ này sẽ dạy cho ông biết là đừng bao giờ quá kiêu ngạo nữa nha, ông bạn trẻ của tôi” Ông Ramsay vừa nói vừa giựt lấy đồng bạc kia.

Tôi để ý thấy đôi bàn tay ông Kelala đang run lên.

Câu chuyện loang ra cả con tàu, quả là tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, và tối hôm đó ông ta nhận được biết bao nhiêu là lời đàm tiếu. Thật là khéo diều nhau khi “Ông Biết Tuốt” bị bắt tại trận. Nhưng bà Ramsay sớm cáo lui về phòng riêng nghỉ bởi chứng đau đầu nó hành.

Sáng hôm sau tôi thức dậy và cạo râu. Ông Kelala vẫn nằm trên giường rít thuốc. Bỗng nhiên có tiếng xào xạo nho nhỏ rồi tôi thấy một bao thư được từ từ đẩy vào ở dưới cánh cửa. Tôi mở cửa nhìn ra xa. Không có ai cả. Cầm bao thư lên, thấy địa chỉ người nhận là ông Kelala, chữ viết dạng khối. Tôi mang đưa cho ông ta.

“Ai thế này?” Ông ta mở nó ra. “Ồi trời!”

Ông ta lấy ra khỏi bao thư, không phải một lá thư, mà là tờ 100 đô la. Ông ta ngẩng lên nhìn tôi và lại đỏ mặt. Ông ta xé bao thư vụn ra rồi đưa cho tôi.

“Phiền ông bỏ chúng ra cửa sổ giùm cái.” Tôi làm theo lời ông ta, rồi cười nhìn ông ấy.

“Có ai muốn bị đem ra làm trò hề đến nhục mặt đâu kia chứ,” ông ta nói.

“Chuỗi ngọc ấy là ngọc thật đúng không?”

“Nếu tôi có một cô vợ bé bỏng, dễ thương, tôi sẽ không để nàng ấy phải ở New York cả năm trời trong khi mình ở tận Kobe đâu.”

Bấy giờ tôi hoàn toàn không còn ác cảm với ông Kelala nữa. Ông ta móc cái ví ra và cẩn thận cất tờ 100 đô la đi.

CÔ GÁI MỘNG MƠ

Một trong số rất nhiều nhược điểm của cuộc sống thực tế là rất ít khi nó tạo ra được một câu chuyện trọn vẹn. Đôi khi có một vài sự kiện thu hút sự chú ý của chúng ta, một số người gặp phải một chuyện rắc rối không lối thoát làm cho chúng ta phải hồi hộp tự hỏi không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Ấy thế mà thông thường lại chẳng có gì xảy ra cả! Tai họa mà chúng ta dự báo trước như không thể tránh khỏi thực ra lại có thể được giải quyết một cách đơn giản và vở bi kịch hoành tráng đột nhiên trở thành một câu chuyện tầm phào.

Tuổi già cũng có những cái bất lợi nhưng ít ra để bù lại nó cũng mang lại cho một thuận lợi đó là cho phép bạn có thể hiểu được kết cục của nhiều chuyện mà bạn đã từng chứng kiến trước đó rất lâu nhưng chưa hiểu được. Bạn đã chẳng còn hy vọng hiểu được chuyện đã được giải quyết như thế nào nữa, thế nhưng đúng lúc không ngờ nhất người ta lại mang giải đáp đến cho bạn.

Ý nghĩ đó đến với tôi khi đang ngồi nghỉ trong phòng khách của khách sạn, sau khi tiễn bà hầu tước San Esteban ra xe. Tôi gọi một ly cocktail, châm một điếu thuốc và tĩnh tâm nhớ lại những kỷ niệm xưa. Khách sạn mới và rất đẹp nhưng hoàn toàn giống như bao khách sạn khác ở Châu Âu và tôi tiếc là đã chọn nó, chỉ vì nó sạch, thay vì khách sạn Madrid cổ kính và đẹp như tranh – nơi tôi thường ở mỗi khi đến Sevilla. Đúng là tôi có thể chiêm ngưỡng dòng sông Guadalquivir từ phòng tôi nhưng điều đó không thể bù đắp cho những ồn ã với đủ các loại âm thanh như của một ban nhạc jazz vọng lên từ phòng trà có vũ nữ tổ chức hai hay ba lần mỗi tuần ở đây, thu hút đủ loại khách.

Chính vì thế mà sau khi đi dạo cả buổi chiều tôi bị rơi vào giữa đám đông nhộn nhịp khi trở về khách sạn. Tôi đến thẳng bàn tiếp tân lấy chìa khóa để lên phòng. Người trực vừa đưa chìa khóa cho tôi vừa báo là có một phụ nữ đã đến tìm tôi.

— Một phụ nữ ư?

— Đó là bà hầu tước San Esteban. Bà ấy rất muốn gặp ông.

Tôi chẳng biết ai có tên như thế cả.

— Chắc là có một sự nhầm lẫn rồi.

Tôi chưa dứt lời thì thấy một quý bà tiến đến và đưa tay về phía tôi với một nụ cười rất tươi. Tôi vẫn không nhớ ra đã gặp người này ở đâu. Bà nắm chặt tay tôi và nói bằng tiếng Pháp rất chuẩn:

— Tôi rất vui được gặp lại ông, trời đã bao nhiêu năm rồi! Tôi đọc trên báo biết ông ở đây, thế là tôi quyết định đến thăm ông. Lần cuối cùng chúng ta đã khiêu vũ với nhau là khi nào nhỉ? Ôi, lâu lắm rồi! Ông có còn hay đi khiêu vũ nữa không? Tôi vẫn đi thường xuyên, à tôi đã lên chức bà rồi đấy. Tất nhiên là tôi có hơi béo lên thật nhưng kệ, khiêu vũ sẽ làm cho tôi không béo lên nữa.

Bà ta nói nhanh đến nỗi tôi nghe cũng thấy đứt hơi. Đó là một phụ nữ mập, đúng tuổi, trang điểm rất kỹ, tóc nâu đỏ đậm, tất nhiên là tóc nhuộm, và được cắt khá ngắn. Bà ta mặc một bộ đồ mới nhất của Paris – thực ra những mới Paris không hợp với người Tây Ban Nha lắm. Bà ta có nụ cười rất tươi và trong trẻo khiến cho người đối thoại cũng muốn cười theo. Bà ta có vẻ rất hạnh phúc với cuộc sống của mình. Ở tuổi này mà vẫn đẹp đến thế, chắc hẳn rằng thời trẻ bà ta đẹp lắm. Nhưng tôi vẫn không nhận ra bà ta là ai.

— Hãy đến uống một ly champagne với tôi và chúng ta nói lại chuyện cũ. Hay là ông thích dùng cocktail hơn? Sevilla của chúng tôi đã thay đổi rất nhiều, ông thấy đấy. Các phòng trà vũ

nữ, rượu cocktail như là ở Paris và London ấy. Chúng tôi cũng bắt nhịp với xu thế thời đại, với xã hội văn minh.

Bà ta dẫn tôi tới một cái bàn gần khu dành cho vũ nữ. Quả là tôi không thể giả vờ tự nhiên được nữa, chỉ e rằng sự nhầm lẫn có thể dẫn tôi đến những chuyện không tưởng tượng được.

— Tôi xin lỗi, tôi thực sự là đáng trách nhưng tôi không tài nào nhớ ra được là mình đã quen biết ai ở Sevilla tên là ...

— Tên San Esteban? Bà ta cắt lời tôi. Đúng rồi. Chồng tôi là người gốc Salamanca. Ông ấy làm ngoại giao, giờ ông ấy đã mất rồi. Khi chúng ta biết nhau tôi còn mang tên Pilar Carreon. Hẳn là màu tóc nhuộm nâu đỏ của tôi đã làm ông không nhận ra chứ tôi không nghĩ là tôi đã đổi nhiều lắm.

— Đúng thế, tôi vội tiếp lời. Thực ra họ mới của bà làm tôi không nhận ra.

Lúc này thì tôi đã nhớ ra rồi và tôi cố gắng giấu sự ngạc nhiên. Thật không ngờ cô Pilar Carreon đã từng nhảy với tôi ở nhà bà bá tước Marbella và ở Phòng trưng bày ngày nào nay đã trở thành bà quả phụ béo tốt trước mặt tôi. Tôi thực sự không làm quen được với cái ý nghĩ ấy. Không biết bà ta có ngờ rằng tôi cũng đã được biết về vụ tai tiếng của bà ta đã từng làm rung động cả Sevilla không. Tôi cố gắng nói năng thật thận trọng và tôi thở phào nhẹ nhõm sau khi nói lời tạm biệt rất nồng nhiệt. Giờ đây tôi có thể tự do tìm lại những kỷ niệm xưa.

Bốn mươi năm trước đây, Sevilla chưa phải là một thành phố thương mại giàu có như bây giờ. Thời đó các con phố còn lát đá cuội, rất vắng vẻ, yên tĩnh, và người ta còn có thể thấy khắp nơi những tổ cò trên tháp chuông nhà thờ. Những người đấu bò tốt, những sinh viên và những kẻ thích rong chơi suốt ngày lang thang trong thành phố. Cuộc sống thật dễ dàng. Thời đó tất nhiên là chưa có xe ô tô và những người dân Sevilla có xe ngựa kéo phải là những người khá giả và cũng phải rất tiết kiệm. Có những người đã sẵn sàng hy sinh những điều quý giá nhất của

đời mình để có được sự xa xỉ ấy. Để có thể được coi là thuộc xã hội thượng lưu người ta phải làm được một điều là chiều chiều, từ 5 giờ đến 7 giờ, đi xe dọc vườn Delicias dọc sông Guadalquivir. Ở đó chúng ta sẽ thấy đủ các loại xe ngựa kéo: những chiếc Victoria kiểu Anh lịch lãm, những chiếc mui trần cũ kỹ vừa đi vừa rung như thể sắp vỡ tan thành từng mảnh, những con tuấn mã và những chú ngựa già xấu xí sắp đến ngày phải đến với kết cục bi thảm trong trường đấu. Nhưng có một cỗ xe luôn thu hút sự chú ý của những người mới đến. Đó là một chiếc Victoria rất mới, rất duyên dáng và được kéo bởi một đôi la tuyệt đẹp. Người đánh xe và người hầu mặc đồng phục xám nhạt kiểu người Andalucia. Đó là cỗ xe đẹp nhất Séville từ trước đến giờ, nó là của bà bá tước Marbella, người Pháp kết hôn với một người Tây Ban Nha. Bà ta đã học theo một cách hứng thú cái kiểu cách của quê chồng và thêm vào đó sự lịch lãm của người Paris và điều đó làm cho phong cách của bà ta thật đặc sắc. Các xe khác bao giờ cũng đi rất chậm rãi để cho mọi người có thể nhìn rõ người ngồi trên xe nhưng bà bá tước thì luôn cho la phi nước kiệu, giữa hai hàng xe đang từ từ đi, chạy qua chạy lại hai vòng dọc vườn Delicias rồi biến mất. Trong phong cách của bà ấy có cái gì đó thật vương giả. Khi nhìn thấy vẻ duyên dáng của bà ta trong xe, với kiểu đầu tuyệt đẹp, mái tóc vàng trên mức tự nhiên, người ta sẽ chẳng ngạc nhiên gì về địa vị mà hiện nay bà ta có. Bà ta thường là người xướng ra các loại mốt, những quyết định của bà ta có sức mạnh như những đạo luật. Tuy nhiên bà bá tước có nhiều người hâm mộ và cũng không ít kẻ thù địch. Và người cương quyết nhất trong số họ là bà công tước mới góa chồng Dos Palos, với địa vị xã hội và nguồn gốc gia đình bà ta nghĩ rằng đáng lẽ ra bà ta phải có được vị trí số một mà bà người Pháp kia đã giành được bằng sắc đẹp, trí thông minh và cá tính của mình.

Bà công tước có một cô con gái độc nhất: cô Dona Pilar. Khi tôi gặp cô ấy lần đầu cô mới hai mươi tuổi và rất đẹp. Cô có đôi mắt đẹp mê hồn và làn da màu đào – một lời khen tầm thường nhưng trong trường hợp này với cô là hoàn toàn phù hợp. Pilar mảnh dẻ, hơi cao đối với một người Tây Ban Nha, làn môi đỏ của cô làm nổi bật thêm lên hàm răng trắng. Mái tóc dày đen mượt của cô được chải theo một kiểu rất phức tạp – là một vào thời ấy. Cô ấy rất quyến rũ. Sự khát khao trong đôi mắt đen, sự ấm áp trong nụ cười và sức quyến rũ trong từng cử chỉ của cô làm người ta mê mẩn. Cô thuộc thế hệ trẻ Tây Ban Nha đang cố gắng phá bỏ tục lệ cổ hủ cho rằng tất cả những cô gái trẻ dòng dõi phải sống tách rời với thế giới bên ngoài cho tới khi lấy chồng. Tôi thường chơi quần vợt với cô và khiêu vũ cùng cô trong những buổi dạ hội do bà bá tước Marbella tổ chức. Bà công tước thì cho là những buổi tiệc với bữa tối và rượu sâm panh, mà bà người Pháp tổ chức là quá xa hoa. Về phần bà ta, mỗi khi đãi khách quý tại nhà mình, độ 2 lần trong một năm, bà ta mời họ dùng nước chanh và bánh quy. Nhưng bà công tước có một trại nuôi bò đậu do chồng để lại, và khi những con bò mới được đưa ra trận bà ta tổ chức ăn trưa ngoài trời với các bạn bè và người trong gia đình nhưng với những nghi thức thời Trung Cổ làm tôi rất tò mò. Một hôm tôi đi cùng đoàn kỵ sỹ dẫn đàn bò của bà công tước đi đến một đấu trường ở Séville. Chúng tôi đi ban đêm, Dona Pilar đi đầu đoàn mang một bộ đồ như trong tranh của Goya. Thật chẳng có gì quyến rũ hơn là cưỡi ngựa đi trong đêm trên những con ngựa vùng andalousia và theo sau là một đoàn 6 chú bò tót được bao bọc bởi một đàn bò trong tiếng cồm cộp của móng bò.

Rất nhiều người giàu có hoặc có địa vị, đôi khi vừa giàu có vừa có địa vị, đã từng cầu hôn với Dona Pilar nhưng mặc cho mẹ cô trách mắng, cô đã từ chối tất cả. Bà công tước lấy chồng từ lúc mười lăm tuổi và thấy không thể chấp nhận được khi con

gái mình đã 20 tuổi rồi mà vẫn chưa có gia đình. “Nó muốn gì chứ? Già kén kẹn hom. Nhiệm vụ của nó là lấy chồng.” Nhưng Pilar rất bướng bỉnh, cô luôn tìm ra lý do để từ chối những người theo đuổi cô.

Nhưng cuối cùng một ngày sự thật cũng lộ ra.

Trong những buổi dạo xe hàng ngày ở vườn Delicias, trên chiếc Landau lỗi thời, Dona Pilar và mẹ thường gặp bà bá tước cho xe đi nước kiệu chạy qua chạy lại hai vòng liền. Hai quý bà ghét nhau đến nỗi họ giả vờ không nhìn thấy nhau nhưng Pilar thì không thể không ngắm cỗ xe lộng lẫy và hai con la xám tuyệt đẹp, tuy nhiên, để tránh cái nhìn của bà bá tước cô phải nhìn anh chàng đánh xe. Đó là người đàn ông đẹp trai nhất Sevilla, trong bộ trang phục màu xám trông anh ta thật ưa nhìn. Tất nhiên, chẳng ai biết chuyện gì đã xảy ra nhưng, vô tình càng nhìn Pilar lại càng thích cái vẻ oai vệ của anh chàng đánh xe và, những điều bí ẩn bắt đầu từ đây, bằng một cách nào đó họ đã gặp được nhau. Ở Tây Ban Nha các tầng lớp trong xã hội pha trộn một cách lạ lùng đến nỗi người hầu phòng có thể có trong mình dòng máu quý tộc hơn cả chủ của mình. Pilar đã rất vui khi biết được rằng anh chàng đánh xe có nguồn gốc từ gia đình Leon ngày xưa đã từng là gia đình quý tộc nhất ở Andalucia, và như vậy anh ta và cô là hoàn toàn tương xứng. Chỉ đơn giản là tạo hóa đã sắp đặt cho cô sống trong một gia đình công tước còn anh ta thì phải kiếm sống trên ghế đánh xe một chiếc Victoria. Chẳng có gì đáng phàn nàn vì chính nhờ cái vị trí trên ghế cao ấy mà anh ta đã thu hút được sự chú ý của cô gái kiêu kỳ nhất Sevilla. Họ yêu nhau say đắm.

Nhưng, đúng vào thời điểm đó, một chàng trai khác, hầu tước San Esteban, đã viết thư cho bà công tước để cầu hôn với Pilar, họ đã gặp nhau mùa hè trước đó ở Saint-Sébastien. Bà công tước rất hài lòng. Hơn nữa đã từng có nhiều đôi lấy nhau giữa hai gia đình từ thời vua Phillippe II. Bà công tước quyết

định sẽ không nhượng bộ con gái nữa và khi nói chuyện với Pilar bà đã nói cho cô biết rằng cô đã lẩn tránh quá lâu rồi, bây giờ phải lựa chọn giữa hầu tước San Esteban và tu viện.

— Con sẽ không lấy ông hầu tước mà cũng chẳng vào tu viện.
Pilar trả lời.

— Thế con làm gì đây? Mẹ sẽ chẳng giữ con bên mình lâu hơn nữa đâu.

— Con sẽ lấy José Leon.

— Ai vậy?

Pilar ngậm ngừng một lát, và có thể là hơi đỏ mặt một chút, ít ra là người ta cũng hy vọng như vậy.

— Anh ấy là người đánh xe của bà bá tước.

— Bá tước nào?

— Bà bá tước Marbella.

Tôi vẫn còn nhớ rất rõ bà công tước và tôi biết rằng khi nổi giận thì bà ấy hoàn toàn thay đổi. Bà la hét, van xin, khóc lóc cố gắng làm cô con gái đổi ý. Mạn kịch rất dữ dội. Có người còn nói rằng bà công tước đã kéo tóc con gái để đánh nhưng tôi biết, trong trường hợp ấy, Pilar thừa sức chống đỡ. Cô khẳng định lại với mẹ cô rằng cô yêu José Leon, anh ta cũng yêu cô và cô đã kiên quyết sẽ lấy anh ta làm chồng. Cuối cùng bà công tước phải triệu tập một cuộc họp gia đình để giải quyết chuyện này. Và, để tránh nổi nhục cho gia đình, họ đã quyết định gửi Pilar về nông thôn cho tới khi nào cô quên cái mối tình nông cuồng này đi. Pilar đã dò biết được dự định của họ và đã nhanh chân trốn đến nhà bố mẹ người yêu. Đó là những người đáng kính, họ sống trong một căn hộ xoàng xĩnh ở khu Triana, phía bên kia sông Guadalquivir.

Sau sự việc ấy, chuyện không thể giấu được nữa. Trong các câu lạc bộ, người ta bàn tán rất nhiều về chuyện này. Mọi người vừa cười hỉ hả vừa bàn luận về cái tin bất ngờ ấy; những người cầu hôn đã bị Pilar từ chối giờ lại được chúc mừng. Họ đã gặp

may! Bà công tước thất vọng vô cùng. Bà ta chẳng còn biết làm gì hơn nữa ngoài việc đến gặp Tổng giám mục, một người thân thiết mà bà ta đã từng đến gặp để xưng tội. Bà ta van xin ông đích thân đến khuyên nhủ cô con gái bị tình yêu làm cho mù quáng của mình.

Pilar được gọi đến và ông tổng giám mục, vốn đã rất quen can thiệp vào những rắc rối, bất hòa trong gia đình đã làm tất cả những điều có thể để cho cô thấy sự sai trái trong cách cư xử của cô. Nhưng cô không chịu nghe gì hết. Chẳng có gì có thể làm cô từ bỏ người mình yêu. Bà công tước cũng được gọi vào cố gắng thuyết phục con gái lần cuối nhưng chẳng ăn thua gì. Pilar trở lại chỗ mình đang ở tạm và bà công tước, nước mắt rùng rùng ở lại với ông Tổng giám mục. Ông này, rất thương người và có nhiều mưu mẹo, đợi khi bà bình tâm trở lại đã khuyên bà hãy thử một biện pháp cuối cùng là đến gặp bà bá tước Marbella. Đó là người phụ nữ khôn khéo nhất Séville, có thể là bà ta sẽ tìm ra cách giải quyết vấn đề.

Thoạt đầu bà công tước phần nộ phần đối. Đời nào bà ta lại chịu đi nhờ vả kẻ thù lớn nhất của mình cơ chứ. Thà rằng nhà của bà sập còn hơn! Ông tổng giám mục biết phải làm gì với những người đàn bà ngoan cố. Ông dùng mọi sự khéo léo của mình ra để làm bà ta đổi ý và cuối cùng bà ta cũng đồng ý đến cậy nhờ vào lòng tốt của bà bá tước người Pháp. Tuy rất tức tối nhưng bà ta cũng phải viết một lá thư cho kẻ thù của mình để xin gặp và ngay chiều hôm đó bà ta đã có mặt ở phòng khách nhà bà bá tước. Tất nhiên bà bá tước là một trong những người đầu tiên biết chuyện nhưng bà ta vẫn cứ nghe bà mẹ bất hạnh kể lại như thể không hề biết gì. Bà ta thực sự rất thích chí với hoàn cảnh ấy. Kẻ luôn luôn đổ ky mình nay phải quỳ xuống chân mình xin xỏ, thật là một chiến thắng ngoài sức tưởng tượng. Thế nhưng bà bá tước cũng là người tốt bụng, bà ta cũng chẳng phải là người hoàn toàn không có lương tri.

— Quả là rắc rối thật. Tôi rất tiếc rằng thủ phạm lại là một trong những người làm của tôi. Chỉ có điều tôi không biết có thể làm được gì đây.

Bà công tước ước thâm có thể vả cho cái mặt đầy phấn son kia một cái nhưng vẫn phải cố nén cơn giận của mình, bà nói giọng run run:

— Thật không hẳn vì tôi mà tôi kêu gọi tới bà. Đó là vì Pilar. Tôi biết, cũng như mọi người, rằng bà là người thông minh nhất thành phố này. Tôi nghĩ, và cả ông tổng giám mục cũng đồng ý với tôi, rằng nếu có một giải pháp nào đó thì chắc chắn rằng bà sẽ tìm ra ngay.

Bà bá tước biết rằng đó là những lời nịnh quá đáng nhưng bà ta chẳng phật ý tí nào, nếu không muốn nói là ngược lại.

— Hãy cho tôi thời gian suy nghĩ.

— Tất nhiên rồi. Nếu như đó là một người quân tử thì tôi đã nhờ đến con trai tôi rồi, nó chỉ việc giết hẳn ta đi là xong. Nhưng bá tước Dos Palos làm sao có thể đấu súng với người đánh xe của bà bá tước Marbella được.

— Đúng thế.

— Thời ngày xưa có phải đơn giản hơn không. Tôi chỉ cần mướn 2 kẻ giết thuê cắt cổ tên bịp đó đi. Nhưng những luật lệ thời nay làm cho những người tử tế chẳng có gì để bảo vệ mình trước sự xúc phạm của người khác cả.

— Tôi cực lực phản đối tất cả những giải pháp làm tôi mất người đánh xe rất tốt của tôi. Bà bá tước nói khế.

— Nhưng nếu như anh ta lấy con gái tôi thì làm sao anh ta có thể là người đánh xe cho bà được nữa. Bà công tước kêu lên, tức giận.

— Thế bà có chịu cho Pilar của hồi môn đủ để họ có thể sinh sống được không?

— Tôi ư? Tôi sẽ không cho nó một xu nào. Tôi đã cảnh cáo Pilar rồi, nó sẽ chẳng có gì cả. Nếu chúng tính dựa vào tôi thì

chúng sẽ chết đói đấy.

— Vậy thì tôi nghĩ rằng anh ta sẽ vẫn tiếp tục làm người đánh xe cho tôi. Trên nóc chuồng ngựa có mấy phòng nhỏ cũng khá tử tế đấy.

Mặt bà công tước hết tái xanh rồi lại đỏ lựng lên.

— Hãy bỏ qua tất cả những gì đã xảy ra giữa chúng ta. Chúng ta hãy là bạn. Chẳng lẽ bà lại làm nhục tôi đến thế sao. Nếu chẳng may tôi đã có làm điều gì đó không phải với bà thì tôi xin quỳ xuống xin bà tha thứ.

Má bà tràn trề nước mắt.

— Hãy lau nước mắt đi, bà công tước - cuối cùng bà người Pháp nói. Tôi sẽ cố gắng hết sức xem sao.

— Bà có thể làm được điều gì đó đúng không?

— Có thể thế. Chắc chắn là Pilar sẽ không có của cải gì đúng không?

— Không một xu nếu nó lấy chồng không được sự đồng ý của tôi.

Trên mặt bà bá tước nở một nụ cười rạng rỡ.

— Người ta vẫn nói rằng người miền Nam thơ mộng và người miền Bắc bủn xỉn. Nhưng thực ra là ngược lại. Những người miền Bắc mới lãng mạn. Tôi sống với người Tây Ban Nha đã đủ lâu để nhận thấy đầu óc họ rất thực tế.

Bà công tước đã quá chán chường còn muốn phản đối lời nhận xét xúc xiểm của bà bá tước nhưng thực chất là chưa bao giờ bà lại căm ghét bà bá tước như lúc này. Bà bá tước Marbella đứng dậy:

— Tôi sẽ trả lời bà trong ngày hôm nay.

Rồi bà ta tiễn khách một cách rất lạnh nhạt.

Thông thường cỗ xe sẵn sàng vào lúc 5 giờ nhưng hôm nay trước buổi đi dạo thường nhật, bà bá tước ăn mặc chỉnh tề đã cho gọi José vào gặp. Khi thấy anh ta bước vào trong bộ đồng phục màu xám nhạt, bà ta cũng phải thừa nhận rằng anh ta có

vẻ rất đàng hoàng và không phải là một người tồi. Nếu anh ta không phải chính là người đánh xe của bà thì... nhưng thôi đây không phải là lúc nghĩ chuyện nhảm. Anh ta đứng thẳng trước mặt bà rất tự nhiên, thậm chí với chút vẻ bạo dạn kiêu kỳ. Anh ta chẳng có gì là vẻ của người ở cả.

“Một tượng thần Hy Lạp, bà bá tước nghĩ thầm, chỉ có ở Andalucia mới có thể có những người đàn ông như thế này.”

— Tôi nghe nói rằng anh sẽ lấy con gái bà công tước DosPalos.

— Nếu như bà bá tước không phản đối.

Bà ta nhún vai.

— Anh có thể lấy ai anh muốn, tôi không quan tâm. Nhưng anh cũng biết rằng Dona Pilar sẽ không có chút tài sản nào chứ?

— Có tôi biết, thưa bà. Nhưng tôi có một chỗ làm việc tốt và tôi có thể nuôi vợ tôi được. Tôi yêu cô ấy.

— Tôi không trách gì anh. Cô ta rất xinh đẹp. Nhưng tôi phải báo trước với anh rằng tôi không giữ một người đánh xe đã có gia đình. Kể từ ngày cưới của anh, anh sẽ không còn là người làm của tôi nữa. Tôi chỉ muốn nói với anh như vậy thôi. Anh có thể đi ra được rồi.

Rồi bà ta chuyển sang đọc tờ báo mới được chuyển đến từ Paris. Nhưng đúng như bà ta đã dự đoán, José vẫn đứng im không đi, anh ta nhìn xuống nền nhà. Một lát sau, bà bá tước nhìn lên:

— Anh còn đợi gì nữa?

— Tôi chưa bao giờ nghĩ rằng bà bá tước sẽ đuổi việc tôi. Anh ta nói giọng không chắc chắn lắm.

— Tôi tin chắc rằng anh sẽ dễ dàng tìm thấy một chỗ làm khác.

— Vâng, nhưng...

— Nhưng sao? Có vấn đề gì? Bà ta hỏi khô khan.

Anh ta thở dài đau khổ:

— Cả Tây Ban Nha chẳng đâu có được một đôi la đáng giá như đôi la của bà ở đây. Chúng chỉ không biết nói thôi. Nhưng chúng hiểu hết những gì tôi nói với chúng.

Bà bá tước nở một nụ cười làm xiêu lòng bất cứ người đàn ông nào chưa từng yêu.

— Tôi rất tiếc nhưng anh phải chọn giữa tôi và người yêu của anh...

Anh chàng đánh xe bối rối đổi từ chân này sang chân kia, đưa tay vào túi định lấy thuốc lá nhưng lại chợt nhớ ra mình đang ở đâu nên ngừng lại. Anh ta nhìn bà bá tước và gương mặt chợt lóe lên một nụ cười tinh quái mà tất cả những ai đã từng sống lâu năm ở Andalusia đều hiểu.

— Vậy thì tôi không thể do dự nữa. Pilar sẽ hiểu rằng điều đó thay đổi tất cả. Người ta lấy vợ lúc nào mà chẳng được nhưng một chỗ làm việc như thế này thì người ta chỉ có thể có một lần trong đời thôi. Thật là ngớ ngẩn nếu từ bỏ nó chỉ vì một người đàn bà.

Và như vậy cuộc phiêu lưu kết thúc ở đó. José Leon tiếp tục đánh xe cho bà bá tước Marbella nhưng từ đó bà ta nhận thấy rằng khi đi dọc vườn Delicias, anh chàng đánh xe điển trai của mình cũng thu hút ánh mắt người khác chẳng kém gì kiểu mũ mới nhất của bà.

Một năm sau đó Pilar kết hôn với hầu tước San Esteban.

NHÀ THƠ VĨ ĐẠI

Tôi không mấy quan tâm đến những người nổi tiếng và cũng chẳng có hứng thú gì đặc biệt lắm với việc được gặp họ. Khi người ta tạo cơ hội cho tôi gặp một người nào đó, được đặt cao hơn người khác nhờ tài năng hay địa vị, thì tôi thường khéo léo từ chối cái vinh dự ấy. Và tôi cũng đã hành động như vậy khi anh bạn Diego Torre của tôi định viết thư giới thiệu tôi với Santa Ana. Tuy nhiên, lần này tôi từ chối là có một lý do rất chân thành: tôi biết Santa Ana không chỉ là một nhà thơ vĩ đại mà còn là một nhân vật nổi tiếng lãng mạn; thực ra tôi cũng tò mò muốn biết xem con người với những cuộc tình đã đi vào truyền thuyết, ít nhất là ở Tây Ban Nha ấy bây giờ sống ra sao thế nhưng vì ông ấy đã rất già và ốm yếu nên tôi e rằng việc tiếp đón một người không quen biết, hơn nữa lại là người nước ngoài sẽ chỉ làm ông ấy mệt mà thôi.

Calisto de Santa Ana là người cuối cùng của trường phái lãng mạn, tuy đang sống giữa một thế giới thù địch với chủ nghĩa Byron thì ông vẫn luôn sống với phong cách Byron và kể lại cuộc đời khó khăn của mình trong những bài thơ đã từng làm cho ông trở thành người độc nhất vô nhị trong giới văn sĩ thời đó. Tôi không phải là người có thể nhận xét đúng đắn về giá trị các bài thơ ấy vì tôi mới chỉ hai mươi ba tuổi khi tôi đọc chúng lần đầu tiên với đầy hứng thú. Sự cuồng nhiệt, chủ nghĩa anh hùng kiêu hãnh, sự mãnh liệt và sự đa dạng của chúng đã làm tôi say mê. Ngay cả đến ngày hôm nay, những câu thơ có âm sắc, những giai điệu không thể quên được ấy vẫn còn hoà quyện với những kỷ niệm ngọt ngào thời trai trẻ của tôi đến nỗi nếu đọc lại những bài thơ ấy bây giờ trái tim tôi sẽ vẫn cứ rung động như ngày xưa. Vậy nên tôi thường nghĩ rằng Calisto de Santa

Ana hoàn toàn xứng đáng với tiếng tăm của ông tại tất cả những nước nói tiếng Tây Ban Nha. Thời đó, tất cả giới trẻ đều đọc thơ ông và các bạn tôi thì luôn miệng nói về ông với lối sống tự do, những bài diễn văn mãnh liệt, những lời nói hóm hỉnh sâu sắc, những câu chuyện tình. Đó là một người có tư tưởng nổi loạn, đến mức nhiều khi vượt quá giới hạn cho phép, một người táo bạo, liều lĩnh, và hơn hết đó là một người đa tình. Không ai là không biết đến tình yêu cuồng nhiệt của ông đối với một diễn viên này hay một ca sĩ nọ – chúng tôi đã thuộc lòng vì đọc đi đọc lại nhiều lần những lời thơ cháy bỏng về tình yêu, về sự dằn vặt hay giận dữ của ông – và chúng tôi cũng đã được biết rằng một công chúa Tây Ban Nha – nàng công chúa kiều căng nhất trong những công chúa dòng Bourbons đã mềm lòng trước ông rồi phải bỏ vào tu viện khi bị ông ruồng bỏ. Trước đây, khi vua Tây Ban Nha bỏ một người tình thì người ấy phải đi tu vì một người đã từng là thiếp của vua thì không thể yêu người khác được. Vậy thì Calisto de Santa Ana chẳng phải là một vị vua lớn thời nay sao? Chúng tôi đã rất khâm phục hành động lãng mạn ấy, người đàn bà ấy và nhà thơ của chúng tôi.

Tất cả những chuyện đó thuộc về một quá khứ đã xa và từ một phần tư thế kỷ nay Don Calisto, sống ẩn tại quê nhà, thành phố Ecija và chẳng thèm màng tới thế giới bên ngoài vì nó chẳng còn có gì cho ông nữa. Tình cờ khi ở Sevilla tôi có nói là sẽ đến Ecija chơi, không phải vì Don Calisto mà vì những kỷ niệm của tôi ở thị trấn nhỏ vùng Andalucia ấy và lúc đó ông bạn Diego Torre của tôi đã tỏ ý sẵn sàng viết thư giới thiệu tôi đến gặp Don Calisto.

Thỉnh thoảng ông ấy vẫn tiếp những cây viết trẻ và trong khi nói chuyện với họ ông tìm lại được sự cuồng nhiệt đã từng làm say mê những cử tọa của ông trong thời kỳ vàng son.

- Bây giờ ông ấy thế nào? - Tôi hỏi
- Rất tuyệt.

— Ông có ảnh của ông ấy không?

— Rất tiếc là không. Từ sau khi tròn 35 tuổi ông ấy không bao giờ cho phép ai chụp ảnh ông ấy cả. Ông ấy nói rằng muốn thế hệ sau biết về ông chỉ qua những hình ảnh thời trai trẻ.

Phải thừa nhận rằng tôi đã thấy sự kiêu kỳ này thật là cảm động. Tôi biết rằng thời trẻ ông rất đẹp và bài thơ mà ông đã viết khi nhận thấy rằng tuổi trẻ của mình đã vĩnh viễn trôi qua cho thấy ông đã phải đau đớn đến mức nào khi thấy sức chinh phục của mình đang dần tàn héo đi.

Nhưng tôi đã từ chối thịnh tình của ông bạn, tôi chỉ cần đọc lại những bài thơ yêu thích và đi dạo trên những đường phố yên tĩnh và đầy nắng của Ecija. Bởi vậy tôi đã rất bất bình khi nhận được một tờ thiệp của con người vĩ đại ấy: Diego Torre đã viết cho ông ấy báo rằng tôi đến Ecija và ông ấy viết sẽ rất vui lòng tiếp tôi sáng hôm sau vào lúc mười một giờ. Trong hoàn cảnh ấy tôi chẳng có lựa chọn nào khác ngoài việc đến nhà Don Calisto vào giờ đã định.

Khách sạn tôi ở trông ra quảng trường La Plaza - rất náo nhiệt vào buổi sáng mùa xuân này, nhưng sau khi rời khỏi đó rồi thì tôi lại có cảm giác như đang đi qua một thành phố bỏ không. Không một bóng người trên những con phố khúc khuỷu trắng toát, hay nói đúng hơn tôi chỉ nhìn thấy một người phụ nữ, mặc đồ đen, đang chậm rãi trở về nhà sau buổi lễ. Ở Ecija có rất nhiều nhà thờ, cứ bước vài bước là người ta lại có thể nhìn thấy một nhà thờ nhỏ cũ hay một đỉnh tháp chuông đầy tổ cò ở trong. Thế nhưng ngày xưa Ecija đã từng là một thành phố quan trọng. Rất nhiều nhà ở đây có cổng lớn với cột đá. Thời ấy những người giàu có lên nhờ buôn bán với Châu Mỹ – Thế Giới Mới – tìm về nơi yên tĩnh này để nghỉ ngơi trong những năm tháng cuối đời. Don Calisto ở một trong số những ngôi nhà ấy. Ngay từ lúc đứng ngoài cổng đợi người ra mở tôi đã thấy nó rất đẹp. Vẻ hoành tráng và cổ kính của cánh cổng lớn rất phù hợp

với những gì tôi tưởng tượng về nhà thơ dữ dội này. Tôi nghe tiếng chuông vọng khắp trong nhà mà chẳng có ai ra mở cửa, tôi phải nhấn chuông lại lần nữa, rồi lại một lần nữa và cuối cùng thì cũng có một bà già có ria mép ra hỏi:

— Ông đến có việc gì?

Bà ta có đôi mắt đen rất đẹp nhưng u ám, có lẽ là người quản gia. Tôi đưa cho bà danh thiếp của mình. Bà mở cổng sắt mời tôi vào, nói tôi đợi rồi đi lên tầng trên. Đang đi ngoài phố vào, sự mát mẻ của sân trong rất dễ chịu. Sân rất rộng và khung cảnh xung quanh hoành tráng, chắc hẳn người đã cho xây dựng nó là một trong những người đã đi chinh phục Châu Mỹ, nhưng tường thì đã khá bẩn, lát nền đã bị hỏng nhiều chỗ, đôi chỗ trên trần lớp trát đã bị bục. Nhìn chung có vẻ là nghèo túng hơn là thiếu sự chăm sóc. Tôi biết rằng Don Calisto không giàu có. Có một thời ông kiếm tiền không khó khăn gì nhưng ông không coi trọng đồng tiền lắm và luôn chi tiêu không tính toán. Chắc rằng giờ đây ông sống trong thiếu thốn nhưng có lẽ cũng chẳng để ý đến điều đó. Giữa sân có hai ghế bành lưng ngả bên cạnh một chiếc bàn, trên đó có một vài tờ báo cũ từ 15 ngày trước. Tôi tò mò tự hỏi Don Calisto mơ tưởng tới điều gì khi ông ngồi đây hút thuốc trong những đêm hè nóng bỏng. Giữa các cột trên tường, có một vài bức tranh Tây Ban Nha tối màu và xa xa là một vài tấm khắc gỗ đã cũ và bụi bặm được treo lên làm trang trí. Bên cạnh một cánh cửa có treo một đôi súng ngắn, tôi lấy làm thích thú khi nghĩ là chúng đã được sử dụng trong cuộc đấu súng nổi tiếng nhất trong các cuộc đấu súng của Don Calisto: ông đã đấu súng và chiến thắng công tước Dos Hermanos vì tình yêu đối với cô diễn viên múa Pepa Montanez có lẽ giờ đây đã trở thành một bà già móm mém mặt bự phấn.

Trong khung cảnh ấy, cộng với những kỷ niệm đang ùa về trong tôi hợp với nhà thơ lãng mạn này đến nỗi cái hồn của khung cảnh đã chinh phục tôi. Sự túng bấn thanh cao này cũng

tôn vinh ông chẳng kém gì vinh quang thời trai trẻ của ông. Thời ấy ông cũng tràn đầy ý chí chinh phục và hoàn toàn là hợp lẽ khi ông sống những năm cuối của cuộc đời vinh quang tại ngôi nhà cổ đẹp tuyệt vời này. Một nhà thơ phải sống và chết như thế mới phải. Thay vào cảm giác miễn cưỡng ban đầu trước cuộc gặp mặt này, giờ đây tôi lại cảm thấy một chút hồi hộp. Tôi châm một điếu thuốc và tự hỏi sao lâu thế rồi mà Don Calisto vẫn chưa xuất hiện mặc dù tôi đã đến đúng giờ hẹn. Sự yên lặng làm cho tôi cảm thấy bối rối đến kỳ lạ. Những bóng ma quá khứ như đang chen chúc về trong không gian tĩnh lặng này và dựng lên trước mắt tôi cảnh sống của người xưa. Những người thời đó có một trái tim cuồng nhiệt và không theo khuôn phép nào cả. Phong cách đó đã cùng họ biến mất khỏi thế giới mà chúng ta đang sống. Thời nay chúng ta không thể có được những chiến tích cũng như sự khoa trương của họ.

Một tiếng động bất thành linh làm tim tôi rộn lên. Giờ đây tôi cảm thấy xúc động mãnh mẽ và khi nhìn thấy chủ nhân chậm rãi đi xuống từng bậc thang, tôi nín thở hồi hộp. Ông cầm tấm danh thiếp của tôi trên tay. Đó là một ông già cao lớn, gầy gò có nước da màu ngà, vớ mái tóc trắng dày, hai hàng lông mày rậm màu nâu làm rục lên ánh nhìn của đôi mắt to dữ dội. Ở tuổi ông, ánh mắt còn sáng như vậy thật là hiếm. Ông có cái mũi khoằm, khuôn mặt cương quyết, cái nhìn nghiêm nghị hướng thẳng vào tôi lạnh lùng khi ông bước đến làm tôi lúng túng. Ông mặc một bộ đồ đen, một tay cầm một chiếc mũ rộng vành. Dáng vẻ ông rất đàng hoàng và đầy tự tin. Những điều đó hoàn toàn thỏa mãn sự mong đợi của tôi, ngay từ dáng vẻ bề ngoài ấy đã toát lên sức mạnh trí tuệ và khả năng thuyết phục của một nhà thơ vĩ đại.

Xuống đến sân, ông chậm rãi tiến lại gần tôi. Đôi mắt của ông quả là đôi mắt của một bậc kỳ tài. Tôi đang sống trong một khoảnh khắc kỳ diệu : trước mắt tôi là người thừa kế cuối cùng

của những nhà thơ lớn Tây Ban Nha, của Herrera kiêu kỳ, của Luis de Leon buồn đến nao lòng, của Saint Jean de la Croix huyền thoại và của Gongora bí ẩn và kiêu cách. Ông ấy là người cuối cùng của thế hệ ấy và là người thừa kế xứng đáng. Chính tôi cũng không hiểu được tại sao nhưng trong tim tôi rộn lên bài ca tình yêu nổi tiếng nhất trong những bài thơ tình của Don Calisto.

Tôi cảm thấy rất lúng túng, nhưng cũng may là tôi đã chuẩn bị sẵn câu chào :

— Thưa Ngài, thật là một ân huệ đối với một người ngoại quốc như tôi được tiếp kiến một nhà thơ vĩ đại như ngài.

Một tia tinh quái lóe lên trong đôi mắt sắc sảo và một nụ cười mỉm làm gương mặt của ông bớt đi vẻ nghiêm nghị:

— Thưa ngài, tôi không phải là nhà thơ, tôi làm nghề bán da lợn. Ông đã nhầm rồi, nhà Don Calisto ở bên cạnh.

Tôi đã nhầm nhà!

LỜI THỀ

Vợ tôi hoàn toàn không có một chút khái niệm nào về sự chính xác. Một ngày nọ tôi hẹn nàng cùng đi ăn trưa ở nhà hàng Claridge và tôi cũng chẳng lấy làm ngạc nhiên khi tôi đến đã muộn 10 phút mà vẫn chẳng thấy nàng đâu. Tôi gọi một ly cocktail. Đang là giữa mùa hè nên chỉ còn một hay hai bàn trống trong đại sảnh của khách sạn. Một vài người khách có mặt ở đó đến ăn trưa từ sớm, số khác cũng giống như tôi đành kiên nhẫn bằng cách nhắm nháp ly cocktail.

Những chiếc váy mùa hè của các bà các cô tạo cảm giác vui vẻ và làm tăng thêm vẻ duyên dáng của họ, còn những người đàn ông hình như đều có tâm trạng vui vẻ; nhưng tôi chẳng thấy ai có vẻ hay hay để có thể nói chuyện cho qua cái thời gian chờ đợi mà tôi đã nhìn thấy trước cả. Dáng vẻ thanh mảnh duyên dáng của họ, vẻ lịch sự của những bộ quần áo họ mặc, vẻ thư thái trong cử chỉ của họ cũng không cản trở việc hầu hết bọn họ trông giống hệt nhau và tôi đưa mắt nhìn họ độ lượng và không chút tò mò. Nhưng đã hai giờ chiều và tôi thấy đói. Vợ tôi nói với tôi rằng cô ta không thể đeo đồng hồ cũng chẳng đeo vòng ngọc lam vì đồng hồ thì không chạy còn ngọc lam lại làm xanh da; nàng biểu lộ sự trái ngược. Tôi không có ý kiến gì về vòng ngọc lam nhưng tôi nghĩ là đồng hồ sẽ chạy tốt hơn nếu nàng chịu lên dây cho nó. Tôi cứ nghĩ về chuyện đó cho đến khi một nhân viên phục vụ khách sạn tiến đến chỗ tôi và với một giọng điệu đầy bí mật nhưng tự tin như thể điều anh ta sắp nói ra chứa đựng tin dữ, anh ta cho tôi biết rằng có một phụ nữ gọi điện đến nhờ báo cho tôi biết là cô ta không thể đến ăn trưa cùng với tôi được.

Tôi hơi lưỡng lự vì ăn một mình trong khách sạn thì chẳng thích thú gì nhưng bây giờ cũng đã quá muộn để đi ăn ở chỗ khác và cuối cùng tôi đành quyết định ở lại ăn ở nhà hàng Claridge của khách sạn. Tôi bước uể oải vào phòng ăn. Khác với hầu hết những người đàn ông trên thế giới này việc được quen biết đích danh với ông chủ khách sạn không làm tôi thích thú gì, nhưng trong lúc này tôi thấy rất muốn được đón tiếp một cách nhiệt tình. Người chủ khách sạn có khuôn mặt gườm gườm thông báo với tôi là không còn bàn nào trống cả. Tôi đưa mắt nhìn quanh phòng ăn lớn và bỗng nhiên thấy thích thú khi nhìn thấy một người quen. Đó là quý bà Elizabeth Vermont, một người bạn lâu năm. Bà ta nhìn tôi cười và khi thấy bà đang ngồi một mình, tôi tiến đến chỗ bà:

— Bà có thể vui lòng cho kẻ đang đói lả này được ngồi cùng bàn với bà không? - tôi hỏi bà.

— Ông cứ ngồi xuống đi. Tôi cũng sắp xong rồi.

Bà ta chọn một chiếc bàn nhỏ gần một cây cột lớn và khi ngồi xuống tôi có cảm giác như thể chúng tôi cách biệt với tất cả những khách hàng khác trong phòng.

— Thật may là tôi lại gặp bà, tôi cảm thấy đói lả rồi, - tôi nói.

Bà nở một nụ cười rất duyên dáng; nó làm rạng rỡ khuôn mặt của bà trong thoáng chốc nhưng vẻ duyên dáng của bà dường như xuất hiện từ từ. Nó phảng phất một thoáng trên môi của bà trước khi lên đến đôi mắt và dừng ở đó. Tôi chắc chắn rằng không ai có thể nói là Elizabeth Vermont được rập theo một khuôn mẫu chung. Tôi không được biết bà khi còn trẻ nhưng tôi đã nghe nhiều người nói rằng hồi trẻ bà rất đẹp và tôi cũng tin chắc vào điều đó. Vì hiện nay khi bà đã năm mươi tuổi thân hình của bà vẫn rất tuyệt. Bên cạnh vẻ đẹp đã phai pha của bà thì ngay cả sắc đẹp của những cô gái xuân thì cũng trở nên vô vị. Tôi không thích những khuôn mặt được trang điểm giống hệt nhau; và tôi tin rằng những người phụ nữ thật đại dật khi

cứ bôi trát để giữ lấy diện mạo và che đậy đi tính cách của bản thân. Nhưng cách trang điểm của Elizabeth Vermont không phải để bắt chước tự nhiên mà là làm cho nó đẹp hơn lên. Thay vì tranh cãi cái cách bà trang điểm, người ta tán thưởng kết quả nó mang lại. Sự táo bạo trong cách bà trang điểm không làm mờ đi cá tính của khuôn mặt bà mà còn tôn giá trị của nó lên. Tôi cho là bà ta đã nhuộm tóc vì nó có màu đen rất đẹp óng mượt và sáng. Bà ngồi hơi ưỡn người như thế không bao giờ có tư thế ưỡn oải và bà có một dáng vẻ cao lớn. Bà mặc một bộ váy màu đen rất đẹp vì sự đơn giản về kiểu dáng và đeo một chuỗi ngọc trai. Một vật trang sức nữa mà bà đeo là chiếc nhẫn nạm ngọc lục bảo và ánh màu sẫm của nó càng làm nổi đôi bàn tay trắng trẻo. Dáng vẻ của đôi tay với các ngón được sơn màu lại là chỗ thể hiện tuổi của bà rõ nhất: chúng đã mất đi những đường cong mềm mại của bàn tay người con gái. Khi nhìn chúng người ta không thể ngăn được sự bối rối: các ngón tay của bà trông sắp giống với móng của con chim kền kền.

Elizabeth Vermont là một người phụ nữ đáng chú ý. Xuất thân từ một gia đình dòng dõi vì bà là con gái của vị công tước thứ bảy Saint-Erth, bà kết hôn với một người đàn ông rất giàu có khi mới mười tám tuổi và bước vào một cuộc sống xa hoa, truy lạc và đàng điếm. Bà đã quá kiêu căng để có thể nghĩ đến chuyện đề phòng bất trắc và quá liều lĩnh cũng chẳng để ý đến hậu quả của những hành động của mình. Kết quả là chưa đầy hai năm sau ông chồng đã ly dị bằng cách gây ra một vụ tai tiếng lớn. Bà ta kết hôn ngay sau đó với một trong ba người đã được nêu ra tại phiên tòa như là tình nhân của bà. Nhưng cũng chỉ kéo dài được mười tám tháng. Sự thay đổi liên tục người tình làm cho "phẩm hạnh" của bà trở nên nổi tiếng. Sắc đẹp lạ thường với những thói quen thiếu đạo đức của bà làm cho bà luôn luôn được người ta nhắc đến và thỉnh thoảng bà lại làm gì đó gây xôn xao giới thượng lưu. Với những người đứng đắn thì

bà đáng bị khinh thường. Trong mắt họ, đó là một phụ nữ vui vẻ, tiêu hoang, phóng đãng. Dù trong tình yêu bà luôn thay đổi nhưng bà lại là người rất trung thực trong tình bạn và dù có làm gì đi chăng nữa thì bà vẫn luôn có một nhóm người trung thành luôn chỉ thấy bà là một người tử tế. Bà luôn vui vẻ, thẳng thắn không đạo đức giả, dũng cảm và rộng lượng. Tôi đã làm quen với bà trong thời kỳ mà những người phụ nữ giới thượng lưu đang chuyển từ một tôn giáo sang một nghệ thuật và văn học. Khi bị những người cùng tầng lớp ruồng bỏ họ có thể hạ cố giao du với giới văn nghệ sỹ. Tiếp xúc với bà tôi thấy rất thú vị. Bà thuộc số những người may mắn chẳng phải ngại ngần khi nói ra những gì mình nghĩ (như vậy sẽ đỡ mất thời gian quý giá) và có tài đối đáp. Bà nói một cách rất dễ dàng và hài hước về quá khứ tai tiếng của bà. Cách nói chuyện của bà không có nhiều hiểu biết lắm nhưng lại hay vì dấu sao thì bà cũng là một phụ nữ trung thực.

Sau đó bà đã làm một chuyện rất bất ngờ: bà đã cưới, vào độ tuổi bốn mươi, một chàng trai vừa mới qua tuổi vị thành niên. Bạn bè của bà nói rằng cả đời chưa bao giờ bà làm một điều gì ngông cuồng đến mức ấy và một vài người, cho đến thời điểm ấy vẫn chấp nhận được bà đã quyết định cắt đứt quan hệ với bà vì họ thấy thật đáng xấu hổ việc bà lợi dụng sự ngây thơ của cậu trai trẻ. Việc đó thực sự đã vượt quá mọi giới hạn. Và họ cho rằng sự việc sẽ lại kết thúc không đẹp đẽ gì, vì chưa bao giờ Elizabeth Vermont chung thủy với một người đàn ông nào quá sáu tháng. Họ còn hy vọng rằng bà lại tái phạm và kết thúc duy nhất có thể của câu chuyện là cậu trai trẻ thấy lối sống của vợ mình quá tai tiếng nên buộc phải bỏ bà. Tất cả bọn họ đã nhầm! Tôi không biết có phải là bà đã đổi tính theo thời gian hay là tình yêu và sự trong trắng của Peter Vermont đã cảm hóa bà nhưng đối với anh ta bà tỏ ra là một người vợ mẫu mực. Họ không giàu có và thế là bà đã trở nên rất quán xuyến và tiết

kiệm, bà cũng chú ý đến danh tiếng của mình đến nỗi ngay cả những người cay độc nhất cũng không tìm thấy có gì để nói. Dường như việc làm cho Peter hạnh phúc là tất cả đối với bà. Chẳng ai có thể nghi ngờ gì tình yêu của bà đối với anh ta. Sau bao nhiêu thời gian là chủ đề của mọi đàm tiếu, nay Elizabeth Vermont chẳng còn làm gì để cho ai có thể nói về mình nữa. Có vẻ như là bà đã tới điểm dừng của mình. Bà không còn là người đàn bà ngày xưa nữa. Như thế là tất cả những năm tháng trong quá khứ tai tiếng kia không còn là của bà nữa mà là của một người đã chết từ lâu rồi. Quả thực là phụ nữ có khả năng quên rất dễ dàng khiến người khác phải ghen tị.

Nhưng ai có thể đoán trước được những gì mà số mệnh dành cho mình? Chỉ trong một nháy mắt, mọi việc thay đổi hoàn toàn. Sau mười năm sống vợ chồng lý tưởng, Peter Vermont phải lòng và yêu điên cuồng một cô gái trẻ mang tên Barbara Canton. Cô gái trẻ dễ mến ấy là con gái út của ngài Robert Canton, đã từng là thư ký nhà nước bộ ngoại giao. Cái đẹp nhí nhảnh của cô gái tóc vàng ấy dĩ nhiên là chẳng có gì để so sánh với cái đẹp của bà Elizabeth. Nhiều người đã biết chuyện nhưng không ai biết bà Elizabeth đã biết hay chưa và ai cũng tự hỏi không biết bà sẽ xử trí thế nào trong tình huống này - điều chưa từng xảy ra trong đời bà. Bình thường thì bà mới là người bỏ rơi người tình, bà chưa bao giờ bị ai bỏ cả. Phần tôi thì tôi nghĩ bà ta sẽ chiến thắng cô bé con Canton một cách dễ dàng, tôi rất biết tính táo bạo và khéo léo của bà. Và ngay lúc này, trong khi nói chuyện gẫu với bà tôi cũng nghĩ đến điều đó. Trông phong cách vui vẻ, duyên dáng và thẳng thắn như thường lệ của bà, chẳng có vẻ gì là đang có chuyện lo lắng cả. Bà vẫn nói chuyện như mọi khi, nói về bất kỳ chủ đề nào, thông dong, khôn khéo và khôi hài tinh tế. Tôi thấy rất thú vị khi nghe bà nói chuyện. Bởi vậy nên tôi kết luận rằng, bằng một phép lạ nào đó, bà hoàn toàn không biết gì vì sự thay lòng đổi dạ của Peter hoặc do bà đã quá

yêu và không nhận ra rằng tình cảm anh ta dành cho bà đã có phần thay đổi.

Khi chúng tôi đã gọi đến tách cà phê thứ hai và hút hai hay ba điếu thuốc, bà hỏi tôi xem mấy giờ rồi:

- Ba giờ mười lăm.
- Tôi phải đi rồi.
- Bà cho phép tôi mời bà bữa cơm này chứ?
- Được thôi.
- Bà có vội không?
- Tôi có hẹn với Peter lúc ba giờ.
- Vậy à. Anh ta vẫn khoẻ chứ?
- Vẫn bình thường.

Bà mỉm cười, nụ cười rất tươi nhưng tôi có cảm giác nhận thấy một chút mỉa mai trong đó. Sau một khoảnh khắc ngần ngại bà nhìn tôi và thông thả nói:

— Ông thường thích những chuyện lạ lùng, đúng không? Ông sẽ không thể nào đoán được điều tôi định làm bây giờ đâu. Sáng nay tôi đã gọi điện hẹn Peter ba giờ chiều nay để yêu cầu ly dị với anh ấy.

— Bà sẽ không làm thế thật chứ? Tôi buột miệng kêu lên và tôi cảm thấy mặt mình đỏ dừ, chẳng biết nói gì nữa. - Tôi cứ tưởng hai người hợp nhau lắm cơ mà?

— Thực sự ông nghĩ rằng tôi không biết điều mà tất cả mọi người đều đã biết hay sao? Tôi không ngốc đến mức ấy đâu.

Chẳng ai có thể dối được bà và tôi hiểu bà định ám chỉ điều gì. Sau một lát im lặng tôi hỏi:

— Tại sao bà lại quyết định ly hôn?

— Robert Canton là một lão già lắm điều. Tôi không nghĩ lão ta sẽ cho Barbara lấy Peter nếu như ly hôn có lợi cho tôi. Còn tôi thì ông biết đấy, một lần ly dị nữa, chẳng có gì quan trọng cả.

Bà nhún vai.

— Tại sao bà lại nghĩ rằng anh ta muốn cưới cô ấy?

— Anh ta yêu cô ả say đắm lắm.

— Anh ta đã nói với bà như vậy sao?

— Không. Thậm chí anh ấy không ngờ rằng tôi đã biết chuyện. Anh ấy thật tội nghiệp. Anh ấy làm tất cả để tránh cho tôi không bị đau khổ.

— Biết đâu đó chỉ là một mối tính bong bóng không có tương lai thôi.

— Tôi không nghĩ thế đâu. Barbara trẻ, đẹp, rất đáng yêu. Họ rất đẹp đôi. Và lại tôi có lợi gì đây nếu như quan hệ của họ không dài lâu? Họ yêu nhau và trong tình yêu thì chỉ có hiện tại là quan trọng thôi. Tôi hơn Peter mười chín tuổi. Một người đàn ông đã thoát khỏi một người đàn bà đáng tuổi mẹ mình, chẳng lẽ ông lại nghĩ rằng anh ta có thể quay lại ư? Ông là nhà văn, một người thông tường bản chất con người, chẳng lẽ ông lại ngây thơ đến thế sao?

— Tại sao bà lại phải hy sinh như thế?

— Khi anh ấy cầu hôn tôi cách đây mười năm, tôi đã thề sẽ trả lại tự do cho anh ấy khi anh ấy muốn. Ông thấy đấy, chênh lệch tuổi tác giữa chúng tôi quá lớn. Tôi thấy điều đó là cần thiết.

— Và bà đã giữ lời hứa trong khi chính anh ta không yêu cầu ư?

Một cái rùng mình thoáng qua trên cánh tay dài và gầy của bà và tôi thoáng như nhận thấy một điểm hung phản chiếu từ chiếc vòng ngọc bích màu sẫm bà đeo trên tay.

—Ồ, đó là điều phải làm, ông biết đấy. Tôi phải cư xử như một người đàn ông tử tế sẽ làm ở địa vị tương tự chứ. Thực ra, chính vì thế mà tôi có mặt ở đây hôm nay. Chính tại bàn này cậu ta đã ngỏ lời cầu hôn với tôi. Chúng tôi đã ăn tối cùng nhau và tôi cũng ngồi ở đúng chỗ tôi đang ngồi đây. Điều phiền phức là đến giờ tôi vẫn còn yêu cậu ta như trước đây - bà ngừng lời một vài giây và tôi thấy bà bặm môi lại - Thế đấy. Thôi, tôi phải đi rồi. Peter không thích phải đợi.

Tôi nhận thấy một cái nhìn tuyệt vọng thoáng qua đôi mắt bà và tôi hiểu rằng bà không thể quyết định rời khỏi ghế. Thế nhưng bà mỉm cười rồi đứng dậy.

— Bà có muốn tôi tiễn bà không?

— Không xa quá cổng khách sạn đâu nhé. Bà mỉm cười.

Chúng tôi đi ngang qua phòng ăn, rồi đến sảnh và ra cửa, một người phục vụ mở cửa giúp chúng tôi, tôi hỏi bà có cần taxi không.

— Không, tôi thích đi bộ hơn, trời đẹp thế này cơ mà - bà đưa tay cho tôi - Tôi rất vui đã được gặp ông. Ngày mai tôi sẽ ra nước ngoài nhưng tôi dự định sẽ ở London suốt mùa thu và tôi hy vọng là ông sẽ gọi cho tôi đấy.

Bà mỉm cười khẽ gật đầu với tôi rồi đi. Tôi nhìn theo bà suốt dọc đường Davies Street. Vẫn còn không khí nhẹ nhàng của tiết mùa xuân và, phía trên những mái nhà, những đám mây trắng trôi lững lờ trên nền trời xanh. Bà đi rất thẳng, đầu ngẩng cao. Cái dáng thanh mảnh và sắc đẹp của bà làm những người đi ngược chiều phải ngoái nhìn.

Tôi thấy bà nghiêng mình một cách duyên dáng chào một người đàn ông quen biết đã ngả mũ chào bà và tôi nghĩ rằng ông ta không bao giờ đoán được rằng lúc đó trái tim bà đang tan nát.

Tôi nói lại một lần nữa, đó là một phụ nữ rất trung thực.

BỮA ĂN TRƯA HÔM ẤY

Tôi nhắc thấy chị ta tại một buổi xem kịch, và để đáp lại cái vẫy tay ra hiệu của chị ta, tôi đã lại chỗ chị vào giờ giải lao và ngồi xuống bên cạnh. Từ lần cuối cùng tôi gặp chị ta đến nay kể cũng đã lâu: giá như không có người nào đó nhắc đến tên chị ta thì tôi nghĩ khó có thể nhận được ra chị ta. Chị ta nói chuyện với tôi giọng xởi lởi:

— Chà, kể từ thuở ban đầu chúng ta gặp nhau đã bao năm rồi đấy nhỉ. Thời gian trôi nhanh biết chừng nào. Chúng ta chẳng ai trẻ ra được tí nào cả. Anh còn nhớ lần đầu tiên tôi gặp anh không? Anh mời tôi ăn trưa ấy mà!

Hỏi tôi có còn nhớ không à?

Câu chuyện xảy ra cách đây hai mươi năm, hồi đó tôi còn sống ở Pa-ri. Tôi có một căn phòng nhỏ ở khu La-tinh nhìn xuống một nghĩa trang và tôi kiếm chỉ đủ để sống cho qua ngày đoạn tháng. Cô ta đã đọc một cuốn sách của tôi, và đã viết thư cho tôi về cuốn đó. Tôi đã viết thư trả lời, cảm ơn cô, rồi liền sau đó tôi lại nhận được một bức thư khác của cô, nói rằng cô sắp ghé Pa-ri và muốn nói chuyện với tôi, nhưng thì giờ của cô có hạn, lúc rồi rãi duy nhất mà cô có thể có được là vào ngày thứ năm; cô sẽ dạo chơi buổi sáng ở công viên Luých-xăm-bua, và sau đó liệu tôi có thể mời cô ăn bữa trưa bình thường ở tiệm Foy-ot được không? Foy-ot là tiệm ăn các thượng nghị sỹ Pháp thường lui tới, và nó vượt quá khả năng của tôi, đến nỗi trước đó tôi chưa hề nghĩ đến chuyện bén mảng tới đấy bao giờ. Nhưng tôi bị tăng bốc, vả lại hồi đó tôi còn trẻ quá, chưa biết cách từ chối một người phụ nữ như thế nào. (Tôi xin nói thêm là ít người đàn ông biết được điều đó cho đến khi họ đã quá già,

nói bất cứ điều gì cũng không còn tác dụng nữa!). Tôi còn tám mươi quan (tiền vàng) đủ sống nốt đến cuối tháng, nên một bữa trưa xoàng xĩnh không quá mười lăm quan, nếu tôi cắt khoản cà phê trong hai tuần sau đó, thì tôi cũng xoay xở tạm đủ.

Tôi trả lời là tôi sẽ gặp cô bạn của tôi - tất nhiên là bằng thư - tại tiệm ăn Foy-ot vào ngày thứ năm hồi 12 giờ 30. Nàng không còn trẻ như tôi vẫn tưởng, và về hình thức mà nói, nàng có vẻ bệ vệ chứ không quyến rũ. Thực ra nàng là một phụ nữ đã tứ tuần (cái tuổi duyên dáng chứ không làm cho người ta bỗng u mê đến gặp tai nạn ngay lần gặp đầu tiên được), và nàng khiến cho tôi có cảm tưởng rằng nàng có hàm răng trắng, to, đều hơn mức cần thiết để dùng vào bất cứ mục đích thực tiễn nào. Nàng nói nhiều, nhưng vì hình như nàng có ý nói về tôi, nên tôi sẵn sàng là một người nghe rất chăm chú. Tôi bàng hoàng khi thực đơn được mang tới, bởi vì giá các món ăn cao hơn tôi dự tính rất nhiều. Nhưng nàng đã nói cho tôi yên tâm:

— Em không bao giờ ăn bất cứ thứ gì vào bữa trưa cả.

—Ồ, đừng nói thế. – Tôi đáp vẻ hào phóng.

— Em không bao giờ ăn quá một món cả. Em cho rằng ngày nay người ta ăn nhiều quá đấy. Có lẽ, em chỉ ăn một con cá nhỏ thôi. Không biết họ có con cá hồi nào không?

Chà, lúc đó hãy còn sớm chưa đến mùa cá hồi, và lại cũng không thấy có ghi trên thực đơn, nhưng tôi vẫn hỏi người hầu bàn xem có con nào không. Có, một con cá hồi ngon tuyệt vừa mới đem về, và đó là con đầu tiên họ nhận được. Tôi đặt ngay con cá đó cho vị khách của tôi. Người hầu bàn hỏi xem nàng có muốn dùng gì trong khi món cá được chuẩn bị không.

— Không, - nàng đáp – Tôi không bao giờ ăn quá một món. Trừ khi có trứng cá muối. Trứng cá thì tôi ăn được.

Tôi hơi chột dạ. Tôi biết tôi không đủ khả năng đặt món trứng cá, nhưng tôi không tài nào nói với nàng điều đó được. Tôi bảo người hầu bàn bằng mọi cách phải dọn món trứng cá.

Còn tôi, tôi chọn món rẻ tiền nhất ghi trên thực đơn, và đó là món sườn cừu.

— Em thấy anh ăn thịt là đại lắm. – Nàng nói – Em không biết rồi anh sẽ làm việc thế nào được sau khi ăn những món khó tiêu như món thịt cừu ấy. Em không thích ăn để nhét đầy dạ dày tí nào cả.

Rồi đến vấn đề uống.

— Em không uống bất cứ thứ gì vào bữa trưa – Nàng nói.

— Anh cũng thế. – Tôi vội đáp.

— Trừ vang trắng. – Nàng cứ thản nhiên nói tiếp như thể tôi chưa nói gì cả. – Những thứ vang trắng này của Pháp sao mà nhẹ thế, uống dễ tiêu lắm.

— Thế em thích uống gì? – Tôi hỏi, vẫn còn vẻ chiều khách nhưng không còn mặn mà lắm.

Nàng nhoẻn nụ cười tươi tắn và hồ hởi để lộ hàm răng trắng muốt.

— Bác sỹ của em không cho phép em uống thứ gì ngoài sâm-banh.

Tôi nghĩ tôi hơi tái người đi vì câu nói đó. Tôi gọi nửa chai. Tôi vô tình nói rằng bác sỹ của tôi tuyệt đối cấm tôi không được uống sâm-banh.

— Thế anh uống gì?

— Nước lã!

Nàng ăn món trứng cá muối rồi nàng ăn món cá hồi. Nàng vui vẻ nói chuyện về nghệ thuật, rồi văn chương, rồi âm nhạc. Nhưng tôi cứ băn khoăn tự hỏi không biết hóa đơn thanh toán sẽ lên đến bao nhiêu. Khi món thịt cừu của tôi được bung tới, nàng chửi tôi một trận nên thân.

— Em thấy rằng anh đã nhiễm cái thói quen hay dùng món ăn khó tiêu vào bữa trưa. Em tin chắc đó là một sai lầm lớn. Tại sao anh không theo gương em và chỉ ăn một món thôi? Em dám chắc là anh sẽ cảm thấy sảng khoái hơn bao giờ hết vì món đó.

— Anh sẽ chỉ ăn một món thôi. – Tôi nói, khi người hầu bàn mang theo bản thực đơn đi tới.

Nàng gạt hẳn sang một bên bằng một cử chỉ nhẹ nhàng.

— Không, không, em không bao giờ ăn thứ gì vào bữa trưa cả. Em chỉ nhấm nháp một miếng thôi, em không bao giờ ăn hơn, và em ăn là để lấy cớ chuyện trò thôi, chứ không nhằm mục đích nào khác. Có lẽ em không thể ăn gì thêm nữa trừ khi họ có món măng tây to kia. Em sẽ ân hận phải rời Pa-ri mà không được nếm chút măng tây nào.

Tôi đâm chột dạ. Tôi đã trông thấy măng tây ở các cửa hiệu và tôi biết măng tây đắt kinh khủng. Tôi vẫn thường nuốt nước miếng mỗi khi trông thấy chúng.

— Bà đây muốn biết xem anh có măng tây to không? – Tôi bảo người hầu bàn.

Tôi cố hết sức muốn làm cho người hầu bàn trả lời là không có. Nhưng một nụ cười vui vẻ đã nở trên khuôn mặt to bự trông như mặt thầy tu của hẳn. Hẳn bảo đảm với tôi rằng nhà hàng có măng tây to, tuyệt, mềm đến kỳ diệu!

— Em không đói tí nào, - vị khách của tôi thở dài, - Nhưng nếu anh cứ nài mãi thì em cũng không nề hà nếm vài miếng măng tây.

Tôi gọi món măng tây.

— Thế anh không ăn tí măng nào à?

— Không, anh không bao giờ ăn măng tây cả.

— Em biết là có những người không thích măng tây. Thực tế, anh đã làm hại khẩu vị của anh vì cái món thịt cừu anh ăn đấy.

Chúng tôi đợi cho món măng tây được dọn ra. Tôi đâm hoảng. Bây giờ không còn là vấn đề tôi còn được bao nhiêu tiền để sống đến cuối tháng nữa, mà là không biết tôi có đủ tiền để thanh toán nữa không. Thật là xấu hổ nếu tôi bị thiếu mười quan và buộc phải hỏi vay vị khách của tôi. Tôi không thể hạ mình xuống tới mức làm điều đó được. Tôi biết rõ tôi có bao

nhiều, và nếu hóa đơn thanh toán vượt quá số tiền đó thì tôi quyết định sẽ cho tay vào túi rồi giật mình kêu lên một tiếng bi thảm và nói là tiền đã bị móc mất rồi. Tất nhiên, nếu nàng cũng không có tiền để trả thì thật là khó xử. Lúc đó chỉ còn một cách là để lại chiếc đồng hồ rồi nói tôi sẽ quay lại trả sau.

Món măng tây xuất hiện. Những cây măng to, mọng nước và thơm phức. Mùi bơ nóng chảy ngào ngạt xông lên mũi tôi như mũi đấng Giê-hô-va bị kích thích vì những món thịt thui của dân Xê-mít ngoan đạo đem tế lễ vậy. Tôi nhìn cái mụ đốn mặt đó tọng những miếng to tướng vào mồm, và tôi vẫn lịch sự nói về tình trạng kịch trường ở vùng Ban-căng. Cuối cùng mụ ăn xong.

— Cà phê chứ? – Tôi hỏi.

— Vâng, một cốc kem và cốc cà phê, - mụ đáp.

Giờ đây tôi cũng không cần nữa, cho nên tôi gọi cà phê cho tôi, một cốc kem và cốc cà phê cho mụ.

— Anh biết đấy, có một điều em tuyệt đối tin tưởng, - mụ nói trong khi ăn kem, - là người ta nên lúc nào cũng vậy, đứng dậy khỏi bàn ăn mà vẫn còn cảm thấy thèm thèm có thể ăn thêm chút nữa.

— Vẫn còn đói à? – Tôi hỏi giọng yếu ớt.

— Ô, không, em không đói. Anh thấy đấy, em không ăn bữa trưa mà. ban sáng em uống một tách cà phê cho đến bữa trưa, nhưng không bao giờ em ăn quá một món vào bữa trưa cả. Ấy là em nói cho anh đấy chứ.

— À ra thế!

Thế rồi một chuyện khủng khiếp xảy ra. Trong khi chúng tôi chờ cà phê thì tên hầu bàn chính, với nụ cười cầu tài nở trên khuôn mặt giả dối của hắn, bước đến bàn chúng tôi bưng theo một giỏ lớn đầy những quả đào khổng lồ. Những quả đào mơn mớn như má cô thiếu nữ ngây thơ, có nét phong phú của phong cảnh nước Ý. Nhưng chắc chắn lúc đó chưa phải là mùa đào. Có

trời biết đào giá bao nhiêu nữa. Nhưng một lát sau đó tôi biết vì vị khách của tôi trong khi tiếp tục câu chuyện đã thản nhiên nhót lấy một quả.

— Anh thấy không, anh đã tọng đầy dạ dày của anh bằng cái món thịt cừu – (cái miếng thịt cừu nhỏ xíu khốn khổ của tôi ấy) – nên anh không thể ăn thêm được nữa. Còn em, em chỉ nhắm nháp qua loa thôi, cho nên em sẽ ăn thêm quả đào.

Phiếu thanh toán tới; khi trả tiền tôi thấy mình chỉ còn đủ để cho người hầu bàn một món tiền diêm thuốc không được là bao. Mụ chăm chăm nhìn trong giây lát vài ba quan tôi để cho người hầu bàn, và tôi biết mụ tưởng tôi là người bần tiện. Nhưng khi bước ra khỏi tiệm ăn, tôi còn cả một tháng trời phải sống mà tôi không còn lấy một xu trong túi.

— Hãy theo gương em nhé! - Mụ nói khi chúng tôi bắt tay nhau, - Đừng bao giờ ăn quá một món trong bữa trưa anh nhé!

— Tôi sẽ làm hơn thế nữa kia. - Tôi vội nói, - Bữa tối nay tôi sẽ không ăn gì cả.

— Một nhà hài hước! - Mụ vừa vui vẻ thốt lên, vừa nhảy lên một chiếc xe tắc-xi, - Anh quả là một nhà hài hước!

Nhưng cuối cùng tôi đã trả được mối thù. Tôi không tin rằng tôi là một người có đầu óc thù vặt, nhưng khi các vị thần bất tử đã nhúng tay vào sự việc này, thì người ta được phép chứng kiến kết quả một cách thỏa mãn được. Giờ đây mụ cân nặng ngót tạ rưỡi!

CAO CHẠY XA BAY

Từ trước tới nay tôi vẫn tin rằng hễ khi một người phụ nữ đã rắp tâm lấy một người đàn ông thì không gì có thể cứu nổi anh ta ngoài việc bỏ của chạy lấy người ngay lập tức. Thực tế, không phải lúc nào người ta cũng làm được như vậy, bởi vì có một lần, một người bạn của tôi khi thấy mối nguy cơ tất yếu đang lù lù hiện ra đầy đe dọa trước mắt, anh ta liền xuống tàu từ một hải cảng nào đó (tất cả hành lý của anh lúc đó chỉ vắn vắn có một chiếc bàn chải đánh răng mà thôi, điều đó chứng tỏ rằng anh đã ý thức sâu sắc tới mức nào về mối nguy cơ và sự cần thiết phải hành động tức thời không chậm trễ ấy), và anh đã bỏ ra cả một năm trời đi chu du vòng quanh thế giới. Nhưng khi thâm nghĩ rằng mình đã thoát nạn (anh ấy cho rằng phụ nữ hay thay lòng đổi dạ, và sau mười hai tháng trời dằng dẳng, chắc chắn nàng đã quên hết chuyện cũ), anh đã lên bờ ở chính cái hải cảng năm xưa, thì người đầu tiên anh thấy đang vẫy tay hô hoan mừng đoán anh từ trên bến cảng lại chính là người phụ nữ bé bóng mà anh đã bỏ trốn.

Một lần khác tôi được biết có một anh chàng trong tình huống như vậy đã tìm trăm phương nghìn kế để thoát thân. Tên anh là Rô-giơ Cha-rinh. Anh ta không còn trẻ trung gì khi đem lòng yêu Rút Bác-lâu. Hẳn anh đã có đủ kinh nghiệm để khiến mình phải cảnh giác, tuy nhiên Rút Bác-lâu có một cái tài trời ban cho (không biết tôi có nên gọi đó là một biệt tài không?), tài này làm đa số cánh tu mi nam tử hết phương tự vệ, và chính biệt tài này đã làm cho Rô-giơ mất cả lý trí thông thường, tính thận trọng và sự khôn ngoan của con người trần tục của anh. Anh đã ngã gục từ loạt đạn đầu. Biệt tài đó chính là tính đa sầu đa cảm của nàng.

Bà Bác-lâu, - vì chính nàng đã goá hai đời chồng, - có đôi mắt huyền mơ tuyệt vời, cặp mắt nàng lúc nào cũng như đắm lệ, chúng toát lên ý nghĩa rằng cuộc đời này quá sức chịu đựng của nàng, và ta cảm thấy rằng những nỗi khôn khổ, những nỗi đau thương của nàng thật không ai có thể sánh nổi. Như Rô-giơ Cha-rinh, ví thử bạn là một người đàn ông khoẻ mạnh, lực lưỡng, lại lắm bạc nhiều tiền, thì ắt hẳn bạn sẽ phải tự nhủ rằng: ta phải ra tay chặn đứng những nỗi bất công của cuộc đời đối với con người bé bỏng, yếu đuối đáng thương này. Ôi, được làm tiêu tan nỗi u sầu trên khoé mắt tròn xoe đáng yêu kia của nàng thì thật là một điều kỳ diệu biết chừng nào.

Qua Rô-giơ, tôi được biết rằng mọi người đã đối xử với Rút Bác-lâu rất tệ bạc. Nàng quả là một trong số những con người bất hạnh chẳng hề gặp chuyện gì tử tế bao giờ. Nếu nàng lấy chồng, hẳn đánh đập nàng, nếu nàng thuê một tay môi giới thì hẳn lừa dối nàng, nếu nàng mượn một tay nấu bếp thì hẳn lại luôn luôn say mèm. Chưa bao giờ nàng gặp một điều gì may mắn cả.

Khi Rô-giơ bảo cho tôi biết là cuối cùng anh đã thuyết phục được nàng lấy anh, tôi đã chúc anh hạnh phúc.

— Tôi hy vọng anh và cô ta sẽ là những người bạn tốt của nhau, - Rô-giơ nói, - Cô ấy có hơi ngại anh, cô ấy cho rằng anh chai đá lắm.

— Tôi xin thề tôi không hiểu tại sao chị ấy lại nghĩ như vậy.

— Anh cũng thích cô ấy chứ?

— Rất thích.

— Cô ấy đã có một thời sa ngã, thật đáng thương. Tôi cảm thấy sao mà ái ngại cho cô ta thế.

— Thế à, - Tôi nói.

Tôi không thể nói ít hơn được. Tôi biết Rút Bác-lâu là một con người dớ dẩn và tôi cho rằng ả đang mưu toan gì đây. Riêng tôi,

tôi vẫn tin rằng ả răn như đanh.

Lần đầu tiên tôi biết Rút Bác-lâu là khi chúng tôi cùng nhau chơi bài bridge, và khi ả chơi cùng hội với tôi, ả đã đánh lặn hai quân bài cao nhất của tôi. Tôi đã đối xử như một người quân tử, nhưng tôi cũng phải thú thực rằng chính tôi, chứ không phải ả, là người đã phải phát khóc lên. Thế rồi, vào khoảng chiều tối hôm đó, khi ả đã thua một số tiền lớn, ả hứa là sẽ gửi séc để trả tôi nhưng không bao giờ trả cả. Tôi chỉ có thể nghĩ rằng nếu lần sau gặp nhau, thì chính tôi chứ không phải ả, là người sẽ mang cái vẻ mặt lâm ly rầu rĩ.

Rô-giơ đưa Rút Bác-lâu đi giới thiệu với tất cả bạn bè của anh. Anh tặng nàng những đồ trang sức tuyệt đẹp. Anh đưa nàng đi du ngoạn khắp nơi. Họ công bố là lễ cưới của họ sẽ được tổ chức trong một tương lai gần nhất. Rô-giơ rất hạnh phúc. Anh đang làm một việc tốt, đồng thời cũng là việc anh rắp tâm muốn thực hiện. Tuy vậy, nếu Rô-giơ có cảm thấy hơi quá tự mãn một chút (thực ra sự việc không đáng để người ta cảm thấy tự mãn đến mức ấy) thì đó quả là một chuyện hơi lạ và đáng ngạc nhiên.

Thế rồi bỗng nhiên anh ấy lại ngừng ra. Tôi không hiểu lý do tại sao. Khó có thể vì anh ấy chán ngấy cái lối nói chuyện của nàng, vì nàng có hề biết chuyện trò gì đâu. Có lẽ chỉ vì vẻ mặt đa sầu đa cảm của nàng không còn làm rung động trái tim anh nữa. Anh đã tỉnh ngộ, và một lần nữa, anh lại trở lại con người khôn ngoan, từng trải trước kia. Anh thừa biết rằng Bác-lâu đã quyết chí lấy anh mà anh thì đã thề độc rằng không đời nào anh lại cưới Bác-lâu cả. Anh đang ở trong một tình thế tiến thoái lưỡng nan. Giờ vì anh đã tỉnh ngộ cho nên anh đã thấy rõ loại phụ nữ phải đương đầu rồi. Anh biết rõ rằng nếu anh yêu cầu nàng buông anh ra, nàng sẽ (bằng cái cách khêu gợi của mình) bắt anh phải trả một giá đắt cho những tình cảm bị tổn thương của nàng. vả chẳng, đối với một người đàn ông, phụ tình một

người phụ nữ nó khó xử thế nào ấy. Mọi người thế nào cũng nghĩ rằng anh ta là một gã trắng hoa tổi tộ.

Rô-giơ vẫn giữ kín những ý nghĩ của mình không tâm sự với ai cả. Anh không hề để lộ một lời nói hoặc một cử chỉ nào biểu hiện rằng tình cảm của anh đối với Rút Bác-lâu đã thay đổi. Anh vẫn chú ý đến những ước muốn của nàng, anh vẫn đưa nàng đi ăn hiệu, hai người vẫn đi xem hát với nhau, anh vẫn gửi hoa tặng nàng, anh vẫn tỏ ra tình tứ và duyên dáng. Họ đã quyết định là họ sẽ tổ chức lễ cưới ngay sau khi họ tìm được một ngôi nhà phù hợp với họ, bởi vì cả hai hiện vẫn còn đi ở thuê. Và thế là hai người bắt đầu cuộc tìm kiếm nhà cửa theo ý muốn. Các đại lý đã gửi cho Rô-giơ những danh sách nhà cửa để anh xem và anh đã đưa Rút đi xem một số nhà rồi. Thật khó có thể tìm được một ngôi nhà nào làm vừa lòng họ. Rô-giơ đã gửi đơn tới thêm các đại lý khác. Hai người đi xem hết ngôi nhà này đến ngôi nhà khác. Họ xem xét tỉ mỉ, từ cảm hầm dưới tầng trệt cho đến gác xép dưới mái nhà. KHI thì chúng quá rộng, khi thì chúng quá hẹp, khi thì chúng quá xa trung tâm, khi thì chúng lại quá gần, khi thì chúng quá đắt, khi thì lại tốn quá nhiều tiền vào các khoản sửa sang chúng, khi thì chúng quá tối tăm, khi thì chúng quá ẩm đạm, tiêu điều. Rô-giơ bao giờ cũng tìm ra được một sai sót khiến cho ngôi nhà không phù hợp với yêu cầu. Tất nhiên anh cũng là người khó chiều, anh không thể nở lòng bắt Rút thân yêu của anh phải ở trong bất cứ ngôi nhà nào, trừ khi đó là một ngôi nhà hoàn hảo, mà ngôi nhà hoàn hảo phải mất công tìm kiếm mới thấy được. Săn lùng nhà cửa quả là một việc làm rất mệt và rất chán, chẳng mấy chốc Rút đã bắt đầu tỏ ra bực bội. Rô-giơ van xin nàng hãy kiên trì. Chắc chắn ở một nơi nào đó có chính ngôi nhà mà họ đang tìm kiếm, và chỉ cần kiên trì một chút là họ có thể tìm ra được ngay. Họ đã xem hàng trăm ngôi nhà, họ đã leo hàng ngàn bậc thềm, họ đã kiểm

tra không biết bao nhiêu căn bếp mà kể. Rút cảm thấy kiệt sức và đã nhiều lần nằng nổi cáu:

— Nếu anh không tìm được một ngôi nhà ngay – nàng nói, - thì tôi sẽ phải xét lại quyết định của tôi. Vì nếu anh cứ tiếp tục như thế này mãi thì bao nhiêu năm nữa chúng ta cũng chẳng lấy được nhau.

— Đừng nói thế, em, - anh đáp, - Anh van em hãy kiên trì một chút. Anh vừa mới nhận được một sổ danh sách nhà cửa hoàn toàn mới do các đại lý mà anh mới biết gửi cho. Ít ra cũng phải có đến sáu chục ngôi nhà trong các danh sách đó.

Thế là hai người lại lao vào cuộc săn lùng một lần nữa. Họ xem thêm không biết bao nhiêu ngôi nhà, trong hai năm trời họ chỉ toàn đi xem nhà. Rút trở nên ít nói và khinh khỉnh, cặp mắt đẹp, dịu buồn của nàng lại ánh lên một vẻ âu sầu, rầu rĩ. Sức chịu đựng của con người chỉ có hạn. Bà Rút Bác-lâu đã kiên trì hết mức, và cuối cùng bà đã nổi cơn tam bành.

— Anh có còn muốn cưới tôi nữa không đấy? – Rút hỏi Rô-giơ.

Có một vẻ cứng rắn khác thường trong giọng nói của nàng, nhưng nó không hề làm thay đổi vẻ dịu dàng trong lời đáp của anh.

— Tất nhiên là anh vẫn muốn cưới em. Chúng ta nhất định sẽ cưới nhau ngay kkkhi chúng ta tìm được ngôi nhà. Nhân thế anh muốn báo cho em biết là anh vừa mới nhận được tin về một ngôi nhà hoạ may có thể phù hợp với chúng ta đấy.

— Ngay bây giờ tôi không cảm thấy còn đủ sức để xem thêm nhà nữa.

— Em yêu của anh, anh e rằng trông em có vẻ hơi mệt đấy.

Rút Bác-lâu nằm liệt giường. Nàng không muốn nhìn mặt Rô-giơ nữa, và anh đành phải tới nơi nàng ở để thăm hỏi và tặng hoa. Anh vẫn ân cần và lịch sự hơn lúc nào hết. Ngày nào anh cũng viết thư báo cho nàng hay rằng anh đã lại được thêm tin

tức về một ngôi nhà mới nữa để hai người cùng đi xem. Một tuần lễ trôi qua và rồi anh bỗng nhận được bức thư sau đây:

“Anh Rô-giơ,

Tôi cho rằng anh không thực lòng yêu tôi. Tôi đã tìm được một người muốn được quan tâm chăm sóc tôi và hôm nay tôi sẽ lấy anh ta. - Rút"

Rô-giơ gửi thư trả lời qua một phái viên đặc biệt:

“Em Rút,

Tin của em làm cho cõi lòng anh tan nát. Anh sẽ chẳng bao giờ hàn gắn nổi vết thương lòng này, nhưng tất nhiên hạnh phúc của em bao giờ cũng phải là mối quan tâm hàng đầu của anh. Anh gửi kèm theo đây bản danh sách nhà mới nữa để em tham khảo, những danh sách này mới tới sáng nay bằng đường bưu điện, và anh tin chắc rằng em sẽ tìm được trong số này một ngôi nhà đúng như ý nguyện của em. - Rô-giơ"

KIỆN VÀ VE SÂU

Khi còn nhỏ, tôi thường được nghe kể những câu chuyện ngụ ngôn của La Fontaine và người ta không bao giờ quên giải thích cho tôi rất cẩn thận về ý nghĩa của câu chuyện. Trong số đó có chuyện Kiến và Ve sâu mà người lớn thường dùng để thuyết phục bọn trẻ rằng trong thế giới không hoàn hảo này người chăm chỉ luôn được đền bù và những kẻ lười biếng sẽ bị trừng trị. Trong câu chuyện ngụ ngôn đáng trân trọng này - tôi xin được kể lại một giai thoại rất phong nhã nhưng không chính xác mà hầu như ai cũng biết - Kiến làm việc cần cù suốt mùa hè để tích đồ dự trữ cho mùa đông trong khi Ve sâu suốt ngày chỉ ca hát dưới ánh nắng mặt trời. Khi mùa đông đến, Kiến có đầy đồ dự trữ còn Ve sâu thì chẳng còn gì để ăn nữa, nó phải đến nhà Kiến xin ăn. Và đây là câu trả lời của Kiến:

- Chị đã làm gì trong suốt mùa hè?
- Ngày đêm tôi ca hát, cho mọi người cùng nghe.
- Chị hát à? Vậy giờ hãy nhảy múa đi.

Chưa bao giờ tôi thích coi trọng bài học của câu chuyện này, có lẽ không phải vì tính chống đối mà là bởi tính trẻ con hay coi nhẹ những lời giáo huấn. Lúc đó tôi đứng về phía Ve sâu và mỗi khi nhìn thấy một con kiến tôi không thể ngăn mình lấy chân di lên nó. Cái phản ứng đơn giản ấy - sau này tôi hiểu là hoàn toàn thuộc bản năng của con người - là để thể hiện sự phản đối với lẽ thường.

Một ngày nọ khi nhìn thấy George Ramsay ngồi ăn trưa một mình trong nhà hàng tự nhiên tôi lại nghĩ tới câu chuyện ngụ ngôn ấy. Chưa bao giờ tôi nhìn thấy một gương mặt buồn đến vậy. Đôi mắt vô hồn nhìn thẳng về phía trước. Như thể tất cả những bất hạnh trên thế giới này đều trút xuống đầu ông ta.

Ông ta làm cho tôi cảm thấy thương hại và tôi đã đoán ngay được rằng ông em trai bất hạnh của ông ta đã lại gây chuyện rồi. Tôi đến tận bàn bắt tay ông ta hỏi thăm.

— Tôi đang rất buồn. - Ông ta nói.

— Lại là Tom ư?

— Đúng thế, lại là nó. - Ông ta nói và thở dài.

— Tôi không hiểu tại sao ông không bỏ mặc hắn đi. Ông đã làm tất cả cho hắn. Từ lâu rồi ông vẫn biết là vô phương cứu chữa với hắn rồi cơ mà.

Tôi nghĩ rằng không một gia đình nào mà không có chuyện. Đã hai mươi năm nay rồi Tom đã gây khó khăn cho gia đình mình. Mọi sự đã khởi đầu rất tốt đẹp: Tom làm nghề kinh doanh, đã có vợ và hai con. Gia đình Ramsay rất có tiếng tăm và người ta hoàn toàn có thể tin tưởng rằng Tom sẽ có một sự nghiệp đáng nể và sẽ là một người có ích cho xã hội. Thế nhưng một ngày anh ta tuyên bố một cách tự nhiên rằng mình không thích công việc và cuộc sống hôn nhân không phù hợp với mình. Rồi anh ta bỏ công việc, bỏ vợ ra đi, bỏ ngoài tai mọi lời khiển trách. Số tiền tiết kiệm đã cho phép anh ta sống hai năm hạnh phúc, du lịch khắp các thủ đô Châu Âu. Anh ta làm tất cả những gì mình thích. Thỉnh thoảng tin tức về anh ta đến tai gia đình và họ rất phẫn nộ. Họ lắc đầu và tự hỏi điều gì sẽ xảy ra khi anh ta hết tiền. Và họ đã nhanh chóng biết được điều đó: anh ta bắt đầu vay mượn tiền.

Đó là một người đàn ông quyền rũ và không biết ngại ngùng là gì. Chưa bao giờ tôi thấy một ai mượn tiền dễ đến thế. Anh ta thường xuyên mượn được tiền của bạn bè và chẳng khó khăn gì trong việc mở rộng tầm quan hệ của mình. Anh ta luôn nói rằng không thể chịu được mức sống tối thiểu, chi tiêu cho những việc xài sang mới làm cho anh ta thích thú. Để có thể sống được như vậy, anh ta tính dựa vào anh trai mình: George.

Thực ra lừa phỉnh George chẳng dễ dàng gì. Đó là một người đàn ông đạo mạo, khô khan và đứng đưng trước những lời lẽ nịnh bợ. Một hai lần George đã tin vào những lời hứa hối cải của Tom và đã cấp cho anh ta những khoản tiền đáng kể để giúp hắn làm lại từ đầu. Với những khoản tiền đó Tom đã mua xe ô tô và sắm một bộ sưu tập đồ trang sức rất đẹp. Khi George nhận ra rằng em trai mình sẽ chẳng bao giờ quy thuận và chẳng thềm quan tâm tới nữa thì Tom bắt đầu chuyển sang tống tiền anh trai mình một cách trơ trẽn. Đối với một người đáng kính như George thì quả thật là không hay chút nào khi thấy em trai mình đứng đằng sau quầy bar pha cocktail mỗi khi đến quán ăn mình ưa thích hay làm người lái taxi đỗ trước cửa câu lạc bộ của mình. Tom nói rằng những công việc này chẳng có gì là xấu nhưng nếu như George có thể cho anh ta vay hai trăm bảng thì anh ta sẽ sẵn sàng hy sinh công việc của mình vì danh dự gia đình. Và George luôn phải chi tiền.

Thậm chí có một lần Tom đã suýt phải ngồi tù và George lại được gọi đến. George đã nghiên cứu rất kỹ càng hồ sơ, thực sự không xứng đáng với danh dự của em trai mình. Quả thực là Tom đã vượt quá giới hạn cho phép. Tom vẫn luôn sống lông bông, cầu thả và ích kỷ nhưng cho đến lúc ấy anh ta vẫn chưa bao giờ làm gì bất lương – với George nghĩa là bất hợp pháp – nhưng lần này nếu bị kiện ra tòa thì chắc chắn là sẽ bị kết án. Khi chỉ có một người em trai duy nhất làm sao người ta có thể để cho em mình bị cầm tù được! Người đã bị Tom lừa, một gã Cronshaw nào đó, là một người hay thù oán. Hắn nhất quyết muốn kiện ra tòa, hắn nói Tom là một tên vô lại cần phải bị trừng trị. Để cho vụ việc trôi qua êm thấm George đã phải rất mềm mỏng và chi ra năm trăm bảng. Chưa bao giờ tôi thấy George giận giữ đến vậy khi ông ta biết được rằng Tom và Cronshaw đã cùng nhau đi Monte-Carlo ngay sau khi lấy được tiền và đã sống một tháng vương giả tại đó.

Hai mươi năm ròng Tom chơi cá cược đua ngựa, lui tới những sòng bạc, tán tỉnh và nhảy với những cô gái đẹp nhất, ăn trong những nhà hàng sang trọng nhất và ăn mặc sành điệu. Anh ta lúc nào cũng rất chải chuốt. Đã bốn mươi sáu tuổi rồi nhưng người không biết thì đoán anh ta không quá ba mươi. Anh ta nói chuyện rất có duyên và ngay cả những người biết rõ những tính xấu của anh ta cũng phải cảm thấy thú vị. Anh ta tràn đầy sức sống, luôn vui vẻ và có sức quyến rũ không ai bằng. Chưa bao giờ tôi cảm thấy hối tiếc những khoản mà anh ta vẫn đều đặn vay tôi để trang trải cho nhu cầu cuộc sống. Khi tôi cho anh ta vay năm mươi bảng mỗi lần tôi có cảm giác như mình có nợ với anh ta. Tom Ramsay giao du với tất cả mọi người và tất cả mọi người giao du với anh ta. Người ta không thể tán thành lối sống của anh ta nhưng cũng không thể không thấy anh ta dễ mến.

George đáng thương, chỉ lớn hơn người em trai vô dụng của mình có một tuổi lại có vẻ của một ông già sáu mươi. Từ một phần tư thế kỷ nay ông ấy chưa bao giờ nghỉ ngơi quá hai tuần một năm. Ngày nào ông cũng có mặt ở văn phòng từ chín rưỡi sáng và không bao giờ về nhà trước sáu giờ tối. Đó là một người thanh liêm, chăm chỉ và đạo mạo. Ông ấy có một bà vợ đức hạnh, bốn cô con gái và ông luôn là người chồng chung thủy, người bố tốt nhất thế giới. Ông không bao giờ quên để dành một phần ba thu nhập của mình và dự định sẽ nghỉ hưu ở tuổi năm mươi lăm, về sống ở ngôi biệt thự nhỏ của mình ở nông thôn chơi golf và vui thú điền viên. Cuộc sống của ông chẳng có gì chê trách được. Ông rất vui khi thấy mình đã già vì nghĩ rằng Tom cũng già đi cùng lúc. Ông xoa tay nói:

— Mọi thứ còn được như thế chừng nào nó còn trẻ và còn sức quyến rũ. Nhưng ta chỉ hơn nó có một tuổi, bốn năm nữa là nó sẽ bước vào tuổi năm mươi rồi. Cuộc sống của nó sẽ chẳng còn dễ dàng nữa. Ta cũng sẽ ở vào cùng tuổi đó nhưng với ba mươi

nghìn bảng tiết kiệm. Từ một phân tư thế kỷ nay ta vẫn luôn nói rằng cuối cùng nó sẽ trắng tay. Lúc đó để xem nó thấy thế nào. Để xem lao động hơn hay chơi bời hơn chứ.

George đáng thương! Lúc này đang ngồi cạnh ông ấy tôi thực sự thông cảm với nỗi khổ tâm của ông ấy. Tôi tự hỏi không biết Tom đã lại gây ra điều ô nhục gì nữa đây. Trông George thực sự rất đau khổ.

— Ông có biết điều gì vừa xảy ra không? George hỏi tôi.

Tôi nghĩ đến điều kinh khủng nhất: cuối cùng Tom đã bị cảnh sát bắt giữ chăng?

George tỏ ra rất uất hận.

— Ông cũng công nhận rằng tôi đã luôn chăm chỉ, đứng đắn, trung thực và đàng hoàng chứ? Tôi đã suốt một đời lao碌, tần tặn để hy vọng có thể nghỉ ngơi với một chút đỉnh thu nhập từ các khoản đầu tư chắc chắn. Tôi đã luôn làm những gì mình phải làm, sống đúng như những gì Chúa dạy.

— Đúng thế.

Mặt George đỏ rực lên.

— Cách đây mấy tuần hẳn ta đã cưới một bà đáng tuổi mẹ hẳn. Bà ta vừa chết để lại cho hẳn ta toàn bộ gia tài: năm trăm nghìn bảng, một chiếc du thuyền, một căn nhà ở London và một căn nhà ở nông thôn.

Và George đấm bàn thùm thụp với nắm tay siết chặt và nhắc đi nhắc lại:

— Không công bằng! Thật không công bằng một chút nào! Rất không công bằng!

Tôi đã không ngăn được mình phá lên cười khi tôi nhìn thấy cơn giận lôi đình trên mặt ông ấy. Tôi cười rũ rượi đến nỗi suýt ngã khỏi ghế.

George chẳng bao giờ tha thứ cho tôi, nhưng Tom thường mời tôi dự những bữa tối thịnh soạn trong ngôi nhà sang trọng của ông ta trong khu phố Mayfair và đôi khi ông ta vẫn mượn

tôi những khoản tiền nhỏ, nhưng đó chỉ là theo thói quen, chẳng bao giờ ông ta vay tôi quá một bảng.

LOUISE

Tôi cũng không hiểu tại sao Louise lại bận lòng vì tôi. Nàng ghét cay ghét đắng tôi và tôi biết sau lưng tôi nàng không bỏ lỡ một cơ hội nào để đặt điều dèm pha tôi với cái vẻ thùy mị cố hữu của nàng. Nàng rất tế nhị, không khi nào nói thẳng nhưng chỉ một lời nói bóng, một tiếng thở dài, một cái vẫy nhẹ của đôi bàn tay nõn nà là người ta tức khắc hiểu thấu đáo tâm ý nàng. Louise là bà chúa về khoa lãnh đạm khen khéo. Quả thật chúng tôi đã quen biết, gần như thân nhau, từ trên 25 năm nay nhưng tôi không tin rằng nàng có thể động lòng vì mối thâm tình này. Nàng cho tôi là một gã đàn ông sống sượng, cục súc, lỗ mãng, miệng lưỡi cay độc. Tôi lấy làm lạ sao nàng lại không tiến đến con đường tắt yếu tức là bỏ rơi tôi. Nàng không làm như thế, nhưng đúng sự thực thì nàng cũng không để tôi yên : nàng luôn luôn mời mọc tôi tới ăn trưa, ăn tối với nàng, một năm đôi lần còn mời tôi đến chơi cả mấy ngày cuối tuần ở nhà nàng tại miền quê. Sau cùng tôi cũng đoán ra được lý do. Nàng nghi ngại tôi không tin nàng, nếu đó là nguyên do vì sao nàng gờm tôi thì nó cũng khiến nàng tìm cách giao du với tôi. Nàng hẳn học thấy chỉ duy có tôi coi nàng là con người ưa vờ vĩnh, giả dối và nàng đứng ngồi không yên chừng nào mà tôi còn chưa chịu nhìn nhận mình đã lầm lẫn và đầu hàng. Có lẽ nàng thoáng hiểu tôi đã nhìn rõ chân tướng của nàng đằng sau chiếc mặt nạ vì chỉ có mình tôi biết thế nên nàng hi vọng chẳng chóng thì chầy một ngày kia tôi sẽ lẫn cái mặt nạ với bộ mặt thật của nàng. Tôi không bao giờ biết rõ nàng có manh tâm bịp bợm thật hay không. Tôi tự hỏi có phải nàng lừa dối ngay cả chính nàng cũng như nàng đã lừa dối tất cả mọi người xung quanh, hay tại nàng có một điểm hài ước nào dấu kín trong thâm tâm ? Nếu quả thế

thì có lẽ nàng đã bị tôi thu hút không khác nào sắt với nam châm, chúng tôi luôn luôn cặp kè nhau vì cùng chia sẻ với nhau một điều bí mật mà không ai biết.

Tôi quen Louise từ trước khi nàng thành hôn. Khi ấy nàng còn là một thiếu nữ mảnh mai với cặp mắt to và u buồn. Cha mẹ nàng quý báu nàng như con cầu tự, gần như thờ phụng nàng bởi vì hình như bệnh tinh hồng nhiệt đã khiến cho quả tim nàng suy nhược và nàng cần phải hết sức gìn giữ sức khoẻ. Vậy nên khi Tom Maitland đến cầu hôn thì gia đình nàng không mấy vui, cho rằng nàng quá ẻo lả, ắt không đủ hơi sức chịu đựng nổi một tình trạng nhược người như lập gia đình. Song nhà nàng vốn chỉ đủ ăn mà Tom Maitland lại giàu. Chàng hứa sẽ làm tất cả những gì có thể làm trên cõi đời này cho Louise. Cuối cùng cha mẹ nàng bằng lòng giao phó Louise cho Tom như giao một trách vụ thiêng liêng. Tom Maitland là một anh chàng to lớn, vạm vỡ, rất điển trai và là một thể thao gia có bản lĩnh. Chàng đắm đuối say mê Louise. Vì tim nàng đau yếu chàng không hi vọng giữ được nàng sống lâu bên mình nên dốc lòng chiều chuộng nàng để cho những năm cuối cùng của đời nàng được có hạnh phúc. Chàng dứt khoát bỏ hẳn những trò tiêu khiển đã thành thạo từ xưa, không phải vì nàng đòi thế, nàng vui vẻ khi thấy chàng chơi golf hay đi săn, chỉ vì ngẫu nhiên mỗi lần chàng định đi đâu xa độ một ngày thì nàng lên cơn đau tim. Nếu hai người có chuyện bất hòa thì nàng lập tức nhường nhịn ngay vì nàng là một người vợ nhu thuận nhất đời. Chỉ tại quả tim nàng dở quẻ hóa nên nàng phải nằm liệt giường cả tuần, nhưng lúc nào nàng cũng nhu mì không hề hé môi than thở. Chàng không đành tâm cư xử như một kẻ phàm phu khiến nàng phải phiền muộn. Thế là hai người giằng co nhau xem ai được quyền nhường nhịn ai và phải khó khăn lắm chàng mới thuyết phục được nàng nên làm theo ý muốn của nàng. Có lần thấy nàng đi bộ cả mười cây số để đến một chỗ nàng ưa thích,

tôi ngửa miệng nói bóng cho Tom Maitland hiểu rằng nàng khoẻ mạnh hơn là người ta tưởng thì chàng lắc đầu và thở dài :

"Không, nàng yếu lắm. Nàng đã đi khám tất cả các danh sư chuyên trị bệnh tim trên thế giới nhưng người nào cũng nói đời nàng chẳng khác gì ngọn nến trước gió. Cũng may nàng có một tinh thần quật cường."

Và chàng kể lại cho Louise nghe những nhận xét của tôi về sức chịu đựng của nàng.

"Rồi đấy mà xem, đến mai tôi sẽ phải đèn bù, tôi sẽ nằm trên ngưỡng cửa của Thần Chết" nàng hướng vào tôi với một giọng than phiền.

Tôi lẩm bẫm : "Đôi khi tôi nghĩ chị thừa sức để làm những gì mà chị muốn."

Tôi đã từng thấy nàng khiêu vũ đến 5 giờ sáng nếu buổi dạ hội có vui nhộn, còn nếu nó buồn tẻ thì nàng cảm thấy đuối sức vô cùng và Tom phải đưa nàng về nhà sớm. Tôi chắc nàng không ưa câu trả lời của tôi vì mặc dầu nàng ban cho tôi một nụ cười xiêu lòng người tôi thấy trong cặp mắt xanh lam mở rộng của nàng chẳng có lấy một tia vui thú.

"Chẳng lẽ tôi lại nằm xuống chết ngay trước mặt anh để cho anh vừa lòng ? " nàng đáp.

Louise đã sống lâu hơn chồng. Tom Maitland bị nhiễm lạnh trong một chuyến đi du thuyền. Hôm ấy Louise cần đến tất cả mọi cái chần trong thuyền để ủ cho nàng ấm. Chàng để lại cho nàng gia tài đáng kể và một đứa con gái. Không ai khuyên giải được Louise. Nàng còn sống sót được quả là một quái sự. Bạn bè ai cũng đinh ninh Louise sẽ bén gót theo Tom vào nhà mồ. Người ta thương Iris, đứa con gái nàng sẽ bị mồ cô luôn cả mẹ trong nay mai. Họ càng săn sóc Louise gấp bội, không để cho nàng cất nhắc một việc gì, họ nhất định đòi làm hết để nàng khỏi nhọc mệt. Họ gia công bởi vì nếu nàng bắt buộc phải làm bất cứ một việc gì chán hay không thích tức thì tim nàng lại

hành và nàng lại cận kề cái chết. Nàng tuyên bố hoàn toàn bơ vơ nếu không có người đàn ông nào trông nom cho nàng và với sức khoẻ suy yếu nàng không biết sẽ phải làm thế nào để nuôi dạy cho đứa con gái đáng thương của nàng nên người. Bạn hỏi tại sao nàng không tái giá ? - " Ôi, với một quả tim bệnh hoạn như thế, tôi nói chuyện cải giá thế nào được ? " mặc dầu nàng biết là Tom hẳn ước mong cho nàng bước đi bước nữa. Có lẽ đó là điều tốt nhất nàng nên làm vì Iris, nhưng thử hỏi ai là người chịu đèo bồng một bệnh nhân yếu đau như nàng ? Kể cũng lạ là lại có nhiều thanh niên tỏ ra sẵn sàng đóng vai này và chỉ một năm sau khi Tom lià đời nàng ưng thuận cho George Hobhouse dẫn nàng đến nhà thờ. Chàng là một người khôi ngô, tráng kiện, lại cũng không đến nỗi túng thiếu. Tôi chưa thấy ai tỏ vẻ hân hoan bằng George khi được vinh hạnh chăm sóc cho con người bé bỏng, yếu đuối đó.

"Em sẽ chẳng sống lâu để làm phiền anh mãi đâu" nàng nói.

Chàng là một quân nhân, lại có tham vọng, nhưng chàng đã từ chức. Sức khoẻ của Louise bắt buộc nàng phải nghỉ mùa đông ở Monte Carlo, và mùa hè ở Deauville. Chàng hơi ngần ngại khi nghĩ tới sự nghiệp dang dở và lúc đầu Louise nhất định bịt tai không muốn nghe nói tới chuyện từ chức nhưng cuối cùng nàng chịu nhượng bộ như nàng vẫn nhượng bộ xưa nay và chàng chuẩn bị để những năm hiếm hoi cuối đời nàng được phần nào có hạnh phúc.

"Cũng chẳng còn bao lâu nữa đâu" nàng nói. "Em sẽ cố gắng để không làm phiền anh."

Trong hai, ba năm sau đó, mặc dầu mang một quả tim bệnh tật, Louise đã thành công trong việc ăn diện, nhõn nhơ đi dự những buổi tiếp tân vui nhộn nhất, phóng tâm bài bạc, khiêu vũ và cả tình tứ với những chàng thanh niên dong dỏng cao nữa. Nhưng George không có cái khả năng chịu đựng bền bỉ như người chồng thứ nhất của Louise. Đôi khi chàng phải tự

phần chân bằng chút rượu mạnh để đương đầu với những công việc thường nhật với tư cách là người chồng thứ hai của nàng. Rất có thể chàng cứ theo đà uống mãi Louise sẽ không ưa, nhưng may mắn thay (cho nàng) chiến tranh bùng nổ. Chàng lên đường nhập ngũ và ba tháng sau lìa trần. Louise choáng váng. Tuy nhiên, nàng cảm thấy đây không phải là lúc thả lỏng cho mối sầu tự do nảy nở, nói ví thử nàng có lên cơn đau tim thì cũng chẳng ma nào biết. Để khuây khỏa, nàng biến cái biệt thự ở Monte Carlo thành nhà dưỡng thương cho các sĩ quan. Bạn hữu đình ninh nàng sẽ không thể nào sống nổi với công việc nặng nhọc ấy.

"Dĩ nhiên tôi sẽ chết vì nó. Tôi biết thế nhưng cần gì ? Tôi cũng phải ghé vai gánh vác phần tôi chứ?" nàng nói.

Nhưng công việc nhà thương đã không giết chết nàng. Nàng có thì giờ vui sống. Không một nhà dưỡng bệnh nào ở Pháp lại được hoan nghênh như thế. Tình cờ tôi gặp nàng ở Paris. Nàng dùng cơm trưa ở Ritz với một thanh niên Pháp cao ráo và rất trẻ đẹp. Nàng giải thích rằng nàng đang có việc liên quan đến nhà thương. Nàng cho biết các sĩ quan rất dễ thương với nàng. Họ biết sức khoẻ của nàng mỏng manh như thế nào nên không ai nỡ để nàng làm bất cứ một việc gì. Họ đua nhau săn sóc nàng, ấy, cứ như tất cả đều là chồng nàng hết. Louise thở dài.

"Thật tội nghiệp cho Gerorge, có ai tưởng tượng được rằng với một quả tim tật bệnh như thế này mà tôi lại sống dai hơn chàng?"

"Tội nghiệp cho cả Tom nữa" tôi chêm.

Tôi không rõ vì sao nàng không thích tôi nói như thế. Nàng ban cho tôi một nụ cười phiến trách và đôi mắt đẹp của nàng rưng rưng.

"Lúc nào anh cũng thở ra những câu làm như anh tiếc rẻ không muốn cho tôi hưởng nốt mấy năm thừa của đời tôi."

"Quả tim của chị bây giờ đã khá hơn xưa nhiều rồi phải không?"

"Nó sẽ chẳng bao giờ khá hơn. Sáng nay tôi vừa gặp một bác sĩ chuyên môn và bác sĩ bảo tôi phải chuẩn bị đón những tin chẳng lành."

"Ôi dào, chị đã chẳng chuẩn bị từ ngót hai mươi năm nay rồi là gì?"

Khi chiến tranh chấm dứt, Louise định cư ở Luân đôn. Bây giờ với cái tuổi ngoài 40, nàng vẫn mảnh mai, yếu ớt, đôi mắt to và cặp má xanh xao, nhưng vẫn trẻ như người chưa quá 25. Iris trước kia đi học thì nay đã trưởng thành về sống với mẹ.

"Nó sẽ trông nom cho tôi" Louise nói. "Tất nhiên phải sống với một người yếu đau như tôi là một cái tội cho nó, nhưng cũng sẽ chẳng bao lâu đâu. Tôi tin nó sẽ không quản ngại."

Iris là một cô bé ngoan. Cô đã được dạy rằng sức khỏe của mẹ cô rất mỏng manh. Ngay từ tấm bé, Iris cũng không được phép gây ra một tiếng động nào. Cô hiểu rằng không bao giờ được trái ý, làm cho mẹ buồn phiền. Mặc dầu bây giờ Louise tuyên bố không muốn nghe cô đả động đến chuyện cục cung tận tụy, hi sinh đời cô cho một bà già lẩm cẩm, phiền toái, cô bé cũng cứ khăng khăng nhất định không nghe. Đây không phải là vấn đề hi sinh đời cô mà chính là một hạnh phúc cho cô được phép giúp đỡ người mẹ yêu quý đáng thương. Với một tiếng thở dài, mẹ cô để mặc cô cáng đáng hầu hết mọi chuyện.

Louise nói : "Con bé nó khoái được tỏ ra nó không phải là người vô dụng."

Tôi hỏi : "Chị không nghĩ rằng nên để cháu nó được đi chơi với chúng bạn nó nhiều hơn ư ? "

"Thì xưa nay tôi vẫn bảo nó thế. Nhưng tôi không thể bắt ép nó phải đi chơi được. Có Trời mới biết là chẳng bao giờ tôi muốn ai phải hi sinh vì tôi". Còn Iris khi nghe tôi khuyên bảo thì đáp : "Tội nghiệp mẹ cháu. Mẹ cháu muốn cháu đi chơi, đi hội hè với

chúng bạn, nhưng hễ cháu thò đi đâu là mẹ cháu lên cơn đau tim cho nên thà cháu ở nhà còn hơn."

Nhưng rồi Iris vương vấn tơ tình. Một người bạn trẻ của tôi, một thanh niên khả ái đã ngỏ lời cầu thân và được cô ưng thuận. Tôi thương cô bé và vui mừng thấy cô có dịp xây dựng một cuộc đời riêng tư. Dường như cô chưa bao giờ tưởng tượng một chuyện như thế có thể xảy ra cho mình. Nhưng bỗng một hôm chàng thanh niên đến tìm tôi buồn bã cho biết cuộc hôn nhân của chàng phải đình hoãn vô hạn định. Iris cảm thấy không thể bỏ rơi mẹ. Dĩ nhiên đây không phải là việc của tôi, nhưng tôi cũng thu xếp đến gặp Louise. Lúc nào nàng cũng vui vẻ tiếp đón bạn hữu vào giờ uống trà buổi trưa và bây giờ đã đứng tuổi nàng ưa tiếp đón cả các văn nghệ sĩ.

"Tôi nghe nói cháu Iris sẽ không lập gia đình nữa phải không chị?". Tôi đặt câu hỏi sau một lúc yên lặng.

"Nào tôi có biết gì đâu? Chắc nó sẽ không cưới sớm được như ý tôi mong muốn. Tôi đã quỳ xuống van xin nó đừng nghĩ gì đến tôi nhưng nó có nghe tôi đâu?"

"Chị không nghĩ rằng làm tình làm tội nó như thế là quá đáng à?"

"Khổ lắm chứ. Song cũng chỉ độ mấy tháng nữa là cùng, tôi chẳng muốn bất cứ một ai phải hi sinh vì tôi cả."

"Chị Louise, chị đã chôn cất hai đời chồng rồi, tại sao chị lại không thể chôn thêm hai đời chồng nữa?"

"Anh tưởng đây là chuyện để mang ra đùa bỡn à?" nàng hỏi với giọng cố tỏ ra giận dữ.

"Tôi tự hỏi chị có bao giờ nhận thấy chị luôn luôn thừa sức khoẻ để làm những gì chị thích, rằng quả tim tật bệnh của chị chỉ đỡ chúng khi nào chị phải làm những việc chị không ưa?"

"Thôi, thôi, xưa nay tôi vẫn biết anh nghĩ những gì về tôi. Anh không bao giờ tin rằng tôi có bệnh gì cả, có đúng thế không?"

Tôi nhìn thẳng vào tận mắt nàng : "Đúng thế. Tôi nghĩ rằng từ 25 năm nay chị đã trắng trợn lừa dối những người xung quanh. Tôi cho chị là một con người ích kỷ và là mẹ đàn bà quỷ quyết nhất trần đời. Chị đã làm hỏng cuộc đời của hai người chồng đáng thương, và nay còn toan làm hại luôn cả đời đứa con gái chị nữa."

Tôi sẽ không lấy làm ngạc nhiên nếu Louise lên cơn đau tim tại trận. Tôi đợi nàng nổi cơn thịnh nộ. Song nàng chỉ ban cho tôi một nụ cười hiền hòa.

"Anh bạn, rồi một ngày kia anh sẽ phải ân hận vì đã đang tâm thốt ra những lời lẽ như thế với tôi."

"Chị nhất định không cho cháu Iris lấy thanh niên ấy?"

"Thì tôi vẫn khản khoản, lạy van để nó lấy chồng. Tôi biết đám cưới nó sẽ giết tôi nhưng tôi không cần. Chẳng có ai thêm đoái hoài đến tôi. Tôi chỉ là một gánh nặng cho tất cả mọi người."

"Có phải chị bảo với Iris rằng đám cưới nó sẽ giết chết chị không?"

"Chính nó bắt tôi phải khai ra như thế."

"Chị làm như ai cũng có thể bắt chị làm những gì mà chính chị đã quyết định."

"Nó muốn lấy chồng ngày mai thì nó cứ việc lấy. Đám cưới nó có giết chết tôi thì cũng chẳng can gì đến ai."

"Thế thì chúng ta cứ thử xem sao nhé?"

"Quả anh hẳn tâm không mấy may thương xót tình cảnh tôi hay sao?"

"Người ta không thể thương xót một kẻ chuyên môn vờ vĩnh đóng kịch như chị vẫn đóng cho tôi xem."

Một thoáng hồng ửng trên đôi gò má nhợt nhạt. Dẫu nàng vẫn cười song đôi mắt nàng đánh lại lộ vẻ tức giận.

"Con Iris cứ việc lấy chồng nội trong tháng này. Còn nếu có xảy ra chuyện gì cho tôi thì tôi hi vọng cả anh lẫn nó sẽ có thể tự

tha thứ cho mình."

Louise đã giữ lời hứa. Ngày cưới được ấn định, lễ cưới tổ chức linh đình, giấy mời gửi đi, Iris và chàng thanh niên vui mừng, rạng rỡ. 10 giờ sáng hôm cưới, Louise, người đàn bà tai quái ấy lên một cơn đau tim và từ trần. Nàng chết rất êm ả và tha thứ cho Iris đã giết nàng.

THÂN PHẬN LÀM NGƯỜI

Philip Carey mồ côi năm lên chín (1885). Cậu về sống với chú William và thím Louise tại Blackstable cách Luân Đôn sáu mươi dặm. Cả hai ông bà đều khoảng năm mươi.

Chú William là một mục sư bủn xỉn, hẹp hòi. Còn thím Louise là một bà nhỏ thó, nhăn nheo, buồn vì không con. Bà rất thương cậu bé, nhưng bộc lộ tình thương một cách vụng về vì chẳng hiểu gì về trẻ con. Do đó cậu bé chỉ thích quán quít với chị quản gia vui tính Mary Ann, con gái của một người đánh cá.

Một bữa trưa chủ nhật, chú William đang thiu thiu ngủ thì giật mình tỉnh dậy vì một tiếng động lớn cậu bé dùng gạch xây lâu đài, lâu đài cao quá ngã đổ ầm ầm.

— Ai cho mày chơi những trò đó, hả Philip? Mày thừa biết vào ngày chủ nhật cấm chơi mà!

Cậu bé trở mắt nhìn chú, vừa sợ hãi vừa ngượng ngịu:

— Ở nhà cháu vẫn chơi có sao đâu?

— Láo, tao không tin má mày lại cho mày chơi một trò ác hại như thế.

Chú William đứng khom mình trên đầu cậu bé trong khi cậu riu riu cất những cục gạch đi.

Buổi chiều hôm đó chú dặn cháu:

— Tao mong rằng tối nay mày đừng vác mặt đến nhà thờ. Ngôi nhà của Chúa không thể chứa chấp một bộ óc thiếu uốn nắn như mày được.

Chú đi khỏi, thím ôn tồn bảo cháu:

— Bây giờ cháu với thím đọc kinh nhé, sau đó mình sẽ cùng hát thánh ca. Cháu thích như vậy không?

— Cháu muốn các người để cháu yên!

— Trời ơi, sao cháu lại nói một câu bạc bẽo như vậy? Chẳng lẽ cháu không biết chú thím chỉ muốn cháu nên người hay sao? Cháu không thương chú thím chút nào sao?

— Cháu ghét thím. Ước gì thím chết đi cho rảnh!

Ít lâu sau cậu bé khám phá ra ngôi thư viện của ông chú mục sư. Thực ra, chú chẳng phải là người thích đọc sách, nhưng lại thích sưu tầm sách. Và cậu bé có cơ hội phiêu lưu vào kho tàng sách vở.

Tháng chín năm đó, chú William ghi tên cậu bé vào một trường dòng tại Tercanbury để sau này làm nghề mục sư.

Philip có một chiếc chân thọt. Tên bạn học đầu tiên gặp cậu đã đá vào ống quyển cậu chỉ vì cậu không chịu tháo giày để hắn coi chiếc chân thọt ra sao. Nhưng khi vào đến phòng ngủ, một tên đầu bò khác dùng võ lực bắt cậu phải đưa chân cho cả bọn xem. Cậu hận lắm mà không làm gì được.

Bởi chiếc chân tai hại, cậu bé không thể tham dự vào các trò chơi cùng chúng bạn. Lúc đầu bọn chúng bắt chước kiểu đi cà đẹo của cậu một cách thích thú, nhưng lâu dần đâm chán, và chiếc chân thọt của cậu trở nên bình thường như khối mỡ của một tên phì lũ khác. Tuy nhiên, cậu bé vốn nhạy cảm, chán ghét mọi người, chẳng chơi với ai, chỉ làm bạn với sách vở. Sau hai năm học, cậu trở thành học sinh số một của bậc sơ học.

Phong trào mộ đạo lan tràn tới trường, Philip bắt đầu quay sang đọc kinh thánh. Một đêm nọ, khi đọc tới đoạn đức tin có sức mạnh lay non dốc biển, cậu thù người suy nghĩ. Đến kỳ nghỉ, cậu về nhà hỏi lại chú Philip về sức mạnh của đức tin, chú chỉ bảo nếu Thánh Kinh đã nói thế thì đúng như thế. Cậu mừng lắm, đêm đêm tâm niệm khẩn khứa: Hỡi Đức Chúa hiển linh, nếu quả thực Ngài muốn ban phát phép lành cho nhân loại thì xin hãy biến chiếc chân của tôi trở lại bình thường vào đêm hôm trước ngày khai giảng. Và từ đó cậu hồi hộp chờ đợi ngày trở lại trường với đôi chân khỏe mạnh để có thể đá banh với bọn

cùng trường. Nhưng đến khi chẳng thấy phép lạ nào hết, cậu mới chợt cảm thấy ông chú đã đùa dai cậu. Lòng mộ đạo nguội lạnh.

Lên đến Trung học, Philip vẫn xuất sắc, và cậu hy vọng được học bổng để theo học tại Đại học Oxford. Nửa năm chót cậu chơi rất thân với Rose, một anh bạn vui vẻ dễ thương. Nhưng sau đó cậu đau một trận sáu tuần lễ. Trở lại trường thì Rose đã kết bạn với người khác và quay ra chế giễu cậu. Quá thất vọng, cậu chán luôn việc học, và cuối cùng cậu quyết định thôi học, từ giã nghề mục sư. Anh trưởng tràng phải khuyên nhủ mãi, cậu mới chịu học hết niên khóa và hoàn tất bậc Trung học.

Sau khi tranh luận ráo riết với chú William, Philip được phép tiêu một phần tiền riêng của cậu để đi Heidelberg một năm (cậu được hưởng một di sản khoảng hai ngàn Anh kim). Tại đây, cậu ở trọ với gia đình giáo sư Erlin. Trong nhà giáo sư, ngoài hai cô con gái vui tươi của ông, còn có một số sinh viên ngoại quốc cũng tới ở trọ như cậu.

Philip sống một năm hoàn toàn sung sướng ở Đức. Cậu học tiếng Đức và tiếng Pháp. Thầy của cậu là một triết gia nổi tiếng, và vì ảnh hưởng của ông, cậu hết tin tưởng ở Chúa, hai vai như trút bỏ được gánh nặng, và cậu bắt đầu thưởng thức mùi vị của tự do.

Trở về Anh, Philip gặp nàng Wilkinson hiện đang ở chơi với chú thím cậu. Nàng là con của một người bạn thân với chú William thuở trước. Vẻ nhí nhảnh, khiêu khích, và cách ăn mặc chải chuốt của người đàn bà này khiến Philip mê mẩn. Tuy đã gần hai mươi, cậu chưa hề biết mùi tình ái là gì, và một hôm cậu chợt nhận thấy mình yêu nàng tha thiết, tuy nàng gấp đôi tuổi cậu. Để đáp lại, nàng bằng lòng ngả vào tay cậu, hay nói đúng hơn, cậu ngả vào đôi tay lão luyện của nàng, chẳng biết trời đất đâu. Nhưng rồi mối tình so le bị gián đoạn. Nàng phải trở về Đức để tiếp tục nghề giữ trẻ.

Sau một thời gian tính hơn tính thiệt, chú William quyết định biến Philip thành một nhà kế toán. Thế là cậu phải khăn gói lên Luân Đôn tập việc trong năm năm. Tại đây cậu cô độc, khốn khổ. Các bạn quê mùa cùng sở với cậu đều ghét cậu, vì cậu học cao hơn họ. Cậu đam chán nghề kế toán, và cuối năm đó nảy ra ý định thôi tập sự. Khi ông chủ đem cậu đi Paris để công tác, cậu quyết định dứt khoát là sẽ học mỹ thuật tại thành phố ăn chơi này. Nhớ hồi còn ở Heidelberg, cậu từng trở tài hội họa và được nhiều người tán dương nhiệt liệt.

Chú William phản đối kịch liệt dự tính đi Paris học của Philip. Ông nghĩ một thiếu niên vô trách nhiệm như cậu chắc chắn sẽ bị một thành phố ngập đầy tội ác kia làm cho hư hỏng. Philip chưa tới tuổi trưởng thành, và ông lấy quyền làm chú không chịu trích số tiền thừa kế của cậu ra để cậu thực hiện một ý định điên rồ cỡ đó. Không biết làm sao hơn, Philip nghĩ đến chuyện bán chiếc đồng hồ và một mớ nữ trang mà cha cậu đã để lại, để ăn học tại Paris cho đến khi đủ tuổi. Nhưng cậu chưa kịp bán thì thím Louise đã dúm cho cậu một trăm Anh kim tiền riêng của bà. Cậu yên trí lên đường.

Philip sống cuộc đời của một sinh viên nghèo, nhưng cậu rất hăng say với nghệ thuật vì tự tin ở năng khiếu của mình. Cậu kết bạn và ganh đua với đám bạn nghệ sĩ trẻ. Cậu muốn có "đào", một thứ không thể thiếu được trong đời nghệ sĩ lang thang, nhưng đào tốn kém quá cậu bao không nổi. Tuy nhiên, cậu cũng không ham địa vị của anh bạn Cronshaw, một thi sĩ kiêm thợ viết, bị cô nhân tình mập điểm dàng qua mặt vù vù, cảm sừng cả chục cái.

Philip quen với Fanny Price, một cô gái xấu người xấu cả nết, nhưng chính cô đã khuyến khích cậu trong những bước đầu tiên. Cô là một nghệ sĩ hạng bét, nhưng lại tự cho mình là thiên tài. Một ngày kia, cô yêu cầu giáo sư hội họa Foinet thẳng thắn phê bình các tác phẩm của cô. Ông cho biết không bao giờ cô có

thể trở thành nghệ sĩ với đúng nghĩa của nó. Từ đó Philip không gặp cô nữa, cho đến một hôm cậu nhận được một mảnh giấy của cô gọi cậu đến gấp. Khi cậu đến nơi, Fanny đã tắt thở, cô hết tiền, tự treo cổ.

Thảm kịch này gieo vào đầu Philip những hình ảnh đen tối. Cậu bắt đầu tự hỏi còn cậu thì sao, có khiếu thật không, có chọn làm nghề không, hay là cũng sẽ đi đến kết quả bi đát như vậy? Cuối cùng cậu mạnh dạn đi tìm nhà phê bình giết người kia để nhờ nhận xét về cậu. Ông ta cho biết cậu sẽ trở nên có tiếng, nhưng không có thực tài. Cậu thất vọng, quyết định bỏ nghề, vì còn gì đau khổ bằng nghệ sĩ bất tài. Cậu đã sống ở Paris được hai năm, quá tuổi trưởng thành, và số tiền thừa kế của cậu chỉ còn một ngàn sáu trăm Anh kim.

Vừa lúc đó, cậu được tin thím Louise mất. Cậu tức tốc trở về Anh để dự đám tang. Xong xuôi, cậu quyết định chọn một hướng đi mới. Lần này chú William hoan nghênh nhiệt liệt vì cậu chọn con đường nối nghiệp cha làm nghề bác sĩ. Cậu ghi tên học tại Bệnh viện St. Luke, Luân Đôn với tư cách nội trú.

Sau bao nhiêu lận đận, Philip biến thành một chàng trai chững chạc hơn nhiều. Chàng chăm học và tỏ ra xuất sắc. Nhưng không hiểu trời xui đất khiến thế nào mà chàng bỗng cảm thấy yêu một chị bồi tên Mildred Rogers ghê gớm. Mildred trông ngang khá đẹp, mái tóc vàng cũng dễ thương, nhưng nước da nhợt nhạt thân hình mỏng dính, ngực phẳng lì như đàn ông, lại thêm ngu dốt, gắt gỏng, lạnh lùng và tàn nhẫn. Philip biết được những khuyết điểm này những vẫn yêu nàng một cách kỳ lạ. Vì mãi mê theo đuổi nàng, Philip thi rớt. Chưa kịp đau khổ thì nàng đã báo cho chàng biết nàng sắp lấy một gã người Đức tên Miller.

Chỉ ít lâu sau trận bão lòng lắng xuống, và Philip quay sang tự mắng mình là ngu dại, yếu đuối. Chàng tìm được nguồn an ủi nơi góa phụ trẻ Norah. Nàng này vừa thông minh vừa tốt

bụng, vừa yêu chàng vừa quý chàng như một người bạn. Chàng rất sung sướng, nhưng không yêu nàng.

Rồi một hôm Mildred trở lại với tấm thân tàn và một chuyện tình bi thảm. Miller đã lừa nàng. Gã đã có vợ và không giàu sang như nàng tưởng. Sau khi làm nàng mang bầu, gã quất ngựa truy phong.

Philip tái người khi nhận thấy mình vẫn còn yêu Mildred. Chàng bỏ rơi Norah, rồi đem Mildred về nhà nuôi dưỡng và bỏ tiền cho nàng sinh đẻ. Chàng nhận nàng làm vợ và đứa bé gái làm con.

Mildred hết sức cảm kích sự cao thượng của chàng, nhưng vẫn không yêu chàng. Chẳng bao lâu, nàng bắt đầu dan díu với Griffiths, một tên bạn điếm đàng với Philip. Hai vợ chồng gây gỗ, rồi nàng nói thẳng vào mặt chồng:

— Tôi không hề yêu anh, ngay từ phút đầu tôi đã chán anh, nhưng rồi anh đưa tôi tới chỗ phải ưng anh. Anh biết không, tôi ghê tởm mỗi khi anh hôn tôi. Hồi nọ, tôi mà không đói quá thì không đời nào tôi để anh chạm đến người tôi.

Nói đoạn, nàng bỏ đi theo người tình mới.

Một thời gian sau, Philip nghe tin Griffiths chán nàng rất mau và phải mất bao nhiêu công trình mới tổng khứ nàng đi được.

Philip trở lại hăng say với công việc trong bệnh viện. Bệnh nhân rất mến chàng. Một hôm, có một thanh niên cà thọt tới bệnh viện xin giải phẫu chân. Sau khi giải phẫu thành công, vị bác sĩ chuyên khoa khuyên Philip cũng nên giải phẫu chân chàng. Chàng bằng lòng, và chỉ ít lâu sau chàng đã có thể đi giày cỡ bình thường và tạt cà thọt gần như mất hẳn.

Trong thời gian thực tập, chàng quen với một bệnh nhân bốn mươi tám tuổi Athelny. Ông này tính tình lập dị, nhưng đặc biệt mến chàng. Ông là chồng của một bà mập lù tiếu ngạo và là cha của một bầy chín đứa con dễ thương. Những ngày chủ nhật,

Philip thường đến dùng cơm với gia đình nhà này và bọn trẻ bắt đầu gọi chàng là Chú Philip.

Một buổi tối kia, Philip tình cờ trong thấy Mildred đi vợ vẫn ngoài đường, mắt liếc bọn đàn ông qua lại rõ ra một gái điếm rẻ tiền. Tuy không còn yêu nàng, chàng vẫn nặng lòng trắc ẩn, đem mẹ con nàng về nhà nuôi. Để bù lại, Mildred làm công việc của một người quản gia, ngày ngày trông nom nhà cửa và nấu ăn cho chàng. Nhưng dần dần nàng trở nên căm hận Philip vì chàng không chịu nối lại tình chăn gối thuở trước. Rồi một hôm, chàng trở về thấy nhà cửa tan hoang, đồ đạc bị đập phá không còn một món, Mildred mất dạng.

Philip mượn một căn phòng mới ngang cửa bệnh viện. Số tiền thừa kế cạn dần. Chàng nghe lời một anh bạn cà chớn dốc túi đầu tư vào cá mỏ ở Nam Phi với hy vọng sau khi cuộc chiến tại đây chấm dứt, các cổ phần sẽ tăng giá vùn vụt. Nhưng chiến tranh cứ kéo dài mãi, chàng hết tiền phải nghỉ học để đi tìm việc. Việc tìm không ra, lây lất gần chết đói thì được ông Athelny đem về nhà và giới thiệu vào làm tiệm bán quần áo cùng chỗ với ông. Chàng không thích công việc của một người đi chiêu hàng, nhưng lần hồi, nhờ tài vẽ thuở trước chàng xoay ra vẽ quảng cáo và kiểu áo.

Cuối cùng chú William chết để lại cho chàng năm trăm Anh kim đủ để chàng tiếp tục việc học. Khi tốt nghiệp chàng đã gần ba mươi. Nuôi mộng viễn du để tìm hiểu thêm về thế giới bên ngoài, chàng hy vọng sẽ được chỉ định làm bác sĩ trên các tàu biển. Nhưng không may, chàng được cử làm phụ tá cho một y sĩ lão thành tại Dorsetshire, thay thế một người phụ tá khác bị đau. Sau bốn tuần làm việc đặc lực, chàng được vị y sĩ già tin cậy. Ông đề nghị để chàng đứng tên hợp tác và tạo cho chàng cơ hội thay thế ông sau này, nhưng chàng từ chối, vì tâm nguyện của chàng vẫn là viễn du.

Nhưng bàn tay số mạng không cho chàng đi xa. Khi chàng về nghỉ mát tại miền quê với gia đình ông Athelny, chàng và Sally, con gái lớn của ông, yêu nhau thật mau, không có điểm gì báo trước, cũng không có những trò tán tỉnh lắm cẩm như các cặp khác. Sally là một cô gái đẹp khỏe mạnh với bộ óc hoàn toàn thực tế. Hai người yêu nhau một cách đơn giản và cuồng nhiệt. Đến khi Sally cho chàng biết nàng đã có thai, chàng mừng quỳnh, quyết định bỏ hẳn giấc mộng viễn du để ở nhà làm đầy đủ bổn phận của một người cha và một người chồng. Nhưng rồi Sally lại cho biết đó chỉ là báo động giả, chàng thở dài thất vọng. Nhưng không sao, muốn là được! Chàng chính thức hỏi cưới nàng, và nàng lập tức bằng lòng.

Hồi Philip còn học hội họa ở Paris, có lần anh chàng thợ viết Cronshaw bảo chàng:

— Cậu đã đi viện bảo tàng Cluny bao giờ chưa? Tới đó, cậu sẽ thấy những tấm thảm xứ Ba Tư màu sắc sặc sỡ, dệt theo những hình vẽ cực kỳ phức tạp khiến người nhìn phải hoa mắt thích thú. Cậu sẽ thấy những bí ẩn và vẻ đẹp nhục cảm của Đông Phương. Cậu thường thắc mắc về ý nghĩa cuộc đời, vậy cậu nên đi xem các tấm thảm đó và cậu sẽ hiểu.

Philip suy nghĩ rất nhiều về câu nói của Cronshaw. Mãi mấy năm sau chàng mới chợt hiểu ý gã: cuộc đời chẳng có ý nghĩa gì hết, trừ vẻ phức tạp của nó.

TRỞ VỀ TỔ ẤM

Trang trại của gia đình Meadows nằm ẩn mình trong thung lũng giữa những ngọn đồi vùng Somerset. Đó là một ngôi nhà cũ kỹ bằng đá được bao bọc bởi các kho thóc, tường rào và đất trồng. Trên một miếng đá được khắc rất công phu gắn ngay phía trên cánh cửa người ta có thể đọc được năm xây dựng ngôi nhà: 1763. Mặc cho năm tháng đã làm cho căn nhà rêu cũ nhưng nó vẫn đẹp lạ kỳ trong khung cảnh thiên nhiên với các hàng cây bao xung quanh. Toà lâu đài rất tự hào có một lối đi có hàng cây trồng hai bên dẫn vào một khu vườn được chăm tĩa cẩn thận. Những con người sống ở đây cũng vững vàng, mạnh mẽ và giản dị như ngôi nhà vậy; điều tự hào duy nhất của họ là kể từ khi ngôi nhà được xây dựng, các thế hệ trong gia đình, đời này nối tiếp đời sau đều sinh ra và mất đi ngay trong chính ngôi nhà này mà không có một ngoại lệ nào cả. Trong vòng ba trăm năm họ đã khai phá và trồng trọt các vùng đất xung quanh. Ông George Meadows năm nay năm mươi tuổi và bà vợ kém ông chừng một, hai tuổi. Thời trai trẻ, cả hai đều là những con người dũng cảm và chân thật; và cả những đứa con của họ, hai trai hai gái cũng đều xinh đẹp và khỏe mạnh. Không giống như những người trẻ tuổi thời nay là đi đây đó đuổi tìm theo những bóng hồng hoặc những chàng hiệp sỹ, họ ở lại nông trang và lấy làm tự hào vì điều đó. Tôi chưa bao giờ gặp một gia đình nào lại gắn kết với nhau đến vậy. Vui vẻ, yêu lao động, chan hoà với mọi người, gia đình nhà Meadows có một cuộc sống hoà hợp trọn vẹn đến nỗi có thể ví với một bản giao hưởng của Beethoven hoặc một bức tranh của Titien. Họ sống hạnh phúc và họ xứng đáng được như vậy. Nhưng người chủ của cơ ngơi đó lại không phải là ông George Meadows (đúng ra là phải như vậy) mà là mẹ

của ông. Và theo như mọi người nhận xét thì ông con trai chỉ bằng một nửa của bà. Đó là một người phụ nữ bảy mươi tuổi, to lớn, cứng rắn và trang nghiêm với mái tóc màu ghi và một đôi mắt ánh lên vẻ tinh quái cho dù gương mặt đã có nhiều nếp nhăn. Tiếng nói của bà rất có trọng lượng trong gia đình và ở trang trại; nhưng bà lại rất hài hước và quyền lực chuyên chế của bà lại chứa đựng trong đó lòng tốt. Bà luôn làm cho mọi người cười vì những câu chuyện tiểu lâm và rồi tất cả thường kể đi kể lại câu chuyện của bà. Đó là một người phụ nữ chín chắn trong công việc và không ai có thể lừa được bà. Đó là một bà chủ thực thụ.

Một ngày nọ, bà vợ ông George (với chúng tôi thì chỉ có một bà Meadows, đó là bà chủ trang trại còn con dâu của bà - vợ ông George chỉ được gọi là bà George) đã chặn tôi lại khi tôi đang trên đường trở về nhà, bà ta trông rất hết hoảng.

— Ngài thử đoán xem có chuyện gì đã xảy ra ngày hôm nay?— Bà George hỏi tôi. Bác George Meadows đã trở về đấy. Ngài có nhớ không, cái ông mà đã từng ở Trung Quốc ấy.

— Nhưng tôi tưởng ông ấy chết rồi cơ mà.

— Thì chúng tôi cũng thế.

Tôi đã được nghe kể câu chuyện về ông bác George này đến cả chục lần và câu chuyện này rất thú vị vì nó mang âm hưởng của những bản ballade cổ điển: rất hiếm khi có thể gặp được một câu chuyện cảm động đến như vậy trong thực tế. Ông bác George và cậu em Tom cách đây năm mươi năm đã từng cùng say mê bà Meadows, thời mà bà còn mang cái tên Emily Green và khi bà và ông Tom lấy nhau thì ông George bỏ đi.

Ông đã tới bờ biển Trung Quốc và dừng chân ở đó. Cách đây chừng hai mươi năm, thỉnh thoảng ông lại gửi quà cho mọi người trong gia đình; sau đó thì không ai nhận được tin tức của ông nữa. Khi ông Tom chết, vợ ông đã gửi thư thông báo cho ông George nhưng không nhận được thư trả lời và tất cả mọi

người đầu đi đến kết luận là bác George đã chết. Nhưng cách đây hai, ba ngày gì đó cả gia đình đã rất bất ngờ khi nhận được bức thư của bà giám đốc Trung tâm điều dưỡng thủy thủ ở Portsmouth. Trong thư bà ta thông báo rằng từ mười năm trở lại đây, ông George Meadows do bị bệnh thấp khớp rất nặng nên đã được nuôi dưỡng tại trại và giờ đây khi linh cảm cái chết sắp đến gần ông có nguyện vọng muốn được trở về căn nhà nơi ông đã sinh ra.

Albert Meadows, con trai tôi đã đến Portsmouth để đón ông trên chiếc xe Ford, còn cả gia đình thì đang bồn chồn chờ đón ông trở về.

— Ngài hãy nghĩ mà xem, bà George nói, đã năm mươi năm kể từ ngày bác ấy ra đi, không biết thằng Albert có đón được bác ấy không.

— Thế mẹ chồng bà, bà Meadows thì nghĩ sao về tất cả chuyện này?

— Ôi, Ông biết bà ấy rồi đấy. Bà ấy cứ cười một mình trong phòng thôi. Tất cả những gì bà ấy nói đó là: "Khi ông ấy ra đi ông ấy là một chàng thanh niên đẹp trai nhưng không được nghiêm túc bằng em trai ông ấy". Chính vì lí do đó mà bà đã chọn bố chồng tôi. Bà còn nói thêm rằng: "Nhưng chắc chắn là ông ấy đã thay đổi và chín chắn hơn nhiều rồi".

Bà George đã đề nghị tôi nếu muốn hãy qua chơi nhà họ để gặp ông bác George. Với sự ngây thơ của một phụ nữ nông dân không bao giờ đi đâu xa hơn thủ đô Luân đôn bà nghĩ rằng chuyến phiêu lưu ở Trung Quốc có thể làm cho chúng tôi thân thiện với nhau hơn. Tất nhiên là tôi đã đồng ý. Khi tôi đến thì cả gia đình đang quây quần trong căn bếp cũ, rộng và được lát bằng đá liếc hái. Bà Meadows ngồi thẳng thắn trong chiếc ghế quen thuộc của bà gần lò sưởi và tôi thấy rất thú vị khi nhận thấy rằng tối nay bà mặc chiếc váy lụa đẹp nhất của mình, còn con trai và con dâu của bà ngồi quanh chiếc bàn cùng với các

con và ở phía bên kia của lò sưởi là một người đàn ông già nua ngồi trong chiếc ghế. Ông ta trông rất gày gò, cảm tưởng như chỉ còn da bọc xương giống như đang khoác một chiếc áo cũ kỹ và quá rộng lên người. Khuôn mặt của ông nhăn nheo vàng bủng và răng của ông đã rụng gần hết.

Tôi tiến đến bắt tay ông.

— Tôi rất mừng khi thấy ông đã trở về bình yên vô sự, ông Meadows - tôi nói với ông ta.

— Thuyền trưởng Meadows - ông đính chính lại.

— Ông đã cố gắng đi bộ vào đến nhà đấy, đứa cháu Albert nói. Khi xe đến lối vào nhà, ông đã bắt cháu dừng xe lại và ông muốn đi bộ vào nhà.

— Mọi người nên biết rằng đã từ hai năm nay tôi không bước chân khỏi giường! Họ đã chuyển tôi xuống một chiếc băng ca để đưa ra xe ô tô. Tôi đã nghĩ rằng mình sẽ không bao giờ còn có thể đi được, nhưng khi tôi nhìn thấy những hàng cây du này trên lối vào nhà thì tôi nghĩ đến người em của tôi đã từng rất rất tự hào vì hàng cây này và tôi bỗng cảm thấy muốn bước đi. Tôi rời căn nhà này đã năm mươi hai năm, ra đi trên đôi chân của mình trên lối đi này và giờ đây tôi cũng muốn quay trở về nhà trên chính đôi chân của mình.

— Theo tôi như thế là không tốt đâu, bà Meadows nói.

— Điều đó làm cho tôi thấy thoải mái. Đây là lần đầu tiên sau mười năm tôi lại cảm thấy mình mạnh khỏe. Tôi sẽ chết sau bà đấy, Emily.

— Đừng có tin chắc quá như thế! - bà trả lời.

Tôi nghĩ rằng đã từ nhiều năm nay chưa có ai gọi bà Meadows bằng tên thời con gái của bà. Tôi cảm thấy hơi ngạc nhiên khi thấy người đàn ông này cho phép mình được tỏ ra suồng sã với bà Meadows. Bà nhìn ông với ánh mắt tươi cười và láu lỉnh còn ông George cũng nở một nụ cười tươi để lộ hàm răng đã rụng gần hết ra khi nói chuyện với bà. Tất cả đã quan sát một cách tò

mò cuộc gặp gỡ sau nửa thế kỷ này của hai con người già cả; và trong thời gian qua, ông đã từng yêu bà còn bà lại yêu một người khác! Tôi tự hỏi không biết họ có nhớ về những tình cảm của họ thời đó và về những gì họ đã từng nói với nhau không. Tôi không biết là ông George lúc này có cảm thấy lạ thường không khi ông đã bỏ lại gia sản, bỏ lại căn nhà của cha ông để đi sống lưu vong vì người phụ nữ này?

— Thế ông có lập gia đình không, thuyền trưởng Meadows?-
tôi hỏi ông

— Chưa bao giờ, - ông trả lời với giọng hơi run và ông mỉm cười. Tôi đã biết quá rõ phụ nữ.

— Đây là ông nói! - bà Meadows đáp lời. Nếu mà tất cả mọi người đều biết được sự thật thì tôi cũng sẽ không thấy ngạc nhiên khi biết rằng ông đã có đến nửa tá các cô da đen.

— Ở Trung quốc các cô gái có màu da vàng chứ không phải màu đen, Emily, nếu bà không biết điều đó thì tôi thực sự ngạc nhiên đấy.

— Chính vì thế mà họ đã làm ông đổi màu da đấy.! Khi vừa nhìn thấy ông, tôi đã tự bảo mình là ông đã bị bệnh vàng da!

— Tôi đã nói là tôi sẽ không lấy ai khác ngoài bà, Emily và tôi đã giữ lời hứa.

Khi nói những lời này ông hoàn toàn không thể hiện một chút gì căm hận hay yêu thương mà chỉ đơn giản là một sự ghi nhận cũng giống như khi ông tuyên bố:"Tôi đã nói là tôi sẽ đi bộ ba mươi cây số và tôi đã giữ lời hứa". Dường như có một chút thoả mãn trong giọng nói của ông.

— Vậy ra là ông sẽ hối hận nếu như ông lấy tôi- bà thêm vào.

Tôi ở lại nói một vài câu chuyện về đất nước Trung quốc với ông già.

— Tôi quen thuộc tất cả các cảng biển của Trung Quốc như trong lòng bàn tay mình vậy. Tôi đã đến tất cả các nơi mà tàu thuyền có thể vào được. Thậm chí nếu ngài có ngồi nghe tôi kể

trong suốt sáu tháng thì tôi cũng không thể kể hết được một nửa những gì mà tôi đã trải qua và nhìn thấy trong suốt thời trai trẻ.

— Nhưng theo những gì mà tôi biết, thì ít nhất có một thứ mà ông đã để tuột mất - bà Meadows nói, cũng với nụ cười giễu cợt nhưng không còn vẻ tinh quái nơi khoé mắt - đó là cơ nghiệp của gia đình.

— Tôi không phải là loại người thích tích góp tiền bạc, khẩu hiệu của tôi là: kiếm được bao nhiêu thì tiêu bấy nhiêu. Nhưng có một điều mà tôi muốn nói ra để biện hộ cho mình đó là nếu được làm lại thì tôi sẽ làm lại đúng như thế. Và không phải ai cũng có thể nói được như vậy.

—Ồ đúng là như vậy đấy!- tôi nói.

Tôi nhìn ông già với sự kính trọng và lòng khâm phục. Đó là một người đàn ông già nua, móm mém, bại liệt và hoàn toàn kiệt sức nhưng ông lại đã rất thành công trong cuộc đời mình vì ông cảm thấy hoàn toàn thoả mãn với nó. Khi tôi chào tạm biệt ông để ra về, ông đã đề nghị tôi hãy đến chơi ngày mai và nếu đất nước Trung Quốc làm tôi quan tâm thì ông sẽ kể cho tôi nghe tất cả các câu chuyện mà tôi muốn.

Sáng hôm sau, tôi quyết định đến xem bà chủ trang trại có muốn tiếp đón tôi không. Tôi đi vào con đường có hai hàng cây du và bước vào vườn nơi tôi nhìn thấy bà Meadows đang hái hoa. Tôi chào bà và bà ngừng lên. Bà đang ôm trong tay một bó hoa trắng lớn. Tôi nhìn về hướng ngôi nhà và nhận thấy rằng tất cả các tấm rèm cửa đều được kéo lại. Tôi thấy ngạc nhiên vì bà Meadows rất thích ánh sáng mặt trời.

Bà đã từng hay nói rằng “Chúng ta sẽ có rất nhiều thời gian sống trong bóng tối đó là khi chúng ta chết”

— Thuyền trưởng Meadows thế nào rồi thưa bà? – tôi hỏi.

— Thì vẫn như đang ở trên mây ấy!- bà trả lời. Sáng nay khi Lizzie mang trà lên thì đã thấy ông ấy chết rồi.

— Chết rồi ư?

— Ông ấy chết khi đang ngủ. Tôi vừa mới hái hoa để đặt trong phòng của ông ấy. Tôi rất mừng vì ông ấy đã được chết ngay tại căn nhà của tổ tiên. Đối với những người nhà Meadows thì đó là điều đáng được coi trọng nhất trên đời.

Mọi người trong gia đình tối hôm trước đã rất vất vả mới thuyết phục được ông ấy đi nghỉ. Ông ấy đã kể về tất cả những gì đã xảy đến với ông trong quãng đời đã qua. Ông đã cảm thấy rất hạnh phúc khi được trở lại ngôi nhà yêu quý của mình. Ông cảm thấy thật tự hào khi đã tự mình đi bộ vào nhà mà không cần ai giúp đỡ và ông còn nói chắc rằng ông sẽ sống ở đây thêm hai mươi năm nữa. Nhưng Chúa trời đã sắp đặt mọi chuyện thật tuyệt vời bằng cách đặt dấu chấm hết vào đúng lúc.

Bà Meadows hít lấy hương thơm từ bó hoa trắng bà vẫn ôm trên tay.

— Tôi rất hạnh phúc vì ông ấy đã trở về, bà nói. Sau đám cưới với ông Tom và sau khi ông George bỏ đi, thật sự là tôi đã không bao giờ biết chắc được là sự lựa chọn của mình có đúng hay không.

PHIÊN TOÀ CỦA CHÚA

Họ bình tĩnh đứng đợi đến lượt mình, sự nhẫn nại đã là thói quen của cả ba người: họ đã tu luyện đức tính ấy trong suốt ba mươi năm qua với một ý chí không gì lay chuyển được. Cả cuộc đời họ thực chất chỉ là một sự chuẩn bị lâu dài cho giây phút này và giờ đây, họ đợi một kết cục, không tự tin - điều không thể được trong thời điểm long trọng này, nhưng ít ra là cũng tràn đầy hy vọng và không có vẻ gì là lo sợ cả. Họ đã chọn đi theo con đường hẹpnhưng là con đường chính đạo, trong khi những tội lỗi bày ra trước mắt họ sự quyến rũ ghê gớm của những cánh đồng đầy hoa: họ vẫn ngẩng cao đầu dù trái tim tan vỡ vượt qua mọi cám dỗ và giờ đây, sau cuộc trường chinh gian khổ, họ mong đợi nhận được phần đền bù cho mình. Không ai phải nói gì vì mỗi người trong họ đều biết được suy nghĩ của hai người còn lại, đoán được họ cũng có cùng một cảm giác của sự giải thoát đang thôi thúc tâm hồn của họ. Họ sẽ phải lo sợ biết bao nếu như họ đã mềm lòng trước sự đam mê mà trước đây họ đã từng xem như không thể nào cưỡng lại được. Sẽ thật là điên khùng nếu như họ đã đánh đổi Cuộc sống Vĩnh hằng đang toả ánh hào quang trước mắt họ lấy một vài năm hạnh phúc ngắn ngủi. Cảm giác của họ cũng giống như của những người vừa thoát khỏi cái chết khủng khiếp không tin được rằng mình còn sống, nhìn nhau sững sờ, chân tay run rẩy. Họ chưa từng làm một điều gì để phải ân hận và một lúc nữa thôi, khi những thiên thần hộ mệnh đến báo với họ là đã đến giờ của họ thì họ sẽ tiến lên, như họ đã từng đi qua thế giới giờ đây đã ở xa đằng sau họ, một cách thanh thản và tin tưởng rằng mình đã làm những gì cần phải làm.

Họ đứng dẹp sang một bên, chỗ này rất đông người. Một cuộc chiến tàn khốc đang diễn ra và, từ nhiều năm nay rồi, những người lính thuộc mọi quốc tịch, vẫn còn ở vào buổi đầu của tuổi trẻ dũng cảm kéo về Tòa án thành một hàng dài vô tận. Và trong hàng người ấy cũng có những phụ nữ, trẻ em, nạn nhân của bạo lực hay đáng buồn hơn là nạn nhân của đau khổ, của bệnh tật và đói kém. Và đám đông hỗn loạn ấy gây ra sự lộn xộn vô cùng trong những buổi phán xử của Đức chúa trời.

Chiến tranh cũng là một phần nguyên nhân sự có mặt của ba bóng ma tái xanh đang run lập cập vì rét trong lúc chờ đợi lời phán xử cho số phận của mình này. Đúng vậy John và Mary đi trên một chiếc tàu bị trúng ngư lôi của tàu ngầm và thiệt mạng, còn Ruth thì đã kiệt sức bởi cống hiến cho công việc một cách cao thượng bấy lâu nay và cô đã không thể nào chịu được cú sốc khi biết tin người đàn ông mình yêu đã chết, thế là cô đã tự tử. Thực ra nếu như John không cố cứu vợ thì anh đã có thể thoát chết. Anh rất ghét cô ta, từ ba mươi năm nay rồi nhưng chưa bao giờ anh ta không làm tròn nghĩa vụ người chồng của mình, ngay cả vào giờ phút gay cán ấy anh cũng không hề nghĩ đến việc mình có thể hành động khác.

Cuối cùng thì các thiên thần cũng dẫn họ vào gặp Chúa trời. Thoạt đầu Chúa trời không để ý gì tới họ. Thật ra Đức Chúa đang bực mình. Trước đó đã có một nhà triết học vào châu, ông ta chết sau một cuộc sống khá dài với rất nhiều vinh sự và ông ta đã liêu lĩnh nói thẳng với Đức Chúa rằng ông ta không tin rằng Đức chúa tồn tại. Thực ra nếu chỉ có thế thì Vua của mọi vị vua đã không nổi giận, cùng lắm cũng chỉ làm ông bật cười. Nhưng có lẽ là với một chút ác ý, nhà triết học đã viện ra những chuyện bất hạnh đã xảy ra trên trái đất để chất vấn Chúa Trời rằng liệu Chúa có thực sự toàn năng và có lòng nhân từ vô biên không.

— Không ai có thể phủ nhận cái xấu - Nhà triết gia nói thêm với vẻ trịnh trọng - Nhưng nếu như Chúa không thể ngăn cản cái xấu thì Chúa không phải là toàn năng còn nếu như Chúa có thể ngăn được nhưng không muốn làm thì Chúa không thực sự có lòng nhân từ vô biên.

Tất nhiên lý luận này chẳng có gì mới lạ với Đấng tối cao cả nhưng Đức ngài chưa bao giờ nghiên cứu nó, vì đúng là Đức ngài biết tất cả các câu trả lời, riêng câu hỏi này Ngài lại chưa biết. Ngay cả Thượng đế cũng không thể làm hai nhân hai bằng năm được. Nhà triết học lại được thể đẩy xa hơn nữa lợi thế của mình, các đồng nghiệp của ông ta hẳn cũng sẽ làm như vậy. Rồi ông ta kết luận bằng một câu thật là ngớ ngẩn trong hoàn cảnh ấy:

— Tôi không thể tin ở Chúa trời nếu sức mạnh và lòng nhân từ của ngài không phải là vô hạn.

Có lẽ bởi vậy nên Thượng đế đã thử phào nhẹ nhõm khi quay sang ba cái bóng khiếm tốn nhưng tràn trề hy vọng. Người sống với thời gian tồn tại chỉ rất ngắn ngủi, nói đã rất nhiều rồi nhất là khi nói về chính bản thân mình, còn người đã chết, vì có cả vĩnh hằng trước mắt, nên lại rất rườm rà đến nỗi người phải có sự kiên nhẫn của thiên thần mới có thể tỏ ra lịch sự chú ý nghe họ nói.

Câu chuyện ba người đó kể có thể được tóm lược lại như sau:

Cho đến trước ngày John gặp Ruth thì John và Mary đã lấy nhau được năm năm, họ yêu nhau như bao cặp vợ chồng hạnh phúc khác với tình yêu chân thành và sự tôn trọng lẫn nhau. Khi đó Ruth mới mười tám tuổi, kém John mười tuổi, cô có sự quyến rũ và vẻ yêu kiều của một con thú non kết hợp với một sắc đẹp lộng lẫy. Tâm hồn cô rất trong sáng cũng như thân thể cô vậy và trong sự háo hức được biết hạnh phúc tự nhiên của cuộc sống, lẽ ra cô đã đạt được đến mức sự cao thượng của tâm hồn hoà quện với sắc đẹp làm một. John và cô, phải lòng nhau,

yêu nhau say đắm nhưng tình yêu của họ không phải là thứ tình yêu tầm thường. Nó đẹp đến mức họ nghĩ tất cả mọi chuyện trên đời này đều chỉ có một ý nghĩa là dẫn tới địa điểm, đến thời gian họ đã gặp nhau. Họ yêu nhau như Daphnis và Chloé, như Paolo và Francesca. Nhưng họ đã đau khổ đến rụng rời khi nhận ra rằng tình cảm của họ bị chia xẻ. Cả hai đều có ý thức của lẽ phải, họ tôn trọng nhau cũng như tôn trọng những giá trị mà người ta đã khắc vào não họ và họ tôn trọng xã hội xung quanh họ. Tại sao anh lại có thể đi quyến rũ một cô gái ngây thơ trong trắng cơ chứ? Và cô, tại sao cô lại có thể cho phép mình có quan hệ với một người đàn ông đã có gia đình? Rồi họ lại phát hiện ra rằng Mary đã phát hiện ra tình cảm giữa họ. Lòng tin mà Mary vẫn dành cho chồng nay đã bị lung lay, rồi trong cô xuất hiện những trạng thái tình cảm mà cô chẳng bao giờ lại nghĩ là mình sẽ có: ghen tuông, sợ bị bỏ rơi, tức giận vì quyền lực của mình đối với trái tim John bị đe dọa và một ý nghĩ lạ trong thâm tâm đau đớn hơn cả tình yêu. Cô có cảm giác nếu như John bỏ cô thì cô sẽ không thể nào sống nổi. Thế nhưng cô biết rằng tình yêu đã tự đến với John chứ không phải anh chủ tâm tìm kiếm nó. Cô không trách móc gì anh cả, chỉ cầu khẩn Đức chúa trời cho mình sức mạnh để chịu đựng và khóc thầm cay đắng. John và Ruth chứng kiến cô tàn lụi héo hắt đi trước mắt họ. Cuộc đấu tranh lâu dài và đau đớn. Đôi khi, trong lúc quên đi ý thức, họ tưởng như không thể nào cưỡng lại được sự đam mê hùng hực trong họ. Thế nhưng họ lại đã cưỡng lại được. Họ đã chống lại cái xấu như là Jacob đã chống lại tiên nữ do Thượng đế cử xuống và cuối cùng họ đã chiến thắng. Trái tim tan nát nhưng tự hào vì đạo đức của mình, họ đã chia tay nhau. Họ hiến dâng cho Thượng đế hy vọng hạnh phúc, tình yêu cuộc sống và cái đẹp của đời.

Ruth đã quá yêu John và chẳng thể nào yêu ai được nữa. Trái tim hoá đá, cô quay về với Chúa và với những việc thiện. Cô làm

việc không mệt mỏi: chăm sóc người ốm, giúp đỡ người nghèo, thành lập những trại trẻ mồ côi, điều hành những tổ chức từ thiện. Và dần dần, sắc đẹp mà cô chẳng còn bận tâm đến nữa cũng tàn phai và nét mặt cô cũng trở lên cứng rắn như trái tim cô vậy. Nguyên tắc sống của cô rất cứng rắn, ngay cả lòng tốt của cô cũng có nguyên tắc vì nó bắt nguồn từ lý trí chứ không phải là từ trái tim, cô trở thành độc đoán, cố chấp và hay thù oán.

Về phía John, cam chịu nhưng ủ ê và trở thành dễ cáu kỉnh, anh buồn chán chờ đợi cái chết đến giải thoát cho mình. Đối với anh, cuộc sống đã mất ý nghĩa, chính chiến thắng có được bằng bao cố gắng ấy đã huỷ diệt anh, anh chỉ còn có một tình cảm duy nhất đó là căm thù, âm thầm căm thù vợ mình. Rất ân cần, tử tế, anh luôn luôn cư xử với vợ như một người đàn ông tốt, một con chiên ngoan đạo. Nói tóm lại, anh làm đúng nghĩa vụ của mình.

Mary, người vợ chung thủy không chê vào đâu được, tỏ ra rất độ lượng - phải công nhận là điều hiếm có trên đời. Chẳng bao giờ cô nghĩ đến việc trách móc chồng về lỗi lầm của anh. Thế nhưng cô lại không thể chịu được ý nghĩ rằng chính anh đã hy sinh hạnh phúc của mình cho cô. Cô trở nên buồn rầu, quàu quạu. Mặc dù cô rất hối hận nhưng cô không thể nào ngăn mình nói với anh những điều mà cô biết sẽ làm anh bị tổn thương. Cô sẵn sàng hy sinh bản thân mình cho anh nhưng cô không thể cho phép anh có thể có một khoảnh khắc nào đó hạnh phúc trong khi chính cô đau khổ đến muốn chết đi. Giờ đây họ đã toại nguyện: cả cô và cả hai người kia nữa. Cuộc đời ảm đạm, nhàm chán của họ nay chỉ còn là dĩ vãng, họ đã không phạm tội gì và giờ đây giờ phút được bù đắp đang đến gần.

Khi họ kết thúc câu chuyện về đời họ, tất cả xung quanh đều lặng đi, sự yên lặng lan ra cả bầu trời.

“Cút ngay!” những lời ấy đã chực lên môi Đức chúa trời nhưng Ngài không nói ra vì sự dung tục không phù hợp với khung cảnh long trọng xung quanh. Vả lại, một sắc lệnh như vậy chưa nói được rõ cái bản chất của vấn đề. Vàng trán Đấng tối cao cau lại. Có phải là vì một kết cục như thế này mà Ngài đã cho mặt trời mọc lên từ mặt biển mỗi sáng và cho tuyết lấp lánh trên đỉnh những ngọn núi? Có phải vì một kết cục như thế này mà các dòng suối ca bài ca hân hoan khi chảy từ trên cao xuống và lúa mì đung đưa trong gió chiều? “Đôi khi ta cũng có cảm giác, Đức chúa trời thầm nghĩ, những ngôi sao tỏa sáng tuyệt vời nhất của mình khi chúng soi mình vào một cái rãnh đầy bùn.”

Nhưng ba cái bóng đang đứng trước Ngài và họ đã giải bày câu chuyện của đời họ, với tí chút vẻ tự phụ. Cuộc đấu tranh đã rất vất vả nhưng họ đã hoàn thành sứ mệnh của mình. Đức Thánh thối khẻ, như thể để thối tắt một ngọn diêm, và xung quanh ba bóng hồn đáng thương chẳng còn gì cả. Đức Ngài đã chuyển họ đến chỗ hư không.

— Ta vẫn thường tự hỏi tại sao con người cứ nghĩ ta coi trọng những lầm lạc trong cuộc sống gia đình đến như vậy. Nếu như họ đọc kỹ những bài giảng của ta thì họ sẽ thấy rằng ta luôn luôn chiêm chước cho cái điểm yếu đặc biệt này của con người.

Rồi Ngài quay sang nhà triết học - ông ta vẫn đang đợi câu trả lời cho những lý luận của mình.

— Chắc nhà người cũng phải công nhận rằng trong trường hợp này ta đã kết hợp một cách hoàn hảo sức mạnh toàn năng và lòng nhân ái vô biên của ta chứ?

TIẾNG CHIM CU GÁY

Đã từ rất lâu rồi tôi vẫn không biết đích xác là tôi thích hay không thích tay nhà văn Peter Melrose. Anh ta đã xuất bản một cuốn tiểu thuyết và đã gây được vài sự chú ý đối với vài kẻ nhàm chán, nhưng đáng kính, luôn rình rập những tài năng trẻ. Những ông già suốt ngày chỉ có việc đi dự những bữa tiệc của giới thượng lưu sành giao thiệp đã ca ngợi anh ta hết lời còn những bà quý tộc yếu điệu không hạnh phúc trong gia đình, lại thấy anh ta đầy triển vọng. Tôi đã từng đọc vài bài phê bình, tất cả đều mâu thuẫn nhau. Một vài bài quả quyết rằng tác phẩm đầu tay này đã đưa tác giả của nó lên hàng những nhà văn bậc nhất nước Anh; các bài khác lại chê bai nó thậm tệ. Tôi đã quyết định không đọc nó vội. Theo kinh nghiệm của tôi, khi một cuốn tiểu thuyết gây dư luận thì tốt nhất nên để qua một năm rồi hãy đọc. Và kết quả là số sách không được đọc nhiều một cách đáng ngạc nhiên.

Nhưng một sự tình cờ đã làm cho tôi gặp Peter Melrose trong một buổi sherry party mà tôi đã nhận lời mời sau một hồi cân nhắc. Cuộc gặp gỡ diễn ra tại tầng trên cùng một toà nhà mới xây lại tại khu Bloomsbury. Khi leo lên đến nơi, mệt gần đứt hơi, tôi được đón tiếp bởi hai người phụ nữ cao lớn quá mức bình thường. Đó là những phụ nữ có cá tính, mạnh mẽ nhưng lại vẫn đầy nữ tính. Phòng khách của họ, mà họ gọi là “xưởng” (mặc dù tài sản của họ có thể cho phép họ cả đời chẳng phải làm gì), rất rộng rãi nhưng chỉ có một vài cái ghế thép không gỉ, vài cái bàn mặt kính và một đi văng rộng phủ da ngựa vằn. Trên tường là các giá đầy sách và những bức tranh vẽ lại của các danh họa Cezanne, Braque và Picasso. Trên giá sách, ngoài một vài cuốn thuộc dòng “ý nhị” của văn học thế kỷ 18 (văn khiêu dâm quả là

bất tử) còn thì toàn là những tác phẩm của tác giả đương thời, phần lớn là sách in lần thứ nhất, vả lại chính để ký một vài tiểu thuyết của mình mà tôi đã được mời đến cuộc chiêu đãi này.

Không khí rất thân mật. Chỉ có một người phụ nữ nữa, có vẻ là em út của hai chủ nhà vì mặc dù cũng khá to lớn và thân tình nhưng cô ta không cao bằng và không thân tình bằng hai người kia. Tôi không biết tên thật của cô ta nhưng cô ta tự xưng là Boofuls.

Ngoài tôi ra chỉ duy nhất còn một khách mời nữa là Peter Melrose. Đó là một chàng trai rất trẻ, khoảng ngoài hai mươi tuổi, vóc người trung bình nhưng sự lóng ngóng và thái độ của anh ta làm cho anh ta có vẻ nhỏ con. Anh ta có nước da hồng hào, căng, mũi to và có vẻ của một người Xê-mít^[9] mặc dù anh ta không phải là người Do thái. Anh ta có cặp mắt màu xanh rất linh hoạt dưới hàng lông mày rập, mái tóc nâu cắt ngắn và đầy gàu. Anh ta mặc một áo khoác ngắn và quần vải mềm như những sinh viên trường Mỹ thuật mà người ta vẫn thường thấy đi thơ thẩn, đầu trần, dọc phố King's Road ở Chelsea. Nói tóm lại là một anh chàng thô kệch và chẳng có gì là dễ mến cả. Anh ta rất tự tin, luôn sẵn sàng cãi vã và có vẻ cố chấp. Anh ta rất khinh thường các đồng nghiệp của mình và thể hiện điều đó rất mạnh mẽ. Tôi cảm thấy vui vui khi nghe anh ta công kích không kiêng dè thanh danh của một số người mà chính tôi cũng cho rằng đã được tâng bốc thái quá nhưng chưa bao giờ dám nói ra nhưng tôi cũng chắc chắn rằng nếu tôi không có mặt ở đó thì thanh danh của tôi cũng bị bài xích không kém phần gầy gát. Anh ta nói rất hay. Những ý nghĩ của anh ta rất lạ và đôi khi hóm hỉnh. Những lời lẽ khéo chọn của anh ta lẽ ra đã làm tôi cười thoải mái hơn nếu như ba người phụ nữ đã không cười bò ra một cách thái quá. Họ luôn phá lên cười sau mỗi lời anh ta nói, dù hài hước hay ngớ ngẩn. Anh ta nói liên mồm, hầu hết là

những điều ngờ ngẩn nhưng cũng có một vài nhận xét khá sắc sảo. Những ý kiến của anh ta đơn giản và không độc đáo như anh ta tưởng, tuy nhiên lại rất chân thành. Điều nổi bật nhất ở anh ta là sự sôi nổi, thậm chí hung hăng. Nó như một ngọn lửa thiêu đốt anh ta từ bên trong và thậm chí còn có xu hướng lây lan sang những người xung quanh. Ít ra anh ta cũng có nét độc đáo đó và tôi đã vừa bắt tay từ biệt anh ta vừa tò mò tự hỏi “Anh ta sẽ trở thành người như thế nào sau này nhỉ?”. Tôi thực sự không biết anh ta có tài hay không, có biết bao người trẻ tuổi, có khả năng viết một truyện hay như anh ta nhưng điều đó chưa nói lên gì cả. Nhưng về góc độ con người, tôi nghĩ anh ta là một người đặc biệt. Khi anh ta 30 tuổi, khi mà thời gian đã gọt giũa những góc cạnh của cá tính và cuộc đời đã cho anh ta ý thức được rằng anh ta không thực sự thông minh như anh ta tưởng, con người này sẽ trở thành một người thú vị. Tuy vậy tôi không nghĩ sẽ gặp lại anh ta.

Hai, ba ngày sau tôi rất ngạc nhiên khi nhận được một bản cuốn tiểu thuyết của anh ta với một lời đề tặng rất hay. Tôi đã đọc và nhận ngay ra rằng đó là một tự truyện. Câu chuyện xảy ra tại một thành phố nhỏ ở Sussex, kể về cuộc sống của những nhân vật thuộc dòng dõi tư sản cố gắng giữ sĩ diện của mình mặc dù khả năng tài chính không cho phép. Lời văn thô lỗ, tục tĩu và tôi có cảm giác khó chịu khi đọc nó vì thực tế phần lớn câu chuyện dành cho việc nhạo báng những người già và người nghèo. Peter Melrose không biết sự chịu đựng nổi bật hạnh là khó khăn như thế nào và càng không hiểu được rằng những cố gắng chiến thắng bất hạnh đáng được thông cảm hơn là nhạo báng. Tuy nhiên có những đoạn văn tả khung cảnh trong nhà hay cảnh đồng quê rất hay. Người đọc cảm thấy tình yêu và vẻ đẹp tinh thần của những vật dụng vật chất. Lời văn trôi chảy, không kiêu cách nhưng mỗi từ ngữ như là một nốt nhạc. Nhưng theo tôi, điều khiến cho tiểu thuyết này được công chúng đón

nhận nhiệt tình đó là sự nồng cháy trong câu chuyện tình – nội dung chính của tiểu thuyết. Cũng như mọi chuyện tình thời nay, câu chuyện hơi tầm thường, kết thúc không rõ ràng và không có kết quả gì cụ thể thậm chí mọi chuyện gần như chẳng có gì khác so với lúc bắt đầu nhưng nó lại có cái đặc sắc của một tình yêu tuổi trẻ, lý tưởng hoá nhưng lại rất cuồng nhiệt. Câu chuyện tình được kể lại một cách sâu sắc và dữ dội tới kỳ lạ như đã thổi hồn cuộc sống vào những trang giấy. Sự đam mê tột cùng. Chẳng có gì cảm động hơn thế.

Tôi đã viết cho Peter Melrose để nói những gì tôi nghĩ về cuốn sách của anh ta và đề nghị ăn trưa với anh ta. Anh ta đã gọi cho tôi ngay ngày hôm sau để ấn định một cuộc hẹn.

Ngồi trước mặt tôi, trong quán ăn, anh ta tỏ vẻ rụt rè một cách đáng ngạc nhiên. Anh ta nói liên tục nhưng rõ ràng là không được thoải mái cho lắm. Tôi có cảm giác rằng sự tự tin của anh ta chỉ là một cách để che giấu, có thể là với chính mình, một nỗi lo sợ nào đó đang làm cho anh ta bứt rứt. Cung cách của anh ta rất thô bạo và vụng về. Anh ta văng một câu tục tĩu rồi cười lớn để giấu đi sự ngượng ngùng. Mặc dù tự nhận là người tự tin nhưng anh ta lại luôn cần được an ủi. Anh ta chọc tức người đối thoại bằng những lời mà anh ta biết là sẽ làm người ta phật ý nhưng thực ra đó là anh ta đang cố gắng làm cho người ta thừa nhận, dù chỉ là thừa nhận ngầm, hình ảnh tuyệt vời mà anh ta tự gán cho mình. Anh ta muốn tỏ ra khinh thường ý kiến của người khác và điều đó có vẻ rất quan trọng đối với anh ta. Đó là một gã trai trẻ hơi kiêu căng nhưng điều đó hoàn toàn không làm tôi bận tâm. Đó cũng là lẽ thường đối với những tài năng trẻ. Họ ý thức được rằng họ có một tài năng gì đó mà họ còn chưa biết khai thác. Họ nổi dậy chống lại cái thế giới xung quanh không chịu thừa nhận giá trị của họ. Họ có rất nhiều để cho nhưng chẳng có bàn tay nào chìa ra đón nhận. Họ rất nóng lòng có được sự nổi tiếng mà họ coi như là đương nhiên họ phải

có. Thực sự là tôi không có ác cảm với những người trẻ tuổi kiêu căng, chỉ trừ khi họ làm trò quá.

Peter Melrose rất khiêm tốn khi nói tới tác phẩm đầu tay của mình. Mặt anh ta, vốn đã hơi đỏ nay đỏ ửng lên khi tôi nói với anh ta tất cả những gì mà tôi đánh giá cao trong tiểu thuyết của anh ta và cũng chấp nhận những lời phê bình của tôi với một sự khiêm tốn gần như hơi thái quá. Cuốn tiểu thuyết đã không mang lại cho anh ta nhiều lắm và nhà xuất bản trả cho anh ta một khoản trợ cấp nhỏ hàng tháng với danh nghĩa ứng trước cho cuốn sách thứ hai mà anh ta vừa mới bắt đầu viết.

Peter Melrose muốn rời London đến một nơi bình yên để viết và khi biết tôi sống ở Côte d'Azur, anh ta đã hỏi tôi có biết chỗ nào yên tĩnh và không quá đắt không. Tôi đã nói anh ta có thể đến ở tạm nhà tôi một vài ngày trong lúc chờ đợi kiếm được một chỗ hợp với khả năng. Vừa nghe câu đó mắt anh ta sáng bừng lên và đỏ mặt:

— Tôi sẽ không làm phiền ông chứ?

— Không đâu. Tôi sẽ rất bận với công việc của tôi. Tôi chỉ có thể cho anh chỗ ở và ăn ngày 3 bữa thôi. Sẽ không có gì vui lắm nhưng ít ra anh sẽ được hoàn toàn tự do.

— Tuyệt quá! Tôi sẽ viết cho ông sau khi tôi quyết định.

— Tất nhiên rồi.

Một hoặc hai tuần sau đó tôi trở về nhà, lúc đó đang là tháng năm. Đầu tháng sáu tôi nhận được một lá thư của Peter Melrose nhắc lại lời đề nghị của tôi và hỏi tôi liệu anh ta có thể đến ở nhờ nhà tôi vài ngày không và bao giờ thì có thể đến được. Khi đưa ra lời mời ấy tôi đã nói thật lòng nhưng giờ đây, một tháng sau, khi tôi nhớ lại hình ảnh một anh chàng kiêu căng, hỗn xược mà tôi mới chỉ gặp có hai lần và tôi cũng chẳng có cảm tình gì đặc biệt thì tôi lại chẳng còn muốn đón tiếp anh ta nữa. Tôi ưa cuộc sống yên tĩnh và rất ít khi tôi tiếp khách tại nhà. Tôi cũng e rằng anh ta sẽ làm tôi rất khó chịu nếu như anh ta vẫn tiếp tục ăn nói

thô lỗ như mọi khi và như vậy có lẽ tôi sẽ chẳng chịu đựng anh ta được quá một nửa tiếng đồng hồ. Nhưng tôi đã trót hứa mất rồi và hơn nữa anh ta cần được giúp đỡ, vài ngày ở nhờ nhà tôi sẽ giúp anh ta tiết kiệm tiền ở và thay đổi không khí một chút, trong thư anh ta nói anh ta thực sự mệt mỏi và rất buồn. Tôi gửi một bức điện trả lời và vài ngày sau anh ta đến.

Khi mới đến bộ dạng anh ta rất luộm thuộm, quần thụng xám, áo vét nâu và có vẻ mệt mỏi nhưng sau khi tắm và diện bộ quần soóc trắng áo t-shirt thể thao thì anh ta lại có vẻ rất trẻ. Lần đầu tiên ra khỏi nước Anh, anh chàng không giấu được sự háo hức, niềm vui hiện rõ trên mặt. Trong hoàn cảnh đặc biệt ấy anh ta như đã quên mất hình ảnh của mình để trở nên giản dị, khiêm tốn và thậm chí trẻ con. Một bất ngờ thú vị!

Buổi tối, sau bữa ăn, ngồi trong khu vườn tĩnh lặng, chỉ nghe có tiếng ếch kêu, Peter Melrose bắt đầu nói với tôi về cuốn tiểu thuyết anh ta đang viết. Đó là một câu chuyện tình lãng mạn giữa một nhà văn và một ca sĩ Opera. Tôi thực sự không ngờ một người cứng rắn như anh chàng này lại viết một tiểu thuyết theo kiểu của Ouida và điều đó đã khơi dậy trí tò mò của tôi. Và cũng thật là lạ, với vòng quay thời gian những thế hệ sau lại lặp lại những chủ đề mà thế hệ trước đã viết. Tôi chắc rằng Peter Melrose sẽ viết một cách rất hiện đại nhưng tôi cũng tin chắc rằng sẽ lại vẫn là kiểu tiểu thuyết dài lê thê đã từng làm say mê những độc giả uỷ mị hồi cuối thế kỷ trước. Anh ta đặt câu chuyện vào khoảng đầu thời kỳ các vua Edouard vì đối với giới trẻ thì đó là thời kỳ thơ mộng nhất của thời cổ xưa. Anh ta nói khá hay, nói liên tục và không nhận ra rằng anh ta đang đưa vào câu chuyện những mộng tưởng của chính anh ta – những mộng tưởng ngớ ngẩn của một gã trai trẻ tầm thường, không có gì quyết rũ lại tưởng tượng ra mình được một phụ nữ tuyệt vời, nổi tiếng và rất đẹp yêu, trước sự ngưỡng mộ của cả thế giới. Tôi vốn rất thích những tiểu thuyết của Ouida và tôi thấy ý của

Peter cũng không đến nổi tôi. Với tài miêu tả, khả năng quan sát sắc sảo những đồ vật như vải, đồ đạc, cây cối, hoa và cách anh ta gợi lên sự đam mê cuộc sống, tình yêu, tôi nghĩ rằng anh ta rất có khả năng cho ra đời một tác phẩm siêu thực đầy chất thơ. Tôi hỏi Peter Melrose:

— Anh đã gặp một nữ ca sĩ opera nào chưa?

— Chưa. Nhưng tôi đã đọc tất cả những tự truyện và hồi ký mà tôi kiếm được và tôi đã nghiên cứu chúng thật kỹ càng. Không chỉ những ý chính thôi đâu, tôi đã tìm hiểu cả những khía cạnh không ngờ nhất, những chi tiết hay giai thoại có ý nghĩa nhất.

— Vậy là anh đã có tất cả những gì anh cần rồi?

— Tôi nghĩ vậy.

Và anh ta bắt đầu tả cho tôi về nhân vật ca sĩ của mình. Đó là một phụ nữ đặc biệt, trẻ, đẹp, bướng bỉnh, tính tình nóng nảy nhưng hào hiệp và rất yêu âm nhạc. Âm nhạc hiện diện trong giọng nói, trong từng cử chỉ và ngay cả trong những ý nghĩ thầm kín nhất của cô. Cô không có khái niệm về ham muốn và tình yêu nghệ thuật của cô mãnh liệt tới mức cô đã tha thứ cho một ca sĩ khác đã xúc phạm đến cô chỉ vì cô đã hát rất hay. Và cô hào phóng đến mức cho tất cả những gì mình có khi nghe câu chuyện về một người bất hạnh làm cho cô cảm động. Một người phụ nữ si tình sẵn sàng hy sinh tất cả cho người mình yêu. Thông minh, hiểu biết, dịu dàng, rộng lượng và không vụ lợi, đó là một mẫu hình quá hoàn hảo không thể có trong thực tế.

— Tôi nghĩ rằng anh cần gặp một ca sĩ thực thụ – tôi nói sau một hồi suy nghĩ.

— Nhưng tôi phải làm sao đây?

— Anh có biết La Falterona không?

— Dĩ nhiên. Tôi đã đọc những hồi ký của bà ấy.

— Bà ấy sống gần đây. Tôi sẽ gọi điện mời bà ấy ăn tối.

— Thật vậy sao? Thật là tuyệt vời!

— Nhưng đừng có kêu ca nếu như bà ấy không giống như những gì anh mong đợi đấy nhé.

— Điều tôi muốn biết là sự thật.

Ai cũng biết La Falterona, thậm chí bà ấy còn nổi tiếng hơn cả Melba. Bà ấy đã ngưng hát opera nhưng giọng vẫn rất hay và có nhiều người hâm mộ ở khắp nơi trên thế giới. Mùa đông bà đi lưu diễn và mùa hè nghỉ tại villa của mình cạnh bờ biển. Ở đây, trong vòng 50 kilômét người ta có thể coi nhau như là hàng xóm, vì vậy trong mấy năm ở đây tôi đã khá gần gũi với La Falterona. Đó là một người có cá tính và các câu chuyện về bà ấy cũng nổi tiếng chẳng kém gì giọng hát của bà. Bà thường dành ra hàng giờ kể cho tôi nghe về những cuộc phiêu lưu huyền hoặc của mình với những kẻ vương giả si tình hay những tỉ phú. Bà luôn kể lại các câu chuyện này một cách hài hước - điểm mà tôi thấy nổi bật nhất ở La Falterona; tôi biết trong đó chỉ có một phần nhỏ là thật nhưng với tôi thế cũng là đủ rồi. Bà ấy đã có ba hay bốn đời chồng rồi, chẳng bao giờ được lâu, và một trong số đó là một hoàng tử xứ Naples. Vì nghĩ rằng La Falterona có tiếng hơn mọi phẩm tước, bà ấy vẫn giữ họ của mình chứ không lấy họ của vị hoàng tử nọ (thực ra thì bà ấy cũng chẳng có quyền giữ họ ấy vì bà ấy đã lấy người khác sau khi ly dị với hoàng tử). Thế nhưng bộ đồ ăn của bà, đĩa bạc, dao dĩa,... đều được trang trí một cách cầu kỳ và có cả hình vương miện rất nổi nữa và người làm của bà thì luôn gọi bà bằng "Công Chúa". Bà ấy tự giới thiệu mình là người Hungari nhưng tiếng Anh của bà rất chuẩn, chỉ có một chút giọng của người nước ngoài - khi bà ấy nhớ ra - nhưng là giọng của người Kansas. La Falterona giải thích rằng cha bà là một tù chính trị lưu vong ở Châu Mỹ khi bà ấy còn nhỏ: thế nhưng bà ấy thường không còn nhớ rõ lắm nữa những chuyện đã xảy ra thời kỳ đó như một nhà bác học đã bị xử tử vì những tư tưởng tự do của mình hay một người Hungari thuộc dòng dõi quý tộc đã bị triều đình trừng

phạt vì đã quan hệ với một quận công. Tất cả tùy thuộc bà nói chuyện với những nghệ sĩ hay với những quý tộc.

Với tôi thì La Falterona lại thật thà, thực ra điều đó với bà ấy là không thể có được, hay ít ra là thực thà hơn là đối với người khác. Bà ấy rất coi thường nghệ thuật vì coi đó là một trò lừa đảo khổng lồ và tỏ ra có chút cảm tình với những ai làm cho công chúng tin tưởng nghệ thuật. Tôi phải thừa nhận là tôi đã cười thầm trong lúc chờ đợi cuộc gặp gỡ giữa Peter Melrose và La Falterona.

Bà ấy rất thích ăn tối với tôi vì đồ ăn rất ngon. Bữa tối là bữa ăn duy nhất trong ngày của bà, La Falterona rất chú ý giữ gìn mình, thế nhưng lại thích ăn ngon và ăn nhiều.

Tôi đã mời bà ấy đến vào 9 giờ, vì biết rằng bà ấy ăn rất muộn, yêu cầu nhà bếp chuẩn bị bữa ăn cho 9 giờ 30. La Falterona đã đến lúc 10 giờ kém 15, bà mặc một chiếc váy dài màu xanh táo bằng vải sa tanh cổ sâu, lưng trần. Bà mang một vòng hạt cườm lớn, rất nhiều nhẫn quý, một hàng vòng kim cương và vòng ngọc trên cánh tay trái từ cổ đến tận khủy tay, ít ra cũng có vài ba chiếc là đồ thật, và trên mái tóc cánh quạ của bà gắn một mảnh kim cương. Có lẽ các quý bà ở cuộc khiêu vũ ở Stafford House ngày xưa cũng không lộng lẫy hơn thế! Phần chúng tôi, Peter Melrose và tôi diện bộ đồ trắng.

— Ô thật là lịch sự! Tôi nói, Tôi đã nói với bà rằng đây chỉ là một bữa tối thân mật thôi mà.

La Falterona liếc đôi mắt đen tuyệt đẹp sang phía Peter:

—Ồ không đâu. Chẳng phải là ông đã nói là bạn của ông là một nhà văn đại tài sao? Còn tôi chỉ là một diễn viên – bà lướt nhẹ tay trên dây vòng lấp lánh - đây là cách của tôi thể hiện sự tôn trọng đối với tài năng sáng tạo.

Tôi đã phải kìm mình không bật ra một câu chửi thề và rót mời bà ta một ly cocktail mà bà vẫn thích. Tôi có được vinh dự được phép gọi bà ta bằng Maria nhưng bà ấy kiên quyết gọi tôi là

Ngài vì hai lý do: một là điều đó làm cho tôi có vẻ rất ngớ ngẩn và hai là để chỉ rõ ra rằng bà ta và tôi thuộc hai thế hệ khác nhau, mặc dù rằng bà ấy chỉ kém tôi có hai hay ba tuổi. Tuy nhiên đôi khi bà ấy gọi tôi một cách thân mật là Lão già đều cẳng.

Buổi tối hôm đó người không biết sẽ nghĩ rằng bà ta chưa quá ba năm tuổi. Gương mặt của bà, với những đường nét rất nổi, vẫn giữ được tuổi thanh xuân. Trên sân khấu, cũng như là ngoài đời, đó là một phụ nữ tuyệt đẹp mặc dù cái mũi hơi nổi, cái miệng hơi rộng và khuôn mặt hơi bầu bầu. Làn da nâu được tôn lên bởi màu son đỏ trên đôi môi rất tươi tắn. Bà ta để lộ am điệu của người tây ban nha: thoát đầu đó chỉ là cảm giác của tôi nhưng rồi nó càng rõ nét hơn khi bà ta bắt đầu nói chuyện vào đầu bữa ăn, với một giọng đặc trưng của vùng Castella . Tôi đã cố ý làm cho bà ta thể hiện mình thật nhiều để Peter có dịp mục kích một ca sĩ opera thú vị nhất – tôi biết đó là điều duy nhất anh ta quan tâm.

Thực ra La Falterona là một phụ nữ ngớ ngẩn có những lời nói hoa mỹ nhưng hơi hợt làm cho người ta thoát đầu tưởng là bà ta rất thông minh nhưng đó chỉ là trò hề và bạn sẽ nhận ra rất nhanh chóng rằng bà ta chỉ nói lung tung và thậm chí chẳng để ý đến những gì mình nói. Tôi chắc rằng cả đời chưa bao giờ bà ta sờ đến một cuốn sách nào. Hiểu biết về thế giới của bà ta giới hạn ở những điều mà bà ta có thể đoán được qua những hình ảnh trong các tạp chí. Sự đam mê âm nhạc của bà ta chỉ là trò ba láp. Một hôm cùng đi nghe nhạc với tôi bà ấy đã ngủ từ khi bắt đầu cho đến lúc kết thúc Bản giao hưởng số 5 và sau đó, trong lúc nghỉ giải lao, bà ta suýt làm tôi phì cười khi nói rằng bà ta rất thích Beethoven và chắc rằng những âm hưởng tuyệt vời của bản nhạc sẽ làm cho bà ta không ngủ được tối nay. Ít ra tôi tin bà ta ở điểm này vì bà ta đã ngủ rất say trong buổi hoà nhạc rồi thì đêm nay còn ngủ ngon làm sao được nữa.

Có một chủ đề mà La Falterona có thể nói suốt đời không bao giờ biết mệt và một khi đã bắt đầu thì không gì có thể làm bà ta chuyển chủ đề được. Tất cả các chủ đề, ngay cả những chuyện lạ lùng nhất, đều được bà lợi dụng để dẫn đến chủ đề ưa thích của mình một cách khéo léo đến kinh ngạc. Khi nói về chủ đề này bất cứ lúc nào bà ta cũng có thể trở nên hóm hỉnh, sôi nổi, triết lý, lâm ly và phong phú. Đó là cơ hội để bà ta thể hiện những tài năng của mình. Chủ đề có khả năng phát triển và biến đổi vô hạn. Chủ đề đó chính là chuyện về La Faltarona! Tôi mớm lời đưa bà ta vào đề rồi sau đó chỉ cần một vài câu đưa đẩy. Bà ta cảm thấy rất vui về tối hôm đó.

Chúng tôi ăn ngoài sân hiên, ánh trăng soi sáng mặt biển dưới mắt chúng tôi. Như thể là nó cũng biết điều gì cần thiết cho hoàn cảnh, Thiên Nhiên đã ban cho chúng tôi một khung cảnh lý tưởng. Hai cây bách làm viền cho sân khấu và xung quanh là những cây cam đang độ nở hoa tỏa mùi hương rất quyến rũ. Không một chút gió nào khuấy động ánh sáng mờ mờ của những ngọn nến trên bàn. Ánh sáng ấy rất phù hợp với La Falterona. Ngồi giữa hai chúng tôi, rất vui vẻ, bà ta ăn rất thoải mái và thưởng thức champagne một cách hào hứng. Bà ta đưa mắt ngắm nhìn trăng. Một dải sáng bạc trải trên mặt biển.

— Ôi thiên nhiên mới đẹp làm sao! La Faltarona kêu lên. Thật khỉnh khiếp những phối cảnh mà người ta áp đặt cho chúng tôi ở nhà hát. Làm sao mà có thể hát ở trong đó được. Những phối cảnh của nhà hát Covent Garden thì tôi xin cam đoan rằng tôi tệ không đâu bằng. Lần trước khi tôi diễn Juliette ở đó tôi đã phải cương quyết với họ, nếu không có trăng thì tôi sẽ không hát.

Peter im lặng nghe như uống từng lời bà ta nói. Và bà ấy đã thể hiện mình nhiều hơn tôi mong đợi. La Faltarona đã hơi say say, không phải chỉ vì uống quá nhiều champagne mà một phần là vì đã nói quá nhiều. Nghe bà ta nói thì người ta sẽ tưởng rằng đó là một phụ nữ tội nghiệp, dịu dàng và hiền lành bị cả thế giới

chống lại, rằng cuộc đời bà ta là một cuộc đấu tranh dai dẳng và gian khổ để vượt qua những trở ngại khôn lường. Các giám đốc nhà hát đối xử với bà thật tồi tệ, các ông bầu lừa gạt bà, các đồng nghiệp kéo bè phái nhằm hãm hại bà, những nhà phê bình tay sai của các kẻ thù của bà dựng lên những chuyện thật khủng khiếp và những người tình thì phản bội bà một cách bẩn thỉu. Thế nhưng bằng phép lạ của vị thần hộ mệnh và bằng sự sắc sảo của chính bản thân, bà ta đã làm cho tất cả bọn chúng bị bẽ mặt. Với một sự khéo trá và một chút ma mãnh hiện trong đôi mắt, bà ta kể rằng đã làm thất bại âm mưu của những kẻ muốn hãm hại bà ta như thế nào và cả những thảm họa đã đến với họ nữa. Tôi thật sự không hiểu tại sao bà ta lại dám kể ra những chuyện tai tiếng như thế. Một cách vô thức, bà ta đã tỏ ra rất đố kỵ, hằn thù, nghiệt ngã, tự kiêu ghê gớm, độc ác, ích kỷ, mảnh khỏe và dễ bị mua chuộc. Thỉnh thoảng tôi kín đáo quan sát Peter và rất thích thú tưởng tượng ra sự thất vọng của anh ta khi đối chiếu hình ảnh lý tưởng của nhân vật ca sĩ của mình với thực tế phũ phàng. Đó là một người phụ nữ không có trái tim. Cuối cùng, khi La Falterona chào từ biệt tôi mỉm cười quay sang Peter:

— Vậy đấy. Dầu sao thì tôi cũng hy vọng là đã giúp cho anh hoàn thiện tiểu thuyết của mình.

— Có đấy. Anh ta hào hứng trả lời, thật đúng như những gì tôi mong đợi, thật tuyệt vời!

— Thật vậy sao? Tôi thốt lên ngạc nhiên cực độ.

— Bà ấy hoàn toàn đúng như nhân vật của tôi. Hẳn là bà ấy sẽ không tin rằng tôi đã phác thảo những nét chính của nhân vật trước cuộc gặp gỡ ngày hôm nay.

Tôi nhìn anh ta, ngạc nhiên không nói nên lời.

— Đam mê nghệ thuật! Vô tư! Bà ấy cũng có tâm hồn cao thượng mà tôi đã từng tưởng ấy. Những kẻ xấu xa, tò mò và tầm thường đặt ra những cản trở trên con đường của bà ấy nhưng bà

ấy vượt qua chúng dễ dàng bằng sự cao thượng, trong sáng của mình – Peter cười thoải mái – Cuộc đời lại bắt chước nghệ thuật, thật ngạc nhiên đúng không? Tôi nói thật đấy, chúng giống nhau đến tuyệt vời.

Tôi định phản bác nhưng lại thôi, tôi thậm nhún vai, quả thực tôi rất ngạc nhiên. Peter chỉ nhìn thấy ở La Falterona những gì anh ta nghĩ từ trước. Nhưng cũng có tí chút đẹp trong cái sai của anh ta: chất thơ. Chúng tôi đi ngủ và hai hoặc ba ngày sau đó Peter đã thấy tìm thấy một nhà trọ phù hợp và dọn đi.

Một thời gian sau cuốn sách của anh ta xuất bản và, cũng như phần lớn các tiểu thuyết thứ hai của các tay viết trẻ, cuốn sách này không được thành công lắm. Những nhà phê bình đã từng đánh giá quá cao tác phẩm đầu tay của Peter Melrose giờ lại tỏ ra khó tính một cách thái quá. Tất nhiên là viết hồi ký về những người mà ta đã biết trong thời niên thiếu là một chuyện còn sáng tác ra một câu chuyện với những nhân vật tưởng tượng lại là chuyện khác. Tiểu thuyết của Peter dài quá. Anh ta đã thả mình quá trong việc miêu tả và sự hài hước của anh ta thì vẫn thô thiển như xưa. Tuy nhiên anh ta đã rất khéo léo tái tạo thời gian và trong cốt truyện thơ mộng vẫn có cái run rẩy của niềm đam mê thật sự mà tôi đã từng rất thích trong cuốn sách đầu.

Sau bữa ăn tối ấy tôi đã không gặp lại La Falterona trong hơn một năm liền. Bà ấy đã có một cuộc lưu diễn dài ở Châu Mỹ la tinh và chỉ trở lại nhà nghỉ bờ biển vào cuối mùa hè. Một hôm bà ta mời tôi dùng bữa tối nhẹ. Chỉ có chúng tôi và thư ký của bà ta. Đó là một phụ nữ người Anh, tên là Glaser, La Falterona đối xử với cô ấy một cách thậm tệ, luôn miệng chửi thề nhưng lại rất cần cô ta. Cô Glaser là một người kì quặc, khoảng hơn 50 tuổi, mặt nhăn nheo vàng vọt như là bị bỏ đói. Cô ta biết tất cả mọi chuyện về La Falterona, vừa tôn thờ lại vừa căm ghét bà ấy.

Sau lưng bà, cô thư ký luôn sẵn sàng nhạo báng và trò nhại La Falterona trước đám hâm mộ của bà ta thì là một trong những vở hài kịch hay nhất mà tôi chưa bao giờ được xem. Thế nhưng cô Glaser lại chăm sóc bà với sự ân cần của một người mẹ. Khi thì ngọt ngào khi thì gay gắt, chính cô ta là người giúp cho La Falterona vẫn còn cư xử như một con người. Và cũng chính cô ấy là người viết những hồi ký huyền hoặc về bà ca sĩ opera này.

Tối hôm đó La Falterona vận một bộ pyjama xanh nhạt bằng vải sa tanh (bà ta rất thích chất liệu này) và đội một mũ trùm bằng nhung xanh – có lẽ là để bảo vệ mái tóc. Ngoài một vài cái nhẫn, một vòng cổ ngọc trai, một hai vòng đeo tay và một chiếc ghim kim cương cài ngang eo, bà ta không đeo nữ trang gì khác. Bà ta có rất nhiều điều để kể cho tôi nghe về chuyến lưu diễn thành công ở Châu Mỹ La tinh. Bà ta kể không ngớt rằng chưa bao giờ giọng bà lại hay đến thế, chưa bao giờ khán giả hoan hô nhiệt liệt đến thế, các nhà hát đã được đặt trước một thời gian dài, bà ta đã kiếm được rất nhiều tiền,...

— Đúng vậy không, Glaser? Maria hỏi lớn với một giọng Nam Mỹ rất nặng.

— Nhìn chung là đúng, cô Glaser trả lời.

La Falterona có thói quen khó chịu là gọi thư ký của mình bằng tên họ. Nhưng từ lâu rồi người phụ nữ đáng thương chẳng chú tâm đến điều ấy nữa.

— Người đàn ông mà chúng ta đã gặp ai ở Buenos Aires là ai ấy nhỉ?

— Ai cơ?

— Đừng làm ra vẻ ngốc nghếch thế, Glaser! Tôi biết là cô còn nhớ đấy. Cái ông mà tôi đã từng lấy làm chồng ấy.

— Pepe Zapata, - cô Glaser trả lời cụt lủn.

— Hẳn ta chẳng có xu dính túi và còn bạo gan xin tôi trả lại cho hẳn chiếc vòng nạm kim cương hẳn đã tặng tôi. Hẳn nói đó là của mẹ hẳn.

— Trả lại hần chiếc vòng đó thì bà cũng có chết đâu. Cô Glaser nói. Có bao giờ bà đeo nó đâu.

— Trả lại? La Falterona kêu lên, bà ta ngạc nhiên đến mức chuyển sang nói giọng Anh chuẩn. Trả nó lại cho hần ta ư? Cô điên hay sao đấy?

La Falterona nhìn cô Glaser như thể muốn cô ấy lên cơn động kinh ngay tại chỗ. Bà ta đứng dậy và rời khỏi bàn – lúc đó chúng tôi đã ăn xong.

— Chúng ta hãy ra ngoài đi. Nếu như tôi không phải là người rất kiên nhẫn thì tôi đã cho cô ta thôi việc từ lâu rồi.

La Falterona và tôi đi ra ngoài còn cô Glaser thì ở lại trong nhà. Chúng tôi ra ngồi ngoài hiên nhà. Trong vườn có một cây thông tuyết rất đẹp, những cành cây đen nổi rõ trên bầu trời đầy sao. Biển ngay gần sát dưới chân chúng tôi yên ả tuyệt vời. Đột nhiên La Falterona giật mình:

— Teo nữa thì tôi quên. Glaser, thật là ngớ ngẩn, tại sao cô ta lại không nhắc tôi cơ chứ? Tôi rất giận ông đấy.

—Ồ thế thì tôi phải mừng vì bà đã chỉ nhớ ra chuyện ấy sau bữa ăn đấy.

— Anh bạn của ông và cuốn sách của anh ta!

— Anh bạn nào và cuốn sách nào? Tôi không hiểu La Falterona muốn nói đến chuyện gì.

— Đừng có giả vờ như thế! Anh bạn trẻ lấu cá, dáng vẻ dị dạng mặt láng bóng ấy. Anh ta đã viết một cuốn sách về tôi.

— A, tôi nhớ rồi. Peter Melrose. Nhưng người trong truyện của anh ta không phải là bà đâu.

— Này đừng có mà gạt tôi. Anh ta đã dám gửi sách cho tôi.

— Chắc là bà đã lịch sự trả lời anh ta.

— Ông tưởng rằng tôi có thời gian viết cho tất cả những người gửi cho tôi những cuốn sách vợ vắn của họ hay sao? Có lẽ là Glaser đã trả lời anh ta. Ông không có quyền mời tôi đến ăn tối với anh ta như thế. Tôi đã đến chỉ vì tôi nghĩ ông muốn gặp

tôi. Tôi thật không ngờ mình đã bị lợi dụng như vậy. Thật đáng buồn nếu như người ta không còn có thể tin vào phép lịch sự của ngay cả những người bạn thân nhất nữa. Tôi sẽ không bao giờ ăn tối cùng ông nữa đâu. Không bao giờ, không bao giờ!

Cảm thấy rằng La Falterona đang sắp sửa nổi giận ghê gớm tôi vội vàng ngắt lời bà ta trước khi quá muộn:

— Coi nào, bà bạn thân mến, bà hiểu sai rồi. Trước hết nhân vật ca sĩ opera, tôi đồ rằng bà muốn nói đến nhân vật ấy...

— Thế chẳng lẽ ông tưởng tôi nói đến nhân vật cô hầu hay sao?

— Được rồi. Nhân vật nữ ca sĩ đã được phác thảo trước cuộc gặp gỡ của chúng ta và hơn nữa cô ta cũng chẳng giống bà chút nào cả.

— Sao lại không? Tất cả bạn bè đều đã nhận ra tôi. Đó đúng là bức chân dung của tôi mà.

— Marie! Tôi phản đối.

— Tôi tên là Maria và ông biết rất rõ điều đó. Nếu gọi tôi như thế quá khó đối với ông thì hãy gọi tôi là Bà Falterona hay Công Chúa.

Tôi làm ra vẻ không nghe thấy gì.

— Thế bà đã đọc cuốn sách đó chưa?

— Tất nhiên là rồi chứ. Tất cả mọi người ai cũng bảo là cuốn sách đó nói về tôi.

— Nhưng nhân vật trong truyện mới chỉ hai mươi tuổi.

— Những phụ nữ như tôi không có tuổi.

— Cô ấy rất giỏi âm nhạc, hiền như chim bồ câu, tốt như bánh mì, thật thà trung thực, vô tư. Bà nghĩ rằng bà là như thế sao?

— Thế ông thấy tôi thế nào?

— Nghiệt ngã, tàn nhẫn, mưu mô và ích kỷ, thời nay chẳng còn ai như bà.

Bà ta ném cho tôi một câu chửi thề mà bình thường một người phụ nữ có giáo dục không bao giờ nói đối với một người đàn ông, mặc dù có nhiều tật xấu, nhưng cũng không bao giờ làm mất danh dự của mẹ mình. Tuy nhiên, mặc dù ánh mắt bà ta có loé lên một chút tôi không cảm thấy là bà ta nổi giận. Bà ta đã coi lời tôi vừa nói như là một lời khen.

— Thế còn chuyện chiếc vòng ngọc lục thì ông giải thích thế nào? Ông sẽ lại chối là không phải là ông nói cho anh ta biết ư?

Câu chuyện chiếc vòng ngọc lục là như thế này:

La Falterona đã từng có một mối tình say mê với một hoàng tử một nước lớn và vị hoàng tử đã tặng bà ta một chiếc vòng ngọc lục rất có giá trị. Một buổi tối họ cãi nhau, đã có những lời không hay và khi vị hoàng tử nói đến chiếc vòng La Falterona giật nó ra và ném ngay vào lửa. Thấy vậy, hoàng tử, vốn bản tính rất keo kiệt kêu lên hốt hoảng và vội vàng quỳ xuống bới than để tìm chiếc vòng. La Falterona kinh bỉ nhìn ông ta lăn bò dưới đất. Bà ta cũng rất keo kiệt nhưng lại rất coi thường tính tiết kiệm của người khác.

Rồi bà ta kết thúc câu chuyện bằng một câu khẳng định:

— Sau chuyện đó tôi không thể nào yêu ông ta được nữa.

Peter Melrose đã rất thích giai thoại đó và đã đưa vào tiểu thuyết của mình.

— Tôi đã gửi gắm cho ông bí chuyện của tôi và tôi chưa bao giờ kể nó cho ai khác. Không ngờ ông lại phụ sự tin tưởng của tôi. Ông và cả anh bạn của ông nữa thật quá đáng, tôi không thể nào bỏ qua chuyện này được.

— Nhưng tôi đã từng thấy bà kể chuyện này ra cả hơn chục lần rồi. Hơn nữa, Florence Montgomerie đã kể chuyện tương tự giữa bà ấy và hoàng tử Rudolf. Đó là một trong những giai thoại mà bà ta thích nhất. Lola Montez cũng nói như thế về mình và Chúa vùng Baviere và tôi dám chắc rằng Nell Gwyn và vua Charles II cũng vậy. Câu chuyện này xưa như trái đất rồi.

La Falterona hơi sững lại nhưng lấy lại bình tĩnh rất nhanh chóng:

— Chuyện xảy ra nhiều lần thì cũng có gì lạ đâu. Ai mà chả biết rằng phụ nữ thì đam mê còn đàn ông thì keo kiệt. Nếu ông không tin thì tôi có thể cho ông xem chiếc vòng ấy. Tất nhiên là tôi đã phai cho sửa lại nó.

— Trong chuyện của Lola Montez thì đó là một chuỗi ngọc trai - tôi châm biếm - chắc là nó đã bị hỏng nặng rồi.

— Ngọc trai ư? - Bà ta kêu lên với một nụ cười rất tươi như thường lệ - Tôi đã kể cho ông nghe về Benjy Reseinbaum và cái vòng ngọc trai chưa? Ông có thể lấy nó để viết một chuyện ngắn đấy.

Benjy Reisenbaum là một người vô cùng giàu có và tất cả mọi người đều biết rằng ông ta đã là người tình của La Falterona trong một thời gian dài. Ngôi nhà sang trọng mà bà ta đang ở cũng chính là do ông ta mua.

— Ông ta đã tặng tôi một chiếc vòng cổ rất đẹp, khi đó tôi đang diễn ở Metropolitan, New York. Sau đó đã cùng về Châu Âu với tôi. Ông không biết ông ấy phải không?

— Không.

— Nhìn chung ông ấy rất tử tế nhưng lại có máu ghen kinh khủng. Trên tàu đi về chúng tôi đã cãi nhau to chỉ vì có một sĩ quan trẻ người Ý đã đi cạnh tôi mà ông ấy thấy là gần gũi quá. Chúa cũng biết rằng tôi là người dễ tính nhất trên đời nhưng dẫu sao thì tôi cũng nhất định không thể để một gã đàn ông ngược đãi tôi được. Tôi phải giữ danh dự của tôi chứ. Tôi đã đuổi ông ta đi, ông hiểu ý tôi chứ, và ông ta đã dám tát tôi! Chẳng cần nói ông cũng biết được lúc đó tôi tức như thế nào. Tôi giật ngay chiếc vòng đeo trên cổ và ném xuống biển. "Cái vòng đó trị giá năm mươi nghìn đô la đấy" - ông ta lắp bắp. Tôi thực sự khinh thường ông ta. "Giá của nó là tình yêu của tôi dành cho ông đấy!" tôi nói rồi quay gót ngay.

— Bà đã hành động thật đại dốt.

— Tôi đã không thèm nói chuyện với ông ta trong suốt hai tư giờ đồng hồ. Ông ta đã phải quỳ xuống nì nèo xin lỗi mãi. Về đến Paris, việc đầu tiên à ông ta đến cửa hàng Cartier mua cho tôi một chiếc vòng khác cũng đẹp không kém.

Quay sang tôi với một nụ cười tinh quái bà ta nói tiếp:

— Ông nói tôi ngốc nghếch đúng không? Thực ra tôi đã gửi chiếc vòng thật ở một ngân hàng New York bởi tôi biết rằng mùa sau tôi sẽ lại quay trở lại. Chiếc vòng mà tôi vớt xuống biển chỉ là đồ nhái thôi.

Bà ta phá lên cười vui như một đứa trẻ. Những trò đùa như vậy luôn làm cho bà ta rất thích thú.

— Đàn ông các ông thật khờ khạo - bà ta vừa lấy lại hơi vừa nói - ông cũng tưởng tôi đã vớt cái vòng thật ư?

La Falterona lại phá lên cười. Bà ta thực sự rất vui. Và khi thôi cười bà gọi vọng vào nhà:

— Tôi muốn hát, Glaser, hãy đệm đàn cho tôi đi.

Tiếng Glaser trả lời:

— Sao lại hát bây giờ? Bà vừa mới ăn no xong mà.

— Đồ phù thủy! Hãy im miệng đi, tôi nói cô chơi nhạc cơ mà.

Không có tiếng cô Glaser trả lời và một lát sau cô ta bắt đầu chơi mấy nhịp dạo đầu của một bản cantat của Schumann - một bài dễ hát và tôi nghĩ rằng cô Glaser đã cố ý chọn bài này. La Falterona bắt đầu hát, ban đầu chỉ hát nho nhỏ rồi, khi cảm thấy giọng mình vẫn ổn, bà ta bắt đầu hát thoải mái hơn. Bài hát kết thúc. Cô Glaser cảm thấy La Falterona rất vui và vẫn muốn hát tiếp. Lúc đó bà ta đang đứng dựa vào cửa sổ quay lưng lại phía phòng khách, ngắm nhìn mặt biển lấp lánh và bóng cây thông tuyết in lên bầu trời. Buổi tối thật êm đềm và thơ mộng. Cô Glaser nhấn tiếp vài nốt nhạc. Tôi khẽ rùng mình và La Falterona cũng hơi giật mình và khi nhận ra nốt nhạc tôi cảm thấy như bà ta trầm lắng xuống:

“Nhẹ nhàng và êm dịu, anh ấy cười
Như đôi mắt anh ấy mở.”

Đoạn nhạc viết về cái chết của Yseult. Chưa bao giờ La Falterona hát nhạc của Wagner, có lẽ do sợ phải gắng sức nhưng có lẽ bà ta đã hát đoạn này trong các buổi biểu diễn rồi. Mặc dù rằng lúc này bà chỉ có tiếng piano trong vắt làm nhạc đệm nhưng, trong khung cảnh thơ mộng của đêm nay, tiếng hát thật tuyệt vời. Âm hưởng tuyệt diệu của đoạn nhạc tràn vào không gian tĩnh lặng, giữa bầu trời đầy sao và lan ra trên mặt nước. Chất giọng của La Falterona thật tuyệt vời, mượt mà và trong vắt, bà đã hát với cảm xúc sâu lắng, với biết bao thiết tha và với một cái gì đó rất đẹp nhưng rất buồn làm cho trái tim tôi vỡ ra vì xúc động. Khi La Falterona ngưng hát tôi cảm thấy họng mình ứ nghẹn và nhận thấy dòng nước mắt đang chảy tràn trên mặt bà. Tôi không muốn nói gì và La Falterona cũng đứng im lặng lẽ ngắm nhìn mặt biển.

Thật là một phụ nữ đặc biệt! Lúc đó, ngay cả với tất cả những tính xấu kinh khủng của bà ấy, tôi cảm thấy bà ấy dễ mến hơn biết bao so với cái hình mẫu lý tưởng mà Peter Melrose đã xây dựng lên. Mọi người vẫn trách tôi thường dễ cảm thông với những người xấu trên mức có thể chấp nhận được. Đúng là bà ta có đáng ghét, nhưng thật quyến rũ biết bao!

★ ★ ★

Chú thích

- [1] Vạn sự khởi đầu nan.
- [2] Chào cả nhà.
- [3] Phải đau khổ mà thôi.
- [4] Vì nhiều lý do không tiện nói, dịch giả đã mạo phép sửa đổi mấy chữ trong nguyên bản.
- [5] Khu phố ăn chơi của những hạng người giàu có ở Luân Đôn.
- [6] Danh từ dùng trong lối chơi Bridge, có nghĩa là toàn thắng luôn cả 13 con bài.
- [7] Ôi thời thế! Ôi phong tục!
- [8] Trúng cá ướp muối.
- [9] Một tộc người thuộc vùng cận đông.